Kaiser Permanente Dual Complete (HMO D-SNP)

Danh Mục Thuốc Đầy Đủ 2027

Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ (*Danh Sách Thuốc* hoặc Danh Mục Thuốc)

VUI LÒNG ĐỌC: TÀI LIỆU NÀY CHỨA THÔNG TIN VỀ THUỐC CHÚNG TÔI ĐÀI THỌ TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÀY

Chúng tôi đã cập nhật *Danh Sách Thuốc* này vào 10/01/2026.

Để biết thêm thông tin gần đây hoặc được giải đáp thắc mắc khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi theo số **1-800-805-2739** (TTY **711**), 7 ngày một tuần, từ 7 giờ 45 sáng đến 8 giờ tối hoặc truy cập **kp.org/seniorrx**.

Lưu ý đối với các hội viên đã tham gia từ trước: Danh mục thuốc này đã thay đổi kể từ năm ngoái. Vui lòng xem lại tài liệu này để đảm bảo tài liệu vẫn có các thuốc quý vị dùng.

KAISER PERMANENTE®
H2704_27HILOCFIDE_C
PBP#s: 015, 016
4495465914_HI-SNP_VI 10/2026
HPMS Approved Formulary File Submission ID 00027360, Version 8

Phần Giới Thiệu

Tài liệu này được gọi là *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* (hay còn được biết đến là *Danh Sách Thuốc*). Tài liệu này cho quý vị biết những loại thuốc và thuốc không cần toa (over-the-counter, OTC) được Kaiser Permanente Dual Complete đài thọ. *Danh Sách Thuốc* còn cho quý vị biết liệu có quy tắc hay quy định hạn chế đặc biệt nào áp dụng cho những loại thuốc được Kaiser Permanente Dual Complete đài thọ hay không. Các thuật ngữ chính cùng định nghĩa có ở chương cuối của *Chứng Từ Bảo Hiểm*.

Khi *danh sách thuốc* này (danh mục thuốc) đề cập đến "chúng tôi" hoặc "của chúng tôi", nghĩa là nói đến Kaiser Permanente. Khi đề cập đến "chương trình" hoặc "chương trình của chúng tôi" thì tức là nói đến Kaiser Permanente Dual Complete.

Thông thường, quý vị phải sử dụng nhà thuốc trong mạng lưới thì mới được hưởng quyền lợi thuốc. Danh mục thuốc và mạng lưới nhà thuốc có thể thay đổi bất cứ lúc nào. Quý vị sẽ nhận được thông báo khi cần thiết.

Mục Lục

Danh Mục Thuốc Đầy Đủ 2027 1

Phần Giới Thiệu 2

Mục Lục 2

A. Tuyên bố không chịu trách nhiệm 4

B. Những Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ) 6

B1. Những loại thuốc nào có trong *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ*? (Chúng tôi gọi tắt *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* là *Danh Sách Thuốc*.) 6

B2. *Danh Sách* Thuốc có bao giờ thay đổi không? 6

B3. Điều gì sẽ xảy ra khi *Danh Sách Thuốc* thay đổi? 7

B4. Có hạn chế hoặc giới hạn nào về phạm vi bảo hiểm thuốc hay có hành động nào phải thực hiện để mua một số loại thuốc nhất định không? 9

B5. Làm cách nào để biết loại thuốc tôi muốn dùng có giới hạn hoặc có hành động nào phải thực hiện để mua loại thuốc đó hay không? 9

B6. Điều gì sẽ xảy ra nếu Kaiser Permanente thay đổi quy tắc về cách đài thọ một số loại thuốc (ví dụ: sự cho phép trước)?....9

B7. Làm cách nào để tìm thấy một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc*?....10

B8. Nếu loại thuốc tôi muốn dùng không có trong *Danh Sách Thuốc* thì sao?....10

B9. Nếu tôi là hội viên mới của Kaiser Permanente Dual Complete và không tìm được thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc* hoặc gặp khó khăn khi mua thuốc thì phải làm sao?....10

B10. Tôi có thể yêu cầu ngoại lệ để được đài thọ cho thuốc của mình không?....11

B11. Làm cách nào để yêu cầu ngoại lệ?....12

B12. Mất bao lâu để được xem xét ngoại lệ?....12

B13. Thuốc gốc là gì?....13

B14. Sản phẩm sinh học gốc là gì và liên quan như thế nào đến thuốc tương tự sinh học?....13

B15. Thuốc OTC là gì?....13

B16. Kaiser Permanente Dual Complete có đài thọ cho lượng thuốc theo toa dài hạn không?....13

B17. Nhà thuốc tại địa phương có giao thuốc theo toa đến tận nhà không?....14

B18. Tiền đồng trả của tôi cho thuốc theo toa Medicare Phần D là bao nhiêu?....14

B19. Vắc-xin là gì?....14

B20. Thuốc bậc chuyên khoa là gì?....15

C. Tổng quan về *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ*....16

C1. Danh Sách Thuốc theo Bệnh Trạng....16

D. Chỉ Mục Thuốc Được Đài Thọ....117

A. Tuyên bố không chịu trách nhiệm

Đây là danh sách các loại thuốc mà hội viên có thể nhận được trong chương Kaiser Permanente Dual Complete của chúng tôi.

Hình Thức Hỗ Trợ cho Người Khuyết Tật

Kaiser Permanente cam kết cung cấp các cơ sở, dịch vụ và chương trình dễ tiếp cận cho tất cả các hội viên, khách thăm và người khuyết tật. Để tuân thủ luật liên bang và tiểu bang nghiêm cấm hành vi phân biệt đối xử vì tình trạng khuyết tật, Kaiser Permanente cung cấp: phòng khám và thiết bị y khoa dễ tiếp cận; phương tiện và dịch vụ phụ trợ miễn phí để đảm bảo việc trao đổi thông tin hiệu quả với những người có khuyết tật liên quan đến thính giác, thị lực, nhận thức và/hoặc giao tiếp, bao gồm dịch vụ thông dịch viên ngôn ngữ ký hiệu có trình độ chuyên môn và tài liệu thông tin ở các định dạng thay thế (bản in chữ cỡ lớn, chữ nổi Braille, tệp âm thanh hoặc tệp dữ liệu, tài liệu dạng PDF hoặc Microsoft Word dễ tiếp cận hoặc văn bản điện tử); và cho phép sử dụng động vật hỗ trợ, trừ trường hợp động vật hỗ trợ đó gây ra (những) rủi ro đáng kể về sức khỏe hoặc an toàn cho người khác.

Để biết thêm thông tin về quyền tiếp cận một cơ sở hoặc nhà cung cấp cụ thể hoặc nếu quý vị cho rằng Kaiser Permanente đã không cung cấp quyền tiếp cận hoặc dịch vụ thích hợp hoặc phân biệt đối xử dựa trên tình trạng khuyết tật, vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch Vụ Hội Viên theo số điện thoại miễn cước 1-800-805-2739 (TTY 711), 7 ngày một tuần, từ 7 giờ 45 sáng đến 8 giờ tối. Quý vị cũng có thể liên hệ hoặc nộp đơn phàn nàn với Điều Phối Viên Dân Quyền của Kaiser Permanente trực tiếp, qua đường bưu điện, điện thoại, fax hoặc email đến địa chỉ: 711 Kapiolani Blvd, Honolulu, Hawaii 96813; Điện thoại: **808-432-5330** hoặc gọi số miễn cước **1-800-651-2237**; TTY **711**; Fax: **808-432-5300**; Email: **civil-rights-coordinator@kp.org**

- Bất chấp tính sẵn có và việc sử dụng thủ tục phàn nàn của Kaiser Permanente, quý vị vẫn có thể nộp đơn than phiền về hành vi phân biệt đối xử vì tình trạng khuyết tật cho Sở Y Tế và Dịch Vụ Nhân Sinh Hoa Kỳ, Văn Phòng Dân Quyền hoặc Ủy Ban Dân Quyền Hawaii.
- Quý vị luôn có thể kiểm tra trực tuyến *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* cập nhật của Kaiser Permanente Dual Complete tại **kp.org/seniorrx** hoặc gọi cho Dịch Vụ Hội Viên theo số 1-800-805-2739 (TTY 711), 7 ngày một tuần, từ 7 giờ 45 sáng đến 8 giờ tối. Cuộc gọi này được miễn cước.
- Quý vị có thể nhận miễn phí tài liệu này ở các định dạng khác, như bản in chữ cỡ lớn, chữ nổi Braille, tệp âm thanh hoặc tệp dữ liệu. Gọi cho Dịch Vụ Hội Viên theo số 1-800-805-2739 (TTY 711), 7 ngày một tuần, từ 7 giờ 45 sáng đến 8 giờ tối. Cuộc gọi này được miễn cước.
- Tài liệu này có sẵn miễn phí bằng Tiếng Trung, Tiếng Ilocano, Tiếng Hàn và Tiếng Việt.

Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi Dịch Vụ Hội Viên theo số **1-800-805-2739** (TTY 711), 7 ngày một tuần, 7 giờ 45 sáng đến 8 giờ tối. Số điện thoại này được miễn cước. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập kp.org/medicare.

- Để yêu cầu *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* của Kaiser Permanente Dual Complete ở dạng bản cứng, vui lòng gọi cho Dịch Vụ Hội Viên theo số 1-800-805-2739 (TTY 711), 7 ngày một tuần, từ 7 giờ 45 sáng đến 8 giờ tối. Kaiser Permanente sẽ gửi miễn phí bản in *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* cho quý vị trong vòng ba (3) ngày làm việc kể từ khi quý vị yêu cầu. Kaiser Permanente có thể sẽ hỏi xem quý vị yêu cầu bản giấy chỉ một lần này hay từ nay về sau quý vị luôn muốn nhận *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* dạng bản cứng.
    - Nếu quý vị yêu cầu luôn nhận bản cứng *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* thì yêu cầu của quý vị sẽ được giữ nguyên cho đến khi quý vị rời khỏi Kaiser Permanente Dual Complete hoặc yêu cầu ngừng cung cấp bản cứng.
    - Để cập nhật các lựa chọn của quý vị về ngôn ngữ hoặc định dạng thay thế, hãy gọi Dịch Vụ Hội Viên theo số 1-800-805-2739 (TTY 711), 7 ngày một tuần, từ 7 giờ 45 sáng đến 8 giờ tối. Quý vị có thể chỉ định xem quý vị đang thực hiện yêu cầu thường xuyên hay yêu cầu một lần.
- Kaiser Permanente là chương trình D-SNP của Tổ Chức Bảo Trì Sức Khỏe (Health Maintenance Organization, HMO) có hợp đồng với Medicare và chương trình Medicaid của tiểu bang. Quy trình ghi danh với Kaiser Permanente tùy thuộc vào việc gia hạn hợp đồng.

B. Những Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ)

Hãy tìm câu trả lời cho những thắc mắc của quý vị về *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ (Danh Sách Thuốc)*. Quý vị có thể đọc toàn bộ phần Những Câu Hỏi Thường Gặp (Frequently Asked Question, FAQ) để tìm hiểu thêm hoặc tìm câu hỏi và câu trả lời.

B1. Những loại thuốc nào có trong *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ*? (Chúng tôi gọi tắt *Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ* là *Danh Sách Thuốc*.)

Các loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* bắt đầu từ **Mục C** là những loại thuốc được Kaiser Permanente Dual Complete đài thọ. Thuốc có sẵn tại các nhà thuốc trong mạng lưới của chúng tôi. Nhà thuốc sẽ thuộc mạng lưới của chúng tôi nếu có thỏa thuận hợp tác với chúng tôi và cung cấp dịch vụ cho quý vị. Chúng tôi gọi những nhà thuốc này là "nhà thuốc trong mạng lưới".

- Kaiser Permanente Dual Complete sẽ đài thọ cho tất cả các loại thuốc cần thiết về mặt y tế trong *Danh Sách Thuốc* nếu:
    - bác sĩ của quý vị hoặc bác sĩ kê toa khác cho biết quý vị cần những loại thuốc này để hồi phục hoặc duy trì sức khỏe,
    - chúng tôi đồng ý rằng thuốc đó cần thiết về mặt y tế đối với quý vị, **và**
    - quý vị mua thuốc theo toa tại một nhà thuốc trong mạng lưới của Kaiser Permanente.
- Trong một số trường hợp, quý vị phải đáp ứng một số điều kiện thì mới có thể mua thuốc. Tham khảo câu hỏi B4 để biết thêm thông tin.

Quý vị cũng có thể tìm danh sách cập nhật các loại thuốc mà chúng tôi đài thọ trên trang mạng của chúng tôi tại **kp.org/seniorrx** hoặc gọi cho Dịch Vụ Hội Viên theo số điện thoại được nếu ở cuối trang này.

B2. *Danh Sách* Thuốc có bao giờ thay đổi không?

Có, chúng tôi phải tuân theo các quy tắc của Medicare và Medicaid khi thực hiện thay đổi. Trong suốt cả năm, chúng tôi có thể thêm hoặc loại bỏ các loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc*.

Chúng tôi cũng có thể thay đổi các quy tắc của chúng tôi về thuốc. Ví dụ: chúng tôi có thể:

- Quyết định có yêu cầu hay không yêu cầu sự cho phép trước đối với một loại thuốc. (Sự cho phép trước là sự cho phép của chúng tôi trước khi quý vị có thể nhận thuốc.)

Để biết thêm thông tin liên quan đến các quy tắc về thuốc này, hãy tham khảo câu hỏi B4.

Nếu quý vị đang dùng một loại thuốc mà được đài thọ tại thời điểm **bắt đầu** trong năm, chúng tôi thường sẽ không loại bỏ hoặc thay đổi phạm vi bảo hiểm của loại thuốc đó **trong thời gian còn lại của năm** trừ khi:

- có một loại thuốc mới, rẻ hơn trên thị trường, mang lại hiệu quả tốt tương tự một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* hiện có, **hoặc**
- chúng tôi phát hiện một loại thuốc không an toàn, **hoặc**
- một loại thuốc bị loại bỏ khỏi thị trường.

Câu hỏi B3 và B6 cung cấp thêm thông tin về những điều sẽ xảy ra khi *Danh Sách Thuốc* thay đổi.

- Quý vị luôn có thể kiểm tra trực tuyến *Danh Sách Thuốc* cập nhật của Kaiser Permanente Dual Complete tại **kp.org/seniorrx**. Chúng tôi đăng tải thông tin cập nhật đối với *Danh Sách Thuốc* trên trang mạng hàng tháng.
- Quý vị cũng có thể gọi tới Dịch Vụ Hội Viên theo số ở cuối trang này để kiểm tra *Danh Sách Thuốc* hiện tại.

B3. Điều gì sẽ xảy ra khi *Danh Sách Thuốc* thay đổi?

Một số thay đổi đối với *Danh Sách Thuốc* sẽ có hiệu lực **ngay lập tức**. Ví dụ:

- **Chuyển sang một số phiên bản thuốc mới.** Chúng tôi có thể lập tức loại bỏ các loại thuốc khỏi *Danh Sách Thuốc* nếu chúng tôi thay thế bằng một số phiên bản mới của loại thuốc đó. Khi bổ sung phiên bản mới của một loại thuốc, chúng tôi cũng có thể sẽ quyết định giữ lại loại thuốc biệt dược đó hoặc sản phẩm sinh học gốc trong danh sách nhưng thay đổi các quy tắc về phạm vi bảo hiểm hoặc giới hạn của sản phẩm đó.
    - Chúng tôi có thể không thông báo cho quý vị biết trước khi chúng tôi thực hiện thay đổi này, nhưng chúng tôi sẽ gửi cho quý vị thông tin về thay đổi cụ thể mà chúng tôi đã thực hiện.
    - Chúng tôi chỉ có thể thực hiện những thay đổi này nếu thuốc được thêm vào danh sách:
        - là phiên bản thuốc gốc mới của một loại thuốc biệt dược hoặc
        - là một phiên bản thuốc sinh học tương tự mới nhất định của sản phẩm sinh học gốc trong *Danh Sách Thuốc* (ví dụ: thêm một loại thuốc sinh học tương tự có thể hoán đổi và có thể thay thế cho một sản phẩm sinh học gốc mà không cần toa thuốc mới).

– Một số trong những loại thuốc này có thể là thuốc mới đối với quý vị. Để biết thêm thông tin, tham khảo **Mục B14**.

- Quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị có thể yêu cầu một ngoại lệ đối với những thay đổi này. Chúng tôi sẽ gửi cho quý vị một thông báo kèm theo các bước quý vị có thể thực hiện để yêu cầu ngoại lệ. Vui lòng tham khảo câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về ngoại lệ.

- **Loại bỏ các loại thuốc không an toàn và các loại thuốc khác bị ngừng lưu hành trên thị trường.** Đôi khi một loại thuốc có thể được phát hiện là không an toàn hoặc bị đưa ra khỏi thị trường vì một lý do khác. Nếu điều này xảy ra, chúng tôi có thể ngay lập tức xóa thuốc này khỏi *Danh Sách Thuốc*. Nếu quý vị đang dùng thuốc đó, chúng tôi sẽ gửi thông báo cho quý vị sau khi chúng tôi thực hiện thay đổi. Nếu nhận được thông báo, quý vị có thể trao đổi với bác sĩ về các lựa chọn thay thế.

Chúng tôi có thể thực hiện các thay đổi khác ảnh hưởng đến loại thuốc quý vị dùng. Chúng tôi sẽ thông báo trước cho quý vị nếu thực hiện những thay đổi khác này đối với *Danh Sách Thuốc*. Những thay đổi này có thể xảy ra nếu:

- Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) cung cấp hướng dẫn mới hoặc có các hướng dẫn lâm sàng mới về một loại thuốc.

- Chúng tôi loại bỏ một loại thuốc biệt dược khỏi *Danh Sách Thuốc* khi thêm một loại thuốc gốc đang lưu hàng trên thị trường, *hoặc*

- chúng tôi loại bỏ một sản phẩm sinh học gốc khi thêm một loại thuốc sinh học tương tự, *hoặc*

- chúng tôi thay đổi các quy tắc hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm đối với thuốc biệt dược.

Khi những thay đổi này xảy ra, chúng tôi sẽ:

- thông báo cho quý vị biết ít nhất 30 ngày trước khi chúng tôi thực hiện thay đổi đối với *Danh Sách Thuốc* **hoặc**

- thông báo cho quý vị biết và cung cấp cho quý vị một lượng thuốc đủ dùng trong 30 ngày sau khi quý vị yêu cầu lấy thêm thuốc theo toa.

Điều này sẽ giúp quý vị có thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc bác sĩ kê toa khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem:

- liệu có một loại thuốc tương tự trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi mà quý vị có thể dùng thuốc đó để thay thế **hoặc**

Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi Dịch Vụ Hội Viên theo số **1-800-805-2739** (TTY 711), 7 ngày một tuần, 7 giờ 45 sáng đến 8 giờ tối. Số điện thoại này được miễn cước. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập kp.org/medicare.

10/01/2026

- có nên yêu cầu ngoại lệ đối với những thay đổi này hay không. Để tìm hiểu thêm về các trường hợp ngoại lệ, hãy tham khảo câu hỏi B10-B12.

B4. Có hạn chế hoặc giới hạn nào về phạm vi bảo hiểm thuốc hay có hành động nào phải thực hiện để mua một số loại thuốc nhất định không?

Có, một số loại thuốc có quy tắc về phạm vi bảo hiểm hoặc có giới hạn về lượng thuốc mà quý vị nhận được. Trong một số trường hợp, quý vị hay bác sĩ của quý vị hoặc bác sĩ kê toa khác phải thực hiện một số hành động thì quý vị mới có thể mua thuốc. Ví dụ:

- **Chấp thuận trước:** Đối với một số loại thuốc, quý vị hay bác sĩ của quý vị hoặc bác sĩ kê toa khác phải được Kaiser Permanente cho phép dựa trên các tiêu chí cụ thể thì quý vị mới có thể mua toa thuốc. Sự cho phép trước khác với sự giới thiệu. Chúng tôi có thể không đài thọ thuốc nếu quý vị không nhận được sự cho phép trước.

Quý vị có thể tìm hiểu xem thuốc của mình có bất kỳ yêu cầu hoặc giới hạn bổ sung nào hay không bằng cách tham khảo các bảng trong **Mục C**. Quý vị cũng có thể truy cập trang mạng của chúng tôi tại **kp.org/seniorrx** để xem thêm thông tin. Chúng tôi đã đăng trực tuyến một tài liệu giải thích hạn chế đối với sự cho phép trước *của chúng tôi.* Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi gửi cho quý vị một bản sao.

Quý vị có thể yêu cầu trường hợp ngoại lệ đối với những giới hạn này. Điều này sẽ giúp quý vị có thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc bác sĩ kê toa khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc tương tự nào trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể dùng thay thế hay không hoặc có nên yêu cầu ngoại lệ hay không. Tham khảo các câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

B5. Làm cách nào để biết loại thuốc tôi muốn dùng có giới hạn hoặc có hành động nào phải thực hiện để mua loại thuốc đó hay không?

Bảng trong mục có tiêu đề “Danh Sách Thuốc theo Bệnh Trạng” có một cột với tiêu đề “Yêu Cầu/Giới Hạn”.

B6. Điều gì sẽ xảy ra nếu Kaiser Permanente thay đổi quy tắc về cách đài thọ một số loại thuốc (ví dụ: sự cho phép trước)?

Trong một số trường hợp, chúng tôi sẽ thông báo trước cho quý vị nếu chúng tôi thay đổi quy tắc về sự cho phép trước đối với một loại thuốc. Tham khảo câu hỏi B3 để biết thêm thông tin về thông báo trước này và các trường hợp mà chúng tôi không thể thông báo trước cho quý vị khi các quy định của chúng tôi về thuốc trong *Danh Sách Thuốc* thay đổi.

B7. Làm cách nào để tìm thấy một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc*?

Có hai cách để tìm thuốc:

- quý vị có thể tìm kiếm theo thứ tự bảng chữ cái, **hoặc**
- quý vị có thể tìm kiếm theo bệnh trạng.

Để tìm kiếm **theo thứ tự bảng chữ cái**, hãy tìm thuốc của quý vị trong mục "Chỉ Mục Thuốc Được Đài Thọ". Chỉ mục này cung cấp danh sách tất cả các loại thuốc có trong tài liệu này theo thứ tự bảng chữ cái. Chỉ mục có liệt kê các loại thuốc gốc và thuốc gốc ưu tiên, thuốc biệt dược ưu tiên và thuốc không ưu tiên, thuốc bậc chuyên khoa, thuốc mua không cần toa (thuốc OTC) và vắc-xin. Hãy xem chỉ lục và tìm thuốc của quý vị. Bên cạnh thuốc của quý vị, quý vị sẽ thấy số trang nơi quý vị có thể tìm thấy thông tin phạm vi bảo hiểm. Lật tới trang được liệt kê trong chỉ mục và tìm tên thuốc của quý vị trong cột đầu tiên của danh sách.

Để tìm kiếm **theo bệnh trạng**, hãy tìm **Mục C1.** có tiêu đề "Danh Sách Thuốc theo Bệnh Trạng". Các loại thuốc trong mục này được nhóm theo danh mục, tùy thuộc vào loại bệnh trạng mà thuốc được dùng để điều trị. Ví dụ: nếu bị bệnh tim, quý vị nên tìm trong danh mục "Thuốc Tim Mạch". Đó là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

B8. Nếu loại thuốc tôi muốn dùng không có trong *Danh Sách Thuốc* thì sao?

Nếu quý vị không tìm thấy thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc*, hãy gọi cho Dịch Vụ Hội Viên theo số ở cuối trang này và hỏi thông tin về thuốc đó hoặc truy cập trang mạng của chúng tôi tại **kp.org/seniorrx** để xác nhận xem thuốc của quý vị có được đài thọ hay không. Nếu thấy rằng chúng tôi không đài thọ cho loại thuốc đó, quý vị có thể thực hiện một trong những hành động sau:

- Yêu cầu nhà cung cấp trong mạng lưới kê toa một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* có tác dụng tương tự với loại thuốc quý vị muốn dùng. **Hoặc**
- Yêu cầu chúng tôi xem xét ngoại lệ để đài thọ cho thuốc của quý vị. Tham khảo các câu hỏi B10-B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

B9. Nếu tôi là hội viên mới của Kaiser Permanente Dual Complete và không tìm được thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc* hoặc gặp khó khăn khi mua thuốc thì phải làm sao?

Chúng tôi có thể giúp đỡ quý vị. Chúng tôi có thể đài thọ cho lượng thuốc tạm thời đủ dùng trong 30 ngày trong 90 ngày đầu tiên quý vị trở thành hội viên của Kaiser Permanente Dual Complete. Điều này sẽ giúp quý vị có thời gian để nói chuyện với bác sĩ hoặc bác sĩ kê toa khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc tương tự nào trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể dùng thay thế hay không hoặc có nên yêu cầu ngoại lệ hay không.

Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi Dịch Vụ Hội Viên theo số **1-800-805-2739** (TTY 711), 7 ngày một tuần, 7 giờ 45 sáng đến 8 giờ tối. Số điện thoại này được miễn cước. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập kp.org/medicare.

Nếu toa thuốc của quý vị được kê toa ít ngày hơn, chúng tôi sẽ cho phép quý vị yêu cầu lấy thêm thuốc theo toa nhiều lần để cung cấp tối đa 30 ngày thuốc.

Chúng tôi sẽ đài thọ lượng thuốc đủ dùng trong 30 ngày cho thuốc của quý vị nếu:

- quý vị đang dùng một loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi, **hoặc**
- quy tắc của chương trình không cho phép quý vị mua lượng thuốc theo chỉ định của bác sĩ kê toa, **hoặc**
- thuốc cần có sự cho phép trước của Kaiser Permanente.

Nếu quý vị đang ở viện dưỡng lão hoặc cơ sở chăm sóc dài hạn khác và cần một loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc* hoặc nếu quý vị không thể dễ dàng mua được loại thuốc mình cần, chúng tôi có thể trợ giúp quý vị. Nếu quý vị đã tham gia vào chương trình hơn 90 ngày, sống trong một cơ sở chăm sóc dài hạn và cần một nguồn cung thuốc ngay lập tức:

- Chúng tôi sẽ đài thọ một lượng thuốc đủ dùng trong 31 ngày cho loại thuốc mà quý vị cần (trừ khi quý vị có toa thuốc cho số ngày ít hơn), cho dù quý vị có phải là hội viên mới của Kaiser Permanente Dual Complete hay không.
- Đây là quyền lợi bổ sung cho lượng thuốc tạm thời trong 90 ngày đầu tiên kể từ khi quý vị trở thành hội viên của Kaiser Permanente Dual Complete.

Nếu quý vị nhập viện hoặc xuất viện, cơ sở điều dưỡng chuyên môn hoặc cơ sở chăm sóc dài hạn đến một cơ sở hoặc nhà chăm sóc khác, đây được gọi là thay đổi mức độ chăm sóc. Khi cấp độ chăm sóc của quý vị thay đổi, quý vị có thể yêu cầu mua thêm thuốc. Thông thường, chúng tôi sẽ đài thọ lên tới lượng thuốc Phần D đủ dùng trong một tháng trong giai đoạn chuyển tiếp cấp độ chăm sóc này ngay cả khi loại thuốc đó không có trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi.

B10. Tôi có thể yêu cầu ngoại lệ để được đài thọ cho thuốc của mình không?

Có. Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi xem xét ngoại lệ để đài thọ cho loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc*.

Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi quy tắc về thuốc của quý vị.

- Ví dụ: chúng tôi có thể giới hạn lượng thuốc mình sẽ đài thọ. Nếu thuốc của quý vị có giới hạn, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi giới hạn và đài thọ nhiều hơn.
- Ví dụ khác: Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi bỏ yêu cầu về sự cho phép trước.

B11. Làm cách nào để yêu cầu ngoại lệ?

Để yêu cầu ngoại lệ, hãy gọi cho Dịch Vụ Hội Viên. Nhân viên của Dịch Vụ Hội Viên sẽ trao đổi với quý vị và bác sĩ kê toa của quý vị để giúp quý vị yêu cầu trường hợp ngoại lệ. Quý vị cũng có thể đọc **Chương 9 Mục 7.4** trong *Chứng Từ Bảo Hiểm* để tìm hiểu thêm về ngoại lệ.

B12. Mất bao lâu để được xem xét ngoại lệ?

Sau khi nhận được xác nhận ủng hộ yêu cầu ngoại lệ của quý vị từ bác sĩ kê toa, chúng tôi sẽ đưa ra quyết định trong vòng 72 giờ.

- Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi đài thọ một loại thuốc ngay cả khi loại thuốc đó không có trong *Danh Sách Thuốc của chúng tôi.* Nếu được chấp thuận, loại thuốc này sẽ được đài thọ ở mức chia sẻ chi phí được xác định trước và quý vị sẽ không thể yêu cầu chúng tôi cung cấp thuốc ở mức chia sẻ chi phí thấp hơn.

- Để phù hợp với quy trình ngoại lệ theo bậc của chúng tôi, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi đài thọ thuốc trong danh mục thuốc Phần D ở mức chia sẻ chi phí thấp hơn. Nếu được chấp thuận, quý vị sẽ phải trả ít hơn cho thuốc của mình. Lưu ý: Thuốc bậc chuyên khoa (Bậc 5) không đủ điều kiện được xem xét ngoại lệ theo bậc.

- Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi từ bỏ các hạn chế hoặc giới hạn bảo hiểm đối với thuốc của quý vị. Ví dụ: nếu thuốc của quý vị cần sự cho phép trước, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi từ bỏ yêu cầu cho phép trước đối với thuốc Phần D của quý vị.

Nói chung, chúng tôi sẽ chỉ chấp thuận yêu cầu ngoại lệ của quý vị nếu các thuốc thay thế có trong danh mục thuốc của chương trình, thuốc có mức chia sẻ chi phí thấp hơn hoặc việc áp dụng hạn chế sẽ không hiệu quả cho quý vị hoặc khiến quý vị gặp tác dụng phụ.

Xin lưu ý: Quý vị chỉ có thể yêu cầu một ngoại lệ đối với các thuốc được coi là thuốc theo toa của Medicare Phần D bởi Trung tâm Dịch vụ Medicare & Medicaid (CMS). Quý vị không thể nhận được một ngoại lệ đối với các thuốc bị loại trừ ở Medicare Phần D. Vui lòng tham khảo *Chứng Thực Bảo Hiểm* của quý vị để biết thêm thông tin về việc yêu cầu các ngoại lệ, bao gồm cả quy trình khiếu nại.

Nếu quý vị hoặc bác sĩ kê toa cho rằng sức khỏe của quý vị có thể bị tổn hại nếu phải đợi 72 giờ để nhận quyết định, quý vị có thể yêu cầu ngoại lệ cấp tốc. Đây là một quyết định nhanh hơn. Nếu bác sĩ kê toa ủng hộ yêu cầu của quý vị, chúng tôi sẽ đưa ra quyết định trong vòng 24 giờ sau khi nhận được xác nhận ủng hộ của bác sĩ kê toa.

B13. Thuốc gốc là gì?

Thuốc gốc được sản xuất từ các hoạt chất tương tự như thuốc biệt dược. Thuốc gốc thường có giá thấp hơn và nói chung sẽ có tác dụng tương tự như thuốc biệt dược. Thuốc gốc thường không có danh tiếng. Thuốc gốc được Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm (FDA) phê duyệt. Có thuốc gốc thay thế cho nhiều loại thuốc biệt dược. Thuốc gốc thường có thể thay thế cho thuốc biệt dược ở nhà thuốc mà không cần toa thuốc mới, tùy theo luật tiểu bang.

Kaiser Permanente Dual Complete đài thọ cho cả thuốc biệt dược và thuốc gốc.

B14. Sản phẩm sinh học gốc là gì và liên quan như thế nào đến thuốc tương tự sinh học?

Khi nói về thuốc, chúng có thể là thuốc thông thường hoặc sản phẩm sinh học. Chế phẩm sinh học là loại thuốc phức tạp hơn thuốc thông thường. Vì các sản phẩm sinh học phức tạp hơn các loại thuốc thông thường nên thay vì có dạng thuốc gốc, chúng có các dạng được gọi là thuốc sinh học tương tự.

Nói chung, thuốc sinh học tương tự có tác dụng tốt như sản phẩm sinh học gốc và có thể rẻ hơn. Có những lựa chọn thuốc sinh học tương tự thay thế cho một số sản phẩm sinh học gốc. Một số thuốc sinh học tương tự có thể hoán đổi cho nhau và tùy theo các luật của tiểu bang, có thể dùng thay thế cho chế phẩm sinh học gốc tại nhà thuốc mà không cần toa thuốc mới, giống như các loại thuốc gốc có thể dùng thay thế cho thuốc biệt dược.

Để biết thêm thông tin về các loại thuốc, hãy tham khảo **Chương 5** trong *Chứng Từ Bảo Hiểm*.

B15. Thuốc OTC là gì?

OTC là viết tắt của “không kê toa”. Kaiser Permanente Dual Complete đài thọ cho một số loại thuốc OTC khi những loại thuốc này được nhà cung cấp của quý vị kê toa.

Quý vị có thể đọc *Danh Sách Thuốc* của Kaiser Permanente Dual Complete để biết những loại thuốc OTC được đài thọ.

B16. Kaiser Permanente Dual Complete có đài thọ cho lượng thuốc theo toa dài hạn không?

Đối với một số loại thuốc, quý vị có thể nhận được lượng thuốc dài hạn (còn được gọi là lượng thuốc kéo dài). Lượng thuốc dài hạn có thể cung cấp tới mức lượng thuốc đủ dùng trong 100 ngày. Lượng thuốc đủ dùng trong 100 ngày có cùng khoản tiền đồng trả với lượng thuốc đủ dùng một tháng.

Chương trình của chúng tôi cung cấp 2 cách để lấy lượng thuốc duy trì dài hạn (cũng gọi là lượng thuốc kéo dài) trên Danh Sách Thuốc của chương trình chúng tôi. (Thuốc duy trì là loại thuốc mà quý vị dùng thường xuyên do bệnh trạng kinh niên hoặc kéo dài.)

- **Dịch Vụ Đặt Mua qua Bưu Điện**. Chúng tôi cung cấp dịch vụ đặt mua qua đường bưu điện giúp quý vị nhận được lượng thuốc đủ dùng trong 100 ngày được gửi trực tiếp đến tận nhà. Không phải tất cả các loại thuốc đều có thể được gửi qua bưu điện; có những giới hạn và hạn chế được áp dụng.
- **Nhà Thuốc Bán Lẻ**. Một số nhà thuốc bán lẻ trong mạng lưới của chúng tôi cho phép quý vị lấy lượng thuốc duy trì đủ dùng trong 100 ngày.

B17. Nhà thuốc tại địa phương có giao thuốc theo toa đến tận nhà không?

Nhà thuốc trong mạng lưới tại địa phương có thể giao thuốc theo toa đến tận nhà quý vị. Quý vị có thể gọi cho nhà thuốc để tìm hiểu xem họ có giao hàng tận nhà không.

B18. Tiền đồng trả của tôi cho thuốc theo toa Medicare Phần D là bao nhiêu?

Bởi vì quý vị đủ điều kiện cho Medicaid nên quý vị sẽ nhận được "Trợ Giúp Thêm" từ Medicare để giúp thanh toán cho các loại thuốc theo toa Medicare Phần D của quý vị. Chúng tôi sẽ gửi cho quý vị một phụ lục riêng biệt, được gọi là *Điều Khoản Bổ Sung Chứng Thực Bảo Hiểm cho Những Người Nhận Trợ Giúp Thêm khi Mua Thuốc Theo Toa* (còn được gọi là "*Điều Khoản Bổ Sung về Trợ Cấp Thu Nhập Thấp"* hoặc "*Điều Khoản Bổ Sung LIS"*), mà theo đó cho quý vị biết về phạm vi bảo hiểm thuốc của mình. Nếu quý vị chưa có phụ lục này, vui lòng gọi cho Dịch Vụ Hội Viên và hỏi xin "*Phụ Lục LIS"*.

Bậc là các nhóm thuốc trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi.

- Bậc 1 và 2 là thuốc gốc. Quý vị sẽ thanh toán **$0-$5.80** tùy thuộc vào mức Trợ Giúp Thêm của quý vị.
- Bậc 3, 4 và 5 là thuốc biệt dược. Quý vị sẽ thanh toán **0-$14.40** tùy thuộc vào mức Trợ Giúp Thêm của quý vị.
- Thuốc OTC có tiền đồng trả **$0**.
- Bậc 6 là vắc-xin. Quý vị thanh toán **$0** cho vắc-xin.

Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Dịch Vụ Hội Viên theo số điện thoại được nêu ở cuối trang này.

B19. Vắc-xin là gì?

Vắc-xin Phần D là một số loại vắc-xin được đài thọ theo Medicare Phần D (ví dụ: Shingrix cho bệnh zona, Adacel cho bệnh bạch hầu, uốn ván và ho gà, được FDA phê duyệt).

B20. Thuốc bậc chuyên khoa là gì?

Thuốc bậc chuyên khoa là thuốc có chi phí rất cao được FDA phê duyệt và có trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi.

C. Tổng quan về Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ

Danh Sách Thuốc Được Đài Thọ cung cấp cho quý vị thông tin về các loại thuốc được Chương Trình Kaiser Permanente Dual Complete của chúng tôi đài thọ. Nếu quý vị gặp khó khăn khi tìm thuốc của mình trong danh sách, hãy chuyển sang phần Chỉ Mục Thuốc Được Đài Thọ, bắt đầu từ **Mục D**. Chỉ mục này liệt kê tất cả các loại thuốc được Kaiser Permanente Dual Complete đài thọ theo thứ tự bảng chữ cái.

Khiếu Nại Theo Phần D

- Khiếu nại là thủ tục chính thức để yêu cầu xem xét lại quyết định mà chúng tôi đã đưa ra về phạm vi bảo hiểm của quý vị và yêu cầu thay đổi quyết định đó nếu quý vị cho rằng chúng tôi đã nhầm lẫn.
- Ví dụ: chúng tôi có thể quyết định rằng một loại thuốc mà quý vị muốn không được hoặc không còn được Medicare hay Medicaid đài thọ.
- Nếu quý vị hoặc bác sĩ kê toa của quý vị không đồng ý với quyết định của chúng tôi, quý vị có thể khiếu nại. Nếu quý vị có thắc mắc, hãy gọi cho Dịch Vụ Hội Viên theo các số điện thoại ở cuối trang này.
- Quý vị cũng có thể đọc **Chương 9** trong *Cẩm Nang Hội Viên* để tìm hiểu cách khiếu nại quyết định.
- Các loại thuốc không phải thuốc Phần D sẽ có quy tắc khiếu nại khác.

C1. Danh Sách Thuốc theo Bệnh Trạng

Các loại thuốc trong mục này được nhóm theo danh mục, tùy thuộc vào loại bệnh trạng mà thuốc được dùng để điều trị. Ví dụ: nếu bị bệnh tim, quý vị nên tìm trong danh mục “Thuốc Tim Mạch”. Đó là nơi quý vị sẽ tìm thấy các loại thuốc điều trị bệnh tim.

Thông tin trong cột Yêu Cầu/Giới Hạn cho quý vị biết liệu chương trình của chúng tôi có bất kỳ yêu cầu đặc biệt nào đối với việc đài thọ thuốc của quý vị không. Một số hiệu lực hoặc dạng thuốc nhất định có thể tuân theo các mã quản lý sử dụng được liệt kê bên dưới.

HI = Thuốc tiêm truyền tại nhà (Home infusion) có thể được đài thọ theo quyền lợi y tế của chúng tôi và mua tại các nhà thuốc cung cấp thuốc truyền tại nhà. Để biết thêm thông tin, vui lòng tham khảo danh mục nhà thuốc hoặc gọi cho chương trình của chúng tôi theo số điện thoại ở cuối trang này

LD = Chỉ có thể mua được thuốc phân phối giới hạn (Limited-distribution) tại một số nhà thuốc chuyên khoa nhất định. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo danh mục nhà thuốc hoặc gọi cho chương trình của chúng tôi theo số điện thoại ở cuối trang này.

MO = Thuốc đặt mua qua bưu điện (Mail-order). Quý vị có thể đặt mua thêm thuốc theo toa đối với một số thuốc thông qua dịch vụ đặt mua qua bưu điện trực tuyến của chúng tôi tại **kp.org/refill** hoặc bằng điện thoại hay ứng dụng di động, có thể làm giảm chi phí của quý vị cho lượng thuốc đủ dùng trong ba tháng. Vui lòng liên lạc với chúng tôi ít nhất 5 ngày trước khi hết thuốc. Thông thường, quý vị sẽ nhận được thuốc theo toa trong vòng 3 tới 5 ngày. Nếu không quý vị cần mua thêm thuốc khẩn cấp, vui lòng gọi số điện thoại đặt mua qua bưu điện trên nhãn toa thuốc để được hỗ trợ. Không phải tất cả các loại thuốc đều có thể được gửi qua bưu điện; có những giới hạn và hạn chế được áp dụng. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập **kp.org/seniorrx** hoặc gọi cho chúng tôi theo số điện thoại ở cuối trang này.

NDS = Thuốc trong Nguồn Cung Ngày Không kéo dài (Non-extended Day Supply) được phân phối tới mức lượng thuốc đủ dùng trong 30 ngày để theo dõi các tác dụng phụ có thể xảy ra và tránh lãng phí thuốc.

OTC = Thuốc không cần toa (Over the counter) có thể sẽ được đài thọ theo chương trình Kaiser Permanente QUEST khi được nhà cung cấp của quý vị kê toa.

PA = Các loại thuốc cho phép trước (Prior authorization) có thể được đài thọ theo Medicare Phần D hoặc Medicare Phần B tùy thuộc vào cách chúng được sử dụng (ví dụ: qua bơm truyền dịch, máy phun sương hoặc thiết bị thuộc danh mục Thiết Bị Y Khoa Lâu Bền khác), nơi chúng được sử dụng (tại nhà hoặc cơ sở chăm sóc dài hạn) và bệnh trạng để sử dụng chúng. Sự cho phép trước cũng áp dụng cho các loại thuốc mà việc điều trị bệnh trạng sẽ xác định xem thuốc đó là loại không thuộc Phần D (bị loại trừ) hay là loại được đài thọ.

RX = Thuốc theo toa ngoài danh mục đài thọ của Medicare có thể sẽ được đài thọ theo chương trình Kaiser Permanente QUEST khi được nhà cung cấp của quý vị kê toa.

DẠNG BÀO CHẾ	MÔ TẢ DẠNG BÀO CHẾ
AERO	Aerosol
AEPB	Aerosol Powder, Breath Activated
AERB	Aerosol, Breath Activated
AERP	Aerosol, Powder
AERS	Aerosol, Solution
AUIJ	Auto-injector
AJKT	Auto-injector Kit
CAPS	Capsule
CAPA	Capsule Abuse- Deterrent
CPCW	Capsule Chewable
CPDR	Capsule Delayed Release
CPEP	Capsule Delayed Release Particles
CSDR	Capsule Delayed Release Sprinkle
CDPK	Capsule Delayed Release Thereapy Pack
C12A	Capsule ER 12 Hour Abuse-Deterrent
CS12	Capsule ER 12 Hour Sprinkle
C2PK	Capsule ER 12 Hour Therapy Pack
C24A	Capsule ER 24 Hour Abuse-Deterrent
CS24	Capsule ER 24 Hour Sprinkle
C4PK	Capsule ER 24 Hour Therapy Pack
CP12	Capsule Extended Release 12 Hour
CP24	Capsule Extended Release 24 Hour
CPEA	Capsule Extended Release Abuse-Deterrent
CSER	Capsule Extended Release Sprinkle
CEPK	Capsule Extended Release Therapy Pack
CPCR	Capsule Extended Release*
CPSP	Capsule Sprinkle
CPPK	Capsule Therapy Pack
CART	Cartridge

DẠNG BÀO CHẾ	MÔ TẢ DẠNG BÀO CHẾ
CTKT	Cartridge Kit
CONC	Concentrate
CREA	Cream
CRYS	Crystals
DEVI	Device
TEST	Diagnostic Test
DPRH	Diaphragm
ELIX	Elixir
EMUL	Emulsion
ENEM	Enema
EXHA	Exhaler
EXHL	Exhaler Liquid
EXHP	Exhaler Powder
EXHS	Exhaler Solution
EXHU	Exhaler Suspension
FLAK	Flakes
EXTR	Fluid Extract
SOLG	Gel Forming Solution
GRAN	Granules
GREF	Granules Effervescent
IMPL	Implant
INHA	Inhaler
INJ	Injectable
INST	Insert
IUD	Intrauterine Device
JTAJ	Jet-injector (Needleless)
JTKT	Jet-injector Kit (Needleless)
LEAV	Leaves
LIQD	Liquid
LQCR	Liquid Extended- Release
LQPK	Liquid Therapy Pack
LOTN	Lotion
LOZG	Lozenge
LPOP	Lozenge on a Handle
MISC	Miscellaneous
NEBU	Nebulization Solution
OINT	Ointment
PACK	Packet
PSTE	Paste

DẠNG BÀO CHẾ	MÔ TẢ DẠNG BÀO CHẾ
PTCH	Patch
PT24	Patch 24 HR
PT72	Patch 72 HR
PTTW	Patch Twice Weekly
PTWK	Patch Weekly
PLLT	Pellet
PEN	Pen-injector
PNKT	Pen-injector Kit
POWD	Powder
PDEF	Powder Effervescent
PRSY	Prefilled Syringe
PSKT	Prefilled Syringe Kit
PUDG	Pudding
SHAM	Shampoo
SHEE	Sheet
SOLN	Solution
SOAJ	Solution Auto-injector
SOCT	Solution Cartridge
SOTJ	Solution Jet-injector
SOPN	Solution Pen-injector
SOSY	Solution Prefilled Syringe
SOLR	Solution Reconstituted
SOPK	Solution Therapy Pack
SPRT	Spirit
STCK	Stick
STRP	Strip
SUPP	Suppository
SUSP	Suspension
SUAJ	Suspension Autoinjector
SUCT	Suspension Cartridge
SUER	Suspension Extended Release
SUTJ	Suspension Jetinjector
SUPN	Suspension Peninjector
SUSY	Suspension Prefilled Syringe
SUSR	Suspension Reconstituted
SRER	Suspension Reconstituted ER
SUPK	Suspension Therapy Pack

DẠNG BÀO CHẾ	MÔ TẢ DẠNG BÀO CHẾ
SYRP	Syrup
CHER	Table Chewable Extended Release
TABS	Tablet
TABA	Tablet Abuse-Deterrent
CHEW	Tablet Chewable
TBEC	Tablet Delayed Release
TBDD	Tablet Delayed Release Disintegrating
TDPK	Tablet Delayed Release Therapy Pack
TBDP	Tablet Disintegrating
TB3D	Tablet Disintegrating Soluble
TB3E	Tablet Disintegrating Soluble ER
TPPK	Tablet Disintegrating Therapy Pack
TBEF	Tablet Effervescent
T12A	Tablet ER 12 Hour Abuse-Deterrent
T2PK	Tablet ER 12 Hour Therapy Pack
T24A	Tablet ER 24 Hour Abuse-Deterrent
T4PK	Tablet ER 24 Hour Therapy Pack
TB12	Tablet Extended Release 12 HR*
TB24	Tablet Extended Release 24 HR*
TBEA	Tablet Extended Release Abuse-Deterrent
TBED	Tablet Extended Release Disintegrating
TEPK	Tablet Extended Release Therapy Pack
TBCR	Tablet Extended-Release
TBSO	Tablet Soluble
SUBL	Tablet Sublingual
TBPK	Tablet Therapy Pack
THPK	Therapy Pack
TINC	Tincture
TROC	Troche

DẠNG BÀO CHẾ	MÔ TẢ DẠNG BÀO CHẾ
WAFR	Wafer

Cột đầu tiên của bảng liệt kê tên thuốc. Thuốc gốc được viết thường và in nghiêng (ví dụ: *amoxicillin*), thuốc biệt dược được viết hoa (ví dụ: TOBREX) và thuốc OTC được viết thường (ví dụ: nicôtin). Cột thứ hai là "Bậc Thuốc", cho biết thuốc thuộc bậc nào:

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ANTI-INFECTIVE AGENTS		
ANTHELMINTICS		
albendazole tabs 200 mg	2	
ivermectin tabs 3 mg	2	
praziquantel tabs 600 mg	2	MO
ANTIBACTERIALS		
amikacin sulfate soln 1 gm/4ml	2	
amikacin sulfate soln 500 mg/2ml	2	HI
amoxicillin caps 250 mg	2	
amoxicillin caps 500 mg	2	
AMOXICILLIN CHEW 125 MG	2	
AMOXICILLIN CHEW 250 MG	2	
amoxicillin susr 125 mg/5ml	2	
amoxicillin susr 200 mg/5ml	2	
amoxicillin susr 250 mg/5ml	2	
amoxicillin susr 400 mg/5ml	2	
amoxicillin tabs 500 mg	2	
amoxicillin tabs 875 mg	2	
amoxicillin-pot clavulanate susr 200-28.5 mg/5ml	2	
amoxicillin-pot clavulanate susr 250-62.5 mg/5ml	2	
amoxicillin-pot clavulanate susr 400-57 mg/5ml	2	
amoxicillin-pot clavulanate susr 600-42.9 mg/5ml	2	
amoxicillin-pot clavulanate tabs 250-125 mg	2	
amoxicillin-pot clavulanate tabs 500-125 mg	2	
amoxicillin-pot clavulanate tabs 875-125 mg	2	
ampicillin caps 500 mg	2	
ampicillin sodium solr 1 gm	2	HI
ampicillin sodium solr 10 gm	2	HI
ampicillin sodium injection solr 2 gm	2	
AMPICILLIN SODIUM INTRAVENOUS SOLR 2 GM	2	
ampicillin sodium solr 250 mg	2	
ampicillin sodium solr 500 mg	2	

Quý vị có thể tìm thông tin về ý nghĩa của các ký hiệu và từ viết tắt trong bảng này ở **Mục C1**.

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ampicillin-sulbactam sodium injection solr 1.5 (1-0.5) gm	2	HI
ampicillin-sulbactam sodium injection solr 3 (2-1) gm	2	HI
AMPICILLIN-SULBACTAM SODIUM INTRAVENOUS SOLR 1.5 (1-0.5) GM	2	
AMPICILLIN-SULBACTAM SODIUM INTRAVENOUS SOLR 3 (2-1) GM	2	
ARIKAYCE SUSP 590 MG/8.4ML	5	PA, LD, NDS
AUGMENTIN SUSR 125-31.25 MG/5ML	3	
azithromycin solr 500 mg	2	HI
azithromycin susr 100 mg/5ml	2	MO
azithromycin susr 200 mg/5ml	2	MO
azithromycin tabs 250 mg	2	MO
azithromycin tabs 500 mg	2	MO
azithromycin tabs 600 mg	2	MO
aztreonam solr 1 gm	2	HI
BICILLIN C-R 900/300 SUSP 900000-300000 UNIT/2ML	4	
BICILLIN C-R SUSP 1200000 UNIT/2ML	4	
BICILLIN L-A SUSY 1200000 UNIT/2ML	4	
BICILLIN L-A SUSY 2400000 UNIT/4ML	4	
BICILLIN L-A SUSY 600000 UNIT/ML	4	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
CEFACLOR CAPS 250 MG	2	
CEFACLOR CAPS 500 MG	2	
CEFACLOR SUSR 250 MG/5ML	4	MO
cefadroxil caps 500 mg	2	
cefazolin sodium solr 1 gm	2	HI
cefazolin sodium solr 10 gm	2	HI
cefazolin sodium solr 500 mg	2	HI
cefdinir caps 300 mg	2	
cefdinir susr 125 mg/5ml	2	
cefdinir susr 250 mg/5ml	2	
cefepime hcl solr 1 gm	2	HI
cefepime hcl solr 2 gm	2	HI
CEFEPIME-DEXTROSE SOLR 2-5 GM-%(50ML)	2	HI
cefixime caps 400 mg	2	
CEFIXIME SUSR 100 MG/5ML	2	
cefixime susr 200 mg/5ml	2	
CEFOTAXIME SODIUM SOLR 1 GM	2	
CEFOTETAN DISODIUM SOLR 1 GM	2	HI
cefotetan disodium solr 2 gm	2	HI
cefoxitin sodium solr 1 gm	2	HI
cefoxitin sodium solr 10 gm	2	HI
cefoxitin sodium solr 2 gm	2	HI

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
CEFPODOXIME PROXETIL SUSR 100 MG/5ML	2	
CEFPODOXIME PROXETIL SUSR 50 MG/5ML	2	
cefpodoxime proxetil tabs 100 mg	2	
cefpodoxime proxetil tabs 200 mg	2	
ceftaroline fosamil solr 400 mg	5	HI
ceftazidime solr 1 gm	2	HI
CEFTAZIDIME SOLR 6 GM	2	HI
ceftriaxone sodium solr 1 gm	2	HI
ceftriaxone sodium solr 10 gm	2	HI
ceftriaxone sodium solr 2 gm	2	HI
ceftriaxone sodium solr 250 mg	2	HI
ceftriaxone sodium solr 500 mg	2	HI
cefuroxime axetil tabs 250 mg	2	
cefuroxime axetil tabs 500 mg	2	
cefuroxime sodium solr 1.5 gm	2	HI
cefuroxime sodium solr 750 mg	2	HI
cephalexin caps 250 mg	2	
cephalexin caps 500 mg	2	
cephalexin susr 125 mg/5ml	2	
cephalexin susr 250 mg/5ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
cephalexin tabs 500 mg	2	
CHLORAMPHENICOL SOD SUCCINATE SOLR 1 GM	2	
ciprofloxacin hcl tabs 250 mg	2	
ciprofloxacin hcl tabs 500 mg	2	
ciprofloxacin hcl tabs 750 mg	2	
CIPROFLOXACIN IN D5W SOLN 200 MG/100ML	2	HI
CIPROFLOXACIN IN D5W SOLN 400 MG/200ML	2	
CLARITHROMYCIN SUSR 125 MG/5ML	2	
CLARITHROMYCIN SUSR 250 MG/5ML	2	
clarithromycin tabs 250 mg	2	
clarithromycin tabs 500 mg	2	
clindamycin hcl caps 150 mg	2	
clindamycin hcl caps 300 mg	2	
clindamycin hcl caps 75 mg	2	
clindamycin palmitate hcl solr 75 mg/5ml	2	
clindamycin phosphate in d5w soln 300 mg/50ml	2	HI
clindamycin phosphate in d5w soln 600 mg/50ml	2	HI
clindamycin phosphate in d5w soln 900 mg/50ml	2	HI

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
clindamycin phosphate soln 300 mg/2ml	2	HI
clindamycin phosphate soln 600 mg/4ml	2	HI
clindamycin phosphate soln 900 mg/6ml	2	HI
colistimethate sodium (cba) solr 150 mg	4	HI
daptomycin solr 350 mg	4	HI
daptomycin solr 500 mg	4	HI
demeclocycline hcl tabs 150 mg	2	
demeclocycline hcl tabs 300 mg	2	
dicloxacillin sodium caps 250 mg	2	
dicloxacillin sodium caps 500 mg	2	
DIFICID SUSR 40 MG/ML	5	NDS
doxy 100 solr 100 mg	2	HI
doxycycline hyclate caps 100 mg	2	MO
doxycycline hyclate caps 50 mg	2	MO
doxycycline hyclate solr 100 mg	2	HI
doxycycline hyclate tabs 100 mg	2	MO
doxycycline hyclate tabs 20 mg	2	MO
doxycycline monohydrate caps 50 mg	2	MO
doxycycline monohydrate susr 25 mg/5ml	2	MO
doxycycline monohydrate tabs 100 mg	2	MO
doxycycline monohydrate tabs 50 mg	2	MO
E.E.S. 400 TABS 400 MG	2	
ertapenem sodium solr 1 gm	2	HI
ERYTHROMYCIN BASE CPEP 250 MG	2	MO
erythromycin base tabs 250 mg	2	
erythromycin base tabs 500 mg	2	
erythromycin ethylsuccinate susr 200 mg/5ml	4	
erythromycin tbec 250 mg	2	
FETROJA SOLR 1 GM	5	NDS
fidaxomicin tabs 200 mg	5	NDS
GENTAMICIN IN SALINE SOLN 0.8-0.9 MG/ML-%	2	HI
GENTAMICIN IN SALINE SOLN 1-0.9 MG/ML-%	2	HI
GENTAMICIN IN SALINE SOLN 1.2-0.9 MG/ML-%	2	HI
GENTAMICIN IN SALINE SOLN 1.6-0.9 MG/ML-%	2	HI
GENTAMICIN IN SALINE SOLN 2-0.9 MG/ML-%	2	
gentamicin sulfate soln 10 mg/ml	2	
gentamicin sulfate soln 40 mg/ml	2	HI

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
IMIPENEM-CILASTATIN SOLR 250 MG	2	HI
imipenem-cilastatin solr 500 mg	2	HI
levofloxacin in d5w soln 250 mg/50ml	2	
levofloxacin in d5w soln 500 mg/100ml	2	HI
levofloxacin in d5w soln 750 mg/150ml	2	HI
levofloxacin oral soln 25 mg/ml	2	
LEVOFLOXACIN INTRAVENOUS SOLN 25 MG/ML	2	HI
levofloxacin tabs 250 mg	2	
levofloxacin tabs 500 mg	2	
levofloxacin tabs 750 mg	2	
linezolid soln 600 mg/300ml	2	HI
linezolid susr 100 mg/5ml	2	
linezolid tabs 600 mg	2	NDS
meropenem solr 1 gm	2	HI
meropenem solr 500 mg	2	HI
minocycline hcl caps 100 mg	2	MO
minocycline hcl caps 50 mg	2	MO
minocycline hcl caps 75 mg	2	MO
minocycline hcl tabs 100 mg	2	MO
MOXIFLOXACIN HCL IN NACL SOLN 400 MG/250ML	2	HI
moxifloxacin hcl tabs 400 mg	2	
nafcillin sodium solr 1 gm	2	HI
nafcillin sodium solr 10 gm	2	HI
nafcillin sodium solr 2 gm	2	
neomycin sulfate tabs 500 mg	2	
NUZYRA TABS 150 MG	5	NDS
OXACILLIN SODIUM IN DEXTROSE SOLN 2 GM/50ML	3	HI
penicillin g potassium solr 20000000 unit	2	HI
PENICILLIN G SODIUM SOLR 5000000 UNIT	2	HI
PENICILLIN V POTASSIUM SOLR 125 MG/5ML	2	
PENICILLIN V POTASSIUM SOLR 250 MG/5ML	2	
penicillin v potassium tabs 250 mg	2	
penicillin v potassium tabs 500 mg	2	
piperacillin sod-tazobactam so solr 2.25 (2-0.25) gm	2	HI
piperacillin sod-tazobactam so solr 3.375 (3-0.375) gm	2	HI
piperacillin sod-tazobactam so solr 4.5 (4-0.5) gm	2	HI
piperacillin sod-tazobactam so solr 40.5 (36-4.5) gm	2	HI

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
SEYSARA TABS 100 MG	5	NDS
SIVEXTRO SOLR 200 MG	5	NDS
SIVEXTRO TABS 200 MG	5	NDS
STREPTOMYCIN SULFATE SOLR 1 GM	5	
sulfadiazine tabs 500 mg	2	
sulfamethoxazole-trimethoprim soln 400-80 mg/5ml	2	
sulfamethoxazole-trimethoprim susp 200-40 mg/5ml	2	MO
sulfamethoxazole-trimethoprim tabs 400-80 mg	2	MO
sulfamethoxazole-trimethoprim tabs 800-160 mg	2	MO
sulfasalazine tabs 500 mg	2	
SULFASALAZINE TBEC 500 MG	2	
tazicef solr 1 gm	2	HI
tazicef solr 2 gm	2	HI
TAZICEF SOLR 6 GM	2	HI
TEFLARO SOLR 600 MG	5	HI
tetracycline hcl caps 250 mg	2	MO
tetracycline hcl caps 500 mg	2	MO
tigecycline solr 50 mg	4	HI
TOBRAMYCIN SULFATE SOLN 10 MG/ML	2	HI
tobramycin sulfate soln 80 mg/2ml	2	HI

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
vancomycin hcl caps 125 mg	2	
vancomycin hcl caps 250 mg	2	
vancomycin hcl solr 1 gm	2	HI
vancomycin hcl solr 10 gm	2	HI
vancomycin hcl solr 250 mg/5ml	2	
vancomycin hcl solr 5 gm	2	
vancomycin hcl solr 500 mg	2	HI
XIFAXAN TABS 200 MG	3	
XIFAXAN TABS 550 MG	3	MO
ANTIFUNGALS		
amphotericin b liposome susr 50 mg	5	HI
AMPHOTERICIN B SOLR 50 MG	2	HI
caspofungin acetate solr 50 mg	4	HI
caspofungin acetate solr 70 mg	4	HI
CRESEMBA CAPS 186 MG	5	NDS
CRESEMBA CAPS 74.5 MG	5	NDS
fluconazole in sodium chloride soln 200-0.9 mg/100ml-%	2	HI
fluconazole in sodium chloride soln 400-0.9 mg/200ml-%	2	HI
fluconazole susr 10 mg/ml	2	
fluconazole susr 40 mg/ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
fluconazole tabs 100 mg	2	
fluconazole tabs 150 mg	2	
fluconazole tabs 200 mg	2	
fluconazole tabs 50 mg	2	
flucytosine caps 250 mg	2	
flucytosine caps 500 mg	2	
griseofulvin microsize susp 125 mg/5ml	2	
griseofulvin microsize tabs 500 mg	2	
griseofulvin ultramicrosize tabs 125 mg	2	
GRISEOFULVIN ULTRAMICROSIZE TABS 165 MG	5	NDS
griseofulvin ultramicrosize tabs 250 mg	2	
itraconazole caps 100 mg	2	
itraconazole soln 10 mg/ml	2	MO
ketoconazole tabs 200 mg	2	
nystatin susp 100000 unit/ml	2	
nystatin tabs 500000 unit	2	
posaconazole susp 40 mg/ml	5	NDS
posaconazole tbec 100 mg	2	MO
terbinafine hcl tabs 250 mg	2	
voriconazole solr 200 mg	2	HI
voriconazole susr 40 mg/ml	2	
voriconazole tabs 200 mg	2	
voriconazole tabs 50 mg	2	
ANTIMYCOBACTERIALS		
CYCLOSERINE CAPS 250 MG	5	
dapsone tabs 100 mg	2	MO
dapsone tabs 25 mg	2	MO
ethambutol hcl tabs 100 mg	2	MO
ethambutol hcl tabs 400 mg	2	MO
ISONIAZID SOLN 100 MG/ML	2	
isoniazid syrp 50 mg/5ml	2	MO
isoniazid tabs 100 mg	2	MO
isoniazid tabs 300 mg	2	MO
PRETOMANID TABS 200 MG	3	
PRIFTIN TABS 150 MG	4	MO
pyrazinamide tabs 500 mg	2	MO
rifabutin caps 150 mg	2	MO
rifampin caps 150 mg	2	MO
rifampin caps 300 mg	2	MO
rifampin solr 600 mg	2	HI
SIRTURO TABS 100 MG	5	NDS
SIRTURO TABS 20 MG	5	NDS
ANTIPROTOZOALS		
atovaquone susp 750 mg/5ml	2	NDS
atovaquone-proguanil hcl tabs 250-100 mg	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
atovaquone-proguanil hcl tabs 62.5-25 mg	2	
CHLOROQUINE PHOSPHATE TABS 250 MG	2	
chloroquine phosphate tabs 500 mg	2	
COARTEM TABS 20-120 MG	3	
HUMATIN CAPS 250 MG	5	NDS
hydroxychloroquine sulfate tabs 200 mg	2	MO
IMPAVIDO CAPS 50 MG	5	NDS
KRINTAFEL TABS 150 MG	3	
mefloquine hcl tabs 250 mg	2	
metronidazole caps 375 mg	2	
metronidazole soln 500 mg/100ml	2	HI
metronidazole tabs 250 mg	2	
metronidazole tabs 500 mg	2	
nitazoxanide tabs 500 mg	5	
pentamidine isethionate solr inhalation 300 mg	2	PA
pentamidine isethionate solr injection 300 mg	2	
PRIMAQUINE PHOSPHATE TABS 26.3 (15 Base) MG	2	
pyrimethamine tabs 25 mg	5	
quinine sulfate caps 324 mg	2	NDS
tinidazole tabs 250 mg	2	
ANTIVIRALS		
abacavir sulfate soln 20 mg/ml	2	
abacavir sulfate tabs 300 mg	2	MO
abacavir sulfate-lamivudine tabs 600-300 mg	2	MO
acyclovir caps 200 mg	2	MO
acyclovir sodium soln 50 mg/ml	2	HI
acyclovir susp 200 mg/5ml	2	MO
acyclovir tabs 400 mg	2	MO
acyclovir tabs 800 mg	2	MO
adefovir dipivoxil tabs 10 mg	2	NDS
APTIVUS CAPS 250 MG	5	MO
atazanavir sulfate caps 150 mg	2	MO
atazanavir sulfate caps 200 mg	2	MO
atazanavir sulfate caps 300 mg	2	MO
BARACLUDE SOLN 0.05 MG/ML	3	MO
BIKTARVY TABS 30-120-15 MG	5	
BIKTARVY TABS 50-200-25 MG	5	
BIXLENVO TABS 75-50 MG	5	MO
CABENUVA SUER 400 & 600 MG/2ML	5	
CABENUVA SUER 600 & 900 MG/3ML	5	
cidofovir soln 75 mg/ml	2	
CIMDUO TABS 300-300 MG	5	MO
darunavir tabs 600 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
darunavir tabs 800 mg	2	MO
DELSTRIGO TABS 100-300-300 MG	5	MO
DESCOVY TABS 120-15 MG	5	MO
DESCOVY TABS 200-25 MG	5	MO
DOVATO TABS 50-300 MG	5	MO
EDURANT PED TBSO 2.5 MG	5	MO
efavirenz tabs 600 mg	2	MO
efavirenz-emtricitab-tenofo df tabs 600-200-300 mg	2	MO
EFAVIRENZ-LAMIVUDINE-TENOFOVIR TABS 400-300-300 MG	5	MO
efavirenz-lamivudine-tenofovir tabs 600-300-300 mg	5	MO
emtricitab-rilpivir-tenofov df tabs 200-25-300 mg	5	MO
emtricitabine caps 200 mg	2	MO
emtricitabine-tenofovir df tabs 100-150 mg	2	MO
emtricitabine-tenofovir df tabs 133-200 mg	2	MO
emtricitabine-tenofovir df tabs 167-250 mg	2	MO
emtricitabine-tenofovir df tabs 200-300 mg	2	MO
EMTRIVA SOLN 10 MG/ML	3	MO
entecavir tabs 0.5 mg	2	MO
entecavir tabs 1 mg	2	MO
EPCLUSA PACK 150-37.5 MG	5	NDS
EPCLUSA PACK 200-50 MG	5	NDS
EPCLUSA TABS 200-50 MG	5	NDS
EPCLUSA TABS 400-100 MG	5	NDS
etravirine tabs 100 mg	2	MO
etravirine tabs 200 mg	2	MO
EVOTAZ TABS 300-150 MG	5	MO
famciclovir tabs 125 mg	2	MO
famciclovir tabs 250 mg	2	MO
famciclovir tabs 500 mg	2	MO
fosamprenavir calcium tabs 700 mg	2	MO
ganciclovir sodium solr 500 mg	2	
GENVOYA TABS 150-150-200-10 MG	5	MO
HARVONI PACK 33.75-150 MG	5	PA, NDS
HARVONI PACK 45-200 MG	5	PA, NDS
HARVONI TABS 45-200 MG	5	PA, NDS
HARVONI TABS 90-400 MG	5	PA, NDS
IDVYNSO TABS 100-0.25 MG	5	MO
INTELENCE TABS 25 MG	3	MO
ISENTRESS CHEW 100 MG	3	MO
ISENTRESS CHEW 25 MG	3	MO
ISENTRESS HD TABS 600 MG	5	MO
ISENTRESS PACK 100 MG	3	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ISENTRESS TABS 400 MG	5	MO
JULUCA TABS 50-25 MG	5	MO
KALETRA SOLN 400-100 MG/5ML	4	MO
lamivudine soln 10 mg/ml	2	MO
lamivudine tabs 100 mg	2	MO
lamivudine tabs 150 mg	2	MO
lamivudine tabs 300 mg	2	MO
lamivudine-zidovudine tabs 150-300 mg	2	MO
LEDIPASVIR-SOFOSBUVIR TABS 90-400 MG	5	PA, NDS
LIVTENCITY TABS 200 MG	5	NDS
lopinavir-ritonavir tabs 100-25 mg	2	MO
lopinavir-ritonavir tabs 200-50 mg	2	MO
maraviroc tabs 150 mg	2	MO
maraviroc tabs 300 mg	2	MO
MAVYRET PACK 50-20 MG	5	NDS
MAVYRET TABS 100-40 MG	5	NDS
nevirapine er tb24 400 mg	2	MO
NEVIRAPINE SUSP 50 MG/5ML	2	MO
nevirapine tabs 200 mg	2	MO
NORVIR PACK 100 MG	4	MO
ODEFSEY TABS 200-25-25 MG	5	MO
oseltamivir phosphate caps 30 mg	2	MO
oseltamivir phosphate caps 45 mg	2	MO
oseltamivir phosphate caps 75 mg	2	MO
oseltamivir phosphate susr 6 mg/ml	2	MO
PAXLOVID (150/100) TBPK 10 x 150 MG & 10 X 100MG	3	NDS
PAXLOVID (300/100 & 150/100) TBPK 6 x 150 MG & 5 X 100MG	3	NDS
PAXLOVID (300/100) TBPK 20 x 150 MG & 10 X 100MG	3	NDS
PEGASYS SOLN 180 MCG/ML	5	NDS
PEGASYS SOSY 180 MCG/0.5ML	5	NDS
PIFELTRO TABS 100 MG	5	MO
PREVYMIS PACK 120 MG	5	NDS
PREVYMIS SOLN 240 MG/12ML	5	NDS
PREVYMIS SOLN 480 MG/24ML	5	NDS
PREVYMIS TABS 240 MG	5	NDS
PREVYMIS TABS 480 MG	5	NDS
PREZCOBIX TABS 675-150 MG	5	MO
PREZCOBIX TABS 800-150 MG	5	MO
PREZISTA SUSP 100 MG/ML	5	MO
PREZISTA TABS 150 MG	5	MO
PREZISTA TABS 75 MG	3	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
RELENZA DISKHALER AEPB 5 MG/ACT	3	MO
RETROVIR SOLN 10 MG/ML	3	MO
REYATAZ PACK 50 MG	5	MO
RIBAVIRIN CAPS 200 MG	2	MO
RIBAVIRIN SOLR 6 GM	2	
RIBAVIRIN TABS 200 MG	2	MO
rilpivirine hcl tabs 25 mg	5	MO
RIMANTADINE HCL TABS 100 MG	2	MO
ritonavir tabs 100 mg	2	MO
RUKOBIA TB12 600 MG	5	
SELZENTRY SOLN 20 MG/ML	5	MO
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS 400-100 MG	5	NDS
SOVALDI PACK 150 MG	5	NDS
SOVALDI PACK 200 MG	5	NDS
SOVALDI TABS 200 MG	5	NDS
SOVALDI TABS 400 MG	5	NDS
STRIBILD TABS 150-150-200-300 MG	5	MO
SUNLENCA TABS 300 MG	5	
SUNLENCA TBPK 4 x 300 MG	5	
SUNLENCA TBPK 5 x 300 MG	5	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
SYMFI TABS 600-300-300 MG	5	MO
SYMTUZA TABS 800-150-200-10 MG	5	MO
tenofovir disoproxil fumarate tabs 300 mg	2	MO
TIVICAY PD TBSO 5 MG	5	MO
TIVICAY TABS 50 MG	5	MO
TRIUMEQ PD TBSO 60-5-30 MG	5	MO
TRIUMEQ TABS 600-50-300 MG	5	MO
TYBOST TABS 150 MG	3	MO
valacyclovir hcl tabs 1 gm	2	MO
valacyclovir hcl tabs 500 mg	2	MO
valganciclovir hcl solr 50 mg/ml	2	NDS
valganciclovir hcl tabs 450 mg	2	NDS
VEKLURY SOLR 100 MG	5	NDS
VEMLIDY TABS 25 MG	5	
VIRACEPT TABS 250 MG	5	MO
VIRACEPT TABS 625 MG	5	MO
VIREAD POWD 40 MG/GM	5	MO
VIREAD TABS 150 MG	5	MO
VIREAD TABS 200 MG	5	MO
VIREAD TABS 250 MG	5	MO
VOCABRIA TABS 30 MG	5	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
VOSEVI TABS 400-100-100 MG	5	NDS
zidovudine caps 100 mg	2	MO
zidovudine syrp 50 mg/5ml	2	MO
zidovudine tabs 300 mg	2	MO
URINARY ANTI-INFECTIVES		
fosfomycin tromethamine pack 3 gm	2	
methenamine hippurate tabs 1 gm	2	
nitrofurantoin macrocrystal caps 100 mg	2	
nitrofurantoin macrocrystal caps 25 mg	2	
nitrofurantoin macrocrystal caps 50 mg	2	
nitrofurantoin monohyd macro caps 100 mg	2	
nitrofurantoin susp 25 mg/5ml	2	
NITROFURANTOIN SUSP 50 MG/5ML	5	NDS
ORLYNVAH TABS 500-500 MG	5	NDS
trimethoprim tabs 100 mg	2	MO
ANTIHISTAMINE DRUGS		
ANTIHISTAMINE DRUGS		
cyproheptadine hcl syrp 2 mg/5ml	2	
cyproheptadine hcl tabs 4 mg	2	
diphenhydramine hcl soln 50 mg/ml	2	
levocetirizine dihydrochloride soln 2.5 mg/5ml	4	MO
levocetirizine dihydrochloride tabs 5 mg	4	MO
promethazine hcl soln 6.25 mg/5ml	2	
promethazine hcl tabs 12.5 mg	2	
promethazine hcl tabs 25 mg	2	
promethazine hcl tabs 50 mg	2	
promethegan supp 12.5 mg	2	
promethegan supp 25 mg	2	
ANTINEOPLASTIC AGENTS		
ANTINEOPLASTIC AGENTS		
abiraterone acetate tabs 250 mg	2	
abiraterone acetate tabs 500 mg	5	NDS
ABRAXANE SUSR 100 MG	3	
adriamycin solr 50 mg	2	
AKEEGA TABS 100-500 MG	5	NDS
AKEEGA TABS 50-500 MG	5	NDS
ALECENSA CAPS 150 MG	5	NDS
ALUNBRIG TABS 180 MG	5	NDS
ALUNBRIG TABS 30 MG	5	NDS
ALUNBRIG TABS 90 MG	5	NDS
ALUNBRIG TBPK 90 & 180 MG	5	NDS
anastrozole tabs 1 mg	1	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
arsenic trioxide soln 12 mg/6ml	5	NDS
ASPARLAS SOLN 3750 UNIT/5ML	5	NDS
AUGTYRO CAPS 160 MG	5	NDS
AUGTYRO CAPS 40 MG	5	NDS
AVASTIN SOLN 100 MG/4ML	5	
AVASTIN SOLN 400 MG/16ML	5	
AVMAPKI FAKZYNJA CO-PACK THPK 0.8 & 200 MG	5	NDS
AYVAKIT TABS 100 MG	5	NDS
AYVAKIT TABS 200 MG	5	NDS
AYVAKIT TABS 25 MG	5	NDS
AYVAKIT TABS 300 MG	5	NDS
AYVAKIT TABS 50 MG	5	NDS
azacitidine susr 100 mg	2	
BALVERSA TABS 3 MG	5	NDS
BALVERSA TABS 4 MG	5	NDS
BALVERSA TABS 5 MG	5	NDS
BCG VACCINE SOLR 50 MG	3	
bendamustine hcl solr 100 mg	5	NDS
BESREMI PEN SOPN 500 MCG/0.5ML	5	NDS
BESREMI SOSY 500 MCG/ML	5	NDS
bexarotene caps 75 mg	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
bicalutamide tabs 50 mg	2	
bleomycin sulfate solr 15 unit	2	
bleomycin sulfate solr 30 unit	2	
BLINCYTO SOLR 35 MCG	5	NDS
bortezomib solr 3.5 mg	2	
BOSULIF CAPS 100 MG	5	NDS
BOSULIF CAPS 50 MG	5	NDS
BOSULIF TABS 100 MG	5	NDS
BOSULIF TABS 500 MG	5	NDS
bosutinib tabs 100 mg	5	NDS
bosutinib tabs 400 mg	5	NDS
bosutinib tabs 500 mg	5	NDS
BRAFTOVI CAPS 75 MG	5	NDS
BRUKINSA CAPS 80 MG	5	NDS
BRUKINSA TABS 160 MG	5	NDS
CABOMETYX TABS 20 MG	5	NDS
CABOMETYX TABS 40 MG	5	NDS
CABOMETYX TABS 60 MG	5	NDS
CALQUENCE TABS 100 MG	5	NDS
CAMCEVI PRSY 42 MG	4	
CAPRELSA TABS 100 MG	5	LD, NDS
CAPRELSA TABS 300 MG	5	LD, NDS
carboplatin soln 150 mg/15ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
carboplatin soln 450 mg/45ml	2	
carboplatin soln 50 mg/5ml	2	
carboplatin soln 600 mg/60ml	2	
carmustine solr 100 mg	2	
CAVHANZA TBDP 60 MG	5	NDS
CAVHANZA TBDP 80 MG	5	NDS
cisplatin soln 100 mg/100ml	2	
cisplatin soln 200 mg/200ml	2	
cisplatin soln 50 mg/50ml	2	
cladribine soln 10 mg/10ml	2	
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT 80 & 20 MG	5	LD, NDS
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT 3 x 20 MG & 80 MG	5	LD, NDS
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT 20 MG	5	LD, NDS
COPIKTRA CAPS 15 MG	5	NDS
COPIKTRA CAPS 25 MG	5	NDS
COTELLIC TABS 20 MG	5	NDS
cyclophosphamide caps 25 mg	2	PA
cyclophosphamide caps 50 mg	2	PA
cyclophosphamide solr 1 gm	2	
cyclophosphamide solr 2 gm	2	
cyclophosphamide solr 500 mg	2	
CYRAMZA SOLN 100 MG/10ML	5	NDS
CYRAMZA SOLN 500 MG/50ML	5	NDS
cytarabine (pf) soln 100 mg/ml	2	
cytarabine (pf) soln 20 mg/ml	2	
CYTARABINE SOLN 20 MG/ML	2	
DACARBAZINE SOLR 100 MG	2	
dacarbazine solr 200 mg	2	
DANZITEN TABS 71 MG	5	NDS
DANZITEN TABS 95 MG	5	NDS
DARZALEX FASPRO SOLN 1800-30000 MG-UT/15ML	5	NDS
DARZALEX SOLN 100 MG/5ML	5	NDS
DARZALEX SOLN 400 MG/20ML	5	NDS
dasatinib tabs 100 mg	2	
dasatinib tabs 140 mg	2	
dasatinib tabs 20 mg	2	
dasatinib tabs 50 mg	2	
dasatinib tabs 70 mg	2	
dasatinib tabs 80 mg	2	
daunorubicin hcl soln 20 mg/4ml	2	
DAURISMO TABS 100 MG	5	NDS
DAURISMO TABS 25 MG	5	NDS
decitabine solr 50 mg	2	
docetaxel conc 80 mg/4ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
doxorubicin hcl liposomal susp 2 mg/ml	2	
DOXORUBICIN HCL SOLN 2 MG/ML	2	
DOXORUBICIN HCL SOLR 10 MG	2	
doxorubicin hcl solr 50 mg	2	
DROXIA CAPS 200 MG	4	
DROXIA CAPS 300 MG	4	
DROXIA CAPS 400 MG	4	
ELAHERE SOLN 100 MG/20ML	5	NDS
ELIGARD KIT 22.5 MG	4	
ELIGARD KIT 30 MG	4	
ELIGARD KIT 45 MG	4	
ELIGARD KIT 7.5 MG	4	
ELREXFIO SOLN 44 MG/1.1ML	5	NDS
ELREXFIO SOLN 76 MG/1.9ML	5	NDS
ENHERTU SOLR 100 MG	5	NDS
ENSACOVE CAPS 100 MG	5	NDS
ENSACOVE CAPS 25 MG	5	NDS
EPKINLY SOLN 4 MG/0.8ML	5	NDS
EPKINLY SOLN 48 MG/0.8ML	5	NDS
ERBITUX SOLN 100 MG/50ML	3	
ERBITUX SOLN 200 MG/100ML	3	
eribulin mesylate soln 1 mg/2ml	5	NDS
ERIVEDGE CAPS 150 MG	5	NDS
ERLEADA TABS 240 MG	5	NDS
ERLEADA TABS 60 MG	5	NDS
erlotinib hcl tabs 100 mg	2	
erlotinib hcl tabs 150 mg	2	
erlotinib hcl tabs 25 mg	2	
etoposide soln 1 gm/50ml	2	
etoposide soln 100 mg/5ml	2	
etoposide soln 500 mg/25ml	2	
EULEXIN CAPS 125 MG	5	NDS
everolimus tabs 10 mg	2	
everolimus tabs 2.5 mg	2	
everolimus tabs 5 mg	2	
everolimus tabs 7.5 mg	2	
everolimus tbso 2 mg	5	NDS
everolimus tbso 3 mg	5	NDS
everolimus tbso 5 mg	5	NDS
exemestane tabs 25 mg	2	
FENSOLVI (6 MONTH) KIT 45 MG	5	
FIRMAGON (240 MG DOSE) SOLR 120 MG/VIAL	5	NDS
FIRMAGON SOLR 80 MG	4	
FLUDARABINE PHOSPHATE SOLR 50 MG	2	
fluorouracil soln 1 gm/20ml	2	
fluorouracil soln 2.5 gm/50ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
fluorouracil soln 5 gm/100ml	2	
fluorouracil soln 500 mg/10ml	2	
FOTIVDA CAPS 0.89 MG	5	NDS
FOTIVDA CAPS 1.34 MG	5	NDS
FRUZAQLA CAPS 1 MG	5	NDS
FRUZAQLA CAPS 5 MG	5	NDS
fulvestrant sosy 250 mg/5ml	4	
GAVRETO CAPS 100 MG	5	NDS
GAZYVA SOLN 1000 MG/40ML	5	NDS
gefitinib tabs 250 mg	5	NDS
gemcitabine hcl solr 200 mg	2	
GILOTRIF TABS 20 MG	5	NDS
GILOTRIF TABS 30 MG	5	NDS
GILOTRIF TABS 40 MG	5	NDS
GOMEKLI CAPS 1 MG	5	NDS
GOMEKLI CAPS 2 MG	5	NDS
GOMEKLI TBSO 1 MG	5	NDS
HERCEPTIN HYLECTA SOLN 600-10000 MG-UNT/5ML	5	NDS
HERCESSI SOLR 150 MG	5	NDS
HERCESSI SOLR 420 MG	5	NDS
HERNEXEOS TABS 60 MG	5	NDS
hydroxyurea caps 500 mg	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
HYRNUO TABS 10 MG	5	NDS
IBRANCE CAPS 100 MG	5	NDS
IBRANCE CAPS 125 MG	5	NDS
IBRANCE CAPS 75 MG	5	NDS
IBRANCE TABS 100 MG	5	NDS
IBRANCE TABS 125 MG	5	NDS
IBRANCE TABS 75 MG	5	NDS
IBTROZI CAPS 200 MG	5	NDS
ICLUSIG TABS 10 MG	5	NDS
ICLUSIG TABS 15 MG	5	NDS
ICLUSIG TABS 30 MG	5	NDS
ICLUSIG TABS 45 MG	5	NDS
IDHIFA TABS 100 MG	5	NDS
IDHIFA TABS 50 MG	5	NDS
IFOSFAMIDE SOLR 1 GM	2	
imatinib mesylate tabs 100 mg	2	
imatinib mesylate tabs 400 mg	2	
IMBRUVICA CAPS 140 MG	5	NDS
IMBRUVICA CAPS 70 MG	5	NDS
IMBRUVICA SUSP 70 MG/ML	5	NDS
IMBRUVICA TABS 140 MG	5	NDS
IMBRUVICA TABS 280 MG	5	NDS
IMBRUVICA TABS 420 MG	5	NDS
IMKELDI SOLN 80 MG/ML	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
INLEXZO IMPL 225 MG	5	
INLURIYO TABS 200 MG	5	NDS
INLYTA TABS 1 MG	5	NDS
INLYTA TABS 5 MG	5	NDS
INQOVI TABS 35-100 MG	5	NDS
INREBIC CAPS 100 MG	5	NDS
irinotecan hcl soln 100 mg/5ml	2	
irinotecan hcl soln 40 mg/2ml	2	
IRINOTECAN HCL SOLN 500 MG/25ML	2	
ITOVEBI TABS 3 MG	5	NDS
ITOVEBI TABS 9 MG	5	NDS
IWILFIN TABS 192 MG	5	NDS
IXEMPRA KIT SOLR 45 MG	5	NDS
JAKAFI TABS 10 MG	5	NDS
JAKAFI TABS 15 MG	5	NDS
JAKAFI TABS 20 MG	5	NDS
JAKAFI TABS 25 MG	5	NDS
JAKAFI TABS 5 MG	5	NDS
JAYPIRCA TABS 100 MG	5	NDS
JAYPIRCA TABS 50 MG	5	NDS
JIDEYTRO TABS 100 MG	5	NDS
JIDEYTRO TABS 25 MG	5	NDS
JYLAMVO SOLN 2 MG/ML	4	
KADCYLA SOLR 100 MG	5	NDS
KADCYLA SOLR 160 MG	5	NDS
KEYTRUDA QLEX SOLN 395-4800 MG - UNT/2.4ML	5	NDS
KEYTRUDA QLEX SOLN 790-9600 MG - UNT/4.8ML	5	
KEYTRUDA SOLN 100 MG/4ML	5	NDS
KISQALI (200 MG DOSE) TBPK 200 MG	5	NDS
KISQALI (400 MG DOSE) TBPK 200 MG	5	NDS
KISQALI (600 MG DOSE) TBPK 200 MG	5	NDS
KOMZIFTI CAPS 200 MG	5	NDS
KOSELUGO CAPS 10 MG	5	NDS
KOSELUGO CAPS 25 MG	5	NDS
KOSELUGO CPSP 5 MG	5	NDS
KOSELUGO CPSP 7.5 MG	5	NDS
KRAZATI TABS 200 MG	5	NDS
KYPROLIS SOLR 10 MG	5	NDS
KYPROLIS SOLR 30 MG	5	NDS
KYPROLIS SOLR 60 MG	5	NDS
lapatinib ditosylate tabs 250 mg	5	NDS
LAZCLUZE TABS 240 MG	5	NDS
LAZCLUZE TABS 80 MG	5	NDS
lenalidomide caps 10 mg	5	NDS
lenalidomide caps 15 mg	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
lenalidomide caps 2.5 mg	5	NDS
lenalidomide caps 20 mg	5	NDS
lenalidomide caps 25 mg	5	NDS
lenalidomide caps 5 mg	5	NDS
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) CPPK 10 MG	5	LD, NDS
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) CPPK 3 x 4 MG	5	LD, NDS
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) CPPK 10 & 4 MG	5	LD, NDS
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) CPPK 10 MG & 2 X 4 MG	5	LD, NDS
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) CPPK 2 x 10 MG	5	LD, NDS
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) CPPK 2 x 10 MG & 4 MG	5	LD, NDS
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) CPPK 4 MG	5	LD, NDS
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) CPPK 2 x 4 MG	5	LD, NDS
letrozole tabs 2.5 mg	2	
LEUKERAN TABS 2 MG	5	NDS
leuprolide acetate kit 1 mg/0.2ml	2	
LIBTAYO SOLN 350 MG/7ML	5	NDS
LIFYORLI (125 MG DOSE) CPPK 1 x 25 MG & 1 X 100 MG	5	NDS
LIFYORLI (150 MG DOSE) CPPK 2 x 25 MG & 1 X 100 MG	5	NDS
lomustine caps 10 mg	2	
lomustine caps 100 mg	5	
lomustine caps 40 mg	2	
LONSURF TABS 15-6.14 MG	5	NDS
LONSURF TABS 20-8.19 MG	5	NDS
LORBRENA TABS 100 MG	5	NDS
LORBRENA TABS 25 MG	5	NDS
LUMAKRAS TABS 120 MG	5	NDS
LUMAKRAS TABS 240 MG	5	NDS
LUMAKRAS TABS 320 MG	5	NDS
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT 3.75 MG	5	
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT 7.5 MG	4	
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT 11.25 MG	5	
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT 22.5 MG	4	
LUPRON DEPOT (4-MONTH) KIT 30 MG	4	
LUPRON DEPOT (6-MONTH) KIT 45 MG	4	
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) KIT 11.25 MG	5	
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) KIT 15 MG	5	
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) KIT 7.5 MG	5	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) KIT 11.25 MG	5	
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) KIT 30 MG	5	
LUPRON DEPOT-PED (6-MONTH) KIT 45 MG	5	
LYNPARZA TABS 100 MG	5	NDS
LYNPARZA TABS 150 MG	5	NDS
LYSODREN TABS 500 MG	5	NDS
LYTGOBI (12 MG DAILY DOSE) TBPK 4 MG	5	NDS
LYTGOBI (16 MG DAILY DOSE) TBPK 4 MG	5	NDS
LYTGOBI (20 MG DAILY DOSE) TBPK 4 MG	5	NDS
MATULANE CAPS 50 MG	5	NDS
megestrol acetate susp 40 mg/ml	2	
megestrol acetate tabs 20 mg	2	
megestrol acetate tabs 40 mg	2	
MEKINIST SOLR 0.05 MG/ML	5	NDS
MEKINIST TABS 0.5 MG	5	NDS
MEKINIST TABS 2 MG	5	NDS
MEKTOVI TABS 15 MG	5	NDS
melphalan hcl solr 50 mg	2	
mercaptopurine susp 2000 mg/100ml	5	NDS
mercaptopurine tabs 50 mg	2	
methotrexate sodium (pf) soln 1 gm/40ml	2	
methotrexate sodium (pf) soln 250 mg/10ml	2	
methotrexate sodium (pf) soln 50 mg/2ml	2	
METHOTREXATE SODIUM SOLN 250 MG/10ML	2	
METHOTREXATE SODIUM SOLN 50 MG/2ML	2	
methotrexate sodium solr 1 gm	2	
methotrexate sodium tabs 2.5 mg	2	
mitomycin solr 20 mg	2	
mitomycin solr 40 mg	2	
mitomycin solr 5 mg	2	
mitoxantrone hcl conc 20 mg/10ml	2	
mitoxantrone hcl conc 25 mg/12.5ml	2	
mitoxantrone hcl conc 30 mg/15ml	2	
MODEYSO CAPS 125 MG	5	NDS
mutamycin solr 40 mg	2	
mutamycin solr 5 mg	2	
MVASI SOLN 100 MG/4ML	5	NDS
MVASI SOLN 400 MG/16ML	5	NDS
nelarabine soln 5 mg/ml	5	NDS
NERLYNX TABS 40 MG	5	NDS
NILOTINIB D-TARTRATE CAPS 150 MG	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
NILOTINIB D-TARTRATE CAPS 200 MG	5	NDS
NILOTINIB D-TARTRATE CAPS 50 MG	5	NDS
nilotinib hcl caps 150 mg	5	NDS
nilotinib hcl caps 200 mg	5	NDS
nilotinib hcl caps 50 mg	5	NDS
NILUTAMIDE TABS 150 MG	5	
NINLARO CAPS 2.3 MG	5	NDS
NINLARO CAPS 3 MG	5	NDS
NINLARO CAPS 4 MG	5	NDS
NUBEQA TABS 300 MG	5	NDS
ODOMZO CAPS 200 MG	5	NDS
OGSIVEO TABS 100 MG	5	NDS
OGSIVEO TABS 150 MG	5	NDS
OGSIVEO TABS 50 MG	5	NDS
OJEMDA SUSR 25 MG/ML	5	NDS
OJEMDA TABS 100 MG	5	NDS
OJJAARA TABS 100 MG	5	NDS
OJJAARA TABS 150 MG	5	NDS
OJJAARA TABS 200 MG	5	NDS
ONUREG TABS 200 MG	5	NDS
ONUREG TABS 300 MG	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
OPDIVO QVANTIG SOLN 600-10000 MG-UT/5ML	5	NDS
OPDIVO SOLN 100 MG/10ML	5	NDS
OPDIVO SOLN 40 MG/4ML	5	NDS
ORSERDU TABS 345 MG	5	NDS
ORSERDU TABS 86 MG	5	NDS
oxaliplatin soln 100 mg/20ml	2	
oxaliplatin soln 50 mg/10ml	2	
paclitaxel conc 100 mg/16.7ml	2	
PACLITAXEL CONC 150 MG/25ML	2	
paclitaxel conc 30 mg/5ml	2	
paclitaxel conc 300 mg/50ml	2	
PACLITAXEL PROTEIN-BOUND PART SUSR 100 MG	5	NDS
PADCEV SOLR 20 MG	5	NDS
PADCEV SOLR 30 MG	5	NDS
pazopanib hcl tabs 200 mg	5	NDS
PAZOPANIB HCL TABS 400 MG	5	NDS
PEMAZYRE TABS 13.5 MG	5	NDS
PEMAZYRE TABS 4.5 MG	5	NDS
PEMAZYRE TABS 9 MG	5	NDS
PEMETREXED DISODIUM SOLN 1 GM/40ML	4	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
PEMETREXED DISODIUM SOLN 100 MG/4ML	4	
PEMETREXED DISODIUM SOLN 500 MG/20ML	4	
PERJETA SOLN 420 MG/14ML	5	NDS
PHESGO SOLN 60-60-2000 MG-MG-U/ML	5	NDS
PHESGO SOLN 80-40-2000 MG-MG-U/ML	5	NDS
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) TBPK 200 MG	5	NDS
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) TBPK 200 & 50 MG	5	NDS
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) TBPK 2 x 150 MG	5	NDS
pomalidomide caps 1 mg	2	
pomalidomide caps 2 mg	2	
pomalidomide caps 3 mg	2	
pomalidomide caps 4 mg	2	
POMALYST CAPS 1 MG	5	NDS
POMALYST CAPS 2 MG	5	NDS
POMALYST CAPS 3 MG	5	NDS
POMALYST CAPS 4 MG	5	NDS
QINLOCK TABS 50 MG	5	NDS
RASONQUE TABS 100 MG	5	NDS
RASONQUE TABS 150 MG	5	NDS
RETEVMO TABS 120 MG	5	NDS
RETEVMO TABS 160 MG	5	NDS
RETEVMO TABS 40 MG	5	NDS
RETEVMO TABS 80 MG	5	NDS
REVUFORJ TABS 110 MG	5	NDS
REVUFORJ TABS 160 MG	5	NDS
REVUFORJ TABS 25 MG	5	NDS
REZLIDHIA CAPS 150 MG	5	NDS
RIABNI SOLN 100 MG/10ML	3	
RIABNI SOLN 500 MG/50ML	3	
RITUXAN HYCELA SOLN 1400-23400 MG -UT/11.7ML	5	
RITUXAN HYCELA SOLN 1600-26800 MG -UT/13.4ML	5	
RITUXAN SOLN 100 MG/10ML	5	
RITUXAN SOLN 500 MG/50ML	5	
ROMVIMZA CAPS 14 MG	5	NDS
ROMVIMZA CAPS 20 MG	5	NDS
ROMVIMZA CAPS 30 MG	5	NDS
ROZLYTREK CAPS 100 MG	5	
ROZLYTREK CAPS 200 MG	5	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ROZLYTREK PACK 50 MG	5	
RUBRACA TABS 200 MG	5	NDS
RUBRACA TABS 250 MG	5	NDS
RUBRACA TABS 300 MG	5	NDS
RYBREVANT FASPRO SOLN 1600-20000 MG-UT/10ML	5	NDS
RYBREVANT FASPRO SOLN 2240-28000 MG-UT/14ML	5	NDS
RYBREVANT FASPRO SOLN 2400-30000 MG-UT/15ML	5	NDS
RYBREVANT FASPRO SOLN 3520-44000 MG-UT/22ML	5	NDS
RYDAPT CAPS 25 MG	5	NDS
RYLAZE SOLN 10 MG/0.5ML	5	NDS
SARCLISA ESCENA SOLN 1400 MG/10ML	5	NDS
SARCLISA SOLN 100 MG/5ML	5	NDS
SARCLISA SOLN 500 MG/25ML	5	NDS
SCEMBLIX TABS 100 MG	5	NDS
SCEMBLIX TABS 20 MG	5	NDS
SCEMBLIX TABS 40 MG	5	NDS
SIKLOS TABS 1000 MG	5	NDS
SOLTAMOX SOLN 10 MG/5ML	5	
sorafenib tosylate tabs 200 mg	5	NDS
STIVARGA TABS 40 MG	5	NDS
sunitinib malate caps 12.5 mg	2	
sunitinib malate caps 25 mg	2	
sunitinib malate caps 37.5 mg	5	NDS
sunitinib malate caps 50 mg	5	NDS
SYLVANT SOLR 100 MG	5	NDS
SYLVANT SOLR 400 MG	5	NDS
TABLOID TABS 40 MG	5	NDS
TABRECTA TABS 150 MG	5	NDS
TABRECTA TABS 200 MG	5	NDS
TAFINLAR CAPS 50 MG	5	NDS
TAFINLAR CAPS 75 MG	5	NDS
TAFINLAR TBSO 10 MG	5	NDS
TAGRISSO TABS 40 MG	5	NDS
TAGRISSO TABS 80 MG	5	NDS
TALVEY SOLN 3 MG/1.5ML	5	NDS
TALVEY SOLN 40 MG/ML	5	NDS
TALZENNA CAPS 0.1 MG	5	NDS
TALZENNA CAPS 0.25 MG	5	NDS
TALZENNA CAPS 0.35 MG	5	NDS
TALZENNA CAPS 0.5 MG	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
TALZENNA CAPS 0.75 MG	5	NDS
TALZENNA CAPS 1 MG	5	NDS
tamoxifen citrate tabs 10 mg	2	
tamoxifen citrate tabs 20 mg	2	
TECENTRIQ HYBREZA SOLN 1875-30000 MG-UT/15ML	5	NDS
TECENTRIQ SOLN 1200 MG/20ML	5	NDS
TECVAYLI SOLN 153 MG/1.7ML	5	NDS
TECVAYLI SOLN 30 MG/3ML	5	NDS
temsirolimus soln 25 mg/ml	2	
TEPMETKO TABS 225 MG	5	NDS
THALOMID CAPS 100 MG	5	NDS
THALOMID CAPS 50 MG	5	NDS
thiotepa solr 15 mg	5	NDS
TIBSOVO TABS 250 MG	5	NDS
topotecan hcl solr 4 mg	2	
toremifene citrate tabs 60 mg	4	MO
torpenz tabs 10 mg	5	NDS
torpenz tabs 2.5 mg	5	NDS
torpenz tabs 5 mg	5	NDS
torpenz tabs 7.5 mg	5	NDS
tretinoin caps 10 mg	5	NDS
TREXALL TABS 10 MG	2	
TREXALL TABS 15 MG	2	
TREXALL TABS 5 MG	2	
TREXALL TABS 7.5 MG	2	
TRUQAP TABS 200 MG	5	NDS
TRUQAP TBPK 160 MG	5	NDS
TRUQAP TBPK 200 MG	5	NDS
TUKYSA TABS 150 MG	5	NDS
TUKYSA TABS 50 MG	5	NDS
TURALIO CAPS 125 MG	5	NDS
UNITUXIN SOLN 17.5 MG/5ML	5	NDS
VABRINTY KIT 22.5 MG	5	
VABRINTY KIT 30 MG	5	
VABRINTY KIT 45 MG	5	
VANFLYTA TABS 17.7 MG	5	NDS
VANFLYTA TABS 26.5 MG	5	NDS
VENCLEXTA STARTING PACK TBPK 10 & 50 & 100 MG	5	NDS
VENCLEXTA TABS 10 MG	4	NDS
VENCLEXTA TABS 100 MG	5	NDS
VENCLEXTA TABS 50 MG	5	NDS
VEPPANU TABS 100 MG	5	NDS
VEPPANU TABS 200 MG	5	NDS
VERZENIO TABS 100 MG	5	NDS
VERZENIO TABS 150 MG	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
VERZENIO TABS 200 MG	5	NDS
VERZENIO TABS 50 MG	5	NDS
VINBLASTINE SULFATE SOLN 1 MG/ML	2	
VINCRISTINE SULFATE SOLN 1 MG/ML	2	
vinorelbine tartrate soln 10 mg/ml	2	
vinorelbine tartrate soln 50 mg/5ml	2	
VITRAKVI CAPS 100 MG	5	NDS
VITRAKVI CAPS 25 MG	5	NDS
VITRAKVI SOLN 20 MG/ML	5	NDS
VONJO CAPS 100 MG	5	NDS
VORANIGO TABS 10 MG	5	NDS
VORANIGO TABS 40 MG	5	NDS
VYXEOS SUSR 44-100 MG	5	NDS
WELIREG TABS 40 MG	5	NDS
XALKORI CAPS 200 MG	5	NDS
XALKORI CAPS 250 MG	5	NDS
XALKORI CPSP 150 MG	5	NDS
XALKORI CPSP 20 MG	5	NDS
XALKORI CPSP 50 MG	5	NDS
XATMEP SOLN 2.5 MG/ML	4	
XOSPATA TABS 40 MG	5	NDS
XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) TBPK 50 MG	5	NDS
XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) TBPK 10 MG	5	NDS
XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) TBPK 40 MG	5	NDS
XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) TBPK 60 MG	5	NDS
XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) TBPK 20 MG	5	NDS
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) TBPK 40 MG	5	NDS
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) TBPK 80 MG	5	NDS
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) TBPK 20 MG	5	NDS
XROMI SOLN 100 MG/ML	4	MO
XTANDI CAPS 40 MG	5	NDS
XTANDI TABS 40 MG	5	NDS
XTANDI TABS 80 MG	5	NDS
YERVOY SOLN 200 MG/40ML	5	NDS
YERVOY SOLN 50 MG/10ML	5	NDS
YONDELIS SOLR 1 MG	5	NDS
YONSA TABS 125 MG	5	NDS
ZEJULA TABS 100 MG	5	NDS
ZEJULA TABS 200 MG	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ZEJULA TABS 300 MG	5	NDS
ZELBORAF TABS 240 MG	5	NDS
ZENBEXUS CAPS 0.75 MG	5	NDS
ZENBEXUS CAPS 1 MG	5	NDS
ZOLINZA CAPS 100 MG	5	NDS
ZYDELIG TABS 100 MG	5	NDS
ZYDELIG TABS 150 MG	5	NDS
ZYKADIA TABS 150 MG	5	NDS
AUTONOMIC DRUGS		
ANTICHOLINERGIC AGENTS		
atropine sulfate soln 8 mg/20ml	2	
atropine sulfate sosy 1 mg/10ml	2	
chlordiazepoxide-clidinium caps 5-2.5 mg	2	
dicyclomine hcl caps 10 mg	2	MO
dicyclomine hcl soln 10 mg/5ml	2	MO
dicyclomine hcl soln 10 mg/ml	2	
dicyclomine hcl tabs 20 mg	2	MO
DICYCLOMINE HCL TABS 40 MG	5	NDS
glycopyrrolate +rfid soln 0.2 mg/ml	2	
glycopyrrolate soln 0.2 mg/ml	2	
glycopyrrolate soln 0.4 mg/2ml	2	
glycopyrrolate injection soln 1 mg/5ml	2	
glycopyrrolate oral soln 1 mg/5ml	2	MO
glycopyrrolate tabs 1 mg	2	MO
GLYCOPYRROLATE TABS 1.5 MG	2	
glycopyrrolate tabs 2 mg	2	MO
ipratropium bromide hfa aers 17 mcg/act	4	MO
ipratropium bromide soln 0.02 %	1	PA, MO
ipratropium bromide soln 0.03 %	2	MO
ipratropium bromide soln 0.06 %	2	MO
SPIRIVA RESPIMAT AERS 1.25 MCG/ACT	4	MO
SPIRIVA RESPIMAT AERS 2.5 MCG/ACT	3	MO
STIOLTO RESPIMAT AERS 2.5-2.5 MCG/ACT	3	MO
YUPELRI NEBU 175 MCG/3ML	5	PA, NDS
AUTONOMIC DRUGS, MISCELLANEOUS		
bupropion hcl er (smoking det) tb12 150 mg	2	MO
nicotine dis 14mg/24h	2	OTC
nicotine dis 21mg/24h	2	OTC
nicotine polacrilex gum 2 mg	2	OTC
nicotine polacrilex gum 4 mg	2	OTC
nicotine pt24 7 mg/24hr	2	OTC
NICOTROL NS SOLN 10 MG/ML	4	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
varenicline tartrate (starter) tbpk 0.5 mg x 11 & 1 mg x 42	2	MO
varenicline tartrate tabs 0.5 mg	2	MO
varenicline tartrate tabs 1 mg	2	MO
varenicline tartrate(continue) tabs 1 mg	2	MO
PARASYMPATHOMIMETIC (CHOLINERGIC) AGENTS		
bethanechol chloride tabs 10 mg	2	MO
bethanechol chloride tabs 25 mg	2	MO
bethanechol chloride tabs 5 mg	2	MO
bethanechol chloride tabs 50 mg	2	MO
donepezil hcl tabs 10 mg	1	MO
donepezil hcl tabs 5 mg	1	MO
donepezil hcl tbdp 10 mg	2	MO
donepezil hcl tbdp 5 mg	2	MO
galantamine hydrobromide er cp24 16 mg	2	MO
galantamine hydrobromide er cp24 24 mg	2	MO
galantamine hydrobromide er cp24 8 mg	2	MO
GALANTAMINE HYDROBROMIDE SOLN 4 MG/ML	2	MO
galantamine hydrobromide tabs 12 mg	2	MO
galantamine hydrobromide tabs 4 mg	2	MO
galantamine hydrobromide tabs 8 mg	2	MO
pilocarpine hcl tabs 5 mg	2	MO
pyridostigmine bromide er tbcr 180 mg	2	MO
pyridostigmine bromide soln 60 mg/5ml	4	MO
pyridostigmine bromide tabs 60 mg	2	MO
REGONOL SOLN 10 MG/2ML	3	
rivastigmine tartrate caps 1.5 mg	2	MO
rivastigmine tartrate caps 3 mg	2	MO
rivastigmine tartrate caps 4.5 mg	2	MO
rivastigmine tartrate caps 6 mg	2	MO
SKELETAL MUSCLE RELAXANTS		
baclofen soln 10 mg/5ml	4	
baclofen susp 25 mg/5ml	4	
baclofen tabs 10 mg	2	MO
baclofen tabs 20 mg	2	MO
baclofen tabs 5 mg	2	MO
cyclobenzaprine hcl tabs 10 mg	2	PA
cyclobenzaprine hcl tabs 5 mg	2	PA
dantrolene sodium caps 100 mg	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
dantrolene sodium caps 25 mg	2	
dantrolene sodium caps 50 mg	2	
METAXALONE TABS 640 MG	5	NDS
methocarbamol tabs 500 mg	2	
methocarbamol tabs 750 mg	2	
succinylcholine chloride soln 20 mg/ml	2	
tizanidine hcl tabs 2 mg	2	
tizanidine hcl tabs 4 mg	2	
SYMPATHOLYTIC (ADRENERGIC BLOCKING) AGENTS		
alfuzosin hcl er tb24 10 mg	2	MO
dihydroergotamine mesylate soln 1 mg/ml	2	
dihydroergotamine mesylate soln 4 mg/ml	2	
ERGOMAR SUBL 2 MG	4	
phenoxybenzamine hcl caps 10 mg	5	NDS
silodosin caps 4 mg	2	MO
silodosin caps 8 mg	2	MO
tamsulosin hcl caps 0.4 mg	1	MO
SYMPATHOMIMETIC (ADRENERGIC) AGENTS		
albuterol sulfate hfa aers 108 (90 base) mcg/act	2	MO
albuterol sulfate nebu (2.5 mg/3ml) 0.083%	2	PA, MO
albuterol sulfate nebu 0.63 mg/3ml	2	PA, MO
albuterol sulfate nebu 1.25 mg/3ml	2	PA, MO
albuterol sulfate nebu 2.5 mg/0.5ml	2	PA, MO
albuterol sulfate syrp 2 mg/5ml	2	MO
albuterol sulfate tabs 2 mg	2	MO
albuterol sulfate tabs 4 mg	2	MO
arformoterol tartrate nebu 15 mcg/2ml	4	PA, MO
AUVI-Q SOAJ 0.1 MG/0.1ML	2	
AUVI-Q SOAJ 0.15 MG/0.15ML	2	
AUVI-Q SOAJ 0.3 MG/0.3ML	2	
COMBIVENT RESPIMAT AERS 20-100 MCG/ACT	4	MO
dobutamine hcl soln 12.5 mg/ml	2	
DOBUTAMINE-DEXTROSE SOLN 1-5 MG/ML-%	2	
DOBUTAMINE-DEXTROSE SOLN 2-5 MG/ML-%	2	
dopamine hcl soln 40 mg/ml	2	
DOPAMINE-DEXTROSE SOLN 0.8-5 MG/ML-%	2	
DOPAMINE-DEXTROSE SOLN 1.6-5 MG/ML-%	2	
DOPAMINE-DEXTROSE SOLN 3.2-5 MG/ML-%	2	
droxidopa caps 100 mg	4	
droxidopa caps 200 mg	4	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
droxidopa caps 300 mg	4	
EPINEPHRINE SOAJ 0.3 MG/0.3ML	2	
ipratropium-albuterol soln 0.5-2.5 (3) mg/3ml	2	PA, MO
midodrine hcl tabs 10 mg	2	MO
midodrine hcl tabs 2.5 mg	2	MO
midodrine hcl tabs 5 mg	2	MO
norepinephrine bitartrate soln 1 mg/ml	2	
SEREVENT DISKUS AEPB 50 MCG/ACT	4	MO
STRIVERDI RESPIMAT AERS 2.5 MCG/ACT	3	MO
terbutaline sulfate soln 1 mg/ml	2	
terbutaline sulfate tabs 2.5 mg	2	MO
terbutaline sulfate tabs 5 mg	2	MO
BLOOD FORMATION, COAGULATION, AND THROMBOSIS		
COAGULANTS AND ANTICOAGULANTS		
aminocaproic acid soln 0.25 gm/ml	2	MO
aminocaproic acid soln 250 mg/ml	2	
aminocaproic acid tabs 1000 mg	2	MO
aminocaproic acid tabs 500 mg	2	MO
anagrelide hcl caps 0.5 mg	2	MO
anagrelide hcl caps 1 mg	2	MO
argatroban soln 250 mg/2.5ml	2	
aspirin-dipyridamole er cp12 25-200 mg	2	MO
cilostazol tabs 100 mg	2	MO
cilostazol tabs 50 mg	2	MO
clopidogrel bisulfate tabs 75 mg	1	MO
dabigatran etexilate mesylate caps 110 mg	2	MO
dabigatran etexilate mesylate caps 150 mg	2	MO
dabigatran etexilate mesylate caps 75 mg	2	MO
ELIQUIS (1.5 MG PACK) TBSO 3 x 0.5 MG	3	MO
ELIQUIS (2 MG PACK) TBSO 4 x 0.5 MG	3	MO
ELIQUIS CPSP 0.15 MG	3	MO
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK 5 MG	3	
ELIQUIS TABS 2.5 MG	3	MO
ELIQUIS TABS 5 MG	3	MO
ELIQUIS TBSO 0.5 MG	3	MO
ENOXAPARIN SODIUM SOLN 300 MG/3ML	2	
enoxaparin sodium sosy 100 mg/ml	2	
enoxaparin sodium sosy 120 mg/0.8ml	2	
enoxaparin sodium sosy 150 mg/ml	2	
enoxaparin sodium sosy 30 mg/0.3ml	2	
enoxaparin sodium sosy 40 mg/0.4ml	2	
enoxaparin sodium sosy 60 mg/0.6ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
enoxaparin sodium sosy 80 mg/0.8ml	2	
FONDAPARINUX SODIUM SOLN 10 MG/0.8ML	4	
fondaparinux sodium soln 2.5 mg/0.5ml	4	
FONDAPARINUX SODIUM SOLN 5 MG/0.4ML	4	
FONDAPARINUX SODIUM SOLN 7.5 MG/0.6ML	4	
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN 1000-0.9 UT/500ML-%	2	
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN 2000-0.9 UNIT/L-%	2	
HEPARIN SOD (PORCINE) IN D5W SOLN 100 UNIT/ML	2	
HEPARIN SOD (PORCINE) IN D5W SOLN 25000-5 UT/500ML-%	2	
HEPARIN SOD (PORCINE) IN D5W SOLN 40-5 UNIT/ML-%	2	
HEPARIN SODIUM (PORCINE) +RFID SOLN 1000 UNIT/ML	2	
HEPARIN SODIUM (PORCINE) PF SOLN 1000 UNIT/ML	2	
heparin sodium (porcine) pf soln 5000 unit/0.5ml	2	
heparin sodium (porcine) soln 1000 unit/ml	2	
heparin sodium (porcine) soln 10000 unit/ml	2	
heparin sodium (porcine) soln 20000 unit/ml	2	
heparin sodium (porcine) soln 5000 unit/ml	2	
pentoxifylline er tbcr 400 mg	2	MO
prasugrel hcl tabs 10 mg	2	MO
prasugrel hcl tabs 5 mg	2	MO
rivaroxaban susr 1 mg/ml	2	MO
rivaroxaban tabs 2.5 mg	2	MO
ticagrelor tabs 60 mg	2	MO
ticagrelor tabs 90 mg	2	MO
tranexamic acid soln 1000 mg/10ml	2	
tranexamic acid tabs 650 mg	2	MO
warfarin sodium tabs 1 mg	1	MO
warfarin sodium tabs 10 mg	1	MO
warfarin sodium tabs 2 mg	1	MO
warfarin sodium tabs 2.5 mg	1	MO
warfarin sodium tabs 3 mg	1	MO
warfarin sodium tabs 4 mg	1	MO
warfarin sodium tabs 5 mg	1	MO
warfarin sodium tabs 6 mg	1	MO
warfarin sodium tabs 7.5 mg	1	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
XARELTO STARTER PACK TBPK 15 & 20 MG	3	MO
XARELTO TABS 10 MG	3	MO
XARELTO TABS 15 MG	3	MO
XARELTO TABS 20 MG	3	MO
HEMATOPOIETIC AGENTS		
ALVAIZ TABS 18 MG	3	MO
ALVAIZ TABS 36 MG	3	MO
ALVAIZ TABS 54 MG	3	MO
ALVAIZ TABS 9 MG	3	MO
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 100 MCG/ML	5	NDS
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 60 MCG/ML	4	
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 100 MCG/0.5ML	5	NDS
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML	5	NDS
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 300 MCG/0.6ML	5	NDS
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 60 MCG/0.3ML	4	
CABLIVI KIT 11 MG	5	NDS
DOPTELET TABS 20 MG	5	NDS
eltrombopag olamine pack 12.5 mg	5	NDS
eltrombopag olamine pack 25 mg	5	NDS
eltrombopag olamine tabs 12.5 mg	2	MO
eltrombopag olamine tabs 25 mg	2	MO
eltrombopag olamine tabs 50 mg	2	MO
eltrombopag olamine tabs 75 mg	2	MO
FILKRI SOSY 300 MCG/0.5ML	3	
FILKRI SOSY 480 MCG/0.8ML	3	
FULPHILA SOSY 6 MG/0.6ML	5	NDS
LEUKINE SOLR 250 MCG	5	NDS
NIVESTYM SOLN 300 MCG/ML	5	NDS
NIVESTYM SOLN 480 MCG/1.6ML	5	NDS
NIVESTYM SOSY 300 MCG/0.5ML	5	NDS
NIVESTYM SOSY 480 MCG/0.8ML	5	NDS
PLERIXAFOR SOLN 24 MG/1.2ML	5	NDS
PROCRIT SOLN 10000 UNIT/ML	3	
PROCRIT SOLN 2000 UNIT/ML	3	
PROCRIT SOLN 20000 UNIT/ML	3	
PROCRIT SOLN 3000 UNIT/ML	3	
PROCRIT SOLN 4000 UNIT/ML	3	
PROCRIT SOLN 40000 UNIT/ML	5	NDS
RETACRIT SOLN 20000 UNIT/ML	4	NDS
RYZNEUTA SOSY 20 MG/ML	5	NDS
TAVALISSE TABS 100 MG	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
TAVALISSE TABS 150 MG	5	NDS
ZARXIO SOSY 300 MCG/0.5ML	5	NDS
ZARXIO SOSY 480 MCG/0.8ML	5	NDS
CARDIOVASCULAR DRUGS		
A-ADRENERGIC BLOCKING AGENTS		
doxazosin mesylate tabs 1 mg	1	MO
doxazosin mesylate tabs 2 mg	1	MO
doxazosin mesylate tabs 4 mg	1	MO
doxazosin mesylate tabs 8 mg	1	MO
metyrosine caps 250 mg	5	NDS
prazosin hcl caps 1 mg	2	MO
prazosin hcl caps 2 mg	2	MO
prazosin hcl caps 5 mg	2	MO
terazosin hcl caps 1 mg	1	MO
terazosin hcl caps 10 mg	1	MO
terazosin hcl caps 2 mg	1	MO
terazosin hcl caps 5 mg	1	MO
ANTILIPEMIC AGENTS		
atorvastatin calcium tabs 10 mg	1	MO
atorvastatin calcium tabs 20 mg	1	MO
atorvastatin calcium tabs 40 mg	1	MO
atorvastatin calcium tabs 80 mg	1	MO
cholestyramine light pack 4 gm	2	MO
cholestyramine light powd 4 gm/dose	2	MO
cholestyramine pack 4 gm	2	MO
cholestyramine powd 4 gm/dose	2	MO
colesevelam hcl tabs 625 mg	2	MO
COLESTIPOL HCL GRAN 5 GM	2	MO
COLESTIPOL HCL PACK 5 GM	2	MO
colestipol hcl tabs 1 gm	2	MO
ezetimibe tabs 10 mg	1	MO
fenofibrate tabs 160 mg	2	MO
fenofibrate tabs 54 mg	2	MO
gemfibrozil tabs 600 mg	2	MO
icosapent ethyl caps 0.5 gm	2	MO
icosapent ethyl caps 1 gm	2	MO
lovastatin tabs 10 mg	1	MO
lovastatin tabs 20 mg	1	MO
lovastatin tabs 40 mg	1	MO
NEXLETOL TABS 180 MG	4	MO
NEXLIZET TABS 180-10 MG	4	MO
niacin er (antihyperlipidemic) tbcr 500 mg	2	MO
NIACOR TABS 500 MG	2	MO
omega-3-acid ethyl esters caps 1 gm	2	MO
pravastatin sodium tabs 10 mg	1	MO
pravastatin sodium tabs 20 mg	1	MO
pravastatin sodium tabs 40 mg	1	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
pravastatin sodium tabs 80 mg	1	MO
prevalite pack 4 gm	2	MO
prevalite powd 4 gm/dose	2	MO
REPATHA SURECLICK SOAJ 140 MG/ML	4	
rosuvastatin calcium tabs 10 mg	1	MO
rosuvastatin calcium tabs 20 mg	1	MO
rosuvastatin calcium tabs 40 mg	1	MO
rosuvastatin calcium tabs 5 mg	1	MO
simvastatin tabs 10 mg	1	MO
simvastatin tabs 20 mg	1	MO
simvastatin tabs 40 mg	1	MO
simvastatin tabs 5 mg	1	MO
simvastatin tabs 80 mg	1	MO
TRYNGOLZA SOAJ 80 MG/0.8ML	5	NDS
BETA-ADRENERGIC BLOCKING AGENTS		
acebutolol hcl caps 200 mg	2	MO
acebutolol hcl caps 400 mg	2	MO
atenolol tabs 100 mg	1	MO
atenolol tabs 25 mg	1	MO
atenolol tabs 50 mg	1	MO
atenolol-chlorthalidone tabs 100-25 mg	1	MO
atenolol-chlorthalidone tabs 50-25 mg	1	MO
bisoprolol fumarate tabs 10 mg	1	MO
bisoprolol fumarate tabs 5 mg	1	MO
bisoprolol-hydrochlorothiazide tabs 10-6.25 mg	2	MO
bisoprolol-hydrochlorothiazide tabs 2.5-6.25 mg	2	MO
bisoprolol-hydrochlorothiazide tabs 5-6.25 mg	2	MO
carvedilol tabs 12.5 mg	1	MO
carvedilol tabs 25 mg	1	MO
carvedilol tabs 3.125 mg	1	MO
carvedilol tabs 6.25 mg	1	MO
ESMOLOL HCL SOLN 100 MG/10ML	2	
esmolol hcl-sodium chloride soln 2500 mg/250ml	2	
labetalol hcl soln 5 mg/ml	2	
labetalol hcl tabs 100 mg	2	MO
labetalol hcl tabs 200 mg	2	MO
labetalol hcl tabs 300 mg	2	MO
metoprolol succinate er tb24 100 mg	1	MO
metoprolol succinate er tb24 200 mg	1	MO
metoprolol succinate er tb24 25 mg	1	MO
metoprolol succinate er tb24 50 mg	1	MO
metoprolol tartrate soln 5 mg/5ml	2	
metoprolol tartrate tabs 100 mg	1	MO
metoprolol tartrate tabs 25 mg	1	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
metoprolol tartrate tabs 50 mg	1	MO
nadolol tabs 20 mg	2	MO
nadolol tabs 40 mg	2	MO
nadolol tabs 80 mg	2	MO
nebivolol hcl tabs 10 mg	2	MO
nebivolol hcl tabs 2.5 mg	2	MO
nebivolol hcl tabs 20 mg	2	MO
nebivolol hcl tabs 5 mg	2	MO
propranolol hcl er cp24 120 mg	2	MO
propranolol hcl er cp24 160 mg	2	MO
propranolol hcl er cp24 60 mg	2	MO
propranolol hcl er cp24 80 mg	2	MO
propranolol hcl soln 1 mg/ml	2	
propranolol hcl soln 20 mg/5ml	2	MO
PROPRANOLOL HCL SOLN 40 MG/5ML	2	MO
propranolol hcl tabs 10 mg	1	MO
propranolol hcl tabs 20 mg	1	MO
propranolol hcl tabs 40 mg	1	MO
propranolol hcl tabs 60 mg	1	MO
propranolol hcl tabs 80 mg	1	MO
sotalol hcl (af) tabs 120 mg	2	MO
sotalol hcl (af) tabs 160 mg	2	MO
sotalol hcl (af) tabs 80 mg	2	MO
sotalol hcl tabs 120 mg	2	MO
sotalol hcl tabs 160 mg	2	MO
sotalol hcl tabs 240 mg	2	MO
sotalol hcl tabs 80 mg	2	MO
timolol maleate tabs 10 mg	2	MO
CALCIUM-CHANNEL BLOCKING AGENTS		
amlodipine besy-benazepril hcl caps 10-20 mg	1	MO
amlodipine besy-benazepril hcl caps 10-40 mg	1	MO
amlodipine besy-benazepril hcl caps 2.5-10 mg	1	MO
amlodipine besy-benazepril hcl caps 5-10 mg	1	MO
amlodipine besy-benazepril hcl caps 5-20 mg	1	MO
amlodipine besy-benazepril hcl caps 5-40 mg	1	MO
amlodipine besylate tabs 10 mg	1	MO
amlodipine besylate tabs 2.5 mg	1	MO
amlodipine besylate tabs 5 mg	1	MO
cartia xt cp24 120 mg	2	MO
cartia xt cp24 180 mg	2	MO
cartia xt cp24 240 mg	2	MO
cartia xt cp24 300 mg	2	MO
dilt-xr cp24 120 mg	2	MO
dilt-xr cp24 180 mg	2	MO
dilt-xr cp24 240 mg	2	MO
diltiazem hcl er coated beads cp24 120 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
diltiazem hcl er coated beads cp24 180 mg	2	MO
diltiazem hcl er coated beads cp24 240 mg	2	MO
diltiazem hcl er coated beads cp24 300 mg	2	MO
diltiazem hcl er coated beads cp24 360 mg	2	MO
diltiazem hcl er cp12 120 mg	2	MO
diltiazem hcl er cp12 60 mg	2	MO
diltiazem hcl er cp12 90 mg	2	MO
diltiazem hcl er cp24 120 mg	2	MO
diltiazem hcl er cp24 180 mg	2	MO
diltiazem hcl er cp24 240 mg	2	MO
diltiazem hcl soln 125 mg/25ml	2	
diltiazem hcl soln 25 mg/5ml	2	
diltiazem hcl soln 50 mg/10ml	2	
diltiazem hcl tabs 120 mg	2	MO
diltiazem hcl tabs 30 mg	2	MO
diltiazem hcl tabs 60 mg	2	MO
diltiazem hcl tabs 90 mg	2	MO
felodipine er tb24 10 mg	2	MO
felodipine er tb24 2.5 mg	2	MO
felodipine er tb24 5 mg	2	MO
NICARDIPINE HCL SOLN 2.5 MG/ML	2	
nifedipine caps 10 mg	2	MO
nifedipine caps 20 mg	2	MO
nifedipine er osmotic release tb24 30 mg	2	MO
nifedipine er osmotic release tb24 60 mg	2	MO
nifedipine er osmotic release tb24 90 mg	2	MO
nifedipine er tb24 30 mg	2	MO
nifedipine er tb24 60 mg	2	MO
nifedipine er tb24 90 mg	2	MO
nimodipine caps 30 mg	2	MO
NIMODIPINE SOLN 60 MG/20ML	5	NDS
verapamil hcl er tbcr 120 mg	2	MO
verapamil hcl er tbcr 180 mg	2	MO
verapamil hcl er tbcr 240 mg	2	MO
verapamil hcl soln 2.5 mg/ml	2	
verapamil hcl tabs 120 mg	1	MO
verapamil hcl tabs 40 mg	1	MO
verapamil hcl tabs 80 mg	1	MO
CARDIAC DRUGS		
adenosine soln 12 mg/4ml	2	
adenosine soln 6 mg/2ml	2	
amiodarone hcl soln 150 mg/3ml	2	
amiodarone hcl soln 450 mg/9ml	2	
amiodarone hcl soln 900 mg/18ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
amiodarone hcl tabs 100 mg	2	MO
amiodarone hcl tabs 200 mg	1	MO
amiodarone hcl tabs 400 mg	2	MO
ATTRUBY TBPK 356 MG	5	NDS
CORLANOR SOLN 5 MG/5ML	4	MO
DIGOXIN SOLN 0.05 MG/ML	2	
digoxin soln 0.25 mg/ml	2	
digoxin tabs 125 mcg	2	MO
digoxin tabs 250 mcg	2	MO
disopyramide phosphate caps 100 mg	2	MO
disopyramide phosphate caps 150 mg	2	MO
dofetilide caps 125 mcg	2	MO
dofetilide caps 250 mcg	2	MO
dofetilide caps 500 mcg	2	MO
flecainide acetate tabs 100 mg	2	MO
flecainide acetate tabs 150 mg	2	MO
flecainide acetate tabs 50 mg	2	MO
ibutilide fumarate soln 1 mg/10ml	2	
ivabradine hcl tabs 5 mg	4	MO
ivabradine hcl tabs 7.5 mg	4	MO
LANOXIN PEDIATRIC SOLN 0.1 MG/ML	3	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
LIDOCAINE HCL (CARDIAC) PF SOSY 100 MG/5ML	2	
LIDOCAINE HCL (CARDIAC) PF SOSY 50 MG/5ML	2	
LIDOCAINE IN D5W SOLN 4-5 MG/ML-%	2	
mexiletine hcl caps 150 mg	2	MO
mexiletine hcl caps 200 mg	2	MO
mexiletine hcl caps 250 mg	2	MO
milrinone lactate in dextrose soln 20-5 mg/100ml-%	2	
milrinone lactate in dextrose soln 40-5 mg/200ml-%	2	
milrinone lactate soln 10 mg/10ml	2	
MULTAQ TABS 400 MG	4	
NORPACE CR CP12 100 MG	3	MO
NORPACE CR CP12 150 MG	3	MO
procainamide hcl soln 100 mg/ml	2	
procainamide hcl soln 500 mg/ml	2	
propafenone hcl tabs 150 mg	2	MO
propafenone hcl tabs 225 mg	2	MO
propafenone hcl tabs 300 mg	2	MO
quinidine gluconate er tbcr 324 mg	2	MO
QUINIDINE SULFATE TABS 200 MG	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
QUINIDINE SULFATE TABS 300 MG	2	MO
ranolazine er tb12 1000 mg	4	MO
ranolazine er tb12 500 mg	4	MO
VYNDAMAX CAPS 61 MG	5	NDS
HYPOTENSIVE AGENTS		
clonidine hcl tabs 0.1 mg	1	MO
clonidine hcl tabs 0.2 mg	1	MO
clonidine hcl tabs 0.3 mg	1	MO
clonidine ptwk 0.1 mg/24hr	2	MO
clonidine ptwk 0.2 mg/24hr	2	MO
clonidine ptwk 0.3 mg/24hr	2	MO
guanfacine hcl tabs 1 mg	2	MO
guanfacine hcl tabs 2 mg	2	MO
hydralazine hcl soln 20 mg/ml	2	
hydralazine hcl tabs 10 mg	1	MO
hydralazine hcl tabs 100 mg	1	MO
hydralazine hcl tabs 25 mg	1	MO
hydralazine hcl tabs 50 mg	1	MO
minoxidil tabs 10 mg	2	MO
minoxidil tabs 2.5 mg	2	MO
nitroprusside sodium soln 25 mg/ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
RENIN-ANGIOTENSIN-ALDOSTERONE SYSTEM INHIBITORS		
ALISKIREN FUMARATE TABS 150 MG	2	MO
ALISKIREN FUMARATE TABS 300 MG	2	MO
benazepril hcl tabs 10 mg	1	MO
benazepril hcl tabs 20 mg	1	MO
benazepril hcl tabs 40 mg	1	MO
benazepril hcl tabs 5 mg	1	MO
candesartan cilexetil tabs 16 mg	2	MO
candesartan cilexetil tabs 32 mg	2	MO
candesartan cilexetil tabs 4 mg	2	MO
candesartan cilexetil tabs 8 mg	2	MO
captopril tabs 100 mg	2	MO
captopril tabs 12.5 mg	2	MO
captopril tabs 25 mg	2	MO
captopril tabs 50 mg	2	MO
enalapril maleate tabs 10 mg	1	MO
enalapril maleate tabs 2.5 mg	1	MO
enalapril maleate tabs 20 mg	1	MO
enalapril maleate tabs 5 mg	1	MO
enalaprilat soln 1.25 mg/ml	2	
eplerenone tabs 25 mg	2	MO
eplerenone tabs 50 mg	2	MO
irbesartan tabs 150 mg	1	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
irbesartan tabs 300 mg	1	MO
irbesartan tabs 75 mg	1	MO
KERENDIA TABS 10 MG	4	MO
KERENDIA TABS 20 MG	4	MO
lisinopril tabs 10 mg	1	MO
lisinopril tabs 2.5 mg	1	MO
lisinopril tabs 20 mg	1	MO
lisinopril tabs 30 mg	1	MO
lisinopril tabs 40 mg	1	MO
lisinopril tabs 5 mg	1	MO
lisinopril-hydrochlorothiazide tabs 10-12.5 mg	1	MO
lisinopril-hydrochlorothiazide tabs 20-12.5 mg	1	MO
lisinopril-hydrochlorothiazide tabs 20-25 mg	1	MO
losartan potassium tabs 100 mg	1	MO
losartan potassium tabs 25 mg	1	MO
losartan potassium tabs 50 mg	1	MO
losartan potassium-hctz tabs 100-12.5 mg	1	MO
losartan potassium-hctz tabs 100-25 mg	1	MO
losartan potassium-hctz tabs 50-12.5 mg	1	MO
ramipril caps 1.25 mg	2	MO
ramipril caps 10 mg	2	MO
ramipril caps 2.5 mg	2	MO
ramipril caps 5 mg	2	MO
sacubitril-valsartan tabs 24-26 mg	2	MO
sacubitril-valsartan tabs 49-51 mg	2	MO
sacubitril-valsartan tabs 97-103 mg	2	MO
spironolactone tabs 100 mg	1	MO
spironolactone tabs 25 mg	1	MO
spironolactone tabs 50 mg	1	MO
spironolactone-hctz tabs 25-25 mg	2	MO
valsartan tabs 160 mg	1	MO
valsartan tabs 320 mg	1	MO
valsartan tabs 40 mg	1	MO
valsartan tabs 80 mg	1	MO
valsartan-hydrochlorothiazide tabs 160-12.5 mg	1	MO
valsartan-hydrochlorothiazide tabs 160-25 mg	1	MO
valsartan-hydrochlorothiazide tabs 320-12.5 mg	1	MO
valsartan-hydrochlorothiazide tabs 320-25 mg	1	MO
valsartan-hydrochlorothiazide tabs 80-12.5 mg	1	MO
VASODILATING AGENTS		
dipyridamole tabs 25 mg	2	MO
dipyridamole tabs 50 mg	2	MO
dipyridamole tabs 75 mg	2	MO
isosorbide dinitrate tabs 10 mg	2	MO
isosorbide dinitrate tabs 20 mg	2	MO
isosorbide dinitrate tabs 30 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
isosorbide dinitrate tabs 5 mg	2	MO
isosorbide mononitrate er tb24 120 mg	1	MO
isosorbide mononitrate er tb24 30 mg	1	MO
isosorbide mononitrate er tb24 60 mg	1	MO
isosorbide mononitrate tabs 10 mg	2	MO
isosorbide mononitrate tabs 20 mg	2	MO
nitro-bid oint 2 %	2	MO
NITRO-DUR PT24 0.3 MG/HR	5	MO
NITRO-DUR PT24 0.8 MG/HR	5	MO
nitroglycerin pt24 0.1 mg/hr	2	MO
nitroglycerin pt24 0.2 mg/hr	2	MO
nitroglycerin pt24 0.4 mg/hr	2	MO
nitroglycerin pt24 0.6 mg/hr	2	MO
nitroglycerin soln 0.4 mg/spray	2	MO
NITROGLYCERIN SOLN 5 MG/ML	2	
nitroglycerin subl 0.3 mg	2	MO
nitroglycerin subl 0.4 mg	2	MO
nitroglycerin subl 0.6 mg	2	MO
sildenafil citrate susr 10 mg/ml	2	PA
sildenafil citrate tabs 20 mg	2	PA, MO
tadalafil (pah) tabs 20 mg	2	PA
tadalafil tabs 2.5 mg	2	PA
tadalafil tabs 5 mg	2	PA
VERQUVO TABS 10 MG	4	MO
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS		
ALCOHOL DETERRENTS		
acamprosate calcium tbec 333 mg	2	MO
disulfiram tabs 250 mg	4	MO
disulfiram tabs 500 mg	4	MO
ANALGESICS AND ANTIPYRETICS		
ACETAMINOPHEN-CODEINE SOLN 120-12 MG/5ML	2	NDS
acetaminophen-codeine tabs 300-15 mg	2	NDS
acetaminophen-codeine tabs 300-30 mg	2	NDS
acetaminophen-codeine tabs 300-60 mg	2	NDS
butalbital-apap-caffeine tabs 50-325-40 mg	2	
butalbital-aspirin-caffeine caps 50-325-40 mg	2	
celecoxib caps 100 mg	2	
celecoxib caps 200 mg	2	
celecoxib caps 400 mg	2	
celecoxib caps 50 mg	2	
CODEINE SULFATE TABS 15 MG	2	NDS
codeine sulfate tabs 30 mg	2	NDS
CODEINE SULFATE TABS 60 MG	2	NDS
diclofenac sodium tbec 25 mg	2	
diclofenac sodium tbec 50 mg	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
diclofenac sodium tbec 75 mg	2	
diflunisal tabs 500 mg	2	
DOLOBID TABS 375 MG	5	NDS
endocet tabs 5-325 mg	2	NDS
endocet tabs 7.5-325 mg	2	NDS
etodolac caps 200 mg	2	
etodolac caps 300 mg	2	
etodolac tabs 400 mg	2	
etodolac tabs 500 mg	2	
FENTANYL CITRATE (PF) SOLN 1000 MCG/20ML	2	NDS
FENTANYL CITRATE (PF) SOLN 2500 MCG/50ML	2	NDS
fentanyl pt72 100 mcg/hr	2	NDS
fentanyl pt72 12 mcg/hr	2	NDS
fentanyl pt72 25 mcg/hr	2	NDS
fentanyl pt72 50 mcg/hr	2	NDS
fentanyl pt72 75 mcg/hr	2	NDS
HYDROCODONE-ACETAMINOPHEN SOLN 10-300 MG/15ML	2	NDS
hydrocodone-acetaminophen soln 7.5-325 mg/15ml	2	NDS
hydrocodone-acetaminophen tabs 10-325 mg	2	NDS
hydrocodone-acetaminophen tabs 5-325 mg	2	NDS
hydrocodone-acetaminophen tabs 7.5-325 mg	2	NDS
hydromorphone hcl liqd 1 mg/ml	2	NDS
hydromorphone hcl tabs 2 mg	2	NDS
hydromorphone hcl tabs 4 mg	2	NDS
hydromorphone hcl tabs 8 mg	2	NDS
ibu tabs 400 mg	2	
ibu tabs 600 mg	2	
ibu tabs 800 mg	2	
ibuprofen lysine soln 10 mg/ml	2	
ibuprofen susp 100 mg/5ml	2	
ibuprofen tabs 400 mg	2	
ibuprofen tabs 600 mg	2	
ibuprofen tabs 800 mg	2	
indocin supp 50 mg	5	NDS
indomethacin caps 25 mg	2	
indomethacin caps 50 mg	2	
indomethacin er cpcr 75 mg	2	
INDOMETHACIN SODIUM SOLR 1 MG	2	
KETOPROFEN CAPS 50 MG	2	
ketorolac tromethamine +rfid soln 30 mg/ml	2	
ketorolac tromethamine soln 15 mg/ml	2	
ketorolac tromethamine soln 30 mg/ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ketorolac tromethamine soln 60 mg/2ml	2	
levorphanol tartrate tabs 2 mg	4	NDS
levorphanol tartrate tabs 3 mg	5	NDS
MECLOFENAMATE SODIUM CAPS 100 MG	2	
MECLOFENAMATE SODIUM CAPS 50 MG	2	
mefenamic acid caps 250 mg	2	
meloxicam tabs 15 mg	1	
meloxicam tabs 7.5 mg	1	
methadone hcl conc 10 mg/ml	2	NDS
methadone hcl intensol conc 10 mg/ml	2	NDS
METHADONE HCL SOLN 5 MG/5ML	2	NDS
methadone hcl tabs 10 mg	2	NDS
methadone hcl tabs 5 mg	2	NDS
morphine sulfate (concentrate) soln 100 mg/5ml	2	NDS
morphine sulfate er tbcr 100 mg	2	NDS
morphine sulfate er tbcr 15 mg	2	NDS
morphine sulfate er tbcr 200 mg	2	NDS
morphine sulfate er tbcr 30 mg	2	NDS
morphine sulfate er tbcr 60 mg	2	NDS
morphine sulfate soln 10 mg/5ml	2	NDS
MORPHINE SULFATE SOLN 20 MG/5ML	2	NDS
morphine sulfate tabs 15 mg	2	NDS
morphine sulfate tabs 30 mg	2	NDS
nabumetone tabs 500 mg	2	
nabumetone tabs 750 mg	2	
nalbuphine hcl soln 10 mg/ml	2	NDS
nalbuphine hcl soln 20 mg/ml	2	NDS
naproxen susp 125 mg/5ml	2	
naproxen tabs 250 mg	2	
naproxen tabs 375 mg	2	
naproxen tabs 500 mg	2	
naproxen tbec 375 mg	2	
oxycodone hcl conc 100 mg/5ml	2	NDS
oxycodone hcl soln 5 mg/5ml	2	NDS
oxycodone hcl tabs 10 mg	2	NDS
oxycodone hcl tabs 15 mg	2	NDS
oxycodone hcl tabs 20 mg	2	NDS
oxycodone hcl tabs 30 mg	2	NDS
oxycodone hcl tabs 5 mg	2	NDS
oxycodone-acetaminophen tabs 10-325 mg	2	NDS
oxycodone-acetaminophen tabs 5-325 mg	2	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
oxycodone-acetaminophen tabs 7.5-325 mg	2	NDS
piroxicam caps 10 mg	2	
piroxicam caps 20 mg	2	
SALSALATE TABS 500 MG	2	
SALSALATE TABS 750 MG	2	
sulindac tabs 150 mg	2	
sulindac tabs 200 mg	2	
TRAMADOL HCL SOLN 5 MG/ML	4	NDS
tramadol hcl tabs 50 mg	2	NDS
tramadol-acetaminophen tabs 37.5-325 mg	2	NDS
ANOREXIGENIC AGENTS AND RESPIRATORY AND CEREBRAL STIMULANTS		
amphetamine-dextroamphet er cp24 10 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphet er cp24 15 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphet er cp24 20 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphet er cp24 25 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphet er cp24 30 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphet er cp24 5 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphetamine tabs 10 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphetamine tabs 12.5 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphetamine tabs 15 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphetamine tabs 20 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphetamine tabs 30 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphetamine tabs 5 mg	2	NDS
amphetamine-dextroamphetamine tabs 7.5 mg	2	NDS
armodafinil tabs 150 mg	2	PA
armodafinil tabs 200 mg	2	PA
armodafinil tabs 250 mg	2	PA
armodafinil tabs 50 mg	2	PA
caffeine citrate soln 60 mg/3ml	2	
dexmethylphenidate hcl er cp24 10 mg	2	NDS
dexmethylphenidate hcl er cp24 15 mg	2	NDS
dexmethylphenidate hcl er cp24 20 mg	2	NDS
dexmethylphenidate hcl er cp24 25 mg	2	NDS
dexmethylphenidate hcl er cp24 30 mg	2	NDS
dexmethylphenidate hcl er cp24 35 mg	2	NDS
dexmethylphenidate hcl er cp24 40 mg	2	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
dexmethylphenidate hcl er cp24 5 mg	2	NDS
dexmethylphenidate hcl tabs 10 mg	2	NDS
dexmethylphenidate hcl tabs 2.5 mg	2	NDS
dexmethylphenidate hcl tabs 5 mg	2	NDS
dextroamphetamine sulfate er cp24 10 mg	2	NDS
dextroamphetamine sulfate er cp24 15 mg	2	NDS
dextroamphetamine sulfate er cp24 5 mg	2	NDS
dextroamphetamine sulfate tabs 10 mg	2	NDS
dextroamphetamine sulfate tabs 5 mg	2	NDS
lisdexamfetamine dimesylate caps 10 mg	4	NDS
lisdexamfetamine dimesylate caps 20 mg	4	NDS
lisdexamfetamine dimesylate caps 30 mg	4	NDS
lisdexamfetamine dimesylate caps 40 mg	4	NDS
lisdexamfetamine dimesylate caps 50 mg	4	NDS
lisdexamfetamine dimesylate caps 60 mg	4	NDS
lisdexamfetamine dimesylate caps 70 mg	4	NDS
methylphenidate hcl chew 2.5 mg	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 10 MG	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 20 MG	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 30 MG	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 40 MG	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 50 MG	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 60 MG	2	NDS
methylphenidate hcl er (osm) tbcr 18 mg	2	NDS
methylphenidate hcl er (osm) tbcr 27 mg	2	NDS
methylphenidate hcl er (osm) tbcr 36 mg	2	NDS
methylphenidate hcl er (osm) tbcr 54 mg	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 10 MG	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 15 MG	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 20 MG	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 30 MG	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 40 MG	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 50 MG	2	NDS
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 60 MG	2	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
methylphenidate hcl er tbcr 10 mg	2	NDS
methylphenidate hcl er tbcr 20 mg	2	NDS
methylphenidate hcl soln 5 mg/5ml	2	NDS
methylphenidate hcl tabs 10 mg	2	NDS
methylphenidate hcl tabs 20 mg	2	NDS
methylphenidate hcl tabs 5 mg	2	NDS
modafinil tabs 100 mg	2	PA, NDS
modafinil tabs 200 mg	2	PA, NDS
SUNOSI TABS 150 MG	4	MO
SUNOSI TABS 75 MG	5	NDS
VYKAT XR TB24 150 MG	5	NDS
VYKAT XR TB24 25 MG	5	NDS
VYKAT XR TB24 75 MG	5	NDS
ANTICONVULSANTS		
brivaracetam soln 10 mg/ml	4	MO
brivaracetam tabs 10 mg	4	MO
brivaracetam tabs 100 mg	4	MO
brivaracetam tabs 25 mg	4	MO
brivaracetam tabs 50 mg	4	MO
brivaracetam tabs 75 mg	4	MO
carbamazepine chew 100 mg	2	MO
CARBAMAZEPINE CHEW 200 MG	4	MO
carbamazepine er cp12 100 mg	2	MO
carbamazepine er cp12 200 mg	2	MO
carbamazepine er cp12 300 mg	2	MO
carbamazepine er tb12 100 mg	2	MO
carbamazepine er tb12 200 mg	2	MO
carbamazepine er tb12 400 mg	2	MO
carbamazepine susp 100 mg/5ml	2	MO
carbamazepine tabs 200 mg	2	MO
CELONTIN CAPS 300 MG	3	MO
clobazam susp 2.5 mg/ml	2	MO
clobazam tabs 10 mg	2	MO
clobazam tabs 20 mg	2	MO
clonazepam tabs 0.5 mg	2	NDS
clonazepam tabs 1 mg	2	NDS
clonazepam tabs 2 mg	2	NDS
clonazepam tbdp 0.125 mg	2	NDS
clonazepam tbdp 0.25 mg	2	NDS
clonazepam tbdp 0.5 mg	2	NDS
clonazepam tbdp 1 mg	2	NDS
clonazepam tbdp 2 mg	2	NDS
DIACOMIT CAPS 250 MG	5	NDS
DIACOMIT CAPS 500 MG	5	NDS
DIACOMIT PACK 250 MG	5	NDS
DIACOMIT PACK 500 MG	5	NDS
diazepam gel 10 mg	2	NDS
diazepam gel 2.5 mg	2	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
diazepam gel 20 mg	2	NDS
DILANTIN CAPS 100 MG	2	MO
DILANTIN CAPS 30 MG	2	MO
DILANTIN INFATABS CHEW 50 MG	2	MO
divalproex sodium csdr 125 mg	2	MO
divalproex sodium er tb24 250 mg	2	MO
divalproex sodium er tb24 500 mg	2	MO
divalproex sodium tbec 125 mg	2	MO
divalproex sodium tbec 250 mg	2	MO
divalproex sodium tbec 500 mg	2	MO
ELEPSIA XR TB24 1000 MG	5	NDS
ELEPSIA XR TB24 1500 MG	5	NDS
EPIDIOLEX SOLN 100 MG/ML	5	
eslicarbazepine acetate tabs 200 mg	4	MO
eslicarbazepine acetate tabs 400 mg	4	MO
eslicarbazepine acetate tabs 600 mg	4	MO
eslicarbazepine acetate tabs 800 mg	4	MO
ethosuximide caps 250 mg	2	MO
ethosuximide soln 250 mg/5ml	2	MO
felbamate susp 600 mg/5ml	4	MO
felbamate tabs 400 mg	2	MO
felbamate tabs 600 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
FINTEPLA SOLN 2.2 MG/ML	5	NDS
fosphenytoin sodium soln 100 mg pe/2ml	2	
fosphenytoin sodium soln 500 mg pe/10ml	2	
FYCOMPA SUSP 0.5 MG/ML	5	
gabapentin caps 100 mg	2	MO
gabapentin caps 300 mg	2	MO
gabapentin caps 400 mg	2	MO
gabapentin soln 250 mg/5ml	2	MO
gabapentin tabs 600 mg	2	MO
gabapentin tabs 800 mg	2	MO
GABARONE TABS 100 MG	5	NDS
GABARONE TABS 400 MG	5	NDS
lacosamide soln 10 mg/ml	4	
lacosamide soln 200 mg/20ml	4	
lacosamide tabs 100 mg	2	MO
lacosamide tabs 150 mg	2	MO
lacosamide tabs 200 mg	2	MO
lacosamide tabs 50 mg	2	MO
lamotrigine chew 25 mg	2	MO
lamotrigine chew 5 mg	2	MO
lamotrigine er tb24 100 mg	2	MO
lamotrigine er tb24 200 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
lamotrigine er tb24 25 mg	2	MO
lamotrigine er tb24 250 mg	2	MO
lamotrigine er tb24 300 mg	2	MO
lamotrigine er tb24 50 mg	2	MO
lamotrigine kit 25 & 50 & 100 mg	2	MO
lamotrigine starter kit-blue kit 35 x 25 mg	2	MO
lamotrigine starter kit-green kit 84 x 25 mg & 14x100 mg	2	MO
lamotrigine starter kit-orange kit 42 x 25 mg & 7 x 100 mg	2	MO
lamotrigine tabs 100 mg	2	MO
lamotrigine tabs 150 mg	2	MO
lamotrigine tabs 200 mg	2	MO
lamotrigine tabs 25 mg	2	MO
lamotrigine tbdp 100 mg	2	MO
lamotrigine tbdp 200 mg	2	MO
lamotrigine tbdp 25 mg	2	MO
lamotrigine tbdp 50 mg	2	MO
levetiracetam er tb24 500 mg	2	MO
levetiracetam er tb24 750 mg	2	MO
levetiracetam in nacl soln 1000 mg/100ml	2	
levetiracetam in nacl soln 1500 mg/100ml	2	
levetiracetam in nacl soln 500 mg/100ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
levetiracetam soln 100 mg/ml	2	MO
levetiracetam soln 500 mg/5ml	2	
levetiracetam tabs 1000 mg	2	MO
levetiracetam tabs 250 mg	2	MO
levetiracetam tabs 500 mg	2	MO
levetiracetam tabs 750 mg	2	MO
LEVETIRACETAM TB3D 250 MG	4	MO
LEVETIRACETAM TB3D 500 MG	4	MO
magnesium sulfate soln 50 %	2	HI
methsuximide caps 300 mg	2	MO
MIDAZOLAM SOAJ 10 MG/0.7ML	4	NDS
NAYZILAM SOLN 5 MG/0.1ML	4	NDS
oxcarbazepine susp 300 mg/5ml	2	MO
oxcarbazepine tabs 150 mg	2	MO
oxcarbazepine tabs 300 mg	2	MO
oxcarbazepine tabs 600 mg	2	MO
perampanel susp 0.5 mg/ml	5	
perampanel tabs 10 mg	4	MO
perampanel tabs 12 mg	4	MO
perampanel tabs 2 mg	4	
perampanel tabs 4 mg	4	MO
perampanel tabs 6 mg	4	MO
perampanel tabs 8 mg	4	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
phenytek caps 200 mg	2	MO
phenytek caps 300 mg	2	MO
phenytoin chew 50 mg	2	MO
phenytoin sodium extended caps 100 mg	2	MO
phenytoin sodium extended caps 200 mg	2	MO
phenytoin sodium extended caps 300 mg	2	MO
phenytoin sodium soln 50 mg/ml	2	
phenytoin susp 125 mg/5ml	2	MO
pregabalin caps 100 mg	2	MO
pregabalin caps 150 mg	2	MO
pregabalin caps 200 mg	2	MO
pregabalin caps 225 mg	2	MO
pregabalin caps 25 mg	2	MO
pregabalin caps 300 mg	2	MO
pregabalin caps 50 mg	2	MO
pregabalin caps 75 mg	2	MO
pregabalin soln 20 mg/ml	2	MO
PRIMIDONE TABS 125 MG	4	MO
primidone tabs 250 mg	2	MO
primidone tabs 50 mg	2	MO
roweepra tabs 500 mg	2	MO
rufinamide susp 40 mg/ml	4	
rufinamide tabs 200 mg	4	
rufinamide tabs 400 mg	4	
subvenite starter kit-blue kit 35 x 25 mg	2	MO
subvenite starter kit-green kit 84 x 25 mg & 14x100 mg	2	MO
subvenite starter kit-orange kit 42 x 25 mg & 7 x 100 mg	2	MO
SUBVENITE SUSP 10 MG/ML	4	MO
subvenite tabs 100 mg	2	MO
subvenite tabs 150 mg	2	MO
subvenite tabs 200 mg	2	MO
subvenite tabs 25 mg	2	MO
SYMPAZAN FILM 10 MG	5	
SYMPAZAN FILM 20 MG	5	
SYMPAZAN FILM 5 MG	5	
TIAGABINE HCL TABS 12 MG	4	MO
TIAGABINE HCL TABS 16 MG	4	MO
tiagabine hcl tabs 2 mg	4	MO
tiagabine hcl tabs 4 mg	4	MO
topiramate cpsp 15 mg	2	MO
topiramate cpsp 25 mg	2	MO
topiramate soln 25 mg/ml	4	MO
topiramate tabs 100 mg	2	MO
topiramate tabs 200 mg	2	MO
topiramate tabs 25 mg	2	MO
topiramate tabs 50 mg	2	MO
valproate sodium soln 100 mg/ml	2	
valproic acid caps 250 mg	2	MO
valproic acid soln 250 mg/5ml	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD 10 MG/0.1ML	3	
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 2 x 7.5 MG/0.1ML	3	
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 2 x 10 MG/0.1ML	3	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD 5 MG/0.1ML	3	
vigabatrin pack 500 mg	5	LD, NDS
vigabatrin tabs 500 mg	5	NDS
vigadrone tabs 500 mg	5	NDS
VIGAFYDE SOLN 100 MG/ML	5	NDS
XCOPRI (250 MG DAILY DOSE) TBPK 100 & 150 MG	5	
XCOPRI (350 MG DAILY DOSE) TBPK 150 & 200 MG	5	
XCOPRI TABS 100 MG	5	
XCOPRI TABS 150 MG	5	
XCOPRI TABS 200 MG	5	
XCOPRI TABS 25 MG	5	
XCOPRI TABS 50 MG	5	
XCOPRI TBPK 14 x 12.5 MG & 14 X 25 MG	4	
XCOPRI TBPK 14 x 150 MG & 14 X200 MG	5	
XCOPRI TBPK 14 x 50 MG & 14 X100 MG	5	
ZONISADE SUSP 100 MG/5ML	4	MO
zonisamide caps 100 mg	2	MO
zonisamide caps 25 mg	2	MO
zonisamide caps 50 mg	2	MO
ZTALMY SUSP 50 MG/ML	5	NDS
ANTIMIGRAINE AGENTS		
AJOVY SOAJ 225 MG/1.5ML	4	
AJOVY SOSY 225 MG/1.5ML	4	
eletriptan hydrobromide tabs 20 mg	2	
eletriptan hydrobromide tabs 40 mg	2	
ERGOTAMINE-CAFFEINE TABS 1-100 MG	2	
naratriptan hcl tabs 1 mg	2	
naratriptan hcl tabs 2.5 mg	2	
NURTEC TBDP 75 MG	5	NDS
QULIPTA TABS 10 MG	5	NDS
QULIPTA TABS 30 MG	5	NDS
QULIPTA TABS 60 MG	5	NDS
rizatriptan benzoate tabs 10 mg	2	
rizatriptan benzoate tabs 5 mg	2	
rizatriptan benzoate tbdp 10 mg	2	
rizatriptan benzoate tbdp 5 mg	2	
sumatriptan soln 20 mg/act	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
sumatriptan soln 5 mg/act	2	
sumatriptan succinate soaj 6 mg/0.5ml	2	
sumatriptan succinate soln 6 mg/0.5ml	2	
sumatriptan succinate tabs 100 mg	2	
sumatriptan succinate tabs 25 mg	2	
sumatriptan succinate tabs 50 mg	2	
UBRELVY TABS 100 MG	3	
UBRELVY TABS 50 MG	3	
ZAVZPRET SOLN 10 MG/ACT	5	NDS
zolmitriptan tabs 2.5 mg	2	
zolmitriptan tabs 5 mg	2	
zolmitriptan tbdp 2.5 mg	2	
zolmitriptan tbdp 5 mg	2	
ANTIPARKINSONIAN AGENTS		
amantadine hcl caps 100 mg	2	MO
amantadine hcl soln 50 mg/5ml	2	MO
amantadine hcl tabs 100 mg	2	MO
apomorphine hcl soct 30 mg/3ml	5	NDS
benztropine mesylate soln 1 mg/ml	2	
benztropine mesylate tabs 0.5 mg	2	MO
benztropine mesylate tabs 1 mg	2	MO
benztropine mesylate tabs 2 mg	2	MO
bromocriptine mesylate caps 5 mg	2	MO
bromocriptine mesylate tabs 2.5 mg	2	MO
cabergoline tabs 0.5 mg	2	MO
carbidopa tabs 25 mg	2	MO
carbidopa-levodopa er tbcr 25-100 mg	2	MO
carbidopa-levodopa er tbcr 50-200 mg	2	MO
carbidopa-levodopa tabs 10-100 mg	2	MO
carbidopa-levodopa tabs 25-100 mg	2	MO
carbidopa-levodopa tabs 25-250 mg	2	MO
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 12.5-50-200 mg	2	MO
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 18.75-75-200 mg	2	MO
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 25-100-200 mg	2	MO
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 31.25-125-200 mg	2	MO
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 37.5-150-200 mg	2	MO
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 50-200-200 mg	2	MO
EMSAM PT24 12 MG/24HR	5	NDS
EMSAM PT24 6 MG/24HR	5	NDS
EMSAM PT24 9 MG/24HR	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
entacapone tabs 200 mg	2	MO
INBRIJA CAPS 42 MG	5	NDS
pramipexole dihydrochloride tabs 0.125 mg	2	MO
pramipexole dihydrochloride tabs 0.25 mg	2	MO
pramipexole dihydrochloride tabs 0.5 mg	2	MO
pramipexole dihydrochloride tabs 0.75 mg	2	MO
pramipexole dihydrochloride tabs 1 mg	2	MO
pramipexole dihydrochloride tabs 1.5 mg	2	MO
rasagiline mesylate tabs 0.5 mg	2	MO
rasagiline mesylate tabs 1 mg	2	MO
ropinirole hcl er tb24 12 mg	2	MO
ropinirole hcl er tb24 2 mg	2	MO
ropinirole hcl er tb24 4 mg	2	MO
ropinirole hcl er tb24 6 mg	2	MO
ropinirole hcl er tb24 8 mg	2	MO
ropinirole hcl tabs 0.25 mg	2	MO
ropinirole hcl tabs 0.5 mg	2	MO
ropinirole hcl tabs 1 mg	2	MO
ropinirole hcl tabs 2 mg	2	MO
ropinirole hcl tabs 3 mg	2	MO
ropinirole hcl tabs 4 mg	2	MO
ropinirole hcl tabs 5 mg	2	MO
selegiline hcl caps 5 mg	2	MO
selegiline hcl tabs 5 mg	2	MO
TOLCAPONE TABS 100 MG	5	MO
trihexyphenidyl hcl soln 0.4 mg/ml	2	MO
trihexyphenidyl hcl tabs 2 mg	2	MO
trihexyphenidyl hcl tabs 5 mg	2	MO
ZELAPAR TBDP 1.25 MG	5	MO
ANXIOLYTICS, SEDATIVES, AND HYPNOTICS		
alprazolam tabs 0.25 mg	2	NDS
alprazolam tabs 0.5 mg	2	NDS
alprazolam tabs 1 mg	2	NDS
alprazolam tabs 2 mg	2	NDS
BUCAPSOL CAPS 10 MG	5	NDS
BUCAPSOL CAPS 15 MG	5	NDS
BUCAPSOL CAPS 7.5 MG	5	NDS
buspirone hcl tabs 10 mg	1	
buspirone hcl tabs 15 mg	1	
buspirone hcl tabs 30 mg	1	
buspirone hcl tabs 5 mg	1	
buspirone hcl tabs 7.5 mg	1	
chlordiazepoxide hcl caps 10 mg	2	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
chlordiazepoxide hcl caps 25 mg	2	NDS
chlordiazepoxide hcl caps 5 mg	2	NDS
clorazepate dipotassium tabs 15 mg	2	NDS
clorazepate dipotassium tabs 3.75 mg	2	NDS
clorazepate dipotassium tabs 7.5 mg	2	NDS
diazepam intensol conc 5 mg/ml	2	NDS
diazepam soln 5 mg/5ml	2	NDS
diazepam soln 5 mg/ml	2	NDS
diazepam tabs 10 mg	2	NDS
diazepam tabs 2 mg	2	NDS
diazepam tabs 5 mg	2	NDS
droperidol soln 2.5 mg/ml	2	
eszopiclone tabs 1 mg	2	NDS
eszopiclone tabs 2 mg	2	NDS
eszopiclone tabs 3 mg	2	NDS
HYDROXYZINE HCL SOLN 25 MG/ML	2	
HYDROXYZINE HCL SOLN 50 MG/ML	2	
hydroxyzine hcl syrp 10 mg/5ml	2	
hydroxyzine hcl tabs 10 mg	2	
hydroxyzine hcl tabs 25 mg	2	
hydroxyzine hcl tabs 50 mg	2	
HYDROXYZINE PAMOATE CAPS 100 MG	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
hydroxyzine pamoate caps 25 mg	2	
hydroxyzine pamoate caps 50 mg	2	
IGALMI FILM 120 MCG	4	NDS
lorazepam intensol conc 2 mg/ml	2	NDS
LORAZEPAM SOLN 2 MG/ML	2	NDS
LORAZEPAM SOLN 4 MG/ML	2	NDS
lorazepam tabs 0.5 mg	2	NDS
lorazepam tabs 1 mg	2	NDS
lorazepam tabs 2 mg	2	NDS
midazolam hcl (pf) +rfid soln 2 mg/2ml	2	
midazolam hcl (pf) soln 10 mg/2ml	2	
midazolam hcl (pf) soln 2 mg/2ml	2	
midazolam hcl (pf) soln 5 mg/ml	2	
midazolam hcl soln 10 mg/2ml	2	
midazolam hcl soln 2 mg/2ml	2	
midazolam hcl soln 25 mg/5ml	2	
midazolam hcl soln 5 mg/ml	2	
oxazepam caps 10 mg	2	NDS
oxazepam caps 15 mg	2	NDS
oxazepam caps 30 mg	2	NDS
PHENOBARBITAL ELIX 20 MG/5ML	2	
PHENOBARBITAL SODIUM SOLN 130 MG/ML	2	
PHENOBARBITAL SODIUM SOLN 65 MG/ML	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
PHENOBARBITAL TABS 100 MG	2	
PHENOBARBITAL TABS 15 MG	2	
PHENOBARBITAL TABS 16.2 MG	2	
PHENOBARBITAL TABS 30 MG	2	
PHENOBARBITAL TABS 32.4 MG	2	
PHENOBARBITAL TABS 60 MG	2	
PHENOBARBITAL TABS 64.8 MG	2	
PHENOBARBITAL TABS 97.2 MG	2	
tasimelteon caps 20 mg	5	PA, NDS
temazepam caps 15 mg	2	NDS
temazepam caps 30 mg	2	NDS
temazepam caps 7.5 mg	2	NDS
triazolam tabs 0.125 mg	2	NDS
triazolam tabs 0.25 mg	2	NDS
zaleplon caps 10 mg	2	NDS
zaleplon caps 5 mg	2	NDS
zolpidem tartrate tabs 10 mg	2	NDS
zolpidem tartrate tabs 5 mg	2	NDS
CENTRAL NERVOUS SYSTEM AGENTS, MISCELLANEOUS		
atomoxetine hcl caps 10 mg	2	MO
atomoxetine hcl caps 100 mg	2	MO
atomoxetine hcl caps 18 mg	2	MO
atomoxetine hcl caps 25 mg	2	MO
atomoxetine hcl caps 40 mg	2	MO
atomoxetine hcl caps 60 mg	2	MO
atomoxetine hcl caps 80 mg	2	MO
AUSTEDO TABS 12 MG	5	NDS
AUSTEDO TABS 6 MG	5	NDS
AUSTEDO TABS 9 MG	5	NDS
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK 12 & 18 & 24 & 30 MG	5	NDS
AUSTEDO XR TB24 12 MG	5	NDS
AUSTEDO XR TB24 18 MG	5	NDS
AUSTEDO XR TB24 24 MG	5	NDS
AUSTEDO XR TB24 30 MG	5	NDS
AUSTEDO XR TB24 36 MG	5	NDS
AUSTEDO XR TB24 42 MG	5	NDS
AUSTEDO XR TB24 48 MG	5	NDS
AUSTEDO XR TB24 6 MG	5	NDS
DAYBUE SOLN 200 MG/ML	5	NDS
flumazenil soln 0.5 mg/5ml	2	
flumazenil soln 1 mg/10ml	2	
guanfacine hcl er tb24 1 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
guanfacine hcl er tb24 2 mg	2	MO
guanfacine hcl er tb24 3 mg	2	MO
guanfacine hcl er tb24 4 mg	2	MO
INGREZZA CAPS 40 MG	5	NDS
INGREZZA CAPS 60 MG	5	NDS
INGREZZA CAPS 80 MG	5	NDS
INGREZZA CPPK 40 & 80 MG	5	NDS
memantine hcl soln 2 mg/ml	2	MO
memantine hcl tabs 10 mg	2	MO
MEMANTINE HCL TABS 28 x 5 MG & 21 X 10 MG	2	MO
memantine hcl tabs 5 mg	2	MO
NOURIANZ TABS 20 MG	5	NDS
NOURIANZ TABS 40 MG	5	NDS
NUEDEXTA CAPS 20-10 MG	5	PA, NDS
QALSODY SOLN 100 MG/15ML	5	NDS
RADICAVA ORS STARTER KIT SUSP 105 MG/5ML	5	NDS
RADICAVA ORS SUSP 105 MG/5ML	5	NDS
riluzole tabs 50 mg	2	MO
sodium oxybate soln 500 mg/ml	5	PA, LD, NDS
tetrabenazine tabs 12.5 mg	4	MO
tetrabenazine tabs 25 mg	4	MO
MULTIPLE SCLEROSIS AGENTS		
AVONEX PEN AJKT 30 MCG/0.5ML	5	NDS
AVONEX PREFILLED PSKT 30 MCG/0.5ML	5	NDS
BETASERON KIT 0.3 MG	5	NDS
dalfampridine er tb12 10 mg	2	MO
dimethyl fumarate cpdr 120 mg	2	MO
dimethyl fumarate cpdr 240 mg	2	MO
dimethyl fumarate starter pack cdpk 120 & 240 mg	2	MO
fingolimod hcl caps 0.5 mg	2	MO
glatiramer acetate sosy 20 mg/ml	2	MO
glatiramer acetate sosy 40 mg/ml	2	MO
glatopa sosy 20 mg/ml	4	MO
glatopa sosy 40 mg/ml	4	MO
OCREVUS ZUNOVO SOLN 920-23000 MG-UT/23ML	5	
REBIF REBIDOSE SOAJ 22 MCG/0.5ML	5	NDS
REBIF REBIDOSE SOAJ 44 MCG/0.5ML	5	NDS
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ 6X8.8 & 6X22 MCG	5	NDS
REBIF TITRATION PACK SOSY 6X8.8 & 6X22 MCG	5	NDS
teriflunomide tabs 14 mg	4	PA, MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
teriflunomide tabs 7 mg	4	PA, MO
OPIATE ANTAGONISTS		
BELBUCA FILM 150 MCG	4	NDS
BELBUCA FILM 300 MCG	4	NDS
BELBUCA FILM 450 MCG	4	NDS
BELBUCA FILM 600 MCG	4	NDS
BELBUCA FILM 75 MCG	4	NDS
BELBUCA FILM 750 MCG	5	NDS
BELBUCA FILM 900 MCG	5	NDS
buprenorphine hcl subl 2 mg	2	NDS
buprenorphine hcl subl 8 mg	2	NDS
buprenorphine hcl-naloxone hcl subl 2-0.5 mg	2	NDS
buprenorphine hcl-naloxone hcl subl 8-2 mg	2	NDS
buprenorphine ptwk 10 mcg/hr	2	NDS
buprenorphine ptwk 15 mcg/hr	2	NDS
buprenorphine ptwk 20 mcg/hr	2	NDS
buprenorphine ptwk 5 mcg/hr	2	NDS
buprenorphine ptwk 7.5 mcg/hr	2	NDS
KLOXXADO LIQD 8 MG/0.1ML	4	
lofexidine hcl tabs 0.18 mg	5	NDS
NALOXONE HCL SOCT 0.4 MG/ML	2	
naloxone hcl soln 0.4 mg/ml	2	
naloxone hcl soln 4 mg/10ml	2	
naloxone hcl sosy 2 mg/2ml	2	
naltrexone hcl tabs 50 mg	2	
VIVITROL SUSR 380 MG	5	NDS
PSYCHOTHERAPEUTIC AGENTS		
ABILIFY ASIMTUFII PRSY 720 MG/2.4ML	5	
ABILIFY ASIMTUFII PRSY 960 MG/3.2ML	5	
ABILIFY MAINTENA PRSY 300 MG	5	NDS
ABILIFY MAINTENA PRSY 400 MG	5	NDS
ABILIFY MAINTENA SRER 300 MG	5	NDS
ABILIFY MAINTENA SRER 400 MG	5	NDS
amitriptyline hcl tabs 10 mg	2	MO
amitriptyline hcl tabs 100 mg	2	MO
amitriptyline hcl tabs 150 mg	2	MO
amitriptyline hcl tabs 25 mg	2	MO
amitriptyline hcl tabs 50 mg	2	MO
amitriptyline hcl tabs 75 mg	2	MO
amoxapine tabs 100 mg	2	MO
amoxapine tabs 150 mg	2	MO
amoxapine tabs 25 mg	2	MO
amoxapine tabs 50 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
APLENZIN TB24 348 MG	5	MO
APLENZIN TB24 522 MG	5	MO
aripiprazole soln 1 mg/ml	2	MO
aripiprazole tabs 10 mg	2	MO
aripiprazole tabs 15 mg	2	MO
aripiprazole tabs 2 mg	2	MO
aripiprazole tabs 20 mg	2	MO
aripiprazole tabs 30 mg	2	MO
aripiprazole tabs 5 mg	2	MO
aripiprazole tbdp 10 mg	4	MO
aripiprazole tbdp 15 mg	4	MO
ARISTADA INITIO PRSY 675 MG/2.4ML	5	NDS
ARISTADA PRSY 1064 MG/3.9ML	5	NDS
ARISTADA PRSY 441 MG/1.6ML	5	NDS
ARISTADA PRSY 662 MG/2.4ML	5	NDS
ARISTADA PRSY 882 MG/3.2ML	5	NDS
asenapine maleate subl 10 mg	2	MO
asenapine maleate subl 2.5 mg	2	MO
asenapine maleate subl 5 mg	2	MO
AUVELITY TBCR 45-105 MG	5	NDS
AUVELITY TITRATION PACK TEPK 30-105 MG & 45-105 MG	5	NDS
bupropion hcl er (sr) tb12 100 mg	2	MO
bupropion hcl er (sr) tb12 150 mg	2	MO
bupropion hcl er (sr) tb12 200 mg	2	MO
bupropion hcl er (xl) tb24 150 mg	2	MO
bupropion hcl er (xl) tb24 300 mg	2	MO
BUPROPION HCL ER (XL) TB24 450 MG	2	MO
bupropion hcl tabs 100 mg	2	MO
bupropion hcl tabs 75 mg	2	MO
BYSANTI TABS 1 MG	5	NDS
BYSANTI TABS 10 MG	5	NDS
BYSANTI TABS 12 MG	5	NDS
BYSANTI TABS 2 MG	5	NDS
BYSANTI TABS 4 MG	5	NDS
BYSANTI TABS 6 MG	5	NDS
BYSANTI TABS 8 MG	5	NDS
BYSANTI TITRATION PACK A TBPK 1 & 2 & 4 & 6 MG	4	
BYSANTI TITRATION PACK B TBPK 1 & 2 & 6 & 8 MG	4	
BYSANTI TITRATION PACK C TBPK 1 & 2 & 6 MG	4	
CAPLYTA CAPS 10.5 MG	5	NDS
CAPLYTA CAPS 21 MG	5	NDS
CAPLYTA CAPS 42 MG	5	NDS
CHLORDIAZEPOXIDE-AMITRIPTYLINE TABS 10-25 MG	2	
CHLORDIAZEPOXIDE-AMITRIPTYLINE TABS 5-12.5 MG	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
chlorpromazine hcl conc 100 mg/ml	4	MO
chlorpromazine hcl conc 30 mg/ml	4	MO
chlorpromazine hcl soln 25 mg/ml	2	
chlorpromazine hcl soln 50 mg/2ml	2	
chlorpromazine hcl tabs 10 mg	2	MO
chlorpromazine hcl tabs 100 mg	2	MO
chlorpromazine hcl tabs 200 mg	2	MO
chlorpromazine hcl tabs 25 mg	2	MO
chlorpromazine hcl tabs 50 mg	2	MO
citalopram hydrobromide caps 30 mg	4	MO
citalopram hydrobromide soln 10 mg/5ml	2	MO
citalopram hydrobromide tabs 10 mg	1	MO
citalopram hydrobromide tabs 20 mg	1	MO
citalopram hydrobromide tabs 40 mg	1	MO
clomipramine hcl caps 25 mg	2	MO
clomipramine hcl caps 50 mg	2	MO
clomipramine hcl caps 75 mg	2	MO
clozapine tabs 100 mg	2	NDS
clozapine tabs 200 mg	2	NDS
clozapine tabs 25 mg	2	NDS
clozapine tabs 50 mg	2	NDS
clozapine tbdp 100 mg	2	NDS
clozapine tbdp 12.5 mg	2	NDS
clozapine tbdp 150 mg	2	NDS
clozapine tbdp 200 mg	2	NDS
clozapine tbdp 25 mg	2	NDS
COBENFY CAPS 100-20 MG	5	NDS
COBENFY CAPS 125-30 MG	5	NDS
COBENFY CAPS 50-20 MG	5	NDS
COBENFY STARTER PACK CPPK 50-20 & 100-20 MG	5	NDS
compro supp 25 mg	2	MO
desipramine hcl tabs 10 mg	2	MO
desipramine hcl tabs 100 mg	2	MO
desipramine hcl tabs 150 mg	2	MO
desipramine hcl tabs 25 mg	2	MO
desipramine hcl tabs 50 mg	2	MO
desipramine hcl tabs 75 mg	2	MO
desvenlafaxine succinate er tb24 100 mg	2	MO
desvenlafaxine succinate er tb24 25 mg	2	MO
desvenlafaxine succinate er tb24 50 mg	2	MO
doxepin hcl caps 10 mg	2	MO
doxepin hcl caps 100 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
DOXEPIN HCL CAPS 150 MG	2	MO
doxepin hcl caps 25 mg	2	MO
doxepin hcl caps 50 mg	2	MO
doxepin hcl caps 75 mg	2	MO
DOXEPIN HCL CONC 10 MG/ML	2	MO
doxepin hcl tabs 3 mg	2	MO
doxepin hcl tabs 6 mg	2	MO
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 20 MG	4	
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 30 MG	4	
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 40 MG	4	
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 60 MG	4	
duloxetine hcl cpep 20 mg	2	MO
duloxetine hcl cpep 30 mg	2	MO
duloxetine hcl cpep 40 mg	4	MO
duloxetine hcl cpep 60 mg	2	MO
escitalopram oxalate soln 5 mg/5ml	2	MO
escitalopram oxalate tabs 10 mg	1	MO
escitalopram oxalate tabs 20 mg	1	MO
escitalopram oxalate tabs 5 mg	1	MO
EXXUA TB24 18.2 MG	5	NDS
EXXUA TB24 36.3 MG	5	NDS
EXXUA TB24 54.5 MG	5	NDS
EXXUA TB24 72.6 MG	5	NDS
EXXUA TITRATION PACK TB24 18.2 MG	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
FANAPT TABS 1 MG	5	NDS
FANAPT TABS 10 MG	5	NDS
FANAPT TABS 12 MG	5	NDS
FANAPT TABS 2 MG	5	NDS
FANAPT TABS 4 MG	5	NDS
FANAPT TABS 6 MG	5	NDS
FANAPT TABS 8 MG	5	NDS
FANAPT TITRATION PACK A TABS 1 & 2 & 4 & 6 MG	4	MO
FANAPT TITRATION PACK B TABS 1 & 2 & 6 & 8 MG	4	MO
FANAPT TITRATION PACK C TABS 1 & 2 & 6 MG	4	MO
FETZIMA CP24 120 MG	4	MO
FETZIMA CP24 20 MG	4	MO
FETZIMA CP24 40 MG	4	MO
FETZIMA CP24 80 MG	4	MO
FETZIMA TITRATION C4PK 20 & 40 MG	4	MO
FLUOXETINE HCL (PMDD) TABS 10 MG	2	MO
FLUOXETINE HCL (PMDD) TABS 20 MG	2	MO
fluoxetine hcl caps 10 mg	1	MO
fluoxetine hcl caps 20 mg	1	MO
fluoxetine hcl caps 40 mg	1	MO
FLUOXETINE HCL CPDR 90 MG	2	MO
fluoxetine hcl soln 20 mg/5ml	2	MO
fluoxetine hcl tabs 10 mg	2	MO
fluoxetine hcl tabs 20 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
fluoxetine hcl tabs 60 mg	2	MO
fluphenazine decanoate soln 25 mg/ml	2	
FLUPHENAZINE HCL CONC 5 MG/ML	2	MO
FLUPHENAZINE HCL ELIX 2.5 MG/5ML	2	MO
FLUPHENAZINE HCL SOLN 2.5 MG/ML	2	
fluphenazine hcl tabs 1 mg	2	MO
fluphenazine hcl tabs 10 mg	2	MO
fluphenazine hcl tabs 2.5 mg	2	MO
fluphenazine hcl tabs 5 mg	2	MO
fluvoxamine maleate er cp24 100 mg	2	MO
fluvoxamine maleate er cp24 150 mg	2	MO
fluvoxamine maleate tabs 100 mg	2	MO
fluvoxamine maleate tabs 25 mg	2	MO
fluvoxamine maleate tabs 50 mg	2	MO
haloperidol decanoate soln 100 mg/ml	2	
haloperidol decanoate soln 50 mg/ml	2	
haloperidol lactate conc 2 mg/ml	2	MO
haloperidol lactate soln 5 mg/ml	2	
haloperidol tabs 0.5 mg	2	MO
haloperidol tabs 1 mg	2	MO
haloperidol tabs 10 mg	2	MO
haloperidol tabs 2 mg	2	MO
haloperidol tabs 20 mg	2	MO
haloperidol tabs 5 mg	2	MO
imipramine hcl tabs 10 mg	2	MO
imipramine hcl tabs 25 mg	2	MO
imipramine hcl tabs 50 mg	2	MO
imipramine pamoate caps 100 mg	2	MO
imipramine pamoate caps 125 mg	2	MO
imipramine pamoate caps 150 mg	2	MO
imipramine pamoate caps 75 mg	2	MO
INVEGA HAFYERA SUSY 1092 MG/3.5ML	5	
INVEGA HAFYERA SUSY 1560 MG/5ML	5	
INVEGA SUSTENNA SUSY 117 MG/0.75ML	5	NDS
INVEGA SUSTENNA SUSY 156 MG/ML	5	NDS
INVEGA SUSTENNA SUSY 234 MG/1.5ML	5	NDS
INVEGA SUSTENNA SUSY 39 MG/0.25ML	4	
INVEGA SUSTENNA SUSY 78 MG/0.5ML	5	NDS
INVEGA TRINZA SUSY 273 MG/0.88ML	5	NDS
INVEGA TRINZA SUSY 410 MG/1.32ML	5	NDS
INVEGA TRINZA SUSY 546 MG/1.75ML	5	NDS
INVEGA TRINZA SUSY 819 MG/2.63ML	5	NDS
lithium carbonate caps 150 mg	2	MO
lithium carbonate caps 300 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
LITHIUM CARBONATE CAPS 600 MG	2	MO
lithium carbonate er tbcr 300 mg	2	MO
lithium carbonate er tbcr 450 mg	2	MO
LITHIUM CARBONATE TABS 300 MG	2	MO
lithium soln 8 meq/5ml	4	MO
loxapine succinate caps 10 mg	2	MO
loxapine succinate caps 25 mg	2	MO
loxapine succinate caps 5 mg	2	MO
loxapine succinate caps 50 mg	2	MO
lurasidone hcl tabs 120 mg	2	MO
lurasidone hcl tabs 20 mg	2	MO
lurasidone hcl tabs 40 mg	2	MO
lurasidone hcl tabs 60 mg	2	MO
lurasidone hcl tabs 80 mg	2	MO
LYBALVI TABS 10-10 MG	5	NDS
LYBALVI TABS 15-10 MG	5	NDS
LYBALVI TABS 20-10 MG	5	NDS
LYBALVI TABS 5-10 MG	5	NDS
MARPLAN TABS 10 MG	4	MO
mirtazapine tabs 15 mg	2	MO
mirtazapine tabs 30 mg	2	MO
mirtazapine tabs 45 mg	2	MO
mirtazapine tabs 7.5 mg	2	MO
mirtazapine tbdp 15 mg	2	MO
mirtazapine tbdp 30 mg	2	MO
mirtazapine tbdp 45 mg	2	MO
MOLINDONE HCL TABS 10 MG	2	MO
MOLINDONE HCL TABS 25 MG	2	MO
MOLINDONE HCL TABS 5 MG	2	MO
NEFAZODONE HCL TABS 100 MG	2	MO
NEFAZODONE HCL TABS 150 MG	2	MO
NEFAZODONE HCL TABS 200 MG	2	MO
NEFAZODONE HCL TABS 250 MG	2	MO
NEFAZODONE HCL TABS 50 MG	2	MO
nortriptyline hcl caps 10 mg	2	MO
nortriptyline hcl caps 25 mg	2	MO
nortriptyline hcl caps 50 mg	2	MO
nortriptyline hcl caps 75 mg	2	MO
nortriptyline hcl soln 10 mg/5ml	2	MO
NUPLAZID CAPS 34 MG	5	NDS
NUPLAZID TABS 10 MG	5	NDS
olanzapine solr 10 mg	2	
olanzapine tabs 10 mg	2	MO
olanzapine tabs 15 mg	2	MO
olanzapine tabs 2.5 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
olanzapine tabs 20 mg	2	MO
olanzapine tabs 5 mg	2	MO
olanzapine tabs 7.5 mg	2	MO
olanzapine tbdp 10 mg	2	MO
olanzapine tbdp 15 mg	2	MO
olanzapine tbdp 20 mg	2	MO
olanzapine tbdp 5 mg	2	MO
olanzapine-fluoxetine hcl caps 12-25 mg	2	MO
olanzapine-fluoxetine hcl caps 12-50 mg	2	MO
olanzapine-fluoxetine hcl caps 3-25 mg	2	MO
olanzapine-fluoxetine hcl caps 6-25 mg	2	MO
olanzapine-fluoxetine hcl caps 6-50 mg	2	MO
OPIPZA FILM 10 MG	5	NDS
OPIPZA FILM 2 MG	5	NDS
OPIPZA FILM 5 MG	5	NDS
paliperidone er tb24 1.5 mg	2	MO
paliperidone er tb24 3 mg	2	MO
paliperidone er tb24 6 mg	2	MO
paliperidone er tb24 9 mg	2	MO
paroxetine hcl er tb24 12.5 mg	2	MO
paroxetine hcl er tb24 25 mg	2	MO
paroxetine hcl er tb24 37.5 mg	2	MO
PAROXETINE HCL SUSP 10 MG/5ML	4	MO
paroxetine hcl tabs 10 mg	1	MO
paroxetine hcl tabs 20 mg	1	MO
paroxetine hcl tabs 30 mg	1	MO
paroxetine hcl tabs 40 mg	1	MO
paroxetine mesylate caps 7.5 mg	2	MO
perphenazine tabs 16 mg	2	MO
perphenazine tabs 2 mg	2	MO
perphenazine tabs 4 mg	2	MO
perphenazine tabs 8 mg	2	MO
PERPHENAZINE-AMITRIPTYLINE TABS 2-10 MG	2	MO
PERPHENAZINE-AMITRIPTYLINE TABS 2-25 MG	2	MO
PERPHENAZINE-AMITRIPTYLINE TABS 4-10 MG	2	MO
PERPHENAZINE-AMITRIPTYLINE TABS 4-25 MG	2	MO
PERPHENAZINE-AMITRIPTYLINE TABS 4-50 MG	2	MO
PERSERIS PRSY 120 MG	5	NDS
PERSERIS PRSY 90 MG	5	NDS
PHENELZINE SULFATE TABS 15 MG	2	MO
pimozide tabs 1 mg	2	MO
pimozide tabs 2 mg	2	MO
prochlorperazine edisylate soln 10 mg/2ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
prochlorperazine maleate tabs 10 mg	2	
prochlorperazine maleate tabs 5 mg	2	
prochlorperazine supp 25 mg	2	MO
protriptyline hcl tabs 10 mg	2	MO
protriptyline hcl tabs 5 mg	2	MO
quetiapine fumarate er tb24 150 mg	2	MO
quetiapine fumarate er tb24 200 mg	2	MO
quetiapine fumarate er tb24 300 mg	2	MO
quetiapine fumarate er tb24 400 mg	2	MO
quetiapine fumarate er tb24 50 mg	2	MO
quetiapine fumarate tabs 100 mg	2	MO
QUETIAPINE FUMARATE TABS 150 MG	2	MO
quetiapine fumarate tabs 200 mg	2	MO
quetiapine fumarate tabs 25 mg	2	MO
quetiapine fumarate tabs 300 mg	2	MO
quetiapine fumarate tabs 400 mg	2	MO
quetiapine fumarate tabs 50 mg	2	MO
RALDESY SOLN 10 MG/ML	4	MO
REXULTI TABS 0.25 MG	5	NDS
REXULTI TABS 0.5 MG	5	NDS
REXULTI TABS 1 MG	5	NDS
REXULTI TABS 2 MG	5	NDS
REXULTI TABS 3 MG	5	NDS
REXULTI TABS 4 MG	5	NDS
RISPERDAL CONSTA SRER 12.5 MG	4	
RISPERDAL CONSTA SRER 25 MG	4	
RISPERDAL CONSTA SRER 37.5 MG	5	NDS
RISPERDAL CONSTA SRER 50 MG	5	NDS
risperidone microspheres er srer 12.5 mg	4	
risperidone microspheres er srer 25 mg	4	
risperidone microspheres er srer 37.5 mg	5	NDS
risperidone microspheres er srer 50 mg	5	NDS
risperidone soln 1 mg/ml	2	MO
risperidone tabs 0.25 mg	2	MO
risperidone tabs 0.5 mg	2	MO
risperidone tabs 1 mg	2	MO
risperidone tabs 2 mg	2	MO
risperidone tabs 3 mg	2	MO
risperidone tabs 4 mg	2	MO
RISPERIDONE TBDP 0.25 MG	4	MO
risperidone tbdp 0.5 mg	4	MO
risperidone tbdp 1 mg	4	MO
risperidone tbdp 2 mg	4	MO
risperidone tbdp 3 mg	4	MO
risperidone tbdp 4 mg	4	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
RYKINDO SRER 25 MG	5	NDS
RYKINDO SRER 37.5 MG	5	NDS
RYKINDO SRER 50 MG	5	NDS
SECUADO PT24 3.8 MG/24HR	5	NDS
SECUADO PT24 5.7 MG/24HR	5	NDS
SECUADO PT24 7.6 MG/24HR	5	NDS
sertraline hcl caps 150 mg	4	MO
sertraline hcl caps 200 mg	4	MO
sertraline hcl conc 20 mg/ml	2	MO
sertraline hcl tabs 100 mg	1	MO
sertraline hcl tabs 25 mg	1	MO
sertraline hcl tabs 50 mg	1	MO
thioridazine hcl tabs 10 mg	2	MO
thioridazine hcl tabs 100 mg	2	MO
thioridazine hcl tabs 25 mg	2	MO
thioridazine hcl tabs 50 mg	2	MO
thiothixene caps 1 mg	2	MO
thiothixene caps 10 mg	2	MO
thiothixene caps 2 mg	2	MO
thiothixene caps 5 mg	2	MO
tranylcypromine sulfate tabs 10 mg	2	MO
trazodone hcl tabs 100 mg	1	MO
trazodone hcl tabs 150 mg	1	MO
trazodone hcl tabs 300 mg	2	MO
trazodone hcl tabs 50 mg	1	MO
trifluoperazine hcl tabs 1 mg	2	MO
trifluoperazine hcl tabs 10 mg	2	MO
trifluoperazine hcl tabs 2 mg	2	MO
trifluoperazine hcl tabs 5 mg	2	MO
trimipramine maleate caps 100 mg	2	MO
trimipramine maleate caps 25 mg	2	MO
trimipramine maleate caps 50 mg	2	MO
TRINTELLIX TABS 10 MG	4	MO
TRINTELLIX TABS 20 MG	4	MO
TRINTELLIX TABS 5 MG	4	MO
UZEDY SUSY 100 MG/0.28ML	5	
UZEDY SUSY 125 MG/0.35ML	5	
UZEDY SUSY 150 MG/0.42ML	5	
UZEDY SUSY 200 MG/0.56ML	5	
UZEDY SUSY 250 MG/0.7ML	5	
UZEDY SUSY 50 MG/0.14ML	5	
UZEDY SUSY 75 MG/0.21ML	5	
VENLAFAXINE BESYLATE ER TB24 112.5 MG	4	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
venlafaxine hcl er cp24 150 mg	2	MO
venlafaxine hcl er cp24 37.5 mg	2	MO
venlafaxine hcl er cp24 75 mg	2	MO
venlafaxine hcl er tb24 150 mg	4	MO
venlafaxine hcl er tb24 225 mg	4	MO
venlafaxine hcl er tb24 37.5 mg	4	MO
venlafaxine hcl er tb24 75 mg	4	MO
venlafaxine hcl tabs 100 mg	2	MO
venlafaxine hcl tabs 25 mg	2	MO
venlafaxine hcl tabs 37.5 mg	2	MO
venlafaxine hcl tabs 50 mg	2	MO
venlafaxine hcl tabs 75 mg	2	MO
VERSACLOZ SUSP 50 MG/ML	5	
vilazodone hcl tabs 10 mg	4	MO
vilazodone hcl tabs 20 mg	4	MO
vilazodone hcl tabs 40 mg	4	MO
VRAYLAR CAPS 0.5 MG	3	MO
VRAYLAR CAPS 0.75 MG	3	MO
VRAYLAR CAPS 1.5 MG	3	MO
VRAYLAR CAPS 3 MG	3	MO
VRAYLAR CAPS 4.5 MG	3	MO
VRAYLAR CAPS 6 MG	3	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ziprasidone hcl caps 20 mg	2	MO
ziprasidone hcl caps 40 mg	2	MO
ziprasidone hcl caps 60 mg	2	MO
ziprasidone hcl caps 80 mg	2	MO
ziprasidone mesylate solr 20 mg	2	
ZURZUVAE CAPS 20 MG	5	NDS
ZURZUVAE CAPS 25 MG	5	NDS
ZURZUVAE CAPS 30 MG	5	NDS
ZYPREXA RELPREVV SUSR 210 MG	4	
DIABETIC SUPPLIES		
DIABETIC SUPPLIES		
ALCOHOL PREP PADS 70 %	2	MO
INSULIN SYRINGES, NEEDLES MISCELLANEOUS	2	MO
CURITY GAUZE PADS 2"X2"	2	MO
ELECTROLYTIC, CALORIC, AND WATER BALANCE		
ACIDIFYING AND ALKALINIZING AGENTS		
potassium citrate er tbcr 10 meq (1080 mg)	2	MO
potassium citrate er tbcr 15 meq (1620 mg)	2	MO
potassium citrate er tbcr 5 meq (540 mg)	2	MO
sodium bicarbonate soln 4.2 %	2	
sodium bicarbonate soln 8.4 %	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
AMMONIA DETOXICANTS		
carglumic acid tbso 200 mg	5	NDS
enulose soln 10 gm/15ml	2	MO
generlac soln 10 gm/15ml	2	MO
lactulose encephalopathy soln 10 gm/15ml	2	MO
lactulose soln 10 gm/15ml	2	MO
LITHOSTAT TABS 250 MG	4	MO
sodium phenylbutyrate powd 3 gm/tsp	5	NDS
sodium phenylbutyrate tabs 500 mg	5	NDS
CALORIC AGENTS		
DEXTROSE SOLN 10 %	2	HI
dextrose soln 5 %	2	HI
DEXTROSE SOLN 50 %	2	
DEXTROSE SOLN 70 %	2	
GLUCOSE (DEXTROSE) SOLN 50 %	2	
INTRALIPID EMUL 20 %	2	HI
plenamine soln 15 %	2	HI
PREMASOL SOLN 10 %	2	HI
TRAVASOL SOLN 10 %	2	HI
TROPHAMINE SOLN 10 %	3	HI
DIURETICS		
AMILORIDE HCL TABS 5 MG	2	MO
AMILORIDE-HYDROCHLOROTHIAZIDE TABS 5-50 MG	1	MO
bumetanide tabs 0.5 mg	2	MO
bumetanide tabs 1 mg	2	MO
bumetanide tabs 2 mg	2	MO
chlorthalidone tabs 25 mg	2	MO
chlorthalidone tabs 50 mg	2	MO
ethacrynic acid tabs 25 mg	4	MO
furosemide oral soln 10 mg/ml	1	MO
furosemide soln injection 10 mg/ml	2	HI
FUROSEMIDE SOLN 8 MG/ML	2	MO
furosemide tabs 20 mg	1	MO
furosemide tabs 40 mg	1	MO
furosemide tabs 80 mg	1	MO
hydrochlorothiazide caps 12.5 mg	2	MO
hydrochlorothiazide tabs 12.5 mg	1	MO
hydrochlorothiazide tabs 25 mg	1	MO
hydrochlorothiazide tabs 50 mg	1	MO
indapamide tabs 1.25 mg	1	MO
indapamide tabs 2.5 mg	1	MO
MANNITOL SOLN 20 %	2	
MANNITOL SOLN 25 %	2	
metolazone tabs 10 mg	2	MO
metolazone tabs 2.5 mg	2	MO
metolazone tabs 5 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
OSMITROL SOLN 20 %	2	
tolvaptan (hyponatremia) tabs 15 mg	5	NDS
tolvaptan (hyponatremia) tabs 30 mg	5	NDS
tolvaptan tabs 15 mg	5	NDS
tolvaptan tabs 30 mg	5	NDS
torsemide tabs 10 mg	2	MO
torsemide tabs 100 mg	2	MO
torsemide tabs 20 mg	2	MO
torsemide tabs 5 mg	2	MO
TRIAMTERENE CAPS 100 MG	2	MO
TRIAMTERENE CAPS 50 MG	2	MO
triamterene-hctz caps 37.5-25 mg	1	MO
triamterene-hctz tabs 37.5-25 mg	1	MO
triamterene-hctz tabs 75-50 mg	1	MO
ION-REMOVING AGENTS		
FERRIC CITRATE TABS 1 GM 210 MG(FE)	4	MO
lanthanum carbonate chew 1000 mg	4	MO
lanthanum carbonate chew 500 mg	4	MO
lanthanum carbonate chew 750 mg	4	MO
LOKELMA PACK 10 GM	4	MO
LOKELMA PACK 5 GM	4	MO
sevelamer carbonate pack 0.8 gm	2	MO
sevelamer carbonate pack 2.4 gm	2	MO
sevelamer carbonate tabs 800 mg	2	MO
sodium polystyrene sulfonate powd	2	MO
VELPHORO CHEW 500 MG	5	NDS
XPHOZAH TABS 20 MG	5	NDS
XPHOZAH TABS 30 MG	5	NDS
REPLACEMENT PREPARATIONS		
calcium acetate (phos binder) caps 667 mg	2	MO
calcium acetate (phos binder) tabs 667 mg	2	MO
DEXTROSE IN LACTATED RINGERS SOLN 5 %	2	
DEXTROSE-SODIUM CHLORIDE SOLN 10-0.45 %	3	HI
DEXTROSE-SODIUM CHLORIDE SOLN 2.5-0.45 %	2	HI
DEXTROSE-SODIUM CHLORIDE SOLN 5-0.2 %	2	HI
dextrose-sodium chloride soln 5-0.45 %	2	HI
dextrose-sodium chloride soln 5-0.9 %	2	HI
KCL (0.298%) IN NACL SOLN 40-0.9 MEQ/L-%	2	HI
kcl in dextrose-nacl soln 10-5-0.45 meq/l-%-%	2	HI
KCL IN DEXTROSE-NACL SOLN 20-5-0.2 MEQ/L-%-%	2	HI

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
kcl in dextrose-nacl soln 20-5-0.45 meq/l-%-%	2	HI
kcl in dextrose-nacl soln 20-5-0.9 meq/l-%-%	2	HI
kcl in dextrose-nacl soln 30-5-0.45 meq/l-%-%	2	HI
kcl in dextrose-nacl soln 40-5-0.45 meq/l-%-%	2	HI
kcl in dextrose-nacl soln 40-5-0.9 meq/l-%-%	2	HI
KCL-LACTATED RINGERS-D5W SOLN 20 MEQ/L	3	HI
klor-con 10 tbcr 10 meq	2	MO
klor-con tbcr 8 meq	2	MO
LACTATED RINGERS SOLN	2	
magnesium sulfate in d5w soln 1-5 gm/100ml-%	2	
POTASSIUM ACETATE SOLN 2 MEQ/ML	2	
potassium chloride crys er tbcr 10 meq	2	MO
potassium chloride crys er tbcr 20 meq	2	MO
potassium chloride er cpcr 10 meq	2	MO
potassium chloride er cpcr 8 meq	2	MO
potassium chloride er tbcr 10 meq	2	MO
potassium chloride er tbcr 20 meq	2	MO
potassium chloride er tbcr 8 meq	2	MO
potassium chloride in nacl soln 20-0.9 meq/l-%	2	HI
potassium chloride in nacl soln 40-0.9 meq/l-%	2	HI
potassium chloride pack 20 meq	2	MO
POTASSIUM CHLORIDE SOLN 10 MEQ/100ML	2	HI
potassium chloride soln 2 meq/ml	2	HI
POTASSIUM CHLORIDE SOLN 20 MEQ/100ML	2	HI
potassium chloride soln 20 meq/15ml (10%)	2	MO
potassium chloride soln 40 meq/15ml (20%)	2	MO
potassium cl in dextrose 5% soln 20 meq/l	2	HI
potassium phosphates(66 meq k) soln 45 mmole/15ml	2	
RINGERS SOLN	2	
SODIUM CHLORIDE (PF) SOLN 0.9 %	2	
SODIUM CHLORIDE SOLN 0.45 %	2	HI
sodium chloride intravenous soln 0.9 %	2	HI
SODIUM CHLORIDE SOLN 3 %	2	HI
SODIUM CHLORIDE SOLN 4 MEQ/ML	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
SODIUM CHLORIDE SOLN 5 %	2	HI
sodium phosphates soln 45 mmole/15ml	2	
URICOSURIC AGENTS		
colchicine-probenecid tabs 0.5-500 mg	2	MO
probenecid tabs 500 mg	2	MO
ENZYMES		
ENZYMES		
ALDURAZYME SOLN 2.9 MG/5ML	5	NDS
CERDELGA CAPS 84 MG	5	NDS
CEREZYME SOLR 400 UNIT	5	NDS
CREON CPEP 12000-38000 UNIT	3	MO
CREON CPEP 24000-76000 UNIT	3	MO
CREON CPEP 3000-9500 UNIT	3	MO
CREON CPEP 36000-114000 UNIT	3	MO
CREON CPEP 6000-19000 UNIT	3	MO
ELAPRASE SOLN 6 MG/3ML	5	NDS
ELELYSO SOLR 200 UNIT	5	NDS
ELITEK SOLR 1.5 MG	5	NDS
FABRAZYME SOLR 35 MG	5	NDS
FABRAZYME SOLR 5 MG	5	NDS
HARLIKU TABS 2 MG	5	NDS
LUMIZYME SOLR 50 MG	5	NDS
miglustat caps 100 mg	5	NDS
NAGLAZYME SOLN 1 MG/ML	5	NDS
PALYNZIQ SOSY 10 MG/0.5ML	5	NDS
PALYNZIQ SOSY 2.5 MG/0.5ML	5	NDS
PALYNZIQ SOSY 20 MG/ML	5	NDS
PULMOZYME SOLN 2.5 MG/2.5ML	5	PA, NDS
REVCOVI SOLN 2.4 MG/1.5ML	5	NDS
STRENSIQ SOLN 18 MG/0.45ML	5	LD, NDS
STRENSIQ SOLN 28 MG/0.7ML	5	LD, NDS
STRENSIQ SOLN 40 MG/ML	5	LD, NDS
STRENSIQ SOLN 80 MG/0.8ML	5	LD, NDS
VIMIZIM SOLN 5 MG/5ML	5	NDS
yargesa caps 100 mg	5	NDS
ZENPEP CPEP 10000-32000 UNIT	3	MO
ZENPEP CPEP 15000-47000 UNIT	3	MO
ZENPEP CPEP 20000-63000 UNIT	3	MO
ZENPEP CPEP 25000-79000 UNIT	3	MO
ZENPEP CPEP 3000-10000 UNIT	3	MO
ZENPEP CPEP 40000-126000 UNIT	3	MO
ZENPEP CPEP 5000-24000 UNIT	3	MO
ZENPEP CPEP 60000-189600 UNIT	5	NDS
EYE, EAR, NOSE, AND THROAT (EENT) PREPARATIONS		
ANTI-INFECTIVES		
BACITRACIN OINT 500 UNIT/GM	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
BACITRACIN-POLYMYXIN B OINT 500-10000 UNIT/GM	2	
chlorhexidine gluconate soln 0.12 %	1	
CILOXAN OINT 0.3 %	3	
CIPROFLOXACIN HCL SOLN 0.3 %	2	
erythromycin oint 5 mg/gm	2	
gatifloxacin soln 0.5 %	2	
gentamicin sulfate soln 0.3 %	2	
moxifloxacin hcl soln 0.5 %	2	
NATACYN SUSP 5 %	3	
NEOMYCIN-BACITRACIN ZN-POLYMYX OINT 5-400-10000	2	
NEOMYCIN-POLYMYXIN-GRAMICIDIN SOLN 1.75-10000-.025	2	
ofloxacin ophthalmic soln 0.3 %	2	
ofloxacin otic soln 0.3 %	2	
polymyxin b-trimethoprim soln 10000-0.1 unit/ml-%	2	
SULFACETAMIDE SODIUM SOLN 10 %	2	
tobramycin soln 0.3 %	2	
TOBREX OINT 0.3 %	3	
TRIFLURIDINE SOLN 1 %	2	
XDEMVY SOLN 0.25 %	5	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ANTI-INFLAMMATORY AGENTS		
BACITRA-NEOMYCIN-POLYMYXIN-HC OINT 1 %	2	MO
bromfenac sodium (once-daily) soln 0.09 %	2	
CEQUA SOLN 0.09 %	3	
ciprofloxacin-dexamethasone susp 0.3-0.1 %	2	MO
cyclosporine (pf) emul 0.05 %	2	MO
DEXAMETHASONE SODIUM PHOSPHATE SOLN 0.1 %	2	MO
diclofenac sodium soln 0.1 %	2	MO
difluprednate emul 0.05 %	4	MO
fluocinolone acetonide oil 0.01 %	2	MO
fluorometholone susp 0.1 %	2	MO
FLURBIPROFEN SODIUM SOLN 0.03 %	2	MO
fluticasone propionate susp 50 mcg/act	2	MO
FML FORTE SUSP 0.25 %	3	MO
hydrocortisone-acetic acid soln 1-2 %	2	MO
KETOROLAC TROMETHAMINE SOLN 0.4 %	2	MO
ketorolac tromethamine soln 0.5 %	2	MO
mometasone furoate susp 50 mcg/act	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
neomycin-polymyxin-dexameth oint 3.5-10000-0.1	2	MO
neomycin-polymyxin-dexameth susp 3.5-10000-0.1	2	MO
neomycin-polymyxin-hc soln 1 %	2	MO
NEOMYCIN-POLYMYXIN-HC OPHTHALMIC SUSP 3.5-10000-1	2	MO
neomycin-polymyxin-hc otic susp 3.5-10000-1	2	MO
PRED MILD SUSP 0.12 %	3	MO
prednisolone acetate susp 1 %	2	MO
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE SOLN 1 %	2	MO
RETISERT IMPL 0.59 MG	5	
SULFACETAMIDE-PREDNISOLONE SOLN 10-0.23 %	2	MO
TOBRADEX OINT 0.3-0.1 %	3	MO
tobramycin-dexamethasone susp 0.3-0.1 %	4	MO
VERKAZIA EMUL 0.1 %	5	NDS
ANTIALLERGIC AGENTS		
azelastine hcl soln 0.05 %	4	
azelastine hcl soln 0.1 %	2	MO
CROMOLYN SODIUM SOLN 4 %	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ANTIGLAUCOMA AGENTS		
acetazolamide er cp12 500 mg	2	MO
acetazolamide sodium solr 500 mg	2	
acetazolamide tabs 125 mg	2	MO
acetazolamide tabs 250 mg	2	MO
BETAXOLOL HCL SOLN 0.5 %	2	MO
bimatoprost soln 0.03 %	2	MO
brimonidine tartrate soln 0.2 %	1	MO
dorzolamide hcl soln 2 %	2	MO
dorzolamide hcl-timolol mal soln 2-0.5 %	1	MO
latanoprost soln 0.005 %	1	MO
LEVOBUNOLOL HCL SOLN 0.5 %	2	MO
methazolamide tabs 25 mg	2	MO
methazolamide tabs 50 mg	2	MO
PHOSPHOLINE IODIDE SOLR 0.125 %	3	MO
pilocarpine hcl soln 1 %	2	MO
pilocarpine hcl soln 2 %	2	MO
pilocarpine hcl soln 4 %	2	MO
timolol maleate soln 0.25 %	1	MO
timolol maleate soln 0.5 %	1	MO
travoprost (bak free) soln 0.004 %	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
EENT DRUGS, MISCELLANEOUS		
acetic acid soln 2 %	2	MO
APRACLONIDINE HCL SOLN 0.5 %	2	MO
atropine sulfate soln 1 %	2	MO
BYOOVIZ SOLN 0.5 MG/0.05ML	5	NDS
CYSTARAN SOLN 0.44 %	5	
EYLEA SOLN 2 MG/0.05ML	5	
EYLEA SOSY 2 MG/0.05ML	5	
LUCENTIS SOSY 0.3 MG/0.05ML	5	NDS
LUCENTIS SOSY 0.5 MG/0.05ML	5	NDS
MIEBO SOLN 1.338 GM/ML	4	
PAVBLU SOLN 2 MG/0.05ML	5	
PAVBLU SOSY 2 MG/0.05ML	5	
PHENYLEPHRINE HCL SOLN 10 %	2	
phenylephrine hcl soln 2.5 %	2	
LOCAL ANESTHETICS		
LIDOCAINE HCL SOLN 4 %	2	
lidocaine viscous hcl soln 2 %	2	MO
proparacaine hcl soln 0.5 %	2	MO
TETRACAINE HCL SOLN 0.5 %	2	
GASTROINTESTINAL DRUGS		
ANTI-INFLAMMATORY AGENTS		
alosetron hcl tabs 0.5 mg	4	MO
alosetron hcl tabs 1 mg	4	MO
balsalazide disodium caps 750 mg	2	MO
DIPENTUM CAPS 250 MG	5	NDS
mesalamine enem 4 gm	2	MO
mesalamine er cpcr 500 mg	2	MO
mesalamine supp 1000 mg	2	MO
mesalamine tbec 1.2 gm	2	MO
PENTASA CPCR 250 MG	3	MO
PENTASA CPCR 500 MG	3	MO
ANTIDIARRHEA AGENTS		
DIPHENOXYLATE-ATROPINE LIQD 2.5-0.025 MG/5ML	2	
diphenoxylate-atropine tabs 2.5-0.025 mg	2	
XERMELO TABS 250 MG	5	LD, NDS
ANTIEMETICS		
aprepitant caps 125 mg	2	PA, NDS
aprepitant caps 40 mg	2	PA, NDS
aprepitant caps 80 mg	2	PA, NDS
aprepitant cppk 80 & 125 mg	2	PA, NDS
dronabinol caps 10 mg	2	PA
dronabinol caps 2.5 mg	2	PA
dronabinol caps 5 mg	2	PA
fosaprepitant dimeglumine solr 150 mg	2	
granisetron hcl tabs 1 mg	2	PA

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
meclizine hcl tabs 25 mg	2	
ondansetron hcl +rfid soln 4 mg/2ml	2	
ondansetron hcl soln 4 mg/2ml	2	
ondansetron hcl soln 4 mg/5ml	2	PA
ondansetron hcl soln 40 mg/20ml	2	
ondansetron hcl tabs 4 mg	2	PA
ondansetron hcl tabs 8 mg	2	PA
ondansetron tbdp 4 mg	2	PA
ondansetron tbdp 8 mg	2	PA
scopolamine pt72 1 mg/3days	4	MO
ANTIULCER AGENTS AND ACID SUPPRESSANTS		
bismuth/metronidaz/tetracyclin caps 140-125-125 mg	4	
cimetidine hcl soln 300 mg/5ml	2	MO
famotidine (pf) soln 20 mg/2ml	2	
FAMOTIDINE PREMIXED SOLN 20-0.9 MG/50ML-%	2	
famotidine soln 40 mg/4ml	2	
famotidine susr 40 mg/5ml	2	MO
famotidine tabs 20 mg	2	MO
famotidine tabs 40 mg	2	MO
misoprostol tabs 100 mcg	2	MO
misoprostol tabs 200 mcg	2	MO
omeprazole cpdr 10 mg	1	MO
omeprazole cpdr 20 mg	1	MO
omeprazole cpdr 40 mg	1	MO
PANTOPRAZOLE SODIUM SOLR 40 MG	2	
pantoprazole sodium tbec 20 mg	1	MO
pantoprazole sodium tbec 40 mg	1	MO
sucralfate susp 1 gm/10ml	4	MO
sucralfate tabs 1 gm	2	MO
TALICIA CPDR 250-12.5-10 MG	4	
CATHARTICS AND LAXATIVES		
GAVILYTE-C SOLR 240 GM	2	MO
gavilyte-g solr 236 gm	2	MO
na sulfate-k sulfate-mg sulf soln 17.5-3.13-1.6 gm/177ml	2	
peg 3350-kcl-na bicarb-nacl solr 420 gm	2	MO
PEG-3350/ELECTROLYTES SOLR 236 GM	2	MO
GI DRUGS, MISCELLANEOUS		
ENTYVIO PEN SOAJ 108 MG/0.68ML	5	NDS
ENTYVIO SOLR 300 MG	5	NDS
GATTEX KIT 5 MG	5	PA, NDS
IQIRVO TABS 80 MG	5	NDS
LINZESS CAPS 145 MCG	3	MO
LINZESS CAPS 290 MCG	3	MO
LINZESS CAPS 72 MCG	3	MO
LIVDELZI CAPS 10 MG	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
LIVMARLI TABS 10 MG	5	NDS
LIVMARLI TABS 15 MG	5	NDS
LIVMARLI TABS 20 MG	5	NDS
LIVMARLI TABS 30 MG	5	NDS
lubiprostone caps 24 mcg	2	MO
lubiprostone caps 8 mcg	2	MO
metoclopramide hcl +rfid soln 5 mg/ml	2	
metoclopramide hcl soln 5 mg/5ml	2	MO
metoclopramide hcl soln 5 mg/ml	2	
metoclopramide hcl tabs 10 mg	1	MO
metoclopramide hcl tabs 5 mg	1	MO
MOVANTIK TABS 25 MG	4	MO
prucalopride succinate tabs 1 mg	2	MO
prucalopride succinate tabs 2 mg	2	MO
RELISTOR SOLN 12 MG/0.6ML	5	NDS
RELISTOR SOSY 12 MG/0.6ML	5	NDS
REZDIFFRA TABS 100 MG	5	NDS
REZDIFFRA TABS 60 MG	5	NDS
REZDIFFRA TABS 80 MG	5	NDS
SKYRIZI SOCT 180 MG/1.2ML	5	
SKYRIZI SOCT 360 MG/2.4ML	5	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
TRULANCE TABS 3 MG	3	
ursodiol caps 300 mg	2	MO
ursodiol tabs 250 mg	2	MO
ursodiol tabs 500 mg	2	MO
VELSIPITY TABS 2 MG	5	NDS
VIBERZI TABS 100 MG	5	NDS
VIBERZI TABS 75 MG	5	NDS
HEAVY METAL ANTAGONISTS		
HEAVY METAL ANTAGONISTS		
CHEMET CAPS 100 MG	5	
deferasirox granules pack 180 mg	4	
deferasirox granules pack 360 mg	5	NDS
deferasirox granules pack 90 mg	4	
deferasirox tabs 180 mg	2	
deferasirox tabs 360 mg	2	
deferasirox tabs 90 mg	2	
deferasirox tbso 125 mg	2	
deferasirox tbso 250 mg	2	
deferasirox tbso 500 mg	2	
deferiprone tabs 1000 mg	5	NDS
deferiprone tabs 500 mg	5	NDS
deferoxamine mesylate solr 500 mg	2	
penicillamine caps 250 mg	2	
trientine hcl caps 250 mg	4	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
TRIENTINE HCL CAPS 500 MG	5	NDS
HORMONES AND SYNTHETIC SUBSTITUTES		
ADRENALS		
betamethasone sod phos & acet susp 6 (3-3) mg/ml	2	
budesonide cpep 3 mg	2	MO
BUDESONIDE ER TB24 9 MG	4	
CORTISONE ACETATE TABS 25 MG	2	MO
deflazacort susp 22.75 mg/ml	5	NDS
deflazacort tabs 18 mg	5	NDS
deflazacort tabs 30 mg	5	NDS
deflazacort tabs 36 mg	5	NDS
deflazacort tabs 6 mg	5	NDS
dexamethasone elix 0.5 mg/5ml	2	MO
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC 1 MG/ML	2	MO
DEXAMETHASONE SODIUM PHOSPHATE SOLN 10 MG/ML	2	
dexamethasone sodium phosphate soln 20 mg/5ml	2	
dexamethasone sodium phosphate soln 4 mg/ml	2	
DEXAMETHASONE SOLN 0.5 MG/5ML	2	
dexamethasone tabs 0.5 mg	2	MO
dexamethasone tabs 0.75 mg	2	MO
dexamethasone tabs 1 mg	2	MO
dexamethasone tabs 1.5 mg	2	MO
dexamethasone tabs 2 mg	2	MO
dexamethasone tabs 4 mg	2	MO
dexamethasone tabs 6 mg	2	MO
fludrocortisone acetate tabs 0.1 mg	2	MO
hydrocortisone tabs 10 mg	2	MO
hydrocortisone tabs 20 mg	2	MO
hydrocortisone tabs 5 mg	2	MO
jaythari tabs 18 mg	5	NDS
jaythari tabs 30 mg	5	NDS
jaythari tabs 36 mg	5	NDS
jaythari tabs 6 mg	5	NDS
KENALOG-10 SUSP 10 MG/ML	3	
KHINDIVI SOLN 1 MG/ML	5	NDS
MEDROL TABS 2 MG	3	MO
methylprednisolone acetate susp 40 mg/ml	2	
methylprednisolone acetate susp 80 mg/ml	2	
methylprednisolone sodium succ solr 1000 mg	2	
methylprednisolone sodium succ solr 125 mg	2	
methylprednisolone sodium succ solr 40 mg	2	
methylprednisolone tabs 16 mg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
methylprednisolone tabs 32 mg	2	MO
methylprednisolone tabs 4 mg	2	MO
methylprednisolone tabs 8 mg	2	MO
methylprednisolone tbpk 4 mg	2	MO
prednisolone sodium phosphate soln 15 mg/5ml	2	
prednisolone sodium phosphate soln 5 mg/5ml	2	MO
prednisolone soln 15 mg/5ml	2	MO
prednisolone tabs 5 mg	4	MO
PREDNISONE INTENSOL CONC 5 MG/ML	2	MO
PREDNISONE SOLN 5 MG/5ML	2	MO
prednisone tabs 1 mg	1	MO
prednisone tabs 10 mg	1	MO
prednisone tabs 2.5 mg	1	MO
prednisone tabs 20 mg	1	MO
prednisone tabs 5 mg	1	MO
prednisone tabs 50 mg	1	MO
prednisone tbpk 10 mg (21)	2	
prednisone tbpk 10 mg (48)	2	
prednisone tbpk 5 mg (21)	2	
prednisone tbpk 5 mg (48)	2	
SOLU-CORTEF SOLR 100 MG	3	
SOLU-CORTEF SOLR 1000 MG	3	
SOLU-CORTEF SOLR 250 MG	3	
SOLU-CORTEF SOLR 500 MG	3	
TARPEYO CPDR 4 MG	5	NDS
triamcinolone acetonide susp 40 mg/ml	2	
ANDROGENS		
danazol caps 100 mg	2	MO
danazol caps 200 mg	2	MO
danazol caps 50 mg	2	MO
depo-testosterone soln 100 mg/ml	2	MO
depo-testosterone soln 200 mg/ml	2	MO
METHITEST TABS 10 MG	5	NDS
methyltestosterone caps 10 mg	5	NDS
testosterone cypionate soln 100 mg/ml	2	MO
testosterone cypionate soln 200 mg/ml	2	MO
TESTOSTERONE ENANTHATE SOLN 200 MG/ML	2	MO
testosterone gel 12.5 mg/act (1%)	2	MO
testosterone gel 20.25 mg/act (1.62%)	2	MO
testosterone gel 25 mg/2.5gm (1%)	2	MO
testosterone gel 50 mg/5gm (1%)	2	MO
CONTRACEPTIVES		
apri tabs 0.15-30 mg-mcg	2	MO
ARANELLE TABS 0.5/1/0.5-35 MG-MCG	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
aviane tabs 0.1-20 mg-mcg	2	MO
balziva tabs 0.4-35 mg-mcg	2	MO
cryselle tabs 0.3-30 mg-mcg	2	MO
drospirenone-ethinyl estradiol tabs 3-0.02 mg	2	MO
drospirenone-ethinyl estradiol tabs 3-0.03 mg	2	MO
eluryng ring 0.12-0.015 mg/24hr	2	MO
junel 1.5/30 tabs 1.5-30 mg-mcg	2	MO
junel 1/20 tabs 1-20 mg-mcg	2	MO
junel fe 1.5/30 tabs 1.5-30 mg-mcg	2	MO
junel fe 1/20 tabs 1-20 mg-mcg	2	MO
junel fe 24 tabs 1-20 mg-mcg(24)	2	MO
kelnor 1/35 tabs 1-35 mg-mcg	2	MO
levonorgestrel tabs 1.5 mg	2	OTC
MIRENA (52 MG) IUD 21 MCG/DAY	3	MO
NEXPLANON IMPL 68 MG	3	MO
nikki tabs 3-0.02 mg	2	MO
NORA-BE TABS 0.35 MG	2	MO
norethin ace-eth estrad-fe chew 1-20 mg-mcg(24)	2	MO
norethindrone tabs 0.35 mg	2	MO
nortrel 0.5/35 (28) tabs 0.5-35 mg-mcg	2	MO
nortrel 1/35 (21) tabs 1-35 mg-mcg	2	MO
nortrel 1/35 (28) tabs 1-35 mg-mcg	2	MO
nortrel 7/7/7 tabs 0.5/0.75/1-35 mg-mcg	2	MO
portia-28 tabs 0.15-30 mg-mcg	2	MO
reclipsen tabs 0.15-30 mg-mcg	2	MO
sprintec 28 tabs 0.25-35 mg-mcg	2	MO
tri-lo-sprintec tabs 0.18/0.215/0.25 mg-25 mcg	2	MO
tri-sprintec tabs 0.18/0.215/0.25 mg-35 mcg	2	MO
xulane ptwk 150-35 mcg/24hr	2	MO
DIABETIC AGENTS		
acarbose tabs 100 mg	2	MO
acarbose tabs 25 mg	2	MO
acarbose tabs 50 mg	2	MO
BAQSIMI ONE PACK POWD 3 MG/DOSE	3	
BAQSIMI TWO PACK POWD 3 MG/DOSE	3	
dapagliflozin tabs 10 mg	2	MO
dapagliflozin tabs 5 mg	2	MO
diazoxide susp 50 mg/ml	4	
FARXIGA TABS 10 MG	3	MO
FARXIGA TABS 5 MG	3	MO
glimepiride tabs 1 mg	1	MO
glimepiride tabs 2 mg	1	MO
glimepiride tabs 4 mg	1	MO
glipizide er tb24 10 mg	1	MO
glipizide er tb24 2.5 mg	1	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
glipizide er tb24 5 mg	1	MO
glipizide tabs 10 mg	1	MO
glipizide tabs 5 mg	1	MO
glipizide-metformin hcl tabs 2.5-250 mg	1	MO
glipizide-metformin hcl tabs 2.5-500 mg	1	MO
glipizide-metformin hcl tabs 5-500 mg	1	MO
glucagon emergency solr 1 mg	2	
glyburide tabs 1.25 mg	2	MO
glyburide tabs 2.5 mg	2	MO
glyburide tabs 5 mg	2	MO
HUMALOG SOCT 100 UNIT/ML	4	MO
HUMULIN 70/30 KWIKPEN SUPN (70-30) 100 UNIT/ML	3	MO
HUMULIN 70/30 SUSP (70-30) 100 UNIT/ML	3	MO
HUMULIN N KWIKPEN SUPN 100 UNIT/ML	3	MO
HUMULIN N SUSP 100 UNIT/ML	3	MO
HUMULIN R SOLN 100 UNIT/ML	3	MO
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN 500 UNIT/ML	3	MO
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN 500 UNIT/ML	3	MO
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 100 UNIT/ML	2	MO
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 100 UNIT/ML	2	MO
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN 100 UNIT/ML	4	MO
INSULIN LISPRO SOLN 100 UNIT/ML	3	MO
JANUMET TABS 50-1000 MG	3	MO
JANUMET TABS 50-500 MG	3	MO
JANUMET XR TB24 100-1000 MG	3	MO
JANUMET XR TB24 50-1000 MG	3	MO
JANUMET XR TB24 50-500 MG	3	MO
JANUVIA TABS 100 MG	3	MO
JANUVIA TABS 25 MG	3	MO
JANUVIA TABS 50 MG	3	MO
JARDIANCE TABS 10 MG	3	MO
JARDIANCE TABS 25 MG	3	MO
KIRSTY SOLN 100 UNIT/ML	2	MO
KIRSTY SOPN 100 UNIT/ML	2	MO
KORLYM TABS 300 MG	5	PA, LD, NDS
liraglutide sopn 18 mg/3ml	2	PA, MO
metformin hcl er tb24 500 mg	1	MO
metformin hcl er tb24 750 mg	1	MO
metformin hcl tabs 1000 mg	1	MO
metformin hcl tabs 500 mg	1	MO
metformin hcl tabs 850 mg	1	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
mifepristone tabs 300 mg	5	PA, NDS
nateglinide tabs 120 mg	2	MO
nateglinide tabs 60 mg	2	MO
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN 100 UNIT/ML	4	MO
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN 2 MG/3ML	3	PA, MO
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML	3	PA, MO
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN 8 MG/3ML	3	PA, MO
OZEMPIC TABS 1.5 MG	3	PA, MO
OZEMPIC TABS 4 MG	3	PA, MO
OZEMPIC TABS 9 MG	3	PA, MO
pioglitazone hcl tabs 15 mg	1	MO
pioglitazone hcl tabs 30 mg	1	MO
pioglitazone hcl tabs 45 mg	1	MO
repaglinide tabs 0.5 mg	2	MO
repaglinide tabs 1 mg	2	MO
repaglinide tabs 2 mg	2	MO
RYBELSUS TABS 14 MG	3	PA, MO
RYBELSUS TABS 3 MG	3	PA
RYBELSUS TABS 7 MG	3	PA, MO
SITAGLIPTIN TABS 100 MG	3	MO
SITAGLIPTIN TABS 25 MG	3	MO
SITAGLIPTIN TABS 50 MG	3	MO
TRADJENTA TABS 5 MG	3	MO
WEGOVY SOAJ 0.25 MG/0.5ML	3	PA
WEGOVY SOAJ 0.5 MG/0.5ML	3	PA
WEGOVY SOAJ 1 MG/0.5ML	3	PA
WEGOVY SOAJ 1.7 MG/0.75ML	3	PA, MO
WEGOVY SOAJ 2.4 MG/0.75ML	3	PA, MO
WEGOVY TABS 1.5 MG	3	PA
WEGOVY TABS 25 MG	3	PA, MO
WEGOVY TABS 4 MG	3	PA
WEGOVY TABS 9 MG	3	PA
ESTROGENS AND ANTIESTROGENS		
CLIMARA PTWK 0.025 MG/24HR	2	MO
CLIMARA PTWK 0.0375 MG/24HR	2	MO
CLIMARA PTWK 0.05 MG/24HR	2	MO
CLIMARA PTWK 0.06 MG/24HR	2	MO
CLIMARA PTWK 0.075 MG/24HR	2	MO
CLIMARA PTWK 0.1 MG/24HR	2	MO
DEPO-ESTRADIOL OIL 5 MG/ML	2	
dotti pttw 0.025 mg/24hr	2	MO
dotti pttw 0.0375 mg/24hr	2	MO
dotti pttw 0.05 mg/24hr	2	MO
dotti pttw 0.075 mg/24hr	2	MO
dotti pttw 0.1 mg/24hr	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ESTRACE CREA 0.01 %	2	MO
estradiol crea 0.01 %	2	MO
estradiol gel 0.25 mg/0.25gm	2	MO
estradiol gel 0.5 mg/0.5gm	2	MO
estradiol gel 0.75 mg/0.75gm	2	MO
estradiol gel 1 mg/gm	2	MO
estradiol gel 1.25 mg/1.25gm	2	MO
estradiol pttw 0.025 mg/24hr	2	MO
estradiol pttw 0.0375 mg/24hr	2	MO
estradiol pttw 0.05 mg/24hr	2	MO
estradiol pttw 0.075 mg/24hr	2	MO
estradiol pttw 0.1 mg/24hr	2	MO
estradiol tabs 0.5 mg	1	MO
estradiol tabs 1 mg	1	MO
estradiol tabs 10 mcg	2	MO
estradiol tabs 2 mg	1	MO
estradiol valerate oil 20 mg/ml	2	
estradiol valerate oil 40 mg/ml	2	
ESTRING RING 7.5 MCG/24HR	4	MO
jinteli tabs 1-5 mg-mcg	2	MO
PREMARIN SOLR 25 MG	3	
raloxifene hcl tabs 60 mg	2	MO
yuvafem tabs 10 mcg	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
GONADOTROPINS		
CHORIONIC GONADOTROPIN SOLR 10000 UNIT	3	PA
ORGOVYX TABS 120 MG	5	NDS
ORILISSA TABS 150 MG	5	NDS
ORILISSA TABS 200 MG	5	NDS
OXYTOCICS		
methergine tabs 0.2 mg	2	
methylergonovine maleate soln 0.2 mg/ml	2	
methylergonovine maleate tabs 0.2 mg	2	
MIFEPREX TABS 200 MG	2	
mifepristone tabs 200 mg	2	
OXYTOCIN SOLN 10 UNIT/ML	2	
PARATHYROID		
calcitonin (salmon) soln 200 unit/act	2	MO
calcitonin (salmon) soln 200 unit/ml	5	NDS
cinacalcet hcl tabs 30 mg	2	
cinacalcet hcl tabs 60 mg	2	
cinacalcet hcl tabs 90 mg	2	
FORTEO SOPN 560 MCG/2.24ML	3	MO
teriparatide sopn 560 mcg/2.24ml	5	NDS
PITUITARY		
CORTROPHIN GEL 80 UNIT/ML	5	PA, NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
CORTROPHIN GEL PRSY 40 UNIT/0.5ML	5	PA, NDS
CORTROPHIN GEL PRSY 80 UNIT/ML	5	PA, NDS
CRENESSITY CAPS 100 MG	5	NDS
CRENESSITY CAPS 25 MG	5	NDS
CRENESSITY CAPS 50 MG	5	NDS
CRENESSITY SOLN 50 MG/ML	5	NDS
desmopressin ace spray refrig soln 0.01 %	2	MO
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN 4 MCG/ML	2	
DESMOPRESSIN ACETATE SPRAY SOLN 0.01 %	2	
desmopressin acetate tabs 0.1 mg	2	MO
desmopressin acetate tabs 0.2 mg	2	MO
SYNAREL SOLN 2 MG/ML	5	MO
PROGESTINS		
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY 104 MG/0.65ML	3	MO
ENDOMETRIN INST 100 MG	4	PA
gallifrey tabs 5 mg	2	MO
medroxyprogesterone acetate susp 150 mg/ml	2	
MEDROXYPROGESTERONE ACETATE SUSY 150 MG/ML	2	
medroxyprogesterone acetate tabs 10 mg	2	MO
medroxyprogesterone acetate tabs 2.5 mg	2	MO
medroxyprogesterone acetate tabs 5 mg	2	MO
norethindrone acetate tabs 5 mg	2	MO
progesterone caps 100 mg	2	MO
progesterone caps 200 mg	2	MO
PROGESTERONE INST 100 MG	4	PA
progesterone oil 50 mg/ml	2	
SOMATOTROPIN AGONISTS AND ANTAGONISTS		
EGRIFTA SV SOLR 2 MG	5	NDS
EGRIFTA WR KIT 11.6 MG	5	NDS
INCRELEX SOLN 40 MG/4ML	5	NDS
LANREOTIDE ACETATE SOLN 120 MG/0.5ML	5	NDS
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 10 MG/1.5ML	5	PA, NDS
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 15 MG/1.5ML	5	PA, NDS
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML	5	PA, NDS
octreotide acetate kit 10 mg	5	NDS
octreotide acetate kit 20 mg	5	NDS
octreotide acetate kit 30 mg	5	NDS
octreotide acetate soln 100 mcg/ml	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
octreotide acetate soln 1000 mcg/ml	2	
octreotide acetate soln 200 mcg/ml	2	
octreotide acetate soln 50 mcg/ml	2	
octreotide acetate soln 500 mcg/ml	2	
OMNITROPE SOCT 10 MG/1.5ML	2	PA
OMNITROPE SOCT 5 MG/1.5ML	2	PA
OMNITROPE SOLR 5.8 MG	2	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT 10 MG	5	NDS
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT 20 MG	5	NDS
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT 30 MG	5	NDS
SIGNIFOR LAR SRER 10 MG	5	NDS
SIGNIFOR LAR SRER 20 MG	5	NDS
SIGNIFOR LAR SRER 30 MG	5	NDS
SIGNIFOR LAR SRER 40 MG	5	NDS
SIGNIFOR LAR SRER 60 MG	5	NDS
SIGNIFOR SOLN 0.3 MG/ML	5	NDS
SIGNIFOR SOLN 0.6 MG/ML	5	NDS
SIGNIFOR SOLN 0.9 MG/ML	5	NDS
SOMAVERT SOLR 10 MG	5	LD, NDS
SOMAVERT SOLR 15 MG	5	LD, NDS
SOMAVERT SOLR 20 MG	5	LD, NDS
SOMAVERT SOLR 25 MG	5	LD, NDS
SOMAVERT SOLR 30 MG	5	LD, NDS
THYROID AND ANTITHYROID AGENTS		
LEVOTHYROXINE SODIUM SOLR 500 MCG	2	
levothyroxine sodium tabs 100 mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 112 mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 125 mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 137 mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 150 mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 175 mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 200 mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 25 mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 300 mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 50 mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 75 mcg	1	MO
levothyroxine sodium tabs 88 mcg	1	MO
liothyronine sodium tabs 25 mcg	2	MO
liothyronine sodium tabs 5 mcg	2	MO
liothyronine sodium tabs 50 mcg	2	MO
methimazole tabs 10 mg	1	MO
methimazole tabs 5 mg	1	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
propylthiouracil tabs 50 mg	2	MO
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC AGENTS		
5-ALPHA REDUCTASE INHIBITORS		
dutasteride caps 0.5 mg	2	MO
finasteride tabs 5 mg	1	MO
ANTIDOTES		
acetylcysteine soln 10 %	2	PA, MO
acetylcysteine soln 20 %	2	PA, MO
ACETYLCYSTEINE SOLN 200 MG/ML	2	
leucovorin calcium solr 100 mg	2	
leucovorin calcium solr 350 mg	2	
leucovorin calcium solr 50 mg	2	
leucovorin calcium tabs 10 mg	2	MO
leucovorin calcium tabs 25 mg	2	MO
leucovorin calcium tabs 5 mg	2	MO
VORAXAZE SOLR 1000 UNIT	5	NDS
ANTIGOUT AGENTS		
allopurinol tabs 100 mg	1	MO
allopurinol tabs 300 mg	1	MO
colchicine tabs 0.6 mg	2	MO
febuxostat tabs 40 mg	2	MO
febuxostat tabs 80 mg	2	MO
BONE RESORPTION INHIBITORS		
alendronate sodium tabs 10 mg	1	MO
alendronate sodium tabs 35 mg	1	MO
alendronate sodium tabs 70 mg	1	MO
BOMYNTRA SOLN 120 MG/1.7ML	5	PA, NDS
BOMYNTRA SOSY 120 MG/1.7ML	5	PA, NDS
OSENVELT SOLN 120 MG/1.7ML	5	PA, NDS
pamidronate disodium soln 90 mg/10ml	2	
risedronate sodium tabs 35 mg	2	MO
WYOST SOLN 120 MG/1.7ML	5	PA, NDS
zoledronic acid conc 4 mg/5ml	2	
zoledronic acid soln 5 mg/100ml	2	
DISEASE-MODIFYING ANTIRHEUMATIC AGENTS		
AMJEVITA SOAJ 40 MG/0.4ML	3	MO
AMJEVITA SOAJ 80 MG/0.8ML	3	MO
AMJEVITA SOSY 40 MG/0.4ML	3	MO
AMJEVITA-PED 10KG TO <15KG SOSY 10 MG/0.2ML	3	MO
AMJEVITA-PED 15KG TO <30KG SOSY 20 MG/0.2ML	3	MO
AVTOZMA SOAJ 162 MG/0.9ML	5	NDS
AVTOZMA SOLN 200 MG/10ML	5	NDS
AVTOZMA SOLN 400 MG/20ML	5	NDS
AVTOZMA SOLN 80 MG/4ML	5	NDS
AVTOZMA SOSY 162 MG/0.9ML	5	NDS
CIBINQO TABS 100 MG	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ENBREL MINI SOCT 50 MG/ML	5	NDS
ENBREL SOLN 25 MG/0.5ML	5	NDS
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	5	NDS
ENBREL SOSY 50 MG/ML	5	NDS
ENBREL SURECLICK SOAJ 50 MG/ML	5	NDS
INFLECTRA SOLR 100 MG	5	HI
INFLIXIMAB SOLR 100 MG	5	HI
KINERET SOSY 100 MG/0.67ML	5	NDS
leflunomide tabs 10 mg	2	MO
leflunomide tabs 20 mg	2	MO
OLUMIANT TABS 1 MG	5	NDS
OLUMIANT TABS 2 MG	5	NDS
ORENCIA CLICKJECT SOAJ 125 MG/ML	5	NDS
ORENCIA SOLR 250 MG	5	NDS
ORENCIA SOSY 125 MG/ML	5	NDS
ORENCIA SOSY 50 MG/0.4ML	5	NDS
ORENCIA SOSY 87.5 MG/0.7ML	5	NDS
OTEZLA TABS 20 MG	5	NDS
OTEZLA TABS 30 MG	5	NDS
OTEZLA TBPK 10 & 20 & 30 MG	5	NDS
OTEZLA TBPK 4 x 10 & 51 x20 MG	5	NDS
OTEZLA XR TB24 75 MG	5	NDS
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK 10&20&30&(ER)75 MG	5	NDS
RASUVO SOAJ 10 MG/0.2ML	3	
RASUVO SOAJ 12.5 MG/0.25ML	3	
RASUVO SOAJ 15 MG/0.3ML	3	
RASUVO SOAJ 17.5 MG/0.35ML	3	
RASUVO SOAJ 20 MG/0.4ML	3	
RASUVO SOAJ 22.5 MG/0.45ML	3	
RASUVO SOAJ 25 MG/0.5ML	3	
RASUVO SOAJ 30 MG/0.6ML	3	
RASUVO SOAJ 7.5 MG/0.15ML	3	
RINVOQ LQ SOLN 1 MG/ML	5	NDS
RINVOQ TB24 15 MG	5	NDS
RINVOQ TB24 30 MG	5	NDS
RINVOQ TB24 45 MG	5	NDS
tofacitinib citrate er tb24 11 mg	2	MO
tofacitinib citrate er tb24 22 mg	5	NDS
tofacitinib citrate soln 1 mg/ml	4	MO
tofacitinib citrate tabs 10 mg	2	MO
tofacitinib citrate tabs 5 mg	2	MO
TYENNE SOAJ 162 MG/0.9ML	5	NDS
TYENNE SOSY 162 MG/0.9ML	5	NDS
ZYMFENTRA (2 PEN) AJKT 120 MG/ML	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ZYMFENTRA (2 SYRINGE) PSKT 120 MG/ML	5	NDS
IMMUNE SUPPRESSANTS		
azathioprine tabs 100 mg	2	PA, MO
azathioprine tabs 50 mg	2	PA, MO
azathioprine tabs 75 mg	2	PA, MO
BENLYSTA SOAJ 200 MG/ML	5	
BENLYSTA SOSY 200 MG/ML	5	
cyclosporine caps 100 mg	2	PA, MO
cyclosporine caps 25 mg	2	PA, MO
cyclosporine modified caps 100 mg	2	PA, MO
cyclosporine modified caps 25 mg	2	PA, MO
cyclosporine modified caps 50 mg	2	PA, MO
cyclosporine modified soln 100 mg/ml	2	PA, MO
ENVARSUS XR TB24 0.75 MG	4	PA, MO
ENVARSUS XR TB24 1 MG	4	PA, MO
ENVARSUS XR TB24 4 MG	5	PA, MO
everolimus tabs 0.25 mg	4	PA
everolimus tabs 0.5 mg	4	PA
everolimus tabs 0.75 mg	4	PA
everolimus tabs 1 mg	5	PA
gengraf caps 100 mg	2	PA, MO
gengraf caps 25 mg	2	PA, MO
mycophenolate mofetil caps 250 mg	2	PA, MO
mycophenolate mofetil susr 200 mg/ml	2	PA, MO
mycophenolate mofetil tabs 500 mg	2	PA, MO
mycophenolate sodium tbec 180 mg	2	PA, MO
mycophenolate sodium tbec 360 mg	2	PA, MO
PROGRAF PACK 0.2 MG	4	PA
PROGRAF PACK 1 MG	4	PA
PROGRAF SOLN 5 MG/ML	3	MO
sirolimus soln 1 mg/ml	2	PA, MO
sirolimus tabs 0.5 mg	2	PA, MO
sirolimus tabs 1 mg	2	PA, MO
sirolimus tabs 2 mg	4	PA, MO
tacrolimus caps 0.5 mg	2	PA, MO
tacrolimus caps 1 mg	2	PA, MO
tacrolimus caps 5 mg	2	PA, MO
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC AGENTS		
ACETIC ACID SOLN 0.25 %	2	
ACTIMMUNE SOLN 100 MCG/0.5ML	5	
AMVUTTRA SOSY 25 MG/0.5ML	5	
ANDEMBRY SOAJ 200 MG/1.2ML	5	NDS
AQNEURSA PACK 1 GM	5	LD, NDS
ARCALYST SOLR 220 MG	5	NDS
ARGYLE STERILE WATER SOLN	2	
bupivacaine hcl (pf) soln 0.25 %	2	
bupivacaine hcl (pf) soln 0.5 %	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
bupivacaine hcl (pf) soln 0.75 %	2	
bupivacaine hcl soln 0.5 %	2	
bupivacaine in dextrose soln 0.75-8.25 %	2	
bupivacaine spinal soln 0.75-8.25 %	2	
bupivacaine-epinephrine (pf) soln 0.25% -1:200000	2	
bupivacaine-epinephrine (pf) soln 0.5% -1:200000	2	
bupivacaine-epinephrine soln 0.25% -1:200000	2	
bupivacaine-epinephrine soln 0.5% -1:200000	2	
chloroprocaine hcl (pf) soln 2 %	2	
CYSTADANE POWD	4	LD, MO
CYSTAGON CAPS 150 MG	3	LD, NDS
CYSTAGON CAPS 50 MG	3	LD, NDS
dexrazoxane hcl solr 250 mg	2	
dexrazoxane hcl solr 500 mg	2	
DUVYZAT SUSP 8.86 MG/ML	5	NDS
EKTERLY TABS 300 MG	5	NDS
ELMIRON CAPS 100 MG	5	
ENDARI PACK 5 GM	5	NDS
EVRYSDI SOLR 0.75 MG/ML	5	NDS
EVRYSDI TABS 5 MG	5	NDS
FILSPARI TABS 200 MG	5	NDS
FILSPARI TABS 400 MG	5	NDS
FIRDAPSE TABS 10 MG	5	NDS
GIVLAARI SOLN 189 MG/ML	5	NDS
GRASTEK SUBL 2800 BAU	3	MO
HAEGARDA SOLR 2000 UNIT	5	NDS
HAEGARDA SOLR 3000 UNIT	5	NDS
icatibant acetate sosy 30 mg/3ml	2	
KESIMPTA SOAJ 20 MG/0.4ML	5	NDS
LACTATED RINGERS SOLN	2	
levocarnitine soln 1 gm/10ml	2	MO
levocarnitine tabs 330 mg	2	MO
lidocaine hcl (pf) soln 0.5 %	2	
lidocaine hcl (pf) soln 1 %	2	
lidocaine hcl (pf) soln 2 %	2	
lidocaine hcl (pf) soln 4 %	2	
lidocaine hcl soln 0.5 %	2	
lidocaine hcl soln 1 %	2	
lidocaine hcl soln 2 %	2	
lidocaine-epinephrine (pf) soln 1.5 %-1:200000	2	
lidocaine-epinephrine (pf) soln 2 %-1:200000	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
lidocaine-epinephrine soln 0.5 %-1:200000	2	
lidocaine-epinephrine soln 1 %-1:100000	2	
lidocaine-epinephrine soln 2 %-1:100000	2	
mesna soln 100 mg/ml	2	
mesna tabs 400 mg	2	
MIPLYFFA CAPS 124 MG	5	NDS
MIPLYFFA CAPS 47 MG	5	NDS
MIPLYFFA CAPS 62 MG	5	NDS
MIPLYFFA CAPS 93 MG	5	NDS
ODACTRA SUBL 12 SQ-HDM	4	
PALFORZIA (12 MG DAILY DOSE) CSPK 2 x 1 MG & 10 MG	5	NDS
PALFORZIA (120 MG DAILY DOSE) CSPK 20 MG & 100 MG	5	NDS
PALFORZIA (160 MG DAILY DOSE) CSPK 3 x 20 MG & 100 MG	5	NDS
PALFORZIA (20 MG DAILY DOSE) CSPK 20 MG	5	NDS
PALFORZIA (200 MG DAILY DOSE) CSPK 2 x 100 MG	5	NDS
PALFORZIA (240 MG DAILY DOSE) CSPK 2 x 20 MG & 2 X 100 MG	5	NDS
PALFORZIA (3 MG DAILY DOSE) CSPK 3 x 1 MG	5	NDS
PALFORZIA (300 MG MAINTENANCE) PACK 300 MG	5	NDS
PALFORZIA (300 MG TITRATION) PACK 300 MG	5	NDS
PALFORZIA (40 MG DAILY DOSE) CSPK 2 x 20 MG	5	NDS
PALFORZIA (6 MG DAILY DOSE) CSPK 6 x 1 MG	5	NDS
PALFORZIA (80 MG DAILY DOSE) CSPK 4 x 20 MG	5	NDS
PALFORZIA INITIAL ESCALATION CSPK 0.5 & 1 & 1.5 & 3 & 6 MG	5	NDS
POLOCAINE-MPF SOLN 1 %	2	
POLOCAINE-MPF SOLN 2 %	2	
PYRUKYND TABS 20 MG	5	NDS
PYRUKYND TABS 5 MG	5	NDS
PYRUKYND TABS 50 MG	5	NDS
PYRUKYND TAPER PACK TBPK 5 MG	5	NDS
PYRUKYND TAPER PACK TBPK 7 x 20 MG & 7 X 5 MG	5	NDS
PYRUKYND TAPER PACK TBPK 7 x 50 MG & 7 X 20 MG	5	NDS
REZUROCK TABS 200 MG	5	NDS
RIDAURA CAPS 3 MG	5	MO
RIMSO-50 SOLN 50 %	3	
sajazir sosy 30 mg/3ml	5	NDS
sapropterin dihydrochloride pack 100 mg	4	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
sapropterin dihydrochloride pack 500 mg	5	NDS
sapropterin dihydrochloride tabs 100 mg	5	NDS
SENSORCAINE SOLN 0.5 %	2	
sensorcaine-mpf soln 0.25 %	2	
sensorcaine-mpf soln 0.5 %	2	
sensorcaine-mpf soln 0.75 %	2	
sensorcaine-mpf/epinephrine soln 0.25% -1:200000	2	
SENSORCAINE-MPF/EPINEPHRINE SOLN 0.5% -1:200000	2	
sensorcaine/epinephrine soln 0.25% -1:200000	2	
sensorcaine/epinephrine soln 0.5% -1:200000	2	
SEPHIENCE PACK 1000 MG	5	NDS
SEPHIENCE PACK 250 MG	5	NDS
SKYCLARYS CAPS 50 MG	5	NDS
sodium chloride irrigation soln 0.9 %	2	MO
SODIUM FLUORIDE CHEW 0.55 (0.25 F) MG	2	MO
SODIUM FLUORIDE CHEW 1.1 (0.5 F) MG	2	MO
SODIUM FLUORIDE CHEW 2.2 (1 F) MG	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
SODIUM FLUORIDE SOLN 1.1 (0.5 F) MG/ML	2	MO
STERILE WATER FOR IRRIGATION SOLN	2	
TAKHZYRO SOLN 300 MG/2ML	5	NDS
TAKHZYRO SOSY 150 MG/ML	5	NDS
TAKHZYRO SOSY 300 MG/2ML	5	NDS
TAVNEOS CAPS 10 MG	5	NDS
THIOLA TABS 100 MG	5	NDS
THYROGEN SOLR 0.9 MG	5	NDS
tiopronin tabs 100 mg	5	NDS
tiopronin tbec 100 mg	5	NDS
tiopronin tbec 300 mg	5	NDS
ULTOMIRIS SOLN 1100 MG/11ML	5	
ULTOMIRIS SOLN 300 MG/3ML	5	
venxxiva tbec 100 mg	5	NDS
venxxiva tbec 300 mg	5	NDS
VIJOICE PACK 50 MG	5	NDS
VIJOICE TBPK 125 MG	5	NDS
VIJOICE TBPK 50 MG	5	NDS
VOWST CAPS	5	NDS
VUMERITY CPDR 231 MG	5	NDS
VYVGART HYTRULO SOLN 180-2000 MG-UNIT/ML	5	NDS
VYVGART HYTRULO SOSY 1000-10000 MG-UNT/5ML	5	NDS
VYVGART SOLN 400 MG/20ML	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
WATER FOR IRRIGATION, STERILE SOLN	2	
XEOMIN SOLR 200 UNIT	5	PA, NDS
RESPIRATORY TRACT AGENTS		
ANTI-INFLAMMATORY AGENTS		
BRINSUPRI TABS 10 MG	5	NDS
BRINSUPRI TABS 25 MG	5	NDS
cromolyn sodium conc 100 mg/5ml	2	MO
cromolyn sodium nebu 20 mg/2ml	3	PA, MO
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	5	PA, NDS
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	5	PA, NDS
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	5	PA, NDS
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	5	PA, NDS
FASENRA PEN SOAJ 30 MG/ML	5	PA, NDS
FASENRA SOSY 30 MG/ML	5	PA
montelukast sodium chew 4 mg	1	MO
montelukast sodium chew 5 mg	1	MO
montelukast sodium pack 4 mg	2	MO
montelukast sodium tabs 10 mg	1	MO
NUCALA SOAJ 100 MG/ML	5	PA, NDS
NUCALA SOSY 100 MG/ML	5	PA, NDS
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	5	PA, NDS
zileuton er tb12 600 mg	4	MO
CYSTIC FIBROSIS		
ALYFTREK TABS 10-50-125 MG	5	LD, NDS
ALYFTREK TABS 4-20-50 MG	5	LD, NDS
CAYSTON SOLR 75 MG	5	LD, NDS
KALYDECO PACK 13.4 MG	5	PA, NDS
KALYDECO PACK 25 MG	5	PA, NDS
KALYDECO PACK 5.8 MG	5	PA, NDS
KALYDECO PACK 50 MG	5	PA, NDS
KALYDECO PACK 75 MG	5	PA, NDS
KALYDECO TABS 150 MG	5	PA, NDS
ORKAMBI PACK 100-125 MG	5	NDS
ORKAMBI PACK 150-188 MG	5	NDS
ORKAMBI PACK 75-94 MG	5	NDS
ORKAMBI TABS 100-125 MG	5	NDS
ORKAMBI TABS 200-125 MG	5	NDS
SYMDEKO TBPK 100-150 & 150 MG	5	NDS
SYMDEKO TBPK 50-75 & 75 MG	5	NDS
TOBI PODHALER CAPS 28 MG	5	
tobramycin nebu 300 mg/5ml	5	PA
TRIKAFTA TBPK 100-50-75 & 150 MG	5	LD, NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
TRIKAFTA TBPK 50-25-37.5 & 75 MG	5	LD, NDS
TRIKAFTA THPK 100-50-75 & 75 MG	5	LD, NDS
TRIKAFTA THPK 80-40-60 & 59.5 MG	5	LD, NDS
PULMONARY FIBROSIS		
nintedanib esylate caps 100 mg	4	MO
nintedanib esylate caps 150 mg	4	MO
OFEV CAPS 100 MG	5	NDS
OFEV CAPS 150 MG	5	NDS
pirfenidone tabs 267 mg	2	PA, MO
PIRFENIDONE TABS 534 MG	2	PA, MO
pirfenidone tabs 801 mg	2	PA, MO
RESPIRATORY AGENTS, MISCELLANEOUS		
ADVAIR HFA AERO 115-21 MCG/ACT	4	MO
ADVAIR HFA AERO 230-21 MCG/ACT	3	MO
ADVAIR HFA AERO 45-21 MCG/ACT	4	MO
ALVESCO AERS 160 MCG/ACT	3	MO
ALVESCO AERS 80 MCG/ACT	3	MO
ASMANEX HFA AERO 100 MCG/ACT	4	MO
ASMANEX HFA AERO 200 MCG/ACT	4	MO
BREO ELLIPTA AEPB 100-25 MCG/ACT	3	MO
BREO ELLIPTA AEPB 200-25 MCG/ACT	3	MO
BREO ELLIPTA AEPB 50-25 MCG/INH	3	MO
breyna aero 160-4.5 mcg/act	2	
breyna aero 80-4.5 mcg/act	2	
BREZTRI AEROSPHERE AERO 160-9-4.8 MCG/ACT	4	MO
budesonide susp 0.25 mg/2ml	2	PA, MO
budesonide susp 0.5 mg/2ml	2	PA, MO
budesonide susp 1 mg/2ml	4	PA, MO
FLUTICASONE FUROATE-VILANTEROL AEPB 100-25 MCG/ACT	3	MO
FLUTICASONE FUROATE-VILANTEROL AEPB 200-25 MCG/ACT	3	MO
FLUTICASONE PROPIONATE HFA AERO 220 MCG/ACT	4	MO
GLASSIA SOLN 1000 MG/50ML	5	HI
guaifenesin-codeine soln 100-10 mg/5ml	2	RX
OHTUVAYRE SUSP 3 MG/2.5ML	5	PA, NDS
PULMICORT FLEXHALER AEPB 180 MCG/ACT	4	MO
roflumilast tabs 250 mcg	4	MO
roflumilast tabs 500 mcg	4	MO
TEZSPIRE SOAJ 210 MG/1.91ML	5	NDS
TEZSPIRE SOSY 210 MG/1.91ML	5	NDS
TRELEGY ELLIPTA AEPB 100-62.5-25 MCG/ACT	3	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
TRELEGY ELLIPTA AEPB 200-62.5-25 MCG/ACT	3	MO
WINREVAIR KIT 2 x 45 MG	5	NDS
WINREVAIR KIT 2 x 60 MG	5	NDS
WINREVAIR KIT 45 MG	5	NDS
WINREVAIR KIT 60 MG	5	NDS
wixela inhub aepb 100-50 mcg/act	2	
wixela inhub aepb 250-50 mcg/act	2	
wixela inhub aepb 500-50 mcg/act	2	
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML	5	PA, NDS
XOLAIR SOAJ 300 MG/2ML	5	PA, NDS
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	5	PA, NDS
XOLAIR SOLR 150 MG	5	PA, NDS
XOLAIR SOSY 150 MG/ML	5	PA, NDS
XOLAIR SOSY 300 MG/2ML	5	PA, NDS
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	5	PA, NDS
VASODILATING AGENTS		
ADEMPAS TABS 0.5 MG	5	PA, NDS
ADEMPAS TABS 1 MG	5	PA, NDS
ADEMPAS TABS 1.5 MG	5	PA, NDS
ADEMPAS TABS 2 MG	5	PA, NDS
ADEMPAS TABS 2.5 MG	5	PA, NDS
ambrisentan tabs 10 mg	2	
ambrisentan tabs 5 mg	2	
bosentan tabs 125 mg	2	
bosentan tabs 62.5 mg	2	
bosentan tbso 32 mg	5	NDS
OPSYNVI TABS 10-20 MG	5	PA, NDS
OPSYNVI TABS 10-40 MG	5	PA, NDS
treprostinil soln 100 mg/20ml	5	PA, LD, NDS
treprostinil soln 20 mg/20ml	5	PA, LD, NDS
treprostinil soln 50 mg/20ml	5	PA, LD, NDS
TYVASO DPI MAINTENANCE KIT POWD 16 MCG	5	LD, NDS
TYVASO DPI MAINTENANCE KIT POWD 32 MCG	5	LD, NDS
TYVASO DPI MAINTENANCE KIT POWD 48 MCG	5	LD, NDS
TYVASO DPI MAINTENANCE KIT POWD 64 MCG	5	LD, NDS
TYVASO DPI TITRATION KIT POWD 16 & 32 & 48 MCG	5	LD, NDS
TYVASO REFILL KIT SOLN 0.6 MG/ML	5	PA, LD
TYVASO STARTER KIT SOLN 0.6 MG/ML	5	PA, LD
UPTRAVI TABS 1000 MCG	5	NDS
UPTRAVI TABS 1200 MCG	5	NDS
UPTRAVI TABS 1400 MCG	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
UPTRAVI TABS 1600 MCG	5	NDS
UPTRAVI TABS 200 MCG	5	NDS
UPTRAVI TABS 400 MCG	5	NDS
UPTRAVI TABS 600 MCG	5	NDS
UPTRAVI TABS 800 MCG	5	NDS
UPTRAVI TITRATION TBPK 200 & 800 MCG	5	NDS
YUTREPIA CAPS 106 MCG	5	NDS
YUTREPIA CAPS 26.5 MCG	5	NDS
YUTREPIA CAPS 53 MCG	5	NDS
YUTREPIA CAPS 79.5 MCG	5	NDS
SERUMS, TOXOIDS, AND VACCINES		
SERUMS		
GAMASTAN SOLN	3	
GAMMAGARD ERC SOLN 10 GM/100ML	5	HI
GAMMAGARD ERC SOLN 5 GM/50ML	5	HI
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR 10 GM	5	HI
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR 5 GM	5	HI
GAMMAGARD SOLN 2.5 GM/25ML	5	HI
GAMMAKED SOLN 1 GM/10ML	5	HI
GAMUNEX-C SOLN 1 GM/10ML	5	HI
HYQVIA KIT 10 GM/100ML	5	PA, NDS
HYQVIA KIT 2.5 GM/25ML	5	PA, NDS
HYQVIA KIT 20 GM/200ML	5	PA, NDS
HYQVIA KIT 30 GM/300ML	5	PA, NDS
HYQVIA KIT 5 GM/50ML	5	PA, NDS
NABI-HB SOLN 312 UNIT/ML	3	
TOXOIDS		
KINRIX SUSY 0.5 ML	6	
QUADRACEL SUSP	6	
QUADRACEL SUSY 0.5 ML	6	
TENIVAC SUSP 5-2 LF/0.5ML	6	
VACCINES		
ABRYSVO SOLR 120 MCG/0.5ML	6	
ACTHIB SOLR	6	
ADACEL SUSP 5-2-15.5 LF-MCG/0.5	6	
ADACEL SUSY 5-2-15.5 LF-MCG/0.5	6	
AREXVY SUSR 120 MCG/0.5ML	6	
BEXSERO SUSY 0.5 ML	6	
BOOSTRIX SUSP 5-2.5-18.5 LF-MCG/0.5	6	
BOOSTRIX SUSY 5-2.5-18.5 LF-MCG/0.5	6	
DAPTACEL SUSP 23-15-5	6	
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	6	PA
ENGERIX-B SUSY 10 MCG/0.5ML	6	PA
ENGERIX-B SUSY 20 MCG/ML	6	PA
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML	6	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML	6	
HAVRIX SUSY 1440 EL U/ML	6	
HAVRIX SUSY 720 EL U/0.5ML	6	
HEPLISAV-B SOSY 20 MCG/0.5ML	6	PA
HIBERIX SOLR 10 MCG	6	
IMOVAX RABIES SUSR 2.5 UNIT/ML	6	PA
INFANRIX SUSP 25-58-10	6	
IPOL SUSP	6	
IXIARO SUSP	6	
JYNNEOS SUSP 0.5 ML	6	
M-M-R II SOLR	6	
MENQUADFI SOLN 0.5 ML	6	
MENVEO SOLR	6	
MRESVIA SUSY 50 MCG/0.5ML	6	
PEDIARIX SUSY	6	
PEDVAXHIB SUSP 7.5 MCG/0.5ML	6	
PENBRAYA SUSR	6	
PENMENVY SUSR	6	
PENTACEL SUSR	6	
PRIORIX SUSR	6	
PROQUAD SUSR	6	
RABAVERT SUSR	6	PA
RECOMBIVAX HB SUSP 10 MCG/ML	6	PA
RECOMBIVAX HB SUSP 40 MCG/ML	6	PA
RECOMBIVAX HB SUSP 5 MCG/0.5ML	6	PA
RECOMBIVAX HB SUSY 10 MCG/ML	6	PA
RECOMBIVAX HB SUSY 5 MCG/0.5ML	6	PA
ROTARIX SUSP	6	
ROTATEQ SOLN	6	
SHINGRIX SUSR 50 MCG/0.5ML	6	
SHINGRIX SUSY 50 MCG/0.5ML	6	
TICOVAC SUSY 1.2 MCG/0.25ML	6	
TICOVAC SUSY 2.4 MCG/0.5ML	6	
TRUMENBA SUSY 0.5 ML	6	
TWINRIX SUSY 720-20 ELU-MCG/ML	6	
TYPHIM VI SOSY 25 MCG/0.5ML	6	
VAQTA SUSP 25 UNIT/0.5ML	6	
VAQTA SUSP 50 UNIT/ML	6	
VAQTA SUSY 25 UNIT/0.5ML	6	
VAQTA SUSY 50 UNIT/ML	6	
VARIVAX SUSR 1350 PFU/0.5ML	6	
VAXCHORA SUSR	6	
VIMKUNYA SUSY 40 MCG/0.8ML	6	
VIVOTIF CPDR	6	
YF-VAX SUSR	6	
SKIN AND MUCOUS MEMBRANE AGENTS		
ANTI-INFECTIVES (SKIN AND MUCOUS MEMBRANE)		
BENZOYL PEROXIDE GEL 6.5 %	5	NDS
benzoyl peroxide-erythromycin gel 5-3 %	2	MO
ciclopirox gel 0.77 %	2	

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
ciclopirox olamine crea 0.77 %	2	
ciclopirox soln 8 %	2	
clindamycin phos (once-daily) gel 1 %	2	MO
clindamycin phos (twice-daily) gel 1 %	2	MO
clindamycin phos-benzoyl perox gel 1.2-5 %	2	MO
CLINDAMYCIN PHOSPHATE CREA 2 %	2	
CLINDAMYCIN PHOSPHATE LOTN 1 %	2	MO
clindamycin phosphate soln 1 %	2	MO
clindamycin phosphate swab 1 %	2	MO
clotrimazole crea 1 %	4	
clotrimazole troc 10 mg	2	
clotrimazole-betamethasone crea 1-0.05 %	2	
EMROSI CP24 40 MG	5	NDS
ERYTHROMYCIN GEL 2 %	2	MO
erythromycin soln 2 %	2	MO
gentamicin sulfate crea 0.1 %	2	
gentamicin sulfate oint 0.1 %	2	
ketoconazole crea 2 %	2	
ketoconazole sham 2 %	2	
malathion lotn 0.5 %	2	
metronidazole crea 0.75 %	2	
metronidazole gel 0.75 %	2	
metronidazole lotn 0.75 %	2	
mupirocin calcium crea 2 %	2	
mupirocin oint 2 %	2	
NEOMYCIN-POLYMYXIN B GU SOLN 40-200000	2	
nystatin crea 100000 unit/gm	2	
nystatin oint 100000 unit/gm	2	
nystatin powd 100000 unit/gm	2	
nystop powd 100000 unit/gm	2	
permethrin crea 5 %	2	
SELENIUM SULFIDE LOTN 2.5 %	2	
SILVER SULFADIAZINE CREA 1 %	2	
SSD CREA 1 %	2	
sulfacetamide sodium (acne) lotn 10 %	2	MO
SULFAMYLON CREA 85 MG/GM	3	
terconazole crea 0.4 %	2	
terconazole supp 80 mg	2	
ZELSUVMI GEL 10.3 %	5	NDS
ANTI-INFLAMMATORY AGENTS (SKIN AND MUCOUS MEMBRANE)		
alclometasone dipropionate crea 0.05 %	2	MO
ALCLOMETASONE DIPROPIONATE OINT 0.05 %	2	MO
ANZUPGO CREA 20 MG/GM	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
BENZOYL PEROXIDE FORTE- HC LOTN 7.5-1 %	5	NDS
betamethasone dipropionate aug crea 0.05 %	2	MO
BETAMETHASONE DIPROPIONATE AUG GEL 0.05 %	2	MO
betamethasone dipropionate aug lotn 0.05 %	2	MO
betamethasone dipropionate aug oint 0.05 %	2	MO
betamethasone dipropionate crea 0.05 %	2	MO
betamethasone dipropionate lotn 0.05 %	2	MO
betamethasone dipropionate oint 0.05 %	2	MO
BETAMETHASONE VALERATE CREA 0.1 %	2	MO
betamethasone valerate foam 0.12 %	2	MO
BETAMETHASONE VALERATE LOTN 0.1 %	2	MO
betamethasone valerate oint 0.1 %	2	MO
calcipotriene-betameth diprop susp 0.005-0.064 %	4	
clobetasol propionate crea 0.05 %	2	
clobetasol propionate e crea 0.05 %	2	MO
clobetasol propionate foam 0.05 %	2	MO
clobetasol propionate gel 0.05 %	2	MO
clobetasol propionate liqd 0.05 %	2	MO
clobetasol propionate lotn 0.05 %	2	MO
clobetasol propionate oint 0.05 %	2	MO
clobetasol propionate sham 0.05 %	2	MO
clobetasol propionate soln 0.05 %	2	MO
CORDRAN TAPE 4 MCG/SQCM	4	MO
desonide crea 0.05 %	2	MO
desonide lotn 0.05 %	2	MO
desonide oint 0.05 %	2	MO
desoximetasone crea 0.25 %	2	MO
desoximetasone oint 0.25 %	2	MO
diclofenac sodium gel 3 %	4	MO
diclofenac sodium soln 1.5 %	4	MO
diflorasone diacetate oint 0.05 %	4	MO
EBGLYSS SOAJ 250 MG/2ML	5	NDS
EBGLYSS SOSY 250 MG/2ML	5	NDS
ENSTILAR FOAM 0.005-0.064 %	5	NDS
fluocinolone acetonide body oil 0.01 %	2	
fluocinolone acetonide crea 0.01 %	2	MO
fluocinolone acetonide crea 0.025 %	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
fluocinolone acetonide oint 0.025 %	2	MO
fluocinolone acetonide scalp oil 0.01 %	2	MO
fluocinolone acetonide soln 0.01 %	2	MO
fluocinonide crea 0.05 %	2	
fluocinonide emulsified base crea 0.05 %	2	MO
fluocinonide gel 0.05 %	2	MO
fluocinonide oint 0.05 %	2	MO
fluocinonide soln 0.05 %	2	MO
fluticasone propionate crea 0.05 %	2	MO
fluticasone propionate oint 0.005 %	2	MO
halobetasol propionate crea 0.05 %	2	MO
HALOBETASOL PROPIONATE FOAM 0.05 %	4	
halobetasol propionate oint 0.05 %	2	MO
hydrocortisone (perianal) crea 2.5 %	2	MO
HYDROCORTISONE BUTYRATE CREA 0.1 %	2	MO
HYDROCORTISONE BUTYRATE OINT 0.1 %	2	MO
HYDROCORTISONE BUTYRATE SOLN 0.1 %	2	MO
hydrocortisone crea 2.5 %	2	MO
hydrocortisone enem 100 mg/60ml	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
HYDROCORTISONE LOTN 2.5 %	2	MO
hydrocortisone oint 1 %	2	MO
hydrocortisone oint 2.5 %	2	MO
hydrocortisone valerate crea 0.2 %	2	MO
hydrocortisone valerate oint 0.2 %	2	MO
mometasone furoate crea 0.1 %	2	MO
mometasone furoate oint 0.1 %	2	MO
mometasone furoate soln 0.1 %	2	MO
NEMLUVIO AUIJ 30 MG	5	NDS
nystatin-triamcinolone crea 100000-0.1 unit/gm-%	2	MO
nystatin-triamcinolone oint 100000-0.1 unit/gm-%	2	MO
proctozone-hc crea 2.5 %	2	MO
RADIAURA CREA 3-0.5 %	5	NDS
TRIAMCINOLONE ACETONIDE AERS 0.147 MG/GM	2	MO
triamcinolone acetonide crea 0.025 %	2	MO
triamcinolone acetonide crea 0.1 %	2	MO
triamcinolone acetonide crea 0.5 %	2	MO
TRIAMCINOLONE ACETONIDE LOTN 0.025 %	2	MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
triamcinolone acetonide lotn 0.1 %	2	MO
triamcinolone acetonide oint 0.025 %	2	MO
triamcinolone acetonide oint 0.1 %	2	MO
triamcinolone acetonide oint 0.5 %	2	MO
triamcinolone acetonide pste 0.1 %	2	MO
ANTIPRURITICS AND LOCAL ANESTHETICS		
glydo prsy 2 %	2	MO
HYDROCORTISONE ACE-PRAMOXINE CREA 1-1 %	2	MO
lidocaine hcl soln 4 %	2	
lidocaine hcl urethral/mucosal prsy 2 %	2	MO
lidocaine oint 5 %	2	MO
lidocaine ptch 5 %	2	PA, MO
lidocaine-prilocaine crea 2.5-2.5 %	2	MO
lidocan ptch 5 %	2	PA, MO
PROCTOFOAM HC FOAM 1-1 %	2	
CELL STIMULANTS AND PROLIFERANTS		
bexarotene gel 1 %	5	PA, NDS
PANRETIN GEL 0.1 %	5	NDS
RETIN-A CREA 0.025 %	2	PA, MO
RETIN-A CREA 0.05 %	2	PA, MO
RETIN-A CREA 0.1 %	2	PA, MO
RETIN-A GEL 0.01 %	2	PA, MO
RETIN-A GEL 0.025 %	2	PA, MO
tretinoin crea 0.025 %	2	PA, MO
tretinoin crea 0.05 %	2	PA, MO
tretinoin crea 0.1 %	2	PA, MO
tretinoin gel 0.01 %	2	PA, MO
tretinoin gel 0.025 %	2	PA, MO

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
SKIN AND MUCOUS MEMBRANE AGENTS, MISCELLANEOUS		
acitretin caps 10 mg	2	
acitretin caps 17.5 mg	2	
acitretin caps 25 mg	2	
adapalene gel 0.3 %	2	MO
ADAPALENE SOLN 0.1 %	5	NDS
adapalene-benzoyl peroxide gel 0.1-2.5 %	2	MO
ADAPALENE-BENZOYL PEROXIDE PADS 0.1-2.5 %	5	NDS
ADBRY SOAJ 300 MG/2ML	5	NDS
ADBRY SOSY 150 MG/ML	5	NDS
ammonium lactate crea 12 %	2	MO
azelaic acid gel 15 %	2	MO
BIMZELX SOAJ 160 MG/ML	5	
BIMZELX SOAJ 320 MG/2ML	5	
BIMZELX SOSY 160 MG/ML	5	
BIMZELX SOSY 320 MG/2ML	5	
calcipotriene crea 0.005 %	2	MO
calcipotriene oint 0.005 %	2	MO
CALCIPOTRIENE SOLN 0.005 %	2	MO
CALCITRIOL OINT 3 MCG/GM	2	MO
claravis caps 10 mg	2	NDS
claravis caps 20 mg	2	NDS
claravis caps 30 mg	2	NDS
claravis caps 40 mg	2	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY 150 MG/ML	5	
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ 150 MG/ML	5	
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ 150 MG/ML	5	
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	5	
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	5	
COSENTYX UNOREADY SOAJ 300 MG/2ML	5	
FLUOROURACIL CREA 0.5 %	5	
fluorouracil crea 5 %	2	MO
FLUOROURACIL SOLN 2 %	2	MO
fluorouracil soln 5 %	2	MO
imiquimod crea 5 %	2	MO
isotretinoin caps 20 mg	2	NDS
isotretinoin caps 30 mg	2	NDS
isotretinoin caps 40 mg	2	NDS
KLISYRI (250 MG) OINT 1 %	5	NDS
LEQSELVI TABS 8 MG	5	NDS
LITFULO CAPS 50 MG	5	NDS
METHOXSALEN RAPID CAPS 10 MG	5	MO
nitroglycerin oint 0.4 %	4	MO
OPZELURA CREA 1.5 %	5	NDS
PIMECROLIMUS CREA 1 %	4	MO
PODOFILOX SOLN 0.5 %	2	MO
SALICYLIC ACID SHAM 6 %	2	
SANTYL OINT 250 UNIT/GM	3	MO
SILIQ SOSY 210 MG/1.5ML	5	NDS
SKYRIZI PEN SOAJ 150 MG/ML	5	
SKYRIZI SOSY 150 MG/ML	5	
SKYRIZI SOSY 55 MG/0.37ML	5	
tacrolimus oint 0.03 %	2	MO
tacrolimus oint 0.1 %	2	MO
TALTZ SOAJ 80 MG/ML	5	NDS
TALTZ SOSY 20 MG/0.25ML	5	NDS
TALTZ SOSY 40 MG/0.5ML	5	NDS
TALTZ SOSY 80 MG/ML	5	NDS
tazarotene crea 0.05 %	4	PA, MO
tazarotene crea 0.1 %	2	PA, MO
tazarotene gel 0.05 %	4	PA, MO
tazarotene gel 0.1 %	4	PA, MO
TREMFYA ONE-PRESS SOPN 100 MG/ML	5	
TREMFYA PEN SOAJ 200 MG/2ML	5	NDS
TREMFYA SOLN 200 MG/20ML	5	NDS
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	5	
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	5	NDS
TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ 200 MG/2ML	5	NDS
VALCHLOR GEL 0.016 %	5	NDS
VTAMA CREA 1 %	5	NDS

Tên Thuốc	Bậc Thuốc	Yêu Cầu/Giới Hạn
YESINTEK SOLN 130 MG/26ML	3	
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML	3	
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML	3	
YESINTEK SOSY 90 MG/ML	3	
SMOOTH MUSCLE RELAXANTS		
SMOOTH MUSCLE RELAXANTS		
AMINOPHYLLINE SOLN 25 MG/ML	2	
darifenacin hydrobromide er tb24 15 mg	2	MO
darifenacin hydrobromide er tb24 7.5 mg	2	MO
elixophyllin elix 80 mg/15ml	2	
flavoxate hcl tabs 100 mg	2	MO
mirabegron er tb24 25 mg	4	MO
mirabegron er tb24 50 mg	4	MO
oxybutynin chloride er tb24 10 mg	2	MO
oxybutynin chloride er tb24 15 mg	2	MO
oxybutynin chloride er tb24 5 mg	2	MO
oxybutynin chloride soln 5 mg/5ml	2	MO
oxybutynin chloride tabs 5 mg	2	MO
solifenacin succinate tabs 10 mg	2	MO
solifenacin succinate tabs 5 mg	2	MO
THEO-24 CP24 300 MG	2	MO
theophylline elix 80 mg/15ml	2	
THEOPHYLLINE ER TB12 100 MG	2	MO
THEOPHYLLINE ER TB12 200 MG	2	MO
theophylline er tb12 300 mg	2	MO
theophylline er tb12 450 mg	2	MO
theophylline er tb24 400 mg	2	MO
theophylline er tb24 600 mg	2	MO
theophylline soln 80 mg/15ml	2	MO
tolterodine tartrate tabs 1 mg	2	MO
tolterodine tartrate tabs 2 mg	2	MO
trospium chloride tabs 20 mg	2	MO
VITAMINS		
VITAMINS		
calcitriol caps 0.25 mcg	2	MO
calcitriol caps 0.5 mcg	2	MO
calcitriol oral soln 1 mcg/ml	2	MO
PRENATAL TABS 27-1 MG	4	MO
RAYALDEE CPCR 30 MCG	5	NDS

D. Chỉ Mục Thuốc Được Đài Thọ

Trong mục này, quý vị có thể tìm thuốc bằng cách tìm kiếm tên thuốc theo thứ tự bảng chữ cái. Kết quả sẽ cho quý vị biết số trang có thông tin chi tiết về phạm vi bảo hiểm đối với loại thuốc đó.

A

abacavir sulfate soln 20 mg/ml 28
abacavir sulfate tabs 300 mg 28
abacavir sulfate-lamivudine tabs 600-300 mg 28
ABILIFY ASIMTUFII PRSY 720 MG/2.4ML 73
ABILIFY ASIMTUFII PRSY 960 MG/3.2ML 73
ABILIFY MAINTENA PRSY 300 MG..... 73
ABILIFY MAINTENA PRSY 400 MG..... 73
ABILIFY MAINTENA SRER 300 MG 73
ABILIFY MAINTENA SRER 400 MG 73
abiraterone acetate tabs 250 mg 32
abiraterone acetate tabs 500 mg 32
ABRAXANE SUSR 100 MG..... 32
ABRYSVO SOLR 120 MCG/0.5ML..... 109
acamprosate calcium tbec 333 mg 58
acarbose tabs 100 mg 94
acarbose tabs 25 mg 94
acarbose tabs 50 mg 94
acebutolol hcl caps 200 mg 52
acebutolol hcl caps 400 mg 52
ACETAMINOPHEN-CODEINE SOLN 120-12 MG/5ML 58
acetaminophen-codeine tabs 300-15 mg.. 58
acetaminophen-codeine tabs 300-30 mg.. 58
acetaminophen-codeine tabs 300-60 mg.. 58
acetazolamide er cp12 500 mg..... 88
acetazolamide sodium solr 500 mg 88
acetazolamide tabs 125 mg..... 88
acetazolamide tabs 250 mg..... 88
ACETIC ACID SOLN 0.25 %..... 102
acetic acid soln 2 %..... 89
acetylcysteine soln 10 % 100
acetylcysteine soln 20 % 100
ACETYLCYSTEINE SOLN 200 MG/ML . 100
acitretin caps 10 mg 114
acitretin caps 17.5 mg 114
acitretin caps 25 mg 114
ACTHIB SOLR 109
ACTIMMUNE SOLN 100 MCG/0.5ML.... 102
acyclovir caps 200 mg..... 28
acyclovir sodium soln 50 mg/ml..... 28
acyclovir susp 200 mg/5ml 28
acyclovir tabs 400 mg..... 28
acyclovir tabs 800 mg..... 28
ADACEL SUSP 5-2-15.5 LF-MCG/0.5.... 109
ADACEL SUSY 5-2-15.5 LF-MCG/0.5.... 109
adapalene gel 0.3 %..... 114
ADAPALENE SOLN 0.1 % 114
adapalene-benzoyl peroxide gel 0.1-2.5 % 114
ADAPALENE-BENZOYL PEROXIDE PADS 0.1-2.5 % 114
ADBRY SOAJ 300 MG/2ML 114
ADBRY SOSY 150 MG/ML..... 114
adefovir dipivoxil tabs 10 mg 28
ADEMPAS TABS 0.5 MG..... 108
ADEMPAS TABS 1 MG..... 108
ADEMPAS TABS 1.5 MG..... 108
ADEMPAS TABS 2 MG..... 108
ADEMPAS TABS 2.5 MG..... 108
adenosine soln 12 mg/4ml..... 54
adenosine soln 6 mg/2ml..... 54

adriamycin solr 50 mg....32
ADVAIR HFA AERO 115-21 MCG/ACT..107
ADVAIR HFA AERO 230-21 MCG/ACT..107
ADVAIR HFA AERO 45-21 MCG/ACT....107
AJOVY SOAJ 225 MG/1.5ML....67
AJOVY SOSY 225 MG/1.5ML....67
AKEEGA TABS 100-500 MG....32
AKEEGA TABS 50-500 MG....32
albendazole tabs....21
albendazole tabs 200 mg....21
albuterol sulfate hfa aers 108 (90 base) mcg/act....47
albuterol sulfate nebu (2.5 mg/3ml) 0.083%....47
albuterol sulfate nebu 0.63 mg/3ml....47
albuterol sulfate nebu 1.25 mg/3ml....47
albuterol sulfate nebu 2.5 mg/0.5ml....47
albuterol sulfate syrp 2 mg/5ml....47
albuterol sulfate tabs 2 mg....47
albuterol sulfate tabs 4 mg....47
*alclometasone dipropionate crea 0.05 %*111
ALCLOMETASONE DIPROPIONATE OINT 0.05 %....111
ALCOHOL PREP PADS 70 %....82
ALDURAZYME SOLN 2.9 MG/5ML....86
ALECENSA CAPS 150 MG....32
alendronate sodium tabs 10 mg....100
alendronate sodium tabs 35 mg....100
alendronate sodium tabs 70 mg....100
alfuzosin hcl er tb24 10 mg....47
ALISKIREN FUMARATE TABS 150 MG..56
ALISKIREN FUMARATE TABS 300 MG..56
allopurinol tabs 100 mg....100
allopurinol tabs 300 mg....100
alosetron hcl tabs 0.5 mg....89
alosetron hcl tabs 1 mg....89
alprazolam tabs 0.25 mg....69
alprazolam tabs 0.5 mg....69
alprazolam tabs 1 mg....69
alprazolam tabs 2 mg....69
ALUNBRIG TABS 180 MG....32
ALUNBRIG TABS 30 MG....32
ALUNBRIG TABS 90 MG....32
ALUNBRIG TBPK 90 & 180 MG....32
ALVAIZ TABS 18 MG....50
ALVAIZ TABS 36 MG....50
ALVAIZ TABS 54 MG....50
ALVAIZ TABS 9 MG....50
ALVESCO AERS 160 MCG/ACT....107
ALVESCO AERS 80 MCG/ACT....107
ALYFTREK TABS 10-50-125 MG....106
ALYFTREK TABS 4-20-50 MG....106
amantadine hcl caps 100 mg....68
amantadine hcl soln 50 mg/5ml....68
amantadine hcl tabs 100 mg....68
ambrisentan tabs 10 mg....108
ambrisentan tabs 5 mg....108
amikacin sulfate soln 1 gm/4ml....21
amikacin sulfate soln 500 mg/2ml....21
AMILORIDE HCL TABS 5 MG....83
AMILORIDE-HYDROCHLOROTHIAZIDE TABS 5-50 MG....83
aminocaproic acid soln 0.25 gm/ml....48
aminocaproic acid soln 250 mg/ml....48
aminocaproic acid tabs 1000 mg....48
aminocaproic acid tabs 500 mg....48
AMINOPHYLLINE SOLN 25 MG/ML....116
amiodarone hcl soln 150 mg/3ml....54
amiodarone hcl soln 450 mg/9ml....54
amiodarone hcl soln 900 mg/18ml....54
amiodarone hcl tabs 100 mg....55
amiodarone hcl tabs 200 mg....55
amiodarone hcl tabs 400 mg....55
amitriptyline hcl tabs 10 mg....73
amitriptyline hcl tabs 100 mg....73
amitriptyline hcl tabs 150 mg....73
amitriptyline hcl tabs 25 mg....73
amitriptyline hcl tabs 50 mg....73
amitriptyline hcl tabs 75 mg....73
AMJEVITA SOAJ 40 MG/0.4ML....100
AMJEVITA SOAJ 80 MG/0.8ML....100
AMJEVITA SOSY 40 MG/0.4ML....100

AMJEVITA-PED 10KG TO <15KG SOSY 10 MG/0.2ML 100
AMJEVITA-PED 15KG TO <30KG SOSY 20 MG/0.2ML 100
amlodipine besy-benazepril hcl caps 10-20 mg 53
amlodipine besy-benazepril hcl caps 10-40 mg 53
amlodipine besy-benazepril hcl caps 2.5-10 mg 53
amlodipine besy-benazepril hcl caps 5-10 mg 53
amlodipine besy-benazepril hcl caps 5-20 mg 53
amlodipine besy-benazepril hcl caps 5-40 mg 53
amlodipine besylate tabs 10 mg 53
amlodipine besylate tabs 2.5 mg 53
amlodipine besylate tabs 5 mg 53
ammonium lactate crea 12 % 114
amoxapine tabs 100 mg 73
amoxapine tabs 150 mg 73
amoxapine tabs 25 mg 73
amoxapine tabs 50 mg 73
amoxicillin caps 250 mg 21
amoxicillin caps 500 mg 21
AMOXICILLIN CHEW 125 MG 21
AMOXICILLIN CHEW 250 MG 21
amoxicillin susr 125 mg/5ml 21
amoxicillin susr 200 mg/5ml 21
amoxicillin susr 250 mg/5ml 21
amoxicillin susr 400 mg/5ml 21
amoxicillin tabs 500 mg 21
amoxicillin tabs 875 mg 21
amoxicillin-pot clavulanate susr 200-28.5 mg/5ml 21
amoxicillin-pot clavulanate susr 250-62.5 mg/5ml 21
amoxicillin-pot clavulanate susr 400-57 mg/5ml 21
amoxicillin-pot clavulanate susr 600-42.9 mg/5ml 21
amoxicillin-pot clavulanate tabs 250-125 mg 21
amoxicillin-pot clavulanate tabs 500-125 mg 21
amoxicillin-pot clavulanate tabs 875-125 mg 21
amphetamine-dextroamphet er cp24 10 mg 61
amphetamine-dextroamphet er cp24 15 mg 61
amphetamine-dextroamphet er cp24 20 mg 61
amphetamine-dextroamphet er cp24 25 mg 61
amphetamine-dextroamphet er cp24 30 mg 61
amphetamine-dextroamphet er cp24 5 mg 61
amphetamine-dextroamphetamine tabs 10 mg 61
amphetamine-dextroamphetamine tabs 12.5 mg 61
amphetamine-dextroamphetamine tabs 15 mg 61
amphetamine-dextroamphetamine tabs 20 mg 61
amphetamine-dextroamphetamine tabs 30 mg 61
amphetamine-dextroamphetamine tabs 5 mg 61
amphetamine-dextroamphetamine tabs 7.5 mg 61
amphotericin b liposome susr 50 mg 26
AMPHOTERICIN B SOLR 50 MG 26
ampicillin caps 500 mg 21
ampicillin sodium injection solr 2 gm 21
AMPICILLIN SODIUM INTRAVENOUS SOLR 2 GM 21
ampicillin sodium solr 1 gm 21
ampicillin sodium solr 10 gm 21

ampicillin sodium solr 250 mg 21
ampicillin sodium solr 500 mg 21
ampicillin-sulbactam sodium injection solr 1.5 (1-0.5) gm 22
ampicillin-sulbactam sodium injection solr 3 (2-1) gm 22
AMPICILLIN-SULBACTAM SODIUM INTRAVENOUS SOLR 1.5 (1-0.5) GM .. 22
AMPICILLIN-SULBACTAM SODIUM INTRAVENOUS SOLR 3 (2-1) GM 22
AMVUTTRA SOSY 25 MG/0.5ML 102
anagrelide hcl caps 0.5 mg 48
anagrelide hcl caps 1 mg 48
anastrozole tabs 1 mg 32
ANDEMBRY SOAJ 200 MG/1.2ML 102
ANZUPGO CREA 20 MG/GM 111
APLENZIN TB24 348 MG 74
APLENZIN TB24 522 MG 74
apomorphine hcl soct 30 mg/3ml 68
APRACLONIDINE HCL SOLN 0.5 % 89
aprepitant caps 125 mg 89
aprepitant caps 40 mg 89
aprepitant caps 80 mg 89
aprepitant cppk 80 & 125 mg 89
apri tabs 0.15-30 mg-mcg 93
APTIVUS CAPS 250 MG 28
AQNEURSA PACK 1 GM 102
ARANELLE TABS 0.5/1/0.5-35 MG-MCG 93
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 100 MCG/ML 50
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOLN 60 MCG/ML 50
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 100 MCG/0.5ML 50
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 150 MCG/0.3ML 50
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 300 MCG/0.6ML 50
ARANESP (ALBUMIN FREE) SOSY 60 MCG/0.3ML 50
ARCALYST SOLR 220 MG 102
AREXVY SUSR 120 MCG/0.5ML 109
arformoterol tartrate nebu 15 mcg/2ml 47
argatroban soln 250 mg/2.5ml 48
ARGYLE STERILE WATER SOLN 102
ARIKAYCE SUSP 590 MG/8.4ML 22
aripiprazole soln 1 mg/ml 74
aripiprazole tabs 10 mg 74
aripiprazole tabs 15 mg 74
aripiprazole tabs 2 mg 74
aripiprazole tabs 20 mg 74
aripiprazole tabs 30 mg 74
aripiprazole tabs 5 mg 74
aripiprazole tbdp 10 mg 74
aripiprazole tbdp 15 mg 74
ARISTADA INITIO PRSY 675 MG/2.4ML . 74
ARISTADA PRSY 1064 MG/3.9ML 74
ARISTADA PRSY 441 MG/1.6ML 74
ARISTADA PRSY 662 MG/2.4ML 74
ARISTADA PRSY 882 MG/3.2ML 74
armodafinil tabs 150 mg 61
armodafinil tabs 200 mg 61
armodafinil tabs 250 mg 61
armodafinil tabs 50 mg 61
arsenic trioxide soln 12 mg/6ml 33
asenapine maleate subl 10 mg 74
asenapine maleate subl 2.5 mg 74
asenapine maleate subl 5 mg 74
ASMANEX HFA AERO 100 MCG/ACT .. 107
ASMANEX HFA AERO 200 MCG/ACT .. 107
ASPARLAS SOLN 3750 UNIT/5ML 33
aspirin-dipyridamole er cp12 25-200 mg ... 48
atazanavir sulfate caps 150 mg 28
atazanavir sulfate caps 200 mg 28
atazanavir sulfate caps 300 mg 28
atenolol tabs 100 mg 52
atenolol tabs 25 mg 52
atenolol tabs 50 mg 52
atenolol-chlorthalidone tabs 100-25 mg 52
atenolol-chlorthalidone tabs 50-25 mg 52
atomoxetine hcl caps 10 mg 71
atomoxetine hcl caps 100 mg 71

atomoxetine hcl caps 18 mg 71
atomoxetine hcl caps 25 mg 71
atomoxetine hcl caps 40 mg 71
atomoxetine hcl caps 60 mg 71
atomoxetine hcl caps 80 mg 71
atorvastatin calcium tabs 10 mg 51
atorvastatin calcium tabs 20 mg 51
atorvastatin calcium tabs 40 mg 51
atorvastatin calcium tabs 80 mg 51
atovaquone susp 750 mg/5ml 27
atovaquone-proguanil hcl tabs 250-100 mg 27
atovaquone-proguanil hcl tabs 62.5-25 mg 28
atropine sulfate soln 1 % 89
atropine sulfate soln 8 mg/20ml 45
atropine sulfate sosy 1 mg/10ml 45
ATTRUBY TBPK 356 MG 55
AUGMENTIN SUSR 125-31.25 MG/5ML 22
AUGTYRO CAPS 160 MG 33
AUGTYRO CAPS 40 MG 33
AUSTEDO TABS 12 MG 71
AUSTEDO TABS 6 MG 71
AUSTEDO TABS 9 MG 71
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION TEPK 12 & 18 & 24 & 30 MG 71
AUSTEDO XR TB24 12 MG 71
AUSTEDO XR TB24 18 MG 71
AUSTEDO XR TB24 24 MG 71
AUSTEDO XR TB24 30 MG 71
AUSTEDO XR TB24 36 MG 71
AUSTEDO XR TB24 42 MG 71
AUSTEDO XR TB24 48 MG 71
AUSTEDO XR TB24 6 MG 71
AUVELITY TBCR 45-105 MG 74
AUVELITY TITRATION PACK TEPK 30-105 MG & 45-105 MG 74
AUVI-Q SOAJ 0.1 MG/0.1ML 47
AUVI-Q SOAJ 0.15 MG/0.15ML 47
AUVI-Q SOAJ 0.3 MG/0.3ML 47
AVASTIN SOLN 100 MG/4ML 33
AVASTIN SOLN 400 MG/16ML 33
aviane tabs 0.1-20 mg-mcg 94
AVMAPKI FAKZYNJA CO-PACK THPK 0.8 & 200 MG 33
AVONEX PEN AJKT 30 MCG/0.5ML 72
AVONEX PREFILLED PSKT 30 MCG/0.5ML 72
AVTOZMA SOAJ 162 MG/0.9ML 100
AVTOZMA SOLN 200 MG/10ML 100
AVTOZMA SOLN 400 MG/20ML 100
AVTOZMA SOLN 80 MG/4ML 100
AVTOZMA SOSY 162 MG/0.9ML 100
AYVAKIT TABS 100 MG 33
AYVAKIT TABS 200 MG 33
AYVAKIT TABS 25 MG 33
AYVAKIT TABS 300 MG 33
AYVAKIT TABS 50 MG 33
azacitidine susr 100 mg 33
azathioprine tabs 100 mg 102
azathioprine tabs 50 mg 102
azathioprine tabs 75 mg 102
azelaic acid gel 15 % 114
azelastine hcl soln 0.05 % 88
azelastine hcl soln 0.1 % 88
azithromycin solr 500 mg 22
azithromycin susr 100 mg/5ml 22
azithromycin susr 200 mg/5ml 22
azithromycin tabs 250 mg 22
azithromycin tabs 500 mg 22
azithromycin tabs 600 mg 22
aztreonam solr 1 gm 22

B

BACITRACIN OINT 500 UNIT/GM 86
BACITRACIN-POLYMYXIN B OINT 500-10000 UNIT/GM 87
BACITRA-NEOMYCIN-POLYMYXIN-HC OINT 1 % 87
baclofen soln 10 mg/5ml 46
baclofen susp 25 mg/5ml 46

baclofen tabs 10 mg 46
baclofen tabs 20 mg 46
baclofen tabs 5 mg 46
balsalazide disodium caps 750 mg 89
BALVERSA TABS 3 MG 33
BALVERSA TABS 4 MG 33
BALVERSA TABS 5 MG 33
balziva tabs 0.4-35 mg-mcg 94
BAQSIMI ONE PACK POWD 3 MG/DOSE 94
BAQSIMI TWO PACK POWD 3 MG/DOSE 94
BARACLUDE SOLN 0.05 MG/ML 28
BCG VACCINE SOLR 50 MG 33
BELBUCA FILM 150 MCG 73
BELBUCA FILM 300 MCG 73
BELBUCA FILM 450 MCG 73
BELBUCA FILM 600 MCG 73
BELBUCA FILM 75 MCG 73
BELBUCA FILM 750 MCG 73
BELBUCA FILM 900 MCG 73
benazepril hcl tabs 10 mg 56
benazepril hcl tabs 20 mg 56
benazepril hcl tabs 40 mg 56
benazepril hcl tabs 5 mg 56
bendamustine hcl solr 100 mg 33
BENLYSTA SOAJ 200 MG/ML 102
BENLYSTA SOSY 200 MG/ML 102
BENZOYL PEROXIDE FORTE- HC LOTN 7.5-1 % 112
BENZOYL PEROXIDE GEL 6.5 % 110
benzoyl peroxide-erythromycin gel 5-3 % 110
benztropine mesylate soln 1 mg/ml 68
benztropine mesylate tabs 0.5 mg 68
benztropine mesylate tabs 1 mg 68
benztropine mesylate tabs 2 mg 68
BESREMI PEN SOPN 500 MCG/0.5ML 33
BESREMI SOSY 500 MCG/ML 33
betamethasone dipropionate aug crea 0.05 % 112
BETAMETHASONE DIPROPIONATE AUG GEL 0.05 % 112
betamethasone dipropionate aug lotn 0.05 % 112
betamethasone dipropionate aug oint 0.05 % 112
betamethasone dipropionate crea 0.05 % 112
betamethasone dipropionate lotn 0.05 % 112
betamethasone dipropionate oint 0.05 % 112
betamethasone sod phos & acet susp 6 (3-3) mg/ml 92
BETAMETHASONE VALERATE CREA 0.1 % 112
betamethasone valerate foam 0.12 % 112
BETAMETHASONE VALERATE LOTN 0.1 % 112
betamethasone valerate oint 0.1 % 112
BETASERON KIT 0.3 MG 72
BETAXOLOL HCL SOLN 0.5 % 88
bethanechol chloride tabs 10 mg 46
bethanechol chloride tabs 25 mg 46
bethanechol chloride tabs 5 mg 46
bethanechol chloride tabs 50 mg 46
bexarotene caps 75 mg 33
bexarotene gel 1 % 114
BEXSERO SUSY 0.5 ML 109
bicalutamide tabs 50 mg 33
BICILLIN C-R 900/300 SUSP 900000-300000 UNIT/2ML 22
BICILLIN C-R SUSP 1200000 UNIT/2ML 22
BICILLIN L-A SUSY 1200000 UNIT/2ML 22
BICILLIN L-A SUSY 2400000 UNIT/4ML 22
BICILLIN L-A SUSY 600000 UNIT/ML 22
BIKTARVY TABS 30-120-15 MG 28
BIKTARVY TABS 50-200-25 MG 28
bimatoprost soln 0.03 % 88
BIMZELX SOAJ 160 MG/ML 114
BIMZELX SOAJ 320 MG/2ML 114
BIMZELX SOSY 160 MG/ML 114
BIMZELX SOSY 320 MG/2ML 114

bismuth/metronidaz/tetracyclin caps 140-125-125 mg 90
bisoprolol fumarate tabs 10 mg 52
bisoprolol fumarate tabs 5 mg 52
bisoprolol-hydrochlorothiazide tabs 10-6.25 mg 52
bisoprolol-hydrochlorothiazide tabs 2.5-6.25 mg 52
bisoprolol-hydrochlorothiazide tabs 5-6.25 mg 52
BIXLENVO TABS 75-50 MG 28
bleomycin sulfate solr 15 unit 33
bleomycin sulfate solr 30 unit 33
BLINCYTO SOLR 35 MCG 33
BOMYNTRA SOLN 120 MG/1.7ML 100
BOMYNTRA SOSY 120 MG/1.7ML 100
BOOSTRIX SUSP 5-2.5-18.5 LF-MCG/0.5 109
BOOSTRIX SUSY 5-2.5-18.5 LF-MCG/0.5 109
bortezomib solr 3.5 mg 33
bosentan tabs 125 mg 108
bosentan tabs 62.5 mg 108
bosentan tbso 32 mg 108
BOSULIF CAPS 100 MG 33
BOSULIF CAPS 50 MG 33
BOSULIF TABS 100 MG 33
BOSULIF TABS 500 MG 33
bosutinib tabs 100 mg 33
bosutinib tabs 400 mg 33
bosutinib tabs 500 mg 33
BRAFTOVI CAPS 75 MG 33
BREO ELLIPTA AEPB 100-25 MCG/ACT 107
BREO ELLIPTA AEPB 200-25 MCG/ACT 107
BREO ELLIPTA AEPB 50-25 MCG/INH 107
breyna aero 160-4.5 mcg/act 107
breyna aero 80-4.5 mcg/act 107
BREZTRI AEROSPHERE AERO 160-9-4.8 MCG/ACT 107
brimonidine tartrate soln 0.2 % 88
BRINSUPRI TABS 10 MG 106
BRINSUPRI TABS 25 MG 106
brivaracetam soln 10 mg/ml 63
brivaracetam tabs 10 mg 63
brivaracetam tabs 100 mg 63
brivaracetam tabs 25 mg 63
brivaracetam tabs 50 mg 63
brivaracetam tabs 75 mg 63
bromfenac sodium (once-daily) soln 0.09 % 87
bromocriptine mesylate caps 5 mg 68
bromocriptine mesylate tabs 2.5 mg 68
BRUKINSA CAPS 80 MG 33
BRUKINSA TABS 160 MG 33
BUCAPSOL CAPS 10 MG 69
BUCAPSOL CAPS 15 MG 69
BUCAPSOL CAPS 7.5 MG 69
budesonide cpep 3 mg 92
BUDESONIDE ER TB24 9 MG 92
budesonide susp 0.25 mg/2ml 107
budesonide susp 0.5 mg/2ml 107
budesonide susp 1 mg/2ml 107
bumetanide tabs 0.5 mg 83
bumetanide tabs 1 mg 83
bumetanide tabs 2 mg 83
bupivacaine hcl (pf) soln 0.25 % 102
bupivacaine hcl (pf) soln 0.5 % 102
bupivacaine hcl (pf) soln 0.75 % 103
bupivacaine hcl soln 0.5 % 103
bupivacaine in dextrose soln 0.75-8.25 % 103
bupivacaine spinal soln 0.75-8.25 % 103
bupivacaine-epinephrine (pf) soln 0.25% -1 200000 103
bupivacaine-epinephrine (pf) soln 0.5% -1 200000 103
bupivacaine-epinephrine soln 0.25% -1 200000 103
bupivacaine-epinephrine soln 0.5% -1 200000 103

buprenorphine hcl subl 2 mg....73
buprenorphine hcl subl 8 mg....73
buprenorphine hcl-naloxone hcl subl 2-0.5 mg....73
buprenorphine hcl-naloxone hcl subl 8-2 mg....73
buprenorphine ptwk 10 mcg/hr....73
buprenorphine ptwk 15 mcg/hr....73
buprenorphine ptwk 20 mcg/hr....73
buprenorphine ptwk 5 mcg/hr....73
buprenorphine ptwk 7.5 mcg/hr....73
bupropion hcl er (smoking det) tb12 150 mg....45
bupropion hcl er (sr) tb12 100 mg....74
bupropion hcl er (sr) tb12 150 mg....74
bupropion hcl er (sr) tb12 200 mg....74
bupropion hcl er (xl) tb24 150 mg....74
bupropion hcl er (xl) tb24 300 mg....74
BUPROPION HCL ER (XL) TB24 450 MG74
bupropion hcl tabs 100 mg....74
bupropion hcl tabs 75 mg....74
buspirone hcl tabs 10 mg....69
buspirone hcl tabs 15 mg....69
buspirone hcl tabs 30 mg....69
buspirone hcl tabs 5 mg....69
buspirone hcl tabs 7.5 mg....69
butalbital-apap-caffeine tabs 50-325-40 mg....58
butalbital-aspirin-caffeine caps 50-325-40 mg....58
BYOOVIZ SOLN 0.5 MG/0.05ML....89
BYSANTI TABS 1 MG....74
BYSANTI TABS 10 MG....74
BYSANTI TABS 12 MG....74
BYSANTI TABS 2 MG....74
BYSANTI TABS 4 MG....74
BYSANTI TABS 6 MG....74
BYSANTI TABS 8 MG....74
BYSANTI TITRATION PACK A TBPK 1 & 2 & 4 & 6 MG....74
BYSANTI TITRATION PACK B TBPK 1 & 2 & 6 & 8 MG....74
BYSANTI TITRATION PACK C TBPK 1 & 2 & 6 MG....74

C

CABENUVA SUER 400 & 600 MG/2ML....28
CABENUVA SUER 600 & 900 MG/3ML....28
cabergoline tabs 0.5 mg....68
CABLIVI KIT 11 MG....50
CABOMETYX TABS 20 MG....33
CABOMETYX TABS 40 MG....33
CABOMETYX TABS 60 MG....33
caffeine citrate soln 60 mg/3ml....61
calcipotriene crea 0.005 %....114
calcipotriene oint 0.005 %....114
CALCIPOTRIENE SOLN 0.005 %....114
calcipotriene-betameth diprop susp 0.005-0.064 %....112
calcitonin (salmon) soln 200 unit/act....97
calcitonin (salmon) soln 200 unit/ml....97
calcitriol caps 0.25 mcg....116
calcitriol caps 0.5 mcg....116
CALCITRIOL OINT 3 MCG/GM....114
calcitriol oral soln 1 mcg/ml....116
calcium acetate (phos binder) caps 667 mg....84
calcium acetate (phos binder) tabs 667 mg....84
CALQUENCE TABS 100 MG....33
CAMCEVI PRSY 42 MG....33
candesartan cilexetil tabs 16 mg....56
candesartan cilexetil tabs 32 mg....56
candesartan cilexetil tabs 4 mg....56
candesartan cilexetil tabs 8 mg....56
CAPLYTA CAPS 10.5 MG....74
CAPLYTA CAPS 21 MG....74
CAPLYTA CAPS 42 MG....74
CAPRELSA TABS 100 MG....33
CAPRELSA TABS 300 MG....33

captopril tabs 100 mg 56
captopril tabs 12.5 mg 56
captopril tabs 25 mg 56
captopril tabs 50 mg 56
carbamazepine chew 100 mg 63
CARBAMAZEPINE CHEW 200 MG 63
carbamazepine er cp12 100 mg 63
carbamazepine er cp12 200 mg 63
carbamazepine er cp12 300 mg 63
carbamazepine er tb12 100 mg 63
carbamazepine er tb12 200 mg 63
carbamazepine er tb12 400 mg 63
carbamazepine susp 100 mg/5ml 63
carbamazepine tabs 200 mg 63
carbidopa tabs 25 mg 68
carbidopa-levodopa er tbcr 25-100 mg 68
carbidopa-levodopa er tbcr 50-200 mg 68
carbidopa-levodopa tabs 10-100 mg 68
carbidopa-levodopa tabs 25-100 mg 68
carbidopa-levodopa tabs 25-250 mg 68
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 12.5-50-200 mg 68
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 18.75-75-200 mg 68
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 25-100-200 mg 68
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 31.25-125-200 mg 68
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 37.5-150-200 mg 68
carbidopa-levodopa-entacapone tabs 50-200-200 mg 68
carboplatin soln 150 mg/15ml 33
carboplatin soln 450 mg/45ml 34
carboplatin soln 50 mg/5ml 34
carboplatin soln 600 mg/60ml 34
carglumic acid tbso 200 mg 83
carmustine solr 100 mg 34
cartia xt cp24 120 mg 53
cartia xt cp24 180 mg 53
cartia xt cp24 240 mg 53
cartia xt cp24 300 mg 53
carvedilol tabs 12.5 mg 52
carvedilol tabs 25 mg 52
carvedilol tabs 3.125 mg 52
carvedilol tabs 6.25 mg 52
caspofungin acetate solr 50 mg 26
caspofungin acetate solr 70 mg 26
CAVHANZA TBDP 60 MG 34
CAVHANZA TBDP 80 MG 34
CAYSTON SOLR 75 MG 106
CEFACLOR CAPS 250 MG 22
CEFACLOR CAPS 500 MG 22
CEFACLOR SUSR 250 MG/5ML 22
cefadroxil caps 500 mg 22
cefazolin sodium solr 1 gm 22
cefazolin sodium solr 10 gm 22
cefazolin sodium solr 500 mg 22
cefdinir caps 300 mg 22
cefdinir susr 125 mg/5ml 22
cefdinir susr 250 mg/5ml 22
cefepime hcl solr 1 gm 22
cefepime hcl solr 2 gm 22
CEFEPIME-DEXTROSE SOLR 2-5 GM-%(50ML) 22
cefixime caps 400 mg 22
CEFIXIME SUSR 100 MG/5ML 22
cefixime susr 200 mg/5ml 22
CEFOTAXIME SODIUM SOLR 1 GM 22
CEFOTETAN DISODIUM SOLR 1 GM 22
cefotetan disodium solr 2 gm 22
cefoxitin sodium solr 1 gm 22
cefoxitin sodium solr 10 gm 22
cefoxitin sodium solr 2 gm 22
CEFPODOXIME PROXETIL SUSR 100 MG/5ML 23
CEFPODOXIME PROXETIL SUSR 50 MG/5ML 23
cefpodoxime proxetil tabs 100 mg 23
cefpodoxime proxetil tabs 200 mg 23
ceftaroline fosamil solr 400 mg 23
ceftazidime solr 1 gm 23

CEFTAZIDIME SOLR 6 GM 23
ceftriaxone sodium solr 1 gm 23
ceftriaxone sodium solr 10 gm 23
ceftriaxone sodium solr 2 gm 23
ceftriaxone sodium solr 250 mg 23
ceftriaxone sodium solr 500 mg 23
cefuroxime axetil tabs 250 mg 23
cefuroxime axetil tabs 500 mg 23
cefuroxime sodium solr 1.5 gm 23
cefuroxime sodium solr 750 mg 23
celecoxib caps 100 mg 58
celecoxib caps 200 mg 58
celecoxib caps 400 mg 58
celecoxib caps 50 mg 58
CELONTIN CAPS 300 MG 63
cephalexin caps 250 mg 23
cephalexin caps 500 mg 23
cephalexin susr 125 mg/5ml 23
cephalexin susr 250 mg/5ml 23
cephalexin tabs 500 mg 23
CEQUA SOLN 0.09 % 87
CERDELGA CAPS 84 MG 86
CEREZYME SOLR 400 UNIT 86
CHEMET CAPS 100 MG 91
CHLORAMPHENICOL SOD SUCCINATE SOLR 1 GM 23
chlordiazepoxide hcl caps 10 mg 69
chlordiazepoxide hcl caps 25 mg 70
chlordiazepoxide hcl caps 5 mg 70
CHLORDIAZEPOXIDE-AMITRIPTYLINE TABS 10-25 MG 74
CHLORDIAZEPOXIDE-AMITRIPTYLINE TABS 5-12.5 MG 74
chlordiazepoxide-clidinium caps 5-2.5 mg 45
chlorhexidine gluconate soln 0.12 % 87
chloroprocaine hcl (pf) soln 2 % 103
CHLOROQUINE PHOSPHATE TABS 250 MG 28
chloroquine phosphate tabs 500 mg 28
chlorpromazine hcl conc 100 mg/ml 75
chlorpromazine hcl conc 30 mg/ml 75
chlorpromazine hcl soln 25 mg/ml 75
chlorpromazine hcl soln 50 mg/2ml 75
chlorpromazine hcl tabs 10 mg 75
chlorpromazine hcl tabs 100 mg 75
chlorpromazine hcl tabs 200 mg 75
chlorpromazine hcl tabs 25 mg 75
chlorpromazine hcl tabs 50 mg 75
chlorthalidone tabs 25 mg 83
chlorthalidone tabs 50 mg 83
cholestyramine light pack 4 gm 51
cholestyramine light powd 4 gm/dose 51
cholestyramine pack 4 gm 51
cholestyramine powd 4 gm/dose 51
CHORIONIC GONADOTROPIN SOLR 10000 UNIT 97
CIBINQO TABS 100 MG 100
ciclopirox gel 0.77 % 110
ciclopirox olamine crea 0.77 % 111
ciclopirox soln 8 % 111
cidofovir soln 75 mg/ml 28
cilostazol tabs 100 mg 48
cilostazol tabs 50 mg 48
CILOXAN OINT 0.3 % 87
CIMDUO TABS 300-300 MG 28
cimetidine hcl soln 300 mg/5ml 90
cinacalcet hcl tabs 30 mg 97
cinacalcet hcl tabs 60 mg 97
cinacalcet hcl tabs 90 mg 97
CIPROFLOXACIN HCL SOLN 0.3 % 87
ciprofloxacin hcl tabs 250 mg 23
ciprofloxacin hcl tabs 500 mg 23
ciprofloxacin hcl tabs 750 mg 23
CIPROFLOXACIN IN D5W SOLN 200 MG/100ML 23
CIPROFLOXACIN IN D5W SOLN 400 MG/200ML 23
ciprofloxacin-dexamethasone susp 0.3-0.1 % 87
cisplatin soln 100 mg/100ml 34
cisplatin soln 200 mg/200ml 34
cisplatin soln 50 mg/50ml 34

citalopram hydrobromide caps 30 mg 75
citalopram hydrobromide soln 10 mg/5ml . 75
citalopram hydrobromide tabs 10 mg 75
citalopram hydrobromide tabs 20 mg 75
citalopram hydrobromide tabs 40 mg 75
cladribine soln 10 mg/10ml 34
claravis caps 10 mg 114
claravis caps 20 mg 114
claravis caps 30 mg 114
claravis caps 40 mg 114
CLARITHROMYCIN SUSR 125 MG/5ML . 23
CLARITHROMYCIN SUSR 250 MG/5ML . 23
clarithromycin tabs 250 mg 23
clarithromycin tabs 500 mg 23
CLIMARA PTWK 0.025 MG/24HR 96
CLIMARA PTWK 0.0375 MG/24HR 96
CLIMARA PTWK 0.05 MG/24HR 96
CLIMARA PTWK 0.06 MG/24HR 96
CLIMARA PTWK 0.075 MG/24HR 96
CLIMARA PTWK 0.1 MG/24HR 96
clindamycin hcl caps 150 mg 23
clindamycin hcl caps 300 mg 23
clindamycin hcl caps 75 mg 23
clindamycin palmitate hcl solr 75 mg/5ml .. 23
clindamycin phos (once-daily) gel 1 % 111
clindamycin phos (twice-daily) gel 1 % ... 111
clindamycin phos-benzoyl perox gel 1.2-5 % 111
CLINDAMYCIN PHOSPHATE CREA 2 % 111
clindamycin phosphate in d5w soln 300 mg/50ml 23
clindamycin phosphate in d5w soln 600 mg/50ml 23
clindamycin phosphate in d5w soln 900 mg/50ml 23
CLINDAMYCIN PHOSPHATE LOTN 1 % 111
clindamycin phosphate soln 1 % 111
clindamycin phosphate soln 300 mg/2ml .. 24
clindamycin phosphate soln 600 mg/4ml .. 24
clindamycin phosphate soln 900 mg/6ml .. 24
clindamycin phosphate swab 1 % 111
clobazam susp 2.5 mg/ml 63
clobazam tabs 10 mg 63
clobazam tabs 20 mg 63
clobetasol propionate crea 0.05 % 112
clobetasol propionate e crea 0.05 % 112
clobetasol propionate foam 0.05 % 112
clobetasol propionate gel 0.05 % 112
clobetasol propionate liqd 0.05 % 112
clobetasol propionate lotn 0.05 % 112
clobetasol propionate oint 0.05 % 112
clobetasol propionate sham 0.05 % 112
clobetasol propionate soln 0.05 % 112
clomipramine hcl caps 25 mg 75
clomipramine hcl caps 50 mg 75
clomipramine hcl caps 75 mg 75
clonazepam tabs 0.5 mg 63
clonazepam tabs 1 mg 63
clonazepam tabs 2 mg 63
clonazepam tbdp 0.125 mg 63
clonazepam tbdp 0.25 mg 63
clonazepam tbdp 0.5 mg 63
clonazepam tbdp 1 mg 63
clonazepam tbdp 2 mg 63
clonidine hcl tabs 0.1 mg 56
clonidine hcl tabs 0.2 mg 56
clonidine hcl tabs 0.3 mg 56
clonidine ptwk 0.1 mg/24hr 56
clonidine ptwk 0.2 mg/24hr 56
clonidine ptwk 0.3 mg/24hr 56
clopidogrel bisulfate tabs 75 mg 48
clorazepate dipotassium tabs 15 mg 70
clorazepate dipotassium tabs 3.75 mg 70
clorazepate dipotassium tabs 7.5 mg 70
clotrimazole crea 1 % 111
clotrimazole troc 10 mg 111
clotrimazole-betamethasone crea 1-0.05 % 111
clozapine tabs 100 mg 75
clozapine tabs 200 mg 75

clozapine tabs 25 mg 75
clozapine tabs 50 mg 75
clozapine tbdp 100 mg 75
clozapine tbdp 12.5 mg 75
clozapine tbdp 150 mg 75
clozapine tbdp 200 mg 75
clozapine tbdp 25 mg 75
COARTEM TABS 20-120 MG 28
COBENFY CAPS 100-20 MG 75
COBENFY CAPS 125-30 MG 75
COBENFY CAPS 50-20 MG 75
COBENFY STARTER PACK CPPK 50-20 & 100-20 MG 75
CODEINE SULFATE TABS 15 MG 58
codeine sulfate tabs 30 mg 58
CODEINE SULFATE TABS 60 MG 58
colchicine tabs 0.6 mg 100
colchicine-probenecid tabs 0.5-500 mg 86
colesevelam hcl tabs 625 mg 51
COLESTIPOL HCL GRAN 5 GM 51
COLESTIPOL HCL PACK 5 GM 51
colestipol hcl tabs 1 gm 51
colistimethate sodium (cba) solr 150 mg 24
COMBIVENT RESPIMAT AERS 20-100 MCG/ACT 47
COMETRIQ (100 MG DAILY DOSE) KIT 80 & 20 MG 34
COMETRIQ (140 MG DAILY DOSE) KIT 3 x 20 MG & 80 MG 34
COMETRIQ (60 MG DAILY DOSE) KIT 20 MG 34
compro supp 25 mg 75
COPIKTRA CAPS 15 MG 34
COPIKTRA CAPS 25 MG 34
CORDRAN TAPE 4 MCG/SQCM 112
CORLANOR SOLN 5 MG/5ML 55
CORTISONE ACETATE TABS 25 MG 92
CORTROPHIN GEL 80 UNIT/ML 97
CORTROPHIN GEL PRSY 40 UNIT/0.5ML 98
CORTROPHIN GEL PRSY 80 UNIT/ML 98
COSENTYX (300 MG DOSE) SOSY 150 MG/ML 115
COSENTYX SENSOREADY (300 MG) SOAJ 150 MG/ML 115
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ 150 MG/ML 115
COSENTYX SOSY 150 MG/ML 115
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML 115
COSENTYX UNOREADY SOAJ 300 MG/2ML 115
COTELLIC TABS 20 MG 34
CRENESSITY CAPS 100 MG 98
CRENESSITY CAPS 25 MG 98
CRENESSITY CAPS 50 MG 98
CRENESSITY SOLN 50 MG/ML 98
CREON CPEP 12000-38000 UNIT 86
CREON CPEP 24000-76000 UNIT 86
CREON CPEP 3000-9500 UNIT 86
CREON CPEP 36000-114000 UNIT 86
CREON CPEP 6000-19000 UNIT 86
CRESEMBA CAPS 186 MG 26
CRESEMBA CAPS 74.5 MG 26
cromolyn sodium conc 100 mg/5ml 106
cromolyn sodium nebu 20 mg/2ml 106
CROMOLYN SODIUM SOLN 4 % 88
cryselle tabs 0.3-30 mg-mcg 94
CURITY GAUZE PADS 2 82
cyclobenzaprine hcl tabs 10 mg 46
cyclobenzaprine hcl tabs 5 mg 46
cyclophosphamide caps 25 mg 34
cyclophosphamide caps 50 mg 34
cyclophosphamide solr 1 gm 34
cyclophosphamide solr 2 gm 34
cyclophosphamide solr 500 mg 34
CYCLOSERINE CAPS 250 MG 27
cyclosporine (pf) emul 0.05 % 87
cyclosporine caps 100 mg 102
cyclosporine caps 25 mg 102
cyclosporine modified caps 100 mg 102
cyclosporine modified caps 25 mg 102
cyclosporine modified caps 50 mg 102

cyclosporine modified soln 100 mg/ml 102
cyproheptadine hcl syrp 2 mg/5ml 32
cyproheptadine hcl tabs 4 mg 32
CYRAMZA SOLN 100 MG/10ML 34
CYRAMZA SOLN 500 MG/50ML 34
CYSTADANE POWD 103
CYSTAGON CAPS 150 MG 103
CYSTAGON CAPS 50 MG 103
CYSTARAN SOLN 0.44 % 89
cytarabine (pf) soln 100 mg/ml 34
cytarabine (pf) soln 20 mg/ml 34
CYTARABINE SOLN 20 MG/ML 34

D

dabigatran etexilate mesylate caps 110 mg 48
dabigatran etexilate mesylate caps 150 mg 48
dabigatran etexilate mesylate caps 75 mg 48
DACARBAZINE SOLR 100 MG 34
dacarbazine solr 200 mg 34
dalfampridine er tb12 10 mg 72
danazol caps 100 mg 93
danazol caps 200 mg 93
danazol caps 50 mg 93
dantrolene sodium caps 100 mg 46
dantrolene sodium caps 25 mg 47
dantrolene sodium caps 50 mg 47
DANZITEN TABS 71 MG 34
DANZITEN TABS 95 MG 34
dapagliflozin tabs 10 mg 94
dapagliflozin tabs 5 mg 94
dapsone tabs 100 mg 27
dapsone tabs 25 mg 27
DAPTACEL SUSP 23-15-5 109
daptomycin solr 350 mg 24
daptomycin solr 500 mg 24
darifenacin hydrobromide er tb24 15 mg 116
darifenacin hydrobromide er tb24 7.5 mg 116
darunavir tabs 600 mg 28
darunavir tabs 800 mg 29
DARZALEX FASPRO SOLN 1800-30000 MG-UT/15ML 34
DARZALEX SOLN 100 MG/5ML 34
DARZALEX SOLN 400 MG/20ML 34
dasatinib tabs 100 mg 34
dasatinib tabs 140 mg 34
dasatinib tabs 20 mg 34
dasatinib tabs 50 mg 34
dasatinib tabs 70 mg 34
dasatinib tabs 80 mg 34
daunorubicin hcl soln 20 mg/4ml 34
DAURISMO TABS 100 MG 34
DAURISMO TABS 25 MG 34
DAYBUE SOLN 200 MG/ML 71
decitabine solr 50 mg 34
deferasirox granules pack 180 mg 91
deferasirox granules pack 360 mg 91
deferasirox granules pack 90 mg 91
deferasirox tabs 180 mg 91
deferasirox tabs 360 mg 91
deferasirox tabs 90 mg 91
deferasirox tbso 125 mg 91
deferasirox tbso 250 mg 91
deferasirox tbso 500 mg 91
deferiprone tabs 1000 mg 91
deferiprone tabs 500 mg 91
deferoxamine mesylate solr 500 mg 91
deflazacort susp 22.75 mg/ml 92
deflazacort tabs 18 mg 92
deflazacort tabs 30 mg 92
deflazacort tabs 36 mg 92
deflazacort tabs 6 mg 92
DELSTRIGO TABS 100-300-300 MG 29
demeclocycline hcl tabs 150 mg 24
demeclocycline hcl tabs 300 mg 24
DEPO-ESTRADIOL OIL 5 MG/ML 96
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY 104 MG/0.65ML 98
depo-testosterone soln 100 mg/ml 93
depo-testosterone soln 200 mg/ml 93

DESCOVY TABS 120-15 MG 29
DESCOVY TABS 200-25 MG 29
desipramine hcl tabs 10 mg 75
desipramine hcl tabs 100 mg 75
desipramine hcl tabs 150 mg 75
desipramine hcl tabs 25 mg 75
desipramine hcl tabs 50 mg 75
desipramine hcl tabs 75 mg 75
desmopressin ace spray refrig soln 0.01 % 98
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN 4 MCG/ML 98
DESMOPRESSIN ACETATE SPRAY SOLN 0.01 % 98
desmopressin acetate tabs 0.1 mg 98
desmopressin acetate tabs 0.2 mg 98
desonide crea 0.05 % 112
desonide lotn 0.05 % 112
desonide oint 0.05 % 112
desoximetasone crea 0.25 % 112
desoximetasone oint 0.25 % 112
desvenlafaxine succinate er tb24 100 mg 75
desvenlafaxine succinate er tb24 25 mg 75
desvenlafaxine succinate er tb24 50 mg 75
dexamethasone elix 0.5 mg/5ml 92
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC 1 MG/ML 92
DEXAMETHASONE SODIUM PHOSPHATE SOLN 0.1 % 87
DEXAMETHASONE SODIUM PHOSPHATE SOLN 10 MG/ML 92
dexamethasone sodium phosphate soln 20 mg/5ml 92
dexamethasone sodium phosphate soln 4 mg/ml 92
DEXAMETHASONE SOLN 0.5 MG/5ML 92
dexamethasone tabs 0.5 mg 92
dexamethasone tabs 0.75 mg 92
dexamethasone tabs 1 mg 92
dexamethasone tabs 1.5 mg 92
dexamethasone tabs 2 mg 92
dexamethasone tabs 4 mg 92
dexamethasone tabs 6 mg 92
dexmethylphenidate hcl er cp24 10 mg 61
dexmethylphenidate hcl er cp24 15 mg 61
dexmethylphenidate hcl er cp24 20 mg 61
dexmethylphenidate hcl er cp24 25 mg 61
dexmethylphenidate hcl er cp24 30 mg 61
dexmethylphenidate hcl er cp24 35 mg 61
dexmethylphenidate hcl er cp24 40 mg 61
dexmethylphenidate hcl er cp24 5 mg 62
dexmethylphenidate hcl tabs 10 mg 62
dexmethylphenidate hcl tabs 2.5 mg 62
dexmethylphenidate hcl tabs 5 mg 62
dexrazoxane hcl solr 250 mg 103
dexrazoxane hcl solr 500 mg 103
dextroamphetamine sulfate er cp24 10 mg 62
dextroamphetamine sulfate er cp24 15 mg 62
dextroamphetamine sulfate er cp24 5 mg 62
dextroamphetamine sulfate tabs 10 mg 62
dextroamphetamine sulfate tabs 5 mg 62
DEXTROSE IN LACTATED RINGERS SOLN 5 % 84
DEXTROSE SOLN 10 % 83
dextrose soln 5 % 83
DEXTROSE SOLN 50 % 83
DEXTROSE SOLN 70 % 83
DEXTROSE-SODIUM CHLORIDE SOLN 10-0.45 % 84
DEXTROSE-SODIUM CHLORIDE SOLN 2.5-0.45 % 84
DEXTROSE-SODIUM CHLORIDE SOLN 5-0.2 % 84
dextrose-sodium chloride soln 5-0.45 % 84
dextrose-sodium chloride soln 5-0.9 % 84
DIACOMIT CAPS 250 MG 63
DIACOMIT CAPS 500 MG 63
DIACOMIT PACK 250 MG 63
DIACOMIT PACK 500 MG 63
diazepam gel 10 mg 63

diazepam gel 2.5 mg 63
diazepam gel 20 mg 64
diazepam intensol conc 5 mg/ml 70
diazepam soln 5 mg/5ml 70
diazepam soln 5 mg/ml 70
diazepam tabs 10 mg 70
diazepam tabs 2 mg 70
diazepam tabs 5 mg 70
diazoxide susp 50 mg/ml 94
diclofenac sodium gel 3 % 112
diclofenac sodium soln 0.1 % 87
diclofenac sodium soln 1.5 % 112
diclofenac sodium tbec 25 mg 58
diclofenac sodium tbec 50 mg 58
diclofenac sodium tbec 75 mg 59
dicloxacillin sodium caps 250 mg 24
dicloxacillin sodium caps 500 mg 24
dicyclomine hcl caps 10 mg 45
dicyclomine hcl soln 10 mg/5ml 45
dicyclomine hcl soln 10 mg/ml 45
dicyclomine hcl tabs 20 mg 45
DICYCLOMINE HCL TABS 40 MG 45
DIFICID SUSR 40 MG/ML 24
diflorasone diacetate oint 0.05 % 112
diflunisal tabs 500 mg 59
difluprednate emul 0.05 % 87
DIGOXIN SOLN 0.05 MG/ML 55
digoxin soln 0.25 mg/ml 55
digoxin tabs 125 mcg 55
digoxin tabs 250 mcg 55
dihydroergotamine mesylate soln 1 mg/ml 47
dihydroergotamine mesylate soln 4 mg/ml 47
DILANTIN CAPS 100 MG 64
DILANTIN CAPS 30 MG 64
DILANTIN INFATABS CHEW 50 MG 64
diltiazem hcl er coated beads cp24 120 mg 53
diltiazem hcl er coated beads cp24 180 mg 54
diltiazem hcl er coated beads cp24 240 mg 54
diltiazem hcl er coated beads cp24 300 mg 54
diltiazem hcl er coated beads cp24 360 mg 54
diltiazem hcl er cp12 120 mg 54
diltiazem hcl er cp12 60 mg 54
diltiazem hcl er cp12 90 mg 54
diltiazem hcl er cp24 120 mg 54
diltiazem hcl er cp24 180 mg 54
diltiazem hcl er cp24 240 mg 54
diltiazem hcl soln 125 mg/25ml 54
diltiazem hcl soln 25 mg/5ml 54
diltiazem hcl soln 50 mg/10ml 54
diltiazem hcl tabs 120 mg 54
diltiazem hcl tabs 30 mg 54
diltiazem hcl tabs 60 mg 54
diltiazem hcl tabs 90 mg 54
dilt-xr cp24 120 mg 53
dilt-xr cp24 180 mg 53
dilt-xr cp24 240 mg 53
dimethyl fumarate cpdr 120 mg 72
dimethyl fumarate cpdr 240 mg 72
dimethyl fumarate starter pack cdpk 120 & 240 mg 72
DIPENTUM CAPS 250 MG 89
diphenhydramine hcl soln 50 mg/ml 32
DIPHENOXYLATE-ATROPINE LIQD 2.5-0.025 MG/5ML 89
diphenoxylate-atropine tabs 2.5-0.025 mg 89
dipyridamole tabs 25 mg 57
dipyridamole tabs 50 mg 57
dipyridamole tabs 75 mg 57
disopyramide phosphate caps 100 mg 55
disopyramide phosphate caps 150 mg 55
disulfiram tabs 250 mg 58
disulfiram tabs 500 mg 58
divalproex sodium csdr 125 mg 64
divalproex sodium er tb24 250 mg 64
divalproex sodium er tb24 500 mg 64
divalproex sodium tbec 125 mg 64
divalproex sodium tbec 250 mg 64

divalproex sodium tbec 500 mg 64
dobutamine hcl soln 12.5 mg/ml 47
DOBUTAMINE-DEXTROSE SOLN 1-5 MG/ML-% 47
DOBUTAMINE-DEXTROSE SOLN 2-5 MG/ML-% 47
docetaxel conc 80 mg/4ml 34
dofetilide caps 125 mcg 55
dofetilide caps 250 mcg 55
dofetilide caps 500 mcg 55
DOLOBID TABS 375 MG 59
donepezil hcl tabs 10 mg 46
donepezil hcl tabs 5 mg 46
donepezil hcl tbdp 10 mg 46
donepezil hcl tbdp 5 mg 46
dopamine hcl soln 40 mg/ml 47
DOPAMINE-DEXTROSE SOLN 0.8-5 MG/ML-% 47
DOPAMINE-DEXTROSE SOLN 1.6-5 MG/ML-% 47
DOPAMINE-DEXTROSE SOLN 3.2-5 MG/ML-% 47
DOPTELET TABS 20 MG 50
dorzolamide hcl soln 2 % 88
dorzolamide hcl-timolol mal soln 2-0.5 % 88
dotti pttw 0.025 mg/24hr 96
dotti pttw 0.0375 mg/24hr 96
dotti pttw 0.05 mg/24hr 96
dotti pttw 0.075 mg/24hr 96
dotti pttw 0.1 mg/24hr 96
DOVATO TABS 50-300 MG 29
doxazosin mesylate tabs 1 mg 51
doxazosin mesylate tabs 2 mg 51
doxazosin mesylate tabs 4 mg 51
doxazosin mesylate tabs 8 mg 51
doxepin hcl caps 10 mg 75
doxepin hcl caps 100 mg 75
DOXEPIN HCL CAPS 150 MG 76
doxepin hcl caps 25 mg 76
doxepin hcl caps 50 mg 76
doxepin hcl caps 75 mg 76
DOXEPIN HCL CONC 10 MG/ML 76
doxepin hcl tabs 3 mg 76
doxepin hcl tabs 6 mg 76
doxorubicin hcl liposomal susp 2 mg/ml 35
DOXORUBICIN HCL SOLN 2 MG/ML 35
DOXORUBICIN HCL SOLR 10 MG 35
doxorubicin hcl solr 50 mg 35
doxy 100 solr 100 mg 24
doxycycline hyclate caps 100 mg 24
doxycycline hyclate caps 50 mg 24
doxycycline hyclate solr 100 mg 24
doxycycline hyclate tabs 100 mg 24
doxycycline hyclate tabs 20 mg 24
doxycycline monohydrate caps 50 mg 24
doxycycline monohydrate susr 25 mg/5ml 24
doxycycline monohydrate tabs 100 mg 24
doxycycline monohydrate tabs 50 mg 24
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 20 MG 76
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 30 MG 76
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 40 MG 76
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 60 MG 76
dronabinol caps 10 mg 89
dronabinol caps 2.5 mg 89
dronabinol caps 5 mg 89
droperidol soln 2.5 mg/ml 70
drospirenone-ethinyl estradiol tabs 3-0.02 mg 94
drospirenone-ethinyl estradiol tabs 3-0.03 mg 94
DROXIA CAPS 200 MG 35
DROXIA CAPS 300 MG 35
DROXIA CAPS 400 MG 35
droxidopa caps 100 mg 47
droxidopa caps 200 mg 47
droxidopa caps 300 mg 48
duloxetine hcl cpep 20 mg 76
duloxetine hcl cpep 30 mg 76
duloxetine hcl cpep 40 mg 76
duloxetine hcl cpep 60 mg 76
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 106
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML 106

DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 106
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML 106
dutasteride caps 0.5 mg 100
DUVYZAT SUSP 8.86 MG/ML 103

E

E.E.S. 400 TABS 400 MG 24
EBGLYSS SOAJ 250 MG/2ML 112
EBGLYSS SOSY 250 MG/2ML 112
EDURANT PED TBSO 2.5 MG 29
efavirenz tabs 600 mg 29
efavirenz-emtricitab-tenofo df tabs 600-200-300 mg 29
EFAVIRENZ-LAMIVUDINE-TENOFOVIR TABS 400-300-300 MG 29
efavirenz-lamivudine-tenofovir tabs 600-300-300 mg 29
EGRIFTA SV SOLR 2 MG 98
EGRIFTA WR KIT 11.6 MG 98
EKTERLY TABS 300 MG 103
ELAHERE SOLN 100 MG/20ML 35
ELAPRASE SOLN 6 MG/3ML 86
ELELYSO SOLR 200 UNIT 86
ELEPSIA XR TB24 1000 MG 64
ELEPSIA XR TB24 1500 MG 64
eletriptan hydrobromide tabs 20 mg 67
eletriptan hydrobromide tabs 40 mg 67
ELIGARD KIT 22.5 MG 35
ELIGARD KIT 30 MG 35
ELIGARD KIT 45 MG 35
ELIGARD KIT 7.5 MG 35
ELIQUIS (1.5 MG PACK) TBSO 3 x 0.5 MG 48
ELIQUIS (2 MG PACK) TBSO 4 x 0.5 MG 48
ELIQUIS CPSP 0.15 MG 48
ELIQUIS DVT/PE STARTER PACK TBPK 5 MG 48
ELIQUIS TABS 2.5 MG 48
ELIQUIS TABS 5 MG 48
ELIQUIS TBSO 0.5 MG 48
ELITEK SOLR 1.5 MG 86
elixophyllin elix 80 mg/15ml 116
ELMIRON CAPS 100 MG 103
ELREXFIO SOLN 44 MG/1.1ML 35
ELREXFIO SOLN 76 MG/1.9ML 35
eltrombopag olamine pack 12.5 mg 50
eltrombopag olamine pack 25 mg 50
eltrombopag olamine tabs 12.5 mg 50
eltrombopag olamine tabs 25 mg 50
eltrombopag olamine tabs 50 mg 50
eltrombopag olamine tabs 75 mg 50
eluryng ring 0.12-0.015 mg/24hr 94
EMROSI CP24 40 MG 111
EMSAM PT24 12 MG/24HR 68
EMSAM PT24 6 MG/24HR 68
EMSAM PT24 9 MG/24HR 68
emtricitabine caps 200 mg 29
emtricitabine-tenofovir df tabs 100-150 mg 29
emtricitabine-tenofovir df tabs 133-200 mg 29
emtricitabine-tenofovir df tabs 167-250 mg 29
emtricitabine-tenofovir df tabs 200-300 mg 29
emtricitab-rilpivir-tenofov df tabs 200-25-300 mg 29
EMTRIVA SOLN 10 MG/ML 29
enalapril maleate tabs 10 mg 56
enalapril maleate tabs 2.5 mg 56
enalapril maleate tabs 20 mg 56
enalapril maleate tabs 5 mg 56
enalaprilat soln 1.25 mg/ml 56
ENBREL MINI SOCT 50 MG/ML 101
ENBREL SOLN 25 MG/0.5ML 101
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML 101
ENBREL SOSY 50 MG/ML 101
ENBREL SURECLICK SOAJ 50 MG/ML 101
ENDARI PACK 5 GM 103
endocet tabs 5-325 mg 59
endocet tabs 7.5-325 mg 59

ENDOMETRIN INST 100 MG....98
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML....109
ENGERIX-B SUSY 10 MCG/0.5ML....109
ENGERIX-B SUSY 20 MCG/ML....109
ENHERTU SOLR 100 MG....35
ENOXAPARIN SODIUM SOLN 300 MG/3ML....48
enoxaparin sodium sosy 100 mg/ml....48
enoxaparin sodium sosy 120 mg/0.8ml....48
enoxaparin sodium sosy 150 mg/ml....48
enoxaparin sodium sosy 30 mg/0.3ml....48
enoxaparin sodium sosy 40 mg/0.4ml....48
enoxaparin sodium sosy 60 mg/0.6ml....48
enoxaparin sodium sosy 80 mg/0.8ml....49
ENSACOVE CAPS 100 MG....35
ENSACOVE CAPS 25 MG....35
ENSTILAR FOAM 0.005-0.064 %....112
entacapone tabs 200 mg....69
entecavir tabs 0.5 mg....29
entecavir tabs 1 mg....29
ENTYVIO PEN SOAJ 108 MG/0.68ML....90
ENTYVIO SOLR 300 MG....90
enulose soln 10 gm/15ml....83
ENVARSUS XR TB24 0.75 MG....102
ENVARSUS XR TB24 1 MG....102
ENVARSUS XR TB24 4 MG....102
EPCLUSA PACK 150-37.5 MG....29
EPCLUSA PACK 200-50 MG....29
EPCLUSA TABS 200-50 MG....29
EPCLUSA TABS 400-100 MG....29
EPIDIOLEX SOLN 100 MG/ML....64
EPINEPHRINE SOAJ 0.3 MG/0.3ML....48
EPKINLY SOLN 4 MG/0.8ML....35
EPKINLY SOLN 48 MG/0.8ML....35
eplerenone tabs 25 mg....56
eplerenone tabs 50 mg....56
ERBITUX SOLN 100 MG/50ML....35
ERBITUX SOLN 200 MG/100ML....35
ERGOMAR SUBL 2 MG....47
ERGOTAMINE-CAFFEINE TABS 1-100 MG....67
eribulin mesylate soln 1 mg/2ml....35
ERIVEDGE CAPS 150 MG....35
ERLEADA TABS 240 MG....35
ERLEADA TABS 60 MG....35
erlotinib hcl tabs 100 mg....35
erlotinib hcl tabs 150 mg....35
erlotinib hcl tabs 25 mg....35
ertapenem sodium solr 1 gm....24
ERYTHROMYCIN BASE CPEP 250 MG....24
erythromycin base tabs 250 mg....24
erythromycin base tabs 500 mg....24
erythromycin ethylsuccinate susr 200 mg/5ml....24
ERYTHROMYCIN GEL 2 %....111
erythromycin oint 5 mg/gm....87
erythromycin soln 2 %....111
erythromycin tbec 250 mg....24
escitalopram oxalate soln 5 mg/5ml....76
escitalopram oxalate tabs 10 mg....76
escitalopram oxalate tabs 20 mg....76
escitalopram oxalate tabs 5 mg....76
eslicarbazepine acetate tabs 200 mg....64
eslicarbazepine acetate tabs 400 mg....64
eslicarbazepine acetate tabs 600 mg....64
eslicarbazepine acetate tabs 800 mg....64
ESMOLOL HCL SOLN 100 MG/10ML....52
esmolol hcl-sodium chloride soln 2500 mg/250ml....52
ESTRACE CREA 0.01 %....97
estradiol crea 0.01 %....97
estradiol gel 0.25 mg/0.25gm....97
estradiol gel 0.5 mg/0.5gm....97
estradiol gel 0.75 mg/0.75gm....97
estradiol gel 1 mg/gm....97
estradiol gel 1.25 mg/1.25gm....97
estradiol pttw 0.025 mg/24hr....97
estradiol pttw 0.0375 mg/24hr....97
estradiol pttw 0.05 mg/24hr....97
estradiol pttw 0.075 mg/24hr....97
estradiol pttw 0.1 mg/24hr....97
estradiol tabs 0.5 mg....97

estradiol tabs 1 mg 97
estradiol tabs 10 mcg 97
estradiol tabs 2 mg 97
estradiol valerate oil 20 mg/ml 97
estradiol valerate oil 40 mg/ml 97
ESTRING RING 7.5 MCG/24HR 97
eszopiclone tabs 1 mg 70
eszopiclone tabs 2 mg 70
eszopiclone tabs 3 mg 70
ethacrynic acid tabs 25 mg 83
ethambutol hcl tabs 100 mg 27
ethambutol hcl tabs 400 mg 27
ethosuximide caps 250 mg 64
ethosuximide soln 250 mg/5ml 64
etodolac caps 200 mg 59
etodolac caps 300 mg 59
etodolac tabs 400 mg 59
etodolac tabs 500 mg 59
etoposide soln 1 gm/50ml 35
etoposide soln 100 mg/5ml 35
etoposide soln 500 mg/25ml 35
etravirine tabs 100 mg 29
etravirine tabs 200 mg 29
EULEXIN CAPS 125 MG 35
everolimus tabs 0.25 mg 102
everolimus tabs 0.5 mg 102
everolimus tabs 0.75 mg 102
everolimus tabs 1 mg 102
everolimus tabs 10 mg 35
everolimus tabs 2.5 mg 35
everolimus tabs 5 mg 35
everolimus tabs 7.5 mg 35
everolimus tbso 2 mg 35
everolimus tbso 3 mg 35
everolimus tbso 5 mg 35
EVOTAZ TABS 300-150 MG 29
EVRYSDI SOLR 0.75 MG/ML 103
EVRYSDI TABS 5 MG 103
exemestane tabs 25 mg 35
EXXUA TB24 18.2 MG 76
EXXUA TB24 36.3 MG 76
EXXUA TB24 54.5 MG 76
EXXUA TB24 72.6 MG 76
EXXUA TITRATION PACK TB24 18.2 MG 76
EYLEA SOLN 2 MG/0.05ML 89
EYLEA SOSY 2 MG/0.05ML 89
ezetimibe tabs 10 mg 51

F

FABRAZYME SOLR 35 MG 86
FABRAZYME SOLR 5 MG 86
famciclovir tabs 125 mg 29
famciclovir tabs 250 mg 29
famciclovir tabs 500 mg 29
famotidine (pf) soln 20 mg/2ml 90
FAMOTIDINE PREMIXED SOLN 20-0.9 MG/50ML-% 90
famotidine soln 40 mg/4ml 90
famotidine susr 40 mg/5ml 90
famotidine tabs 20 mg 90
famotidine tabs 40 mg 90
FANAPT TABS 1 MG 76
FANAPT TABS 10 MG 76
FANAPT TABS 12 MG 76
FANAPT TABS 2 MG 76
FANAPT TABS 4 MG 76
FANAPT TABS 6 MG 76
FANAPT TABS 8 MG 76
FANAPT TITRATION PACK A TABS 1 & 2 & 4 & 6 MG 76
FANAPT TITRATION PACK B TABS 1 & 2 & 6 & 8 MG 76
FANAPT TITRATION PACK C TABS 1 & 2 & 6 MG 76
FARXIGA TABS 10 MG 94
FARXIGA TABS 5 MG 94
FASENRA PEN SOAJ 30 MG/ML 106
FASENRA SOSY 30 MG/ML 106
febuxostat tabs 40 mg 100
febuxostat tabs 80 mg 100

felbamate susp 600 mg/5ml.....64
felbamate tabs 400 mg.....64
felbamate tabs 600 mg.....64
felodipine er tb24 10 mg.....54
felodipine er tb24 2.5 mg.....54
felodipine er tb24 5 mg.....54
fenofibrate tabs 160 mg.....51
fenofibrate tabs 54 mg.....51
FENSOLVI (6 MONTH) KIT 45 MG.....35
FENTANYL CITRATE (PF) SOLN 1000 MCG/20ML.....59
FENTANYL CITRATE (PF) SOLN 2500 MCG/50ML.....59
fentanyl pt72 100 mcg/hr.....59
fentanyl pt72 12 mcg/hr.....59
fentanyl pt72 25 mcg/hr.....59
fentanyl pt72 50 mcg/hr.....59
fentanyl pt72 75 mcg/hr.....59
FERRIC CITRATE TABS 1 GM 210 MG(FE).....84
FETROJA SOLR 1 GM.....24
FETZIMA CP24 120 MG.....76
FETZIMA CP24 20 MG.....76
FETZIMA CP24 40 MG.....76
FETZIMA CP24 80 MG.....76
FETZIMA TITRATION C4PK 20 & 40 MG 76
fidaxomicin tabs 200 mg.....24
FILKRI SOSY 300 MCG/0.5ML.....50
FILKRI SOSY 480 MCG/0.8ML.....50
FILSPARI TABS 200 MG.....103
FILSPARI TABS 400 MG.....103
finasteride tabs 5 mg.....100
fingolimod hcl caps 0.5 mg.....72
FINTEPLA SOLN 2.2 MG/ML.....64
FIRDAPSE TABS 10 MG.....103
FIRMAGON (240 MG DOSE) SOLR 120 MG/VIAL.....35
FIRMAGON SOLR 80 MG.....35
flavoxate hcl tabs 100 mg.....116
flecainide acetate tabs 100 mg.....55
flecainide acetate tabs 150 mg.....55
flecainide acetate tabs 50 mg.....55
fluconazole in sodium chloride soln 200-0.9 mg/100ml-%.....26
fluconazole in sodium chloride soln 400-0.9 mg/200ml-%.....26
fluconazole susr 10 mg/ml.....26
fluconazole susr 40 mg/ml.....26
fluconazole tabs 100 mg.....27
fluconazole tabs 150 mg.....27
fluconazole tabs 200 mg.....27
fluconazole tabs 50 mg.....27
flucytosine caps 250 mg.....27
flucytosine caps 500 mg.....27
FLUDARABINE PHOSPHATE SOLR 50 MG.....35
fludrocortisone acetate tabs 0.1 mg.....92
flumazenil soln 0.5 mg/5ml.....71
flumazenil soln 1 mg/10ml.....71
fluocinolone acetonide body oil 0.01 %...112
fluocinolone acetonide crea 0.01 %.....112
fluocinolone acetonide crea 0.025 %.....112
fluocinolone acetonide oil 0.01 %.....87
fluocinolone acetonide oint 0.025 %.....113
fluocinolone acetonide scalp oil 0.01 %..113
fluocinolone acetonide soln 0.01 %.....113
fluocinonide crea 0.05 %.....113
fluocinonide emulsified base crea 0.05 %.....113
fluocinonide gel 0.05 %.....113
fluocinonide oint 0.05 %.....113
fluocinonide soln 0.05 %.....113
fluorometholone susp 0.1 %.....87
FLUOROURACIL CREA 0.5 %.....115
fluorouracil crea 5 %.....115
fluorouracil soln 1 gm/20ml.....35
FLUOROURACIL SOLN 2 %.....115
fluorouracil soln 2.5 gm/50ml.....35
fluorouracil soln 5 %.....115
fluorouracil soln 5 gm/100ml.....36
fluorouracil soln 500 mg/10ml.....36
FLUOXETINE HCL (PMDD) TABS 10 MG76

FLUOXETINE HCL (PMDD) TABS 20 MG76
fluoxetine hcl caps 10 mg 76
fluoxetine hcl caps 20 mg 76
fluoxetine hcl caps 40 mg 76
FLUOXETINE HCL CPDR 90 MG 76
fluoxetine hcl soln 20 mg/5ml.....76
fluoxetine hcl tabs 10 mg 76
fluoxetine hcl tabs 20 mg 76
fluoxetine hcl tabs 60 mg 77
fluphenazine decanoate soln 25 mg/ml.....77
FLUPHENAZINE HCL CONC 5 MG/ML ...77
FLUPHENAZINE HCL ELIX 2.5 MG/5ML .77
FLUPHENAZINE HCL SOLN 2.5 MG/ML .77
fluphenazine hcl tabs 1 mg 77
fluphenazine hcl tabs 10 mg 77
fluphenazine hcl tabs 2.5 mg 77
fluphenazine hcl tabs 5 mg 77
FLURBIPROFEN SODIUM SOLN 0.03 % 87
FLUTICASONE FUROATE-VILANTEROL AEPB 100-25 MCG/ACT 107
FLUTICASONE FUROATE-VILANTEROL AEPB 200-25 MCG/ACT 107
fluticasone propionate crea 0.05 %.....113
FLUTICASONE PROPIONATE HFA AERO 220 MCG/ACT.....107
fluticasone propionate oint 0.005 %.....113
fluticasone propionate susp 50 mcg/act....87
fluvoxamine maleate er cp24 100 mg 77
fluvoxamine maleate er cp24 150 mg 77
fluvoxamine maleate tabs 100 mg 77
fluvoxamine maleate tabs 25 mg 77
fluvoxamine maleate tabs 50 mg 77
FML FORTE SUSP 0.25 %.....87
FONDAPARINUX SODIUM SOLN 10 MG/0.8ML 49
fondaparinux sodium soln 2.5 mg/0.5ml ...49
FONDAPARINUX SODIUM SOLN 5 MG/0.4ML 49
FONDAPARINUX SODIUM SOLN 7.5 MG/0.6ML 49
FORTEO SOPN 560 MCG/2.24ML.....97
fosamprenavir calcium tabs 700 mg 29
fosaprepitant dimeglumine solr 150 mg 89
fosfomycin tromethamine pack 3 gm 32
fosphenytoin sodium soln 100 mg pe/2ml. 64
fosphenytoin sodium soln 500 mg pe/10ml 64
FOTIVDA CAPS 0.89 MG 36
FOTIVDA CAPS 1.34 MG 36
FRUZAQLA CAPS 1 MG.....36
FRUZAQLA CAPS 5 MG.....36
FULPHILA SOSY 6 MG/0.6ML.....50
fulvestrant sosy 250 mg/5ml.....36
furosemide oral soln 10 mg/ml.....83
FUROSEMIDE SOLN 8 MG/ML 83
furosemide soln injection 10 mg/ml 83
furosemide tabs 20 mg 83
furosemide tabs 40 mg 83
furosemide tabs 80 mg 83
FYCOMPA SUSP 0.5 MG/ML 64

G

gabapentin caps 100 mg 64
gabapentin caps 300 mg 64
gabapentin caps 400 mg 64
gabapentin soln 250 mg/5ml.....64
gabapentin tabs 600 mg 64
gabapentin tabs 800 mg 64
GABARONE TABS 100 MG 64
GABARONE TABS 400 MG 64
*galantamine hydrobromide er cp24 16 mg*46
*galantamine hydrobromide er cp24 24 mg*46
galantamine hydrobromide er cp24 8 mg .46
GALANTAMINE HYDROBROMIDE SOLN 4 MG/ML.....46
galantamine hydrobromide tabs 12 mg.....46
galantamine hydrobromide tabs 4 mg.....46
galantamine hydrobromide tabs 8 mg.....46
gallifrey tabs 5 mg 98
GAMASTAN SOLN..... 109

GAMMAGARD ERC SOLN 10 GM/100ML 109
GAMMAGARD ERC SOLN 5 GM/50ML 109
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR 10 GM 109
GAMMAGARD S/D LESS IGA SOLR 5 GM 109
GAMMAGARD SOLN 2.5 GM/25ML 109
GAMMAKED SOLN 1 GM/10ML 109
GAMUNEX-C SOLN 1 GM/10ML 109
ganciclovir sodium solr 500 mg 29
GARDASIL 9 SUSP 0.5 ML 109
GARDASIL 9 SUSY 0.5 ML 110
gatifloxacin soln 0.5 % 87
GATTEX KIT 5 MG 90
GAVILYTE-C SOLR 240 GM 90
gavilyte-g solr 236 gm 90
GAVRETO CAPS 100 MG 36
GAZYVA SOLN 1000 MG/40ML 36
gefitinib tabs 250 mg 36
gemcitabine hcl solr 200 mg 36
gemfibrozil tabs 600 mg 51
generlac soln 10 gm/15ml 83
gengraf caps 100 mg 102
gengraf caps 25 mg 102
GENTAMICIN IN SALINE SOLN 0.8-0.9 MG/ML-% 24
GENTAMICIN IN SALINE SOLN 1.2-0.9 MG/ML-% 24
GENTAMICIN IN SALINE SOLN 1.6-0.9 MG/ML-% 24
GENTAMICIN IN SALINE SOLN 1-0.9 MG/ML-% 24
GENTAMICIN IN SALINE SOLN 2-0.9 MG/ML-% 24
gentamicin sulfate crea 0.1 % 111
gentamicin sulfate oint 0.1 % 111
gentamicin sulfate soln 0.3 % 87
gentamicin sulfate soln 10 mg/ml 24
gentamicin sulfate soln 40 mg/ml 24
GENVOYA TABS 150-150-200-10 MG 29
GILOTRIF TABS 20 MG 36
GILOTRIF TABS 30 MG 36
GILOTRIF TABS 40 MG 36
GIVLAARI SOLN 189 MG/ML 103
GLASSIA SOLN 1000 MG/50ML 107
glatiramer acetate sosy 20 mg/ml 72
glatiramer acetate sosy 40 mg/ml 72
glatopa sosy 20 mg/ml 72
glatopa sosy 40 mg/ml 72
glimepiride tabs 1 mg 94
glimepiride tabs 2 mg 94
glimepiride tabs 4 mg 94
glipizide er tb24 10 mg 94
glipizide er tb24 2.5 mg 94
glipizide er tb24 5 mg 95
glipizide tabs 10 mg 95
glipizide tabs 5 mg 95
glipizide-metformin hcl tabs 2.5-250 mg 95
glipizide-metformin hcl tabs 2.5-500 mg 95
glipizide-metformin hcl tabs 5-500 mg 95
glucagon emergency solr 1 mg 95
GLUCOSE (DEXTROSE) SOLN 50 % 83
glyburide tabs 1.25 mg 95
glyburide tabs 2.5 mg 95
glyburide tabs 5 mg 95
glycopyrrolate +rfid soln 0.2 mg/ml 45
glycopyrrolate injection soln 1 mg/5ml 45
glycopyrrolate oral soln 1 mg/5ml 45
glycopyrrolate soln 0.2 mg/ml 45
glycopyrrolate soln 0.4 mg/2ml 45
glycopyrrolate tabs 1 mg 45
GLYCOPYRROLATE TABS 1.5 MG 45
glycopyrrolate tabs 2 mg 45
glydo prsy 2 % 114
GOMEKLI CAPS 1 MG 36
GOMEKLI CAPS 2 MG 36
GOMEKLI TBSO 1 MG 36
granisetron hcl tabs 1 mg 89
GRASTEK SUBL 2800 BAU 103
griseofulvin microsize susp 125 mg/5ml 27
griseofulvin microsize tabs 500 mg 27

griseofulvin ultramicrosize tabs 125 mg 27
GRISEOFULVIN ULTRAMICROSIZE TABS 165 MG 27
griseofulvin ultramicrosize tabs 250 mg 27
guaifenesin-codeine soln 100-10 mg/5ml 107
guanfacine hcl er tb24 1 mg 71
guanfacine hcl er tb24 2 mg 72
guanfacine hcl er tb24 3 mg 72
guanfacine hcl er tb24 4 mg 72
guanfacine hcl tabs 1 mg 56
guanfacine hcl tabs 2 mg 56

H

HAEGARDA SOLR 2000 UNIT 103
HAEGARDA SOLR 3000 UNIT 103
halobetasol propionate crea 0.05 % 113
HALOBETASOL PROPIONATE FOAM 0.05 % 113
halobetasol propionate oint 0.05 % 113
haloperidol decanoate soln 100 mg/ml 77
haloperidol decanoate soln 50 mg/ml 77
haloperidol lactate conc 2 mg/ml 77
haloperidol lactate soln 5 mg/ml 77
haloperidol tabs 0.5 mg 77
haloperidol tabs 1 mg 77
haloperidol tabs 10 mg 77
haloperidol tabs 2 mg 77
haloperidol tabs 20 mg 77
haloperidol tabs 5 mg 77
HARLIKU TABS 2 MG 86
HARVONI PACK 33.75-150 MG 29
HARVONI PACK 45-200 MG 29
HARVONI TABS 45-200 MG 29
HARVONI TABS 90-400 MG 29
HAVRIX SUSY 1440 EL U/ML 110
HAVRIX SUSY 720 EL U/0.5ML 110
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN 1000-0.9 UT/500ML-% 49
HEPARIN (PORCINE) IN NACL SOLN 2000-0.9 UNIT/L-% 49
HEPARIN SOD (PORCINE) IN D5W SOLN 100 UNIT/ML 49
HEPARIN SOD (PORCINE) IN D5W SOLN 25000-5 UT/500ML-% 49
HEPARIN SOD (PORCINE) IN D5W SOLN 40-5 UNIT/ML-% 49
HEPARIN SODIUM (PORCINE) +RFID SOLN 1000 UNIT/ML 49
HEPARIN SODIUM (PORCINE) PF SOLN 1000 UNIT/ML 49
heparin sodium (porcine) pf soln 5000 unit/0.5ml 49
heparin sodium (porcine) soln 1000 unit/ml 49
heparin sodium (porcine) soln 10000 unit/ml 49
heparin sodium (porcine) soln 20000 unit/ml 49
heparin sodium (porcine) soln 5000 unit/ml 49
HEPLISAV-B SOSY 20 MCG/0.5ML 110
HERCEPTIN HYLECTA SOLN 600-10000 MG-UNT/5ML 36
HERCESSI SOLR 150 MG 36
HERCESSI SOLR 420 MG 36
HERNEXEOS TABS 60 MG 36
HIBERIX SOLR 10 MCG 110
HUMALOG SOCT 100 UNIT/ML 95
HUMATIN CAPS 250 MG 28
HUMULIN 70/30 KWIKPEN SUPN (70-30) 100 UNIT/ML 95
HUMULIN 70/30 SUSP (70-30) 100 UNIT/ML 95
HUMULIN N KWIKPEN SUPN 100 UNIT/ML 95
HUMULIN N SUSP 100 UNIT/ML 95
HUMULIN R SOLN 100 UNIT/ML 95
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN 500 UNIT/ML 95
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN 500 UNIT/ML 95

hydralazine hcl soln 20 mg/ml.....56
hydralazine hcl tabs 10 mg.....56
hydralazine hcl tabs 100 mg.....56
hydralazine hcl tabs 25 mg.....56
hydralazine hcl tabs 50 mg.....56
hydrochlorothiazide caps 12.5 mg.....83
hydrochlorothiazide tabs 12.5 mg.....83
hydrochlorothiazide tabs 25 mg.....83
hydrochlorothiazide tabs 50 mg.....83
HYDROCODONE-ACETAMINOPHEN SOLN 10-300 MG/15ML.....59
hydrocodone-acetaminophen soln 7.5-325 mg/15ml.....59
hydrocodone-acetaminophen tabs 10-325 mg.....59
hydrocodone-acetaminophen tabs 5-325 mg.....59
hydrocodone-acetaminophen tabs 7.5-325 mg.....59
hydrocortisone (perianal) crea 2.5 %.....113
HYDROCORTISONE ACE-PRAMOXINE CREA 1-1 %.....114
HYDROCORTISONE BUTYRATE CREA 0.1 %.....113
HYDROCORTISONE BUTYRATE OINT 0.1 %.....113
HYDROCORTISONE BUTYRATE SOLN 0.1 %.....113
hydrocortisone crea 2.5 %.....113
hydrocortisone enem 100 mg/60ml.....113
HYDROCORTISONE LOTN 2.5 %.....113
hydrocortisone oint 1 %.....113
hydrocortisone oint 2.5 %.....113
hydrocortisone tabs 10 mg.....92
hydrocortisone tabs 20 mg.....92
hydrocortisone tabs 5 mg.....92
hydrocortisone valerate crea 0.2 %.....113
hydrocortisone valerate oint 0.2 %.....113
hydrocortisone-acetic acid soln 1-2 %.....87
hydromorphone hcl liqd 1 mg/ml.....59
hydromorphone hcl tabs 2 mg.....59
hydromorphone hcl tabs 4 mg.....59
hydromorphone hcl tabs 8 mg.....59
hydroxychloroquine sulfate tabs 200 mg.....28
hydroxyurea caps 500 mg.....36
HYDROXYZINE HCL SOLN 25 MG/ML.....70
HYDROXYZINE HCL SOLN 50 MG/ML.....70
hydroxyzine hcl syrp 10 mg/5ml.....70
hydroxyzine hcl tabs 10 mg.....70
hydroxyzine hcl tabs 25 mg.....70
hydroxyzine hcl tabs 50 mg.....70
HYDROXYZINE PAMOATE CAPS 100 MG.....70
hydroxyzine pamoate caps 25 mg.....70
hydroxyzine pamoate caps 50 mg.....70
HYQVIA KIT 10 GM/100ML.....109
HYQVIA KIT 2.5 GM/25ML.....109
HYQVIA KIT 20 GM/200ML.....109
HYQVIA KIT 30 GM/300ML.....109
HYQVIA KIT 5 GM/50ML.....109
HYRNUO TABS 10 MG.....36

I

IBRANCE CAPS 100 MG.....36
IBRANCE CAPS 125 MG.....36
IBRANCE CAPS 75 MG.....36
IBRANCE TABS 100 MG.....36
IBRANCE TABS 125 MG.....36
IBRANCE TABS 75 MG.....36
IBTROZI CAPS 200 MG.....36
ibu tabs 400 mg.....59
ibu tabs 600 mg.....59
ibu tabs 800 mg.....59
ibuprofen lysine soln 10 mg/ml.....59
ibuprofen susp 100 mg/5ml.....59
ibuprofen tabs 400 mg.....59
ibuprofen tabs 600 mg.....59
ibuprofen tabs 800 mg.....59
ibutilide fumarate soln 1 mg/10ml.....55
icatibant acetate sosy 30 mg/3ml.....103
ICLUSIG TABS 10 MG.....36

ICLUSIG TABS 15 MG 36
ICLUSIG TABS 30 MG 36
ICLUSIG TABS 45 MG 36
icosapent ethyl caps 0.5 gm 51
icosapent ethyl caps 1 gm 51
IDHIFA TABS 100 MG 36
IDHIFA TABS 50 MG 36
IDVYNSO TABS 100-0.25 MG 29
IFOSFAMIDE SOLR 1 GM 36
IGALMI FILM 120 MCG 70
imatinib mesylate tabs 100 mg 36
imatinib mesylate tabs 400 mg 36
IMBRUVICA CAPS 140 MG 36
IMBRUVICA CAPS 70 MG 36
IMBRUVICA SUSP 70 MG/ML 36
IMBRUVICA TABS 140 MG 36
IMBRUVICA TABS 280 MG 36
IMBRUVICA TABS 420 MG 36
IMIPENEM-CILASTATIN SOLR 250 MG .. 25
imipenem-cilastatin solr 500 mg 25
imipramine hcl tabs 10 mg 77
imipramine hcl tabs 25 mg 77
imipramine hcl tabs 50 mg 77
imipramine pamoate caps 100 mg 77
imipramine pamoate caps 125 mg 77
imipramine pamoate caps 150 mg 77
imipramine pamoate caps 75 mg 77
imiquimod crea 5 % 115
IMKELDI SOLN 80 MG/ML 36
IMOVAX RABIES SUSR 2.5 UNIT/ML 110
IMPAVIDO CAPS 50 MG 28
INBRIJA CAPS 42 MG 69
INCRELEX SOLN 40 MG/4ML 98
indapamide tabs 1.25 mg 83
indapamide tabs 2.5 mg 83
indocin supp 50 mg 59
indomethacin caps 25 mg 59
indomethacin caps 50 mg 59
indomethacin er cpcr 75 mg 59
INDOMETHACIN SODIUM SOLR 1 MG .. 59
INFANRIX SUSP 25-58-10 110
INFLECTRA SOLR 100 MG 101
INFLIXIMAB SOLR 100 MG 101
INGREZZA CAPS 40 MG 72
INGREZZA CAPS 60 MG 72
INGREZZA CAPS 80 MG 72
INGREZZA CPPK 40 & 80 MG 72
INLEXZO IMPL 225 MG 37
INLURIYO TABS 200 MG 37
INLYTA TABS 1 MG 37
INLYTA TABS 5 MG 37
INQOVI TABS 35-100 MG 37
INREBIC CAPS 100 MG 37
INSULIN GLARGINE-YFGN SOLN 100 UNIT/ML 95
INSULIN GLARGINE-YFGN SOPN 100 UNIT/ML 95
INSULIN LISPRO (1 UNIT DIAL) SOPN 100 UNIT/ML 95
INSULIN LISPRO SOLN 100 UNIT/ML 95
INSULIN SYRINGES, NEEDLES MISCELLANEOUS 82
INTELENCE TABS 25 MG 29
INTRALIPID EMUL 20 % 83
INVEGA HAFYERA SUSY 1092 MG/3.5ML 77
INVEGA HAFYERA SUSY 1560 MG/5ML 77
INVEGA SUSTENNA SUSY 117 MG/0.75ML 77
INVEGA SUSTENNA SUSY 156 MG/ML . 77
INVEGA SUSTENNA SUSY 234 MG/1.5ML 77
INVEGA SUSTENNA SUSY 39 MG/0.25ML 77
INVEGA SUSTENNA SUSY 78 MG/0.5ML 77
INVEGA TRINZA SUSY 273 MG/0.88ML . 77
INVEGA TRINZA SUSY 410 MG/1.32ML . 77
INVEGA TRINZA SUSY 546 MG/1.75ML . 77
INVEGA TRINZA SUSY 819 MG/2.63ML . 77
IPOL SUSP 110
ipratropium bromide hfa aers 17 mcg/act . 45

ipratropium bromide soln 0.02 % 45
ipratropium bromide soln 0.03 % 45
ipratropium bromide soln 0.06 % 45
ipratropium-albuterol soln 0.5-2.5 (3) mg/3ml 48
IQIRVO TABS 80 MG 90
irbesartan tabs 150 mg 56
irbesartan tabs 300 mg 57
irbesartan tabs 75 mg 57
irinotecan hcl soln 100 mg/5ml 37
irinotecan hcl soln 40 mg/2ml 37
IRINOTECAN HCL SOLN 500 MG/25ML 37
ISENTRESS CHEW 100 MG 29
ISENTRESS CHEW 25 MG 29
ISENTRESS HD TABS 600 MG 29
ISENTRESS PACK 100 MG 29
ISENTRESS TABS 400 MG 30
ISONIAZID SOLN 100 MG/ML 27
isoniazid syrp 50 mg/5ml 27
isoniazid tabs 100 mg 27
isoniazid tabs 300 mg 27
isosorbide dinitrate tabs 10 mg 57
isosorbide dinitrate tabs 20 mg 57
isosorbide dinitrate tabs 30 mg 57
isosorbide dinitrate tabs 5 mg 58
isosorbide mononitrate er tb24 120 mg 58
isosorbide mononitrate er tb24 30 mg 58
isosorbide mononitrate er tb24 60 mg 58
isosorbide mononitrate tabs 10 mg 58
isosorbide mononitrate tabs 20 mg 58
isotretinoin caps 20 mg 115
isotretinoin caps 30 mg 115
isotretinoin caps 40 mg 115
ITOVEBI TABS 3 MG 37
ITOVEBI TABS 9 MG 37
itraconazole caps 100 mg 27
itraconazole soln 10 mg/ml 27
ivabradine hcl tabs 5 mg 55
ivabradine hcl tabs 7.5 mg 55
ivermectin tabs 3 mg 21
IWILFIN TABS 192 MG 37
IXEMPRA KIT SOLR 45 MG 37
IXIARO SUSP 110

J

JAKAFI TABS 10 MG 37
JAKAFI TABS 15 MG 37
JAKAFI TABS 20 MG 37
JAKAFI TABS 25 MG 37
JAKAFI TABS 5 MG 37
JANUMET TABS 50-1000 MG 95
JANUMET TABS 50-500 MG 95
JANUMET XR TB24 100-1000 MG 95
JANUMET XR TB24 50-1000 MG 95
JANUMET XR TB24 50-500 MG 95
JANUVIA TABS 100 MG 95
JANUVIA TABS 25 MG 95
JANUVIA TABS 50 MG 95
JARDIANCE TABS 10 MG 95
JARDIANCE TABS 25 MG 95
JAYPIRCA TABS 100 MG 37
JAYPIRCA TABS 50 MG 37
jaythari tabs 18 mg 92
jaythari tabs 30 mg 92
jaythari tabs 36 mg 92
jaythari tabs 6 mg 92
JIDEYTRO TABS 100 MG 37
JIDEYTRO TABS 25 MG 37
jinteli tabs 1-5 mg-mcg 97
JULUCA TABS 50-25 MG 30
junel 1.5/30 tabs 1.5-30 mg-mcg 94
junel 1/20 tabs 1-20 mg-mcg 94
junel fe 1.5/30 tabs 1.5-30 mg-mcg 94
junel fe 1/20 tabs 1-20 mg-mcg 94
junel fe 24 tabs 1-20 mg-mcg(24) 94
JYLAMVO SOLN 2 MG/ML 37
JYNNEOS SUSP 0.5 ML 110

K

KADCYLA SOLR 100 MG 37
KADCYLA SOLR 160 MG 37

KALETRA SOLN 400-100 MG/5ML 30
KALYDECO PACK 13.4 MG 106
KALYDECO PACK 25 MG 106
KALYDECO PACK 5.8 MG 106
KALYDECO PACK 50 MG 106
KALYDECO PACK 75 MG 106
KALYDECO TABS 150 MG 106
KCL (0.298%) IN NACL SOLN 40-0.9 MEQ/L-% 84
kcl in dextrose-nacl soln 10-5-0.45 meq/l-%-% 84
KCL IN DEXTROSE-NACL SOLN 20-5-0.2 MEQ/L-%-% 84
kcl in dextrose-nacl soln 20-5-0.45 meq/l-%-% 85
kcl in dextrose-nacl soln 20-5-0.9 meq/l-%-% 85
kcl in dextrose-nacl soln 30-5-0.45 meq/l-%-% 85
kcl in dextrose-nacl soln 40-5-0.45 meq/l-%-% 85
kcl in dextrose-nacl soln 40-5-0.9 meq/l-%-% 85
KCL-LACTATED RINGERS-D5W SOLN 20 MEQ/L 85
kelnor 1/35 tabs 1-35 mg-mcg 94
KENALOG-10 SUSP 10 MG/ML 92
KERENDIA TABS 10 MG 57
KERENDIA TABS 20 MG 57
KESIMPTA SOAJ 20 MG/0.4ML 103
ketoconazole crea 2 % 111
ketoconazole sham 2 % 111
ketoconazole tabs 200 mg 27
KETOPROFEN CAPS 50 MG 59
ketorolac tromethamine +rfid soln 30 mg/ml 59
KETOROLAC TROMETHAMINE SOLN 0.4 % 87
ketorolac tromethamine soln 0.5 % 87
ketorolac tromethamine soln 15 mg/ml 59
ketorolac tromethamine soln 30 mg/ml 59
ketorolac tromethamine soln 60 mg/2ml ... 60
KEYTRUDA QLEX SOLN 395-4800 MG - UNT/2.4ML 37
KEYTRUDA QLEX SOLN 790-9600 MG - UNT/4.8ML 37
KEYTRUDA SOLN 100 MG/4ML 37
KHINDIVI SOLN 1 MG/ML 92
KINERET SOSY 100 MG/0.67ML 101
KINRIX SUSY 0.5 ML 109
KIRSTY SOLN 100 UNIT/ML 95
KIRSTY SOPN 100 UNIT/ML 95
KISQALI (200 MG DOSE) TBPK 200 MG 37
KISQALI (400 MG DOSE) TBPK 200 MG 37
KISQALI (600 MG DOSE) TBPK 200 MG 37
KLISYRI (250 MG) OINT 1 % 115
klor-con 10 tbcr 10 meq 85
klor-con tbcr 8 meq 85
KLOXXADO LIQD 8 MG/0.1ML 73
KOMZIFTI CAPS 200 MG 37
KORLYM TABS 300 MG 95
KOSELUGO CAPS 10 MG 37
KOSELUGO CAPS 25 MG 37
KOSELUGO CPSP 5 MG 37
KOSELUGO CPSP 7.5 MG 37
KRAZATI TABS 200 MG 37
KRINTAFEL TABS 150 MG 28
KYPROLIS SOLR 10 MG 37
KYPROLIS SOLR 30 MG 37
KYPROLIS SOLR 60 MG 37

L

labetalol hcl soln 5 mg/ml 52
labetalol hcl tabs 100 mg 52
labetalol hcl tabs 200 mg 52
labetalol hcl tabs 300 mg 52
lacosamide soln 10 mg/ml 64
lacosamide soln 200 mg/20ml 64
lacosamide tabs 100 mg 64
lacosamide tabs 150 mg 64
lacosamide tabs 200 mg 64

lacosamide tabs 50 mg 64
LACTATED RINGERS SOLN 84, 85, 103
lactulose encephalopathy soln 10 gm/15ml 83
lactulose soln 10 gm/15ml 83
lamivudine soln 10 mg/ml 30
lamivudine tabs 100 mg 30
lamivudine tabs 150 mg 30
lamivudine tabs 300 mg 30
lamivudine-zidovudine tabs 150-300 mg ... 30
lamotrigine chew 25 mg 64
lamotrigine chew 5 mg 64
lamotrigine er tb24 100 mg 64
lamotrigine er tb24 200 mg 64
lamotrigine er tb24 25 mg 65
lamotrigine er tb24 250 mg 65
lamotrigine er tb24 300 mg 65
lamotrigine er tb24 50 mg 65
lamotrigine kit 25 & 50 & 100 mg 65
lamotrigine starter kit-blue kit 35 x 25 mg . 65
lamotrigine starter kit-green kit 84 x 25 mg & 14x100 mg 65
lamotrigine starter kit-orange kit 42 x 25 mg & 7 x 100 mg 65
lamotrigine tabs 100 mg 65
lamotrigine tabs 150 mg 65
lamotrigine tabs 200 mg 65
lamotrigine tabs 25 mg 65
lamotrigine tbdp 100 mg 65
lamotrigine tbdp 200 mg 65
lamotrigine tbdp 25 mg 65
lamotrigine tbdp 50 mg 65
LANOXIN PEDIATRIC SOLN 0.1 MG/ML. 55
LANREOTIDE ACETATE SOLN 120 MG/0.5ML 98
lanthanum carbonate chew 1000 mg 84
lanthanum carbonate chew 500 mg 84
lanthanum carbonate chew 750 mg 84
lapatinib ditosylate tabs 250 mg 37
latanoprost soln 0.005 % 88
LAZCLUZE TABS 240 MG 37
LAZCLUZE TABS 80 MG 37
LEDIPASVIR-SOFOSBUVIR TABS 90-400 MG 30
leflunomide tabs 10 mg 101
leflunomide tabs 20 mg 101
lenalidomide caps 10 mg 37
lenalidomide caps 15 mg 37
lenalidomide caps 2.5 mg 38
lenalidomide caps 20 mg 38
lenalidomide caps 25 mg 38
lenalidomide caps 5 mg 38
LENVIMA (10 MG DAILY DOSE) CPPK 10 MG 38
LENVIMA (12 MG DAILY DOSE) CPPK 3 x 4 MG 38
LENVIMA (14 MG DAILY DOSE) CPPK 10 & 4 MG 38
LENVIMA (18 MG DAILY DOSE) CPPK 10 MG & 2 X 4 MG 38
LENVIMA (20 MG DAILY DOSE) CPPK 2 x 10 MG 38
LENVIMA (24 MG DAILY DOSE) CPPK 2 x 10 MG & 4 MG 38
LENVIMA (4 MG DAILY DOSE) CPPK 4 MG 38
LENVIMA (8 MG DAILY DOSE) CPPK 2 x 4 MG 38
LEQSELVI TABS 8 MG 115
letrozole tabs 2.5 mg 38
leucovorin calcium solr 100 mg 100
leucovorin calcium solr 350 mg 100
leucovorin calcium solr 50 mg 100
leucovorin calcium tabs 10 mg 100
leucovorin calcium tabs 25 mg 100
leucovorin calcium tabs 5 mg 100
LEUKERAN TABS 2 MG 38
LEUKINE SOLR 250 MCG 50
leuprolide acetate kit 1 mg/0.2ml 38
levetiracetam er tb24 500 mg 65
levetiracetam er tb24 750 mg 65
levetiracetam in nacl soln 1000 mg/100ml 65

levetiracetam in nacl soln 1500 mg/100ml 65
levetiracetam in nacl soln 500 mg/100ml .. 65
levetiracetam soln 100 mg/ml 65
levetiracetam soln 500 mg/5ml 65
levetiracetam tabs 1000 mg 65
levetiracetam tabs 250 mg 65
levetiracetam tabs 500 mg 65
levetiracetam tabs 750 mg 65
LEVETIRACETAM TB3D 250 MG 65
LEVETIRACETAM TB3D 500 MG 65
LEVOBUNOLOL HCL SOLN 0.5 % 88
levocarnitine soln 1 gm/10ml 103
levocarnitine tabs 330 mg 103
levocetirizine dihydrochloride soln 2.5 mg/5ml 32
levocetirizine dihydrochloride tabs 5 mg ... 32
levofloxacin in d5w soln 250 mg/50ml 25
levofloxacin in d5w soln 500 mg/100ml 25
levofloxacin in d5w soln 750 mg/150ml 25
LEVOFLOXACIN INTRAVENOUS SOLN 25 MG/ML 25
levofloxacin oral soln 25 mg/ml 25
levofloxacin tabs 250 mg 25
levofloxacin tabs 500 mg 25
levofloxacin tabs 750 mg 25
levonorgestrel tabs 1.5 mg 94
levorphanol tartrate tabs 2 mg 60
levorphanol tartrate tabs 3 mg 60
LEVOTHYROXINE SODIUM SOLR 500 MCG 99
levothyroxine sodium tabs 100 mcg 99
levothyroxine sodium tabs 112 mcg 99
levothyroxine sodium tabs 125 mcg 99
levothyroxine sodium tabs 137 mcg 99
levothyroxine sodium tabs 150 mcg 99
levothyroxine sodium tabs 175 mcg 99
levothyroxine sodium tabs 200 mcg 99
levothyroxine sodium tabs 25 mcg 99
levothyroxine sodium tabs 300 mcg 99
levothyroxine sodium tabs 50 mcg 99
levothyroxine sodium tabs 75 mcg 99
levothyroxine sodium tabs 88 mcg 99
LIBTAYO SOLN 350 MG/7ML 38
LIDOCAINE HCL (CARDIAC) PF SOSY 100 MG/5ML 55
LIDOCAINE HCL (CARDIAC) PF SOSY 50 MG/5ML 55
lidocaine hcl (pf) soln 0.5 % 103
lidocaine hcl (pf) soln 1 % 103
lidocaine hcl (pf) soln 2 % 103
lidocaine hcl (pf) soln 4 % 103
lidocaine hcl soln 0.5 % 103
lidocaine hcl soln 1 % 103
lidocaine hcl soln 2 % 103
lidocaine hcl soln 4 % 114
LIDOCAINE HCL SOLN 4 % 89
lidocaine hcl urethral/mucosal prsy 2 % .. 114
LIDOCAINE IN D5W SOLN 4-5 MG/ML-% 55
lidocaine oint 5 % 114
lidocaine ptch 5 % 114
lidocaine viscous hcl soln 2 % 89
lidocaine-epinephrine (pf) soln 1.5 %-1 200000 103
lidocaine-epinephrine (pf) soln 2 %-1 200000 103
lidocaine-epinephrine soln 0.5 %-1 200000 104
lidocaine-epinephrine soln 1 %-1 100000 104
lidocaine-epinephrine soln 2 %-1 100000 104
lidocaine-prilocaine crea 2.5-2.5 % 114
lidocan ptch 5 % 114
LIFYORLI (125 MG DOSE) CPPK 1 x 25 MG & 1 X 100 MG 38
LIFYORLI (150 MG DOSE) CPPK 2 x 25 MG & 1 X 100 MG 38
linezolid soln 600 mg/300ml 25
linezolid susr 100 mg/5ml 25
linezolid tabs 600 mg 25
LINZESS CAPS 145 MCG 90

LINZESS CAPS 290 MCG....90
LINZESS CAPS 72 MCG....90
liothyronine sodium tabs 25 mcg 99
liothyronine sodium tabs 5 mcg 99
liothyronine sodium tabs 50 mcg 99
liraglutide sopn 18 mg/3ml....95
lisdexamfetamine dimesylate caps 10 mg 62
lisdexamfetamine dimesylate caps 20 mg 62
lisdexamfetamine dimesylate caps 30 mg 62
lisdexamfetamine dimesylate caps 40 mg 62
lisdexamfetamine dimesylate caps 50 mg 62
lisdexamfetamine dimesylate caps 60 mg 62
lisdexamfetamine dimesylate caps 70 mg 62
lisinopril tabs 10 mg....57
lisinopril tabs 2.5 mg....57
lisinopril tabs 20 mg....57
lisinopril tabs 30 mg....57
lisinopril tabs 40 mg....57
lisinopril tabs 5 mg....57
lisinopril-hydrochlorothiazide tabs 10-12.5 mg....57
lisinopril-hydrochlorothiazide tabs 20-12.5 mg....57
lisinopril-hydrochlorothiazide tabs 20-25 mg 57
LITFULO CAPS 50 MG 115
lithium carbonate caps 150 mg....77
lithium carbonate caps 300 mg....77
LITHIUM CARBONATE CAPS 600 MG....78
lithium carbonate er tbcr 300 mg 78
lithium carbonate er tbcr 450 mg 78
LITHIUM CARBONATE TABS 300 MG 78
lithium soln 8 meq/5ml....78
LITHOSTAT TABS 250 MG....83
LIVDELZI CAPS 10 MG....90
LIVMARLI TABS 10 MG 91
LIVMARLI TABS 15 MG 91
LIVMARLI TABS 20 MG 91
LIVMARLI TABS 30 MG 91
LIVTENCITY TABS 200 MG....30
lofexidine hcl tabs 0.18 mg 73
LOKELMA PACK 10 GM 84
LOKELMA PACK 5 GM 84
lomustine caps 10 mg....38
lomustine caps 100 mg....38
lomustine caps 40 mg....38
LONSURF TABS 15-6.14 MG 38
LONSURF TABS 20-8.19 MG 38
lopinavir-ritonavir tabs 100-25 mg 30
lopinavir-ritonavir tabs 200-50 mg 30
lorazepam intensol conc 2 mg/ml....70
LORAZEPAM SOLN 2 MG/ML....70
LORAZEPAM SOLN 4 MG/ML....70
lorazepam tabs 0.5 mg....70
lorazepam tabs 1 mg....70
lorazepam tabs 2 mg....70
LORBRENA TABS 100 MG....38
LORBRENA TABS 25 MG....38
losartan potassium tabs 100 mg....57
losartan potassium tabs 25 mg....57
losartan potassium tabs 50 mg....57
*losartan potassium-hctz tabs 100-12.5 mg*57
losartan potassium-hctz tabs 100-25 mg..57
losartan potassium-hctz tabs 50-12.5 mg.57
lovastatin tabs 10 mg....51
lovastatin tabs 20 mg....51
lovastatin tabs 40 mg....51
loxapine succinate caps 10 mg....78
loxapine succinate caps 25 mg....78
loxapine succinate caps 5 mg....78
loxapine succinate caps 50 mg....78
lubiprostone caps 24 mcg....91
lubiprostone caps 8 mcg....91
LUCENTIS SOSY 0.3 MG/0.05ML 89
LUCENTIS SOSY 0.5 MG/0.05ML 89
LUMAKRAS TABS 120 MG....38
LUMAKRAS TABS 240 MG....38
LUMAKRAS TABS 320 MG....38
LUMIZYME SOLR 50 MG 86
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT 3.75 MG 38

LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT 7.5 MG 38
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT 11.25 MG 38
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT 22.5 MG 38
LUPRON DEPOT (4-MONTH) KIT 30 MG 38
LUPRON DEPOT (6-MONTH) KIT 45 MG 38
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) KIT 11.25 MG 38
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) KIT 15 MG 38
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) KIT 7.5 MG 38
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) KIT 11.25 MG 39
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) KIT 30 MG 39
LUPRON DEPOT-PED (6-MONTH) KIT 45 MG 39
lurasidone hcl tabs 120 mg 78
lurasidone hcl tabs 20 mg 78
lurasidone hcl tabs 40 mg 78
lurasidone hcl tabs 60 mg 78
lurasidone hcl tabs 80 mg 78
LYBALVI TABS 10-10 MG 78
LYBALVI TABS 15-10 MG 78
LYBALVI TABS 20-10 MG 78
LYBALVI TABS 5-10 MG 78
LYNPARZA TABS 100 MG 39
LYNPARZA TABS 150 MG 39
LYSODREN TABS 500 MG 39
LYTGOBI (12 MG DAILY DOSE) TBPK 4 MG 39
LYTGOBI (16 MG DAILY DOSE) TBPK 4 MG 39
LYTGOBI (20 MG DAILY DOSE) TBPK 4 MG 39

M

magnesium sulfate in d5w soln 1-5 gm/100ml-% 85
magnesium sulfate soln 50 % 65
malathion lotn 0.5 % 111
MANNITOL SOLN 20 % 83
MANNITOL SOLN 25 % 83
maraviroc tabs 150 mg 30
maraviroc tabs 300 mg 30
MARPLAN TABS 10 MG 78
MATULANE CAPS 50 MG 39
MAVYRET PACK 50-20 MG 30
MAVYRET TABS 100-40 MG 30
meclizine hcl tabs 25 mg 90
MECLOFENAMATE SODIUM CAPS 100 MG 60
MECLOFENAMATE SODIUM CAPS 50 MG 60
MEDROL TABS 2 MG 92
medroxyprogesterone acetate susp 150 mg/ml 98
MEDROXYPROGESTERONE ACETATE SUSY 150 MG/ML 98
medroxyprogesterone acetate tabs 10 mg 98
medroxyprogesterone acetate tabs 2.5 mg 98
medroxyprogesterone acetate tabs 5 mg . 98
mefenamic acid caps 250 mg 60
mefloquine hcl tabs 250 mg 28
megestrol acetate susp 40 mg/ml 39
megestrol acetate tabs 20 mg 39
megestrol acetate tabs 40 mg 39
MEKINIST SOLR 0.05 MG/ML 39
MEKINIST TABS 0.5 MG 39
MEKINIST TABS 2 MG 39
MEKTOVI TABS 15 MG 39
meloxicam tabs 15 mg 60
meloxicam tabs 7.5 mg 60
melphalan hcl solr 50 mg 39
memantine hcl soln 2 mg/ml 72

memantine hcl tabs 10 mg.....72
MEMANTINE HCL TABS 28 x 5 MG & 21 X 10 MG.....72
memantine hcl tabs 5 mg.....72
MENQUADFI SOLN 0.5 ML.....110
MENVEO SOLR.....110
mercaptopurine susp 2000 mg/100ml.....39
mercaptopurine tabs 50 mg.....39
meropenem solr 1 gm.....25
meropenem solr 500 mg.....25
mesalamine enem 4 gm.....89
mesalamine er cpcr 500 mg.....89
mesalamine supp 1000 mg.....89
mesalamine tbec 1.2 gm.....89
mesna soln 100 mg/ml.....104
mesna tabs 400 mg.....104
METAXALONE TABS 640 MG.....47
metformin hcl er tb24 500 mg.....95
metformin hcl er tb24 750 mg.....95
metformin hcl tabs 1000 mg.....95
metformin hcl tabs 500 mg.....95
metformin hcl tabs 850 mg.....95
methadone hcl conc 10 mg/ml.....60
methadone hcl intensol conc 10 mg/ml.....60
METHADONE HCL SOLN 5 MG/5ML.....60
methadone hcl tabs 10 mg.....60
methadone hcl tabs 5 mg.....60
methazolamide tabs 25 mg.....88
methazolamide tabs 50 mg.....88
methenamine hippurate tabs 1 gm.....32
methergine tabs 0.2 mg.....97
methimazole tabs 10 mg.....99
methimazole tabs 5 mg.....99
METHITEST TABS 10 MG.....93
methocarbamol tabs 500 mg.....47
methocarbamol tabs 750 mg.....47
methotrexate sodium (pf) soln 1 gm/40ml.39
methotrexate sodium (pf) soln 250 mg/10ml.....39
methotrexate sodium (pf) soln 50 mg/2ml.39
METHOTREXATE SODIUM SOLN 250 MG/10ML.....39
METHOTREXATE SODIUM SOLN 50 MG/2ML.....39
methotrexate sodium solr 1 gm.....39
methotrexate sodium tabs 2.5 mg.....39
METHOXSALEN RAPID CAPS 10 MG..115
methsuximide caps 300 mg.....65
*methylergonovine maleate soln 0.2 mg/ml*97
methylergonovine maleate tabs 0.2 mg....97
methylphenidate hcl chew 2.5 mg.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 10 MG.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 20 MG.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 30 MG.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 40 MG.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 50 MG.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (CD) CPCR 60 MG.....62
methylphenidate hcl er (osm) tbcr 18 mg..62
methylphenidate hcl er (osm) tbcr 27 mg..62
methylphenidate hcl er (osm) tbcr 36 mg..62
methylphenidate hcl er (osm) tbcr 54 mg..62
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 10 MG.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 15 MG.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 20 MG.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 30 MG.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 40 MG.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 50 MG.....62
METHYLPHENIDATE HCL ER (XR) CP24 60 MG.....62

methylphenidate hcl er tbcr 10 mg 63
methylphenidate hcl er tbcr 20 mg 63
methylphenidate hcl soln 5 mg/5ml 63
methylphenidate hcl tabs 10 mg 63
methylphenidate hcl tabs 20 mg 63
methylphenidate hcl tabs 5 mg 63
methylprednisolone acetate susp 40 mg/ml 92
methylprednisolone acetate susp 80 mg/ml 92
methylprednisolone sodium succ solr 1000 mg 92
methylprednisolone sodium succ solr 125 mg 92
methylprednisolone sodium succ solr 40 mg 92
methylprednisolone tabs 16 mg 92
methylprednisolone tabs 32 mg 93
methylprednisolone tabs 4 mg 93
methylprednisolone tabs 8 mg 93
methylprednisolone tbpk 4 mg 93
methyltestosterone caps 10 mg 93
metoclopramide hcl +rfid soln 5 mg/ml 91
metoclopramide hcl soln 5 mg/5ml 91
metoclopramide hcl soln 5 mg/ml 91
metoclopramide hcl tabs 10 mg 91
metoclopramide hcl tabs 5 mg 91
metolazone tabs 10 mg 83
metolazone tabs 2.5 mg 83
metolazone tabs 5 mg 83
metoprolol succinate er tb24 100 mg 52
metoprolol succinate er tb24 200 mg 52
metoprolol succinate er tb24 25 mg 52
metoprolol succinate er tb24 50 mg 52
metoprolol tartrate soln 5 mg/5ml 52
metoprolol tartrate tabs 100 mg 52
metoprolol tartrate tabs 25 mg 52
metoprolol tartrate tabs 50 mg 53
metronidazole caps 375 mg 28
metronidazole crea 0.75 % 111
metronidazole gel 0.75 % 111
metronidazole lotn 0.75 % 111
metronidazole soln 500 mg/100ml 28
metronidazole tabs 250 mg 28
metronidazole tabs 500 mg 28
metyrosine caps 250 mg 51
mexiletine hcl caps 150 mg 55
mexiletine hcl caps 200 mg 55
mexiletine hcl caps 250 mg 55
midazolam hcl (pf) +rfid soln 2 mg/2ml 70
midazolam hcl (pf) soln 10 mg/2ml 70
midazolam hcl (pf) soln 2 mg/2ml 70
midazolam hcl (pf) soln 5 mg/ml 70
midazolam hcl soln 10 mg/2ml 70
midazolam hcl soln 2 mg/2ml 70
midazolam hcl soln 25 mg/5ml 70
midazolam hcl soln 5 mg/ml 70
MIDAZOLAM SOAJ 10 MG/0.7ML 65
midodrine hcl tabs 10 mg 48
midodrine hcl tabs 2.5 mg 48
midodrine hcl tabs 5 mg 48
MIEBO SOLN 1.338 GM/ML 89
MIFEPREX TABS 200 MG 97
mifepristone tabs 200 mg 97
mifepristone tabs 300 mg 96
miglustat caps 100 mg 86
milrinone lactate in dextrose soln 20-5 mg/100ml-% 55
milrinone lactate in dextrose soln 40-5 mg/200ml-% 55
milrinone lactate soln 10 mg/10ml 55
minocycline hcl caps 100 mg 25
minocycline hcl caps 50 mg 25
minocycline hcl caps 75 mg 25
minocycline hcl tabs 100 mg 25
minoxidil tabs 10 mg 56
minoxidil tabs 2.5 mg 56
MIPLYFFA CAPS 124 MG 104
MIPLYFFA CAPS 47 MG 104
MIPLYFFA CAPS 62 MG 104
MIPLYFFA CAPS 93 MG 104
mirabegron er tb24 25 mg 116

mirabegron er tb24 50 mg 116
MIRENA (52 MG) IUD 21 MCG/DAY 94
mirtazapine tabs 15 mg 78
mirtazapine tabs 30 mg 78
mirtazapine tabs 45 mg 78
mirtazapine tabs 7.5 mg 78
mirtazapine tbdp 15 mg 78
mirtazapine tbdp 30 mg 78
mirtazapine tbdp 45 mg 78
misoprostol tabs 100 mcg 90
misoprostol tabs 200 mcg 90
mitomycin solr 20 mg 39
mitomycin solr 40 mg 39
mitomycin solr 5 mg 39
mitoxantrone hcl conc 20 mg/10ml 39
mitoxantrone hcl conc 25 mg/12.5ml 39
mitoxantrone hcl conc 30 mg/15ml 39
M-M-R II SOLR 110
modafinil tabs 100 mg 63
modafinil tabs 200 mg 63
MODEYSO CAPS 125 MG 39
MOLINDONE HCL TABS 10 MG 78
MOLINDONE HCL TABS 25 MG 78
MOLINDONE HCL TABS 5 MG 78
mometasone furoate crea 0.1 % 113
mometasone furoate oint 0.1 % 113
mometasone furoate soln 0.1 % 113
mometasone furoate susp 50 mcg/act 87
montelukast sodium chew 4 mg 106
montelukast sodium chew 5 mg 106
montelukast sodium pack 4 mg 106
montelukast sodium tabs 10 mg 106
morphine sulfate (concentrate) soln 100 mg/5ml 60
morphine sulfate er tbcr 100 mg 60
morphine sulfate er tbcr 15 mg 60
morphine sulfate er tbcr 200 mg 60
morphine sulfate er tbcr 30 mg 60
morphine sulfate er tbcr 60 mg 60
morphine sulfate soln 10 mg/5ml 60
MORPHINE SULFATE SOLN 20 MG/5ML 60
morphine sulfate tabs 15 mg 60
morphine sulfate tabs 30 mg 60
MOVANTIK TABS 25 MG 91
MOXIFLOXACIN HCL IN NACL SOLN 400 MG/250ML 25
moxifloxacin hcl soln 0.5 % 87
moxifloxacin hcl tabs 400 mg 25
MRESVIA SUSY 50 MCG/0.5ML 110
MULTAQ TABS 400 MG 55
mupirocin calcium crea 2 % 111
mupirocin oint 2 % 111
mutamycin solr 40 mg 39
mutamycin solr 5 mg 39
MVASI SOLN 100 MG/4ML 39
MVASI SOLN 400 MG/16ML 39
mycophenolate mofetil caps 250 mg 102
mycophenolate mofetil susr 200 mg/ml 102
mycophenolate mofetil tabs 500 mg 102
mycophenolate sodium tbec 180 mg 102
mycophenolate sodium tbec 360 mg 102

N

na sulfate-k sulfate-mg sulf soln 17.5-3.13-1.6 gm/177ml 90
NABI-HB SOLN 312 UNIT/ML 109
nabumetone tabs 500 mg 60
nabumetone tabs 750 mg 60
nadolol tabs 20 mg 53
nadolol tabs 40 mg 53
nadolol tabs 80 mg 53
nafcillin sodium solr 1 gm 25
nafcillin sodium solr 10 gm 25
nafcillin sodium solr 2 gm 25
NAGLAZYME SOLN 1 MG/ML 86
nalbuphine hcl soln 10 mg/ml 60
nalbuphine hcl soln 20 mg/ml 60
NALOXONE HCL SOCT 0.4 MG/ML 73
naloxone hcl soln 0.4 mg/ml 73

naloxone hcl soln 4 mg/10ml 73
naloxone hcl sosy 2 mg/2ml 73
naltrexone hcl tabs 50 mg 73
naproxen susp 125 mg/5ml 60
naproxen tabs 250 mg 60
naproxen tabs 375 mg 60
naproxen tabs 500 mg 60
naproxen tbec 375 mg 60
naratriptan hcl tabs 1 mg 67
naratriptan hcl tabs 2.5 mg 67
NATACYN SUSP 5 % 87
nateglinide tabs 120 mg 96
nateglinide tabs 60 mg 96
NAYZILAM SOLN 5 MG/0.1ML 65
nebivolol hcl tabs 10 mg 53
nebivolol hcl tabs 2.5 mg 53
nebivolol hcl tabs 20 mg 53
nebivolol hcl tabs 5 mg 53
NEFAZODONE HCL TABS 100 MG 78
NEFAZODONE HCL TABS 150 MG 78
NEFAZODONE HCL TABS 200 MG 78
NEFAZODONE HCL TABS 250 MG 78
NEFAZODONE HCL TABS 50 MG 78
nelarabine soln 5 mg/ml 39
NEMLUVIO AUIJ 30 MG 113
neomycin sulfate tabs 500 mg 25
NEOMYCIN-BACITRACIN ZN-POLYMYX OINT 5-400-10000 87
NEOMYCIN-POLYMYXIN B GU SOLN 40-200000 111
neomycin-polymyxin-dexameth oint 3.5-10000-0.1 88
neomycin-polymyxin-dexameth susp 3.5-10000-0.1 88
NEOMYCIN-POLYMYXIN-GRAMICIDIN SOLN 1.75-10000-.025 87
NEOMYCIN-POLYMYXIN-HC OPHTHALMIC SUSP 3.5-10000-1 88
neomycin-polymyxin-hc otic susp 3.5-10000-1 88
neomycin-polymyxin-hc soln 1 % 88
NERLYNX TABS 40 MG 39
nevirapine er tb24 400 mg 30
NEVIRAPINE SUSP 50 MG/5ML 30
nevirapine tabs 200 mg 30
NEXLETOL TABS 180 MG 51
NEXLIZET TABS 180-10 MG 51
NEXPLANON IMPL 68 MG 94
niacin er (antihyperlipidemic) tbcr 500 mg 51
NIACOR TABS 500 MG 51
NICARDIPINE HCL SOLN 2.5 MG/ML 54
nicotine dis 14mg/24h 45
nicotine dis 21mg/24h 45
nicotine polacrilex gum 2 mg 45
nicotine polacrilex gum 4 mg 45
nicotine pt24 7 mg/24hr 45
NICOTROL NS SOLN 10 MG/ML 45
nifedipine caps 10 mg 54
nifedipine caps 20 mg 54
nifedipine er osmotic release tb24 30 mg . 54
nifedipine er osmotic release tb24 60 mg . 54
nifedipine er osmotic release tb24 90 mg . 54
nifedipine er tb24 30 mg 54
nifedipine er tb24 60 mg 54
nifedipine er tb24 90 mg 54
nikki tabs 3-0.02 mg 94
NILOTINIB D-TARTRATE CAPS 150 MG 39
NILOTINIB D-TARTRATE CAPS 200 MG 40
NILOTINIB D-TARTRATE CAPS 50 MG .. 40
nilotinib hcl caps 150 mg 40
nilotinib hcl caps 200 mg 40
nilotinib hcl caps 50 mg 40
NILUTAMIDE TABS 150 MG 40
nimodipine caps 30 mg 54
NIMODIPINE SOLN 60 MG/20ML 54
NINLARO CAPS 2.3 MG 40
NINLARO CAPS 3 MG 40
NINLARO CAPS 4 MG 40
nintedanib esylate caps 100 mg 107
nintedanib esylate caps 150 mg 107
nitazoxanide tabs 500 mg 28
nitro-bid oint 2 % 58

NITRO-DUR PT24 0.3 MG/HR 58
NITRO-DUR PT24 0.8 MG/HR 58
nitrofurantoin macrocrystal caps 100 mg 32
nitrofurantoin macrocrystal caps 25 mg 32
nitrofurantoin macrocrystal caps 50 mg 32
nitrofurantoin monohyd macro caps 100 mg 32
nitrofurantoin susp 25 mg/5ml 32
NITROFURANTOIN SUSP 50 MG/5ML 32
nitroglycerin oint 0.4 % 115
nitroglycerin pt24 0.1 mg/hr 58
nitroglycerin pt24 0.2 mg/hr 58
nitroglycerin pt24 0.4 mg/hr 58
nitroglycerin pt24 0.6 mg/hr 58
nitroglycerin soln 0.4 mg/spray 58
NITROGLYCERIN SOLN 5 MG/ML 58
nitroglycerin subl 0.3 mg 58
nitroglycerin subl 0.4 mg 58
nitroglycerin subl 0.6 mg 58
nitroprusside sodium soln 25 mg/ml 56
NIVESTYM SOLN 300 MCG/ML 50
NIVESTYM SOLN 480 MCG/1.6ML 50
NIVESTYM SOSY 300 MCG/0.5ML 50
NIVESTYM SOSY 480 MCG/0.8ML 50
NORA-BE TABS 0.35 MG 94
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 10 MG/1.5ML 98
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 15 MG/1.5ML 98
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML 98
norepinephrine bitartrate soln 1 mg/ml 48
norethin ace-eth estrad-fe chew 1-20 mg-mcg(24) 94
norethindrone acetate tabs 5 mg 98
norethindrone tabs 0.35 mg 94
NORPACE CR CP12 100 MG 55
NORPACE CR CP12 150 MG 55
nortrel 0.5/35 (28) tabs 0.5-35 mg-mcg 94
nortrel 1/35 (21) tabs 1-35 mg-mcg 94
nortrel 1/35 (28) tabs 1-35 mg-mcg 94
nortrel 7/7/7 tabs 0.5/0.75/1-35 mg-mcg 94
nortriptyline hcl caps 10 mg 78
nortriptyline hcl caps 25 mg 78
nortriptyline hcl caps 50 mg 78
nortriptyline hcl caps 75 mg 78
nortriptyline hcl soln 10 mg/5ml 78
NORVIR PACK 100 MG 30
NOURIANZ TABS 20 MG 72
NOURIANZ TABS 40 MG 72
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN 100 UNIT/ML 96
NUBEQA TABS 300 MG 40
NUCALA SOAJ 100 MG/ML 106
NUCALA SOSY 100 MG/ML 106
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML 106
NUEDEXTA CAPS 20-10 MG 72
NUPLAZID CAPS 34 MG 78
NUPLAZID TABS 10 MG 78
NURTEC TBDP 75 MG 67
NUZYRA TABS 150 MG 25
nystatin crea 100000 unit/gm 111
nystatin oint 100000 unit/gm 111
nystatin powd 100000 unit/gm 111
nystatin susp 100000 unit/ml 27
nystatin tabs 500000 unit 27
nystatin-triamcinolone crea 100000-0.1 unit/gm-% 113
nystatin-triamcinolone oint 100000-0.1 unit/gm-% 113
nystop powd 100000 unit/gm 111

O

OCREVUS ZUNOVO SOLN 920-23000 MG-UT/23ML 72
octreotide acetate kit 10 mg 98
octreotide acetate kit 20 mg 98
octreotide acetate kit 30 mg 98
octreotide acetate soln 100 mcg/ml 98
octreotide acetate soln 1000 mcg/ml 99
octreotide acetate soln 200 mcg/ml 99

octreotide acetate soln 50 mcg/ml 99
octreotide acetate soln 500 mcg/ml 99
ODACTRA SUBL 12 SQ-HDM 104
ODEFSEY TABS 200-25-25 MG 30
ODOMZO CAPS 200 MG 40
OFEV CAPS 100 MG 107
OFEV CAPS 150 MG 107
ofloxacin ophthalmic soln 0.3 % 87
ofloxacin otic soln 0.3 % 87
OGSIVEO TABS 100 MG 40
OGSIVEO TABS 150 MG 40
OGSIVEO TABS 50 MG 40
OHTUVAYRE SUSP 3 MG/2.5ML 107
OJEMDA SUSR 25 MG/ML 40
OJEMDA TABS 100 MG 40
OJJAARA TABS 100 MG 40
OJJAARA TABS 150 MG 40
OJJAARA TABS 200 MG 40
olanzapine solr 10 mg 78
olanzapine tabs 10 mg 78
olanzapine tabs 15 mg 78
olanzapine tabs 2.5 mg 78
olanzapine tabs 20 mg 79
olanzapine tabs 5 mg 79
olanzapine tabs 7.5 mg 79
olanzapine tbdp 10 mg 79
olanzapine tbdp 15 mg 79
olanzapine tbdp 20 mg 79
olanzapine tbdp 5 mg 79
olanzapine-fluoxetine hcl caps 12-25 mg 79
olanzapine-fluoxetine hcl caps 12-50 mg 79
olanzapine-fluoxetine hcl caps 3-25 mg 79
olanzapine-fluoxetine hcl caps 6-25 mg 79
olanzapine-fluoxetine hcl caps 6-50 mg 79
OLUMIANT TABS 1 MG 101
OLUMIANT TABS 2 MG 101
omega-3-acid ethyl esters caps 1 gm 51
omeprazole cpdr 10 mg 90
omeprazole cpdr 20 mg 90
omeprazole cpdr 40 mg 90
OMNITROPE SOCT 10 MG/1.5ML 99
OMNITROPE SOCT 5 MG/1.5ML 99
OMNITROPE SOLR 5.8 MG 99
ondansetron hcl +rfid soln 4 mg/2ml 90
ondansetron hcl soln 4 mg/2ml 90
ondansetron hcl soln 4 mg/5ml 90
ondansetron hcl soln 40 mg/20ml 90
ondansetron hcl tabs 4 mg 90
ondansetron hcl tabs 8 mg 90
ondansetron tbdp 4 mg 90
ondansetron tbdp 8 mg 90
ONUREG TABS 200 MG 40
ONUREG TABS 300 MG 40
OPDIVO QVANTIG SOLN 600-10000 MG-UT/5ML 40
OPDIVO SOLN 100 MG/10ML 40
OPDIVO SOLN 40 MG/4ML 40
OPIPZA FILM 10 MG 79
OPIPZA FILM 2 MG 79
OPIPZA FILM 5 MG 79
OPSYNVI TABS 10-20 MG 108
OPSYNVI TABS 10-40 MG 108
OPZELURA CREA 1.5 % 115
ORENCIA CLICKJECT SOAJ 125 MG/ML 101
ORENCIA SOLR 250 MG 101
ORENCIA SOSY 125 MG/ML 101
ORENCIA SOSY 50 MG/0.4ML 101
ORENCIA SOSY 87.5 MG/0.7ML 101
ORGOVYX TABS 120 MG 97
ORILISSA TABS 150 MG 97
ORILISSA TABS 200 MG 97
ORKAMBI PACK 100-125 MG 106
ORKAMBI PACK 150-188 MG 106
ORKAMBI PACK 75-94 MG 106
ORKAMBI TABS 100-125 MG 106
ORKAMBI TABS 200-125 MG 106
ORLYNVAH TABS 500-500 MG 32
ORSERDU TABS 345 MG 40
ORSERDU TABS 86 MG 40
oseltamivir phosphate caps 30 mg 30
oseltamivir phosphate caps 45 mg 30

oseltamivir phosphate caps 75 mg 30
oseltamivir phosphate susr 6 mg/ml 30
OSENVELT SOLN 120 MG/1.7ML 100
OSMITROL SOLN 20 % 84
OTEZLA TABS 20 MG 101
OTEZLA TABS 30 MG 101
OTEZLA TBPK 10 & 20 & 30 MG 101
OTEZLA TBPK 4 x 10 & 51 x20 MG 101
OTEZLA XR TB24 75 MG 101
OTEZLA/OTEZLA XR INITIATION PK TBPK 10&20&30&(ER)75 MG 101
OXACILLIN SODIUM IN DEXTROSE SOLN 2 GM/50ML 25
oxaliplatin soln 100 mg/20ml 40
oxaliplatin soln 50 mg/10ml 40
oxazepam caps 10 mg 70
oxazepam caps 15 mg 70
oxazepam caps 30 mg 70
oxcarbazepine susp 300 mg/5ml 65
oxcarbazepine tabs 150 mg 65
oxcarbazepine tabs 300 mg 65
oxcarbazepine tabs 600 mg 65
oxybutynin chloride er tb24 10 mg 116
oxybutynin chloride er tb24 15 mg 116
oxybutynin chloride er tb24 5 mg 116
oxybutynin chloride soln 5 mg/5ml 116
oxybutynin chloride tabs 5 mg 116
oxycodone hcl conc 100 mg/5ml 60
oxycodone hcl soln 5 mg/5ml 60
oxycodone hcl tabs 10 mg 60
oxycodone hcl tabs 15 mg 60
oxycodone hcl tabs 20 mg 60
oxycodone hcl tabs 30 mg 60
oxycodone hcl tabs 5 mg 60
oxycodone-acetaminophen tabs 10-325 mg 60
oxycodone-acetaminophen tabs 5-325 mg 60
oxycodone-acetaminophen tabs 7.5-325 mg 61
OXYTOCIN SOLN 10 UNIT/ML 97
OZEMPIC (0.25 OR 0.5 MG/DOSE) SOPN 2 MG/3ML 96
OZEMPIC (1 MG/DOSE) SOPN 4 MG/3ML 96
OZEMPIC (2 MG/DOSE) SOPN 8 MG/3ML 96
OZEMPIC TABS 1.5 MG 96
OZEMPIC TABS 4 MG 96
OZEMPIC TABS 9 MG 96

P

paclitaxel conc 100 mg/16.7ml 40
PACLITAXEL CONC 150 MG/25ML 40
paclitaxel conc 30 mg/5ml 40
paclitaxel conc 300 mg/50ml 40
PACLITAXEL PROTEIN-BOUND PART SUSR 100 MG 40
PADCEV SOLR 20 MG 40
PADCEV SOLR 30 MG 40
PALFORZIA (12 MG DAILY DOSE) CSPK 2 x 1 MG & 10 MG 104
PALFORZIA (120 MG DAILY DOSE) CSPK 20 MG & 100 MG 104
PALFORZIA (160 MG DAILY DOSE) CSPK 3 x 20 MG & 100 MG 104
PALFORZIA (20 MG DAILY DOSE) CSPK 20 MG 104
PALFORZIA (200 MG DAILY DOSE) CSPK 2 x 100 MG 104
PALFORZIA (240 MG DAILY DOSE) CSPK 2 x 20 MG & 2 X 100 MG 104
PALFORZIA (3 MG DAILY DOSE) CSPK 3 x 1 MG 104
PALFORZIA (300 MG MAINTENANCE) PACK 300 MG 104
PALFORZIA (300 MG TITRATION) PACK 300 MG 104
PALFORZIA (40 MG DAILY DOSE) CSPK 2 x 20 MG 104

PALFORZIA (6 MG DAILY DOSE) CSPK 6 x 1 MG 104
PALFORZIA (80 MG DAILY DOSE) CSPK 4 x 20 MG 104
PALFORZIA INITIAL ESCALATION CSPK 0.5 & 1 & 1.5 & 3 & 6 MG 104
paliperidone er tb24 1.5 mg 79
paliperidone er tb24 3 mg 79
paliperidone er tb24 6 mg 79
paliperidone er tb24 9 mg 79
PALYNZIQ SOSY 10 MG/0.5ML 86
PALYNZIQ SOSY 2.5 MG/0.5ML 86
PALYNZIQ SOSY 20 MG/ML 86
pamidronate disodium soln 90 mg/10ml . 100
PANRETIN GEL 0.1 % 114
PANTOPRAZOLE SODIUM SOLR 40 MG 90
pantoprazole sodium tbec 20 mg 90
pantoprazole sodium tbec 40 mg 90
paroxetine hcl er tb24 12.5 mg 79
paroxetine hcl er tb24 25 mg 79
paroxetine hcl er tb24 37.5 mg 79
PAROXETINE HCL SUSP 10 MG/5ML 79
paroxetine hcl tabs 10 mg 79
paroxetine hcl tabs 20 mg 79
paroxetine hcl tabs 30 mg 79
paroxetine hcl tabs 40 mg 79
paroxetine mesylate caps 7.5 mg 79
PAVBLU SOLN 2 MG/0.05ML 89
PAVBLU SOSY 2 MG/0.05ML 89
PAXLOVID (150/100) TBPK 10 x 150 MG & 10 X 100MG 30
PAXLOVID (300/100 & 150/100) TBPK 6 x 150 MG & 5 X 100MG 30
PAXLOVID (300/100) TBPK 20 x 150 MG & 10 X 100MG 30
pazopanib hcl tabs 200 mg 40
PAZOPANIB HCL TABS 400 MG 40
PEDIARIX SUSY 110
PEDVAXHIB SUSP 7.5 MCG/0.5ML 110
peg 3350-kcl-na bicarb-nacl solr 420 gm .. 90
PEG-3350/ELECTROLYTES SOLR 236 GM 90
PEGASYS SOLN 180 MCG/ML 30
PEGASYS SOSY 180 MCG/0.5ML 30
PEMAZYRE TABS 13.5 MG 40
PEMAZYRE TABS 4.5 MG 40
PEMAZYRE TABS 9 MG 40
PEMETREXED DISODIUM SOLN 1 GM/40ML 40
PEMETREXED DISODIUM SOLN 100 MG/4ML 41
PEMETREXED DISODIUM SOLN 500 MG/20ML 41
PENBRAYA SUSR 110
penicillamine caps 250 mg 91
penicillin g potassium solr 20000000 unit . 25
PENICILLIN G SODIUM SOLR 5000000 UNIT 25
PENICILLIN V POTASSIUM SOLR 125 MG/5ML 25
PENICILLIN V POTASSIUM SOLR 250 MG/5ML 25
penicillin v potassium tabs 250 mg 25
penicillin v potassium tabs 500 mg 25
PENMENVY SUSR 110
PENTACEL SUSR 110
pentamidine isethionate solr inhalation 300 mg 28
pentamidine isethionate solr injection 300 mg 28
PENTASA CPCR 250 MG 89
PENTASA CPCR 500 MG 89
pentoxifylline er tbcr 400 mg 49
perampanel susp 0.5 mg/ml 65
perampanel tabs 10 mg 65
perampanel tabs 12 mg 65
perampanel tabs 2 mg 65
perampanel tabs 4 mg 65
perampanel tabs 6 mg 65
perampanel tabs 8 mg 65
PERJETA SOLN 420 MG/14ML 41

permethrin crea 5 % 111
perphenazine tabs 16 mg 79
perphenazine tabs 2 mg 79
perphenazine tabs 4 mg 79
perphenazine tabs 8 mg 79
PERPHENAZINE-AMITRIPTYLINE TABS 2-10 MG 79
PERPHENAZINE-AMITRIPTYLINE TABS 2-25 MG 79
PERPHENAZINE-AMITRIPTYLINE TABS 4-10 MG 79
PERPHENAZINE-AMITRIPTYLINE TABS 4-25 MG 79
PERPHENAZINE-AMITRIPTYLINE TABS 4-50 MG 79
PERSERIS PRSY 120 MG 79
PERSERIS PRSY 90 MG 79
PHENELZINE SULFATE TABS 15 MG 79
PHENOBARBITAL ELIX 20 MG/5ML 70
PHENOBARBITAL SODIUM SOLN 130 MG/ML 70
PHENOBARBITAL SODIUM SOLN 65 MG/ML 70
PHENOBARBITAL TABS 100 MG 71
PHENOBARBITAL TABS 15 MG 71
PHENOBARBITAL TABS 16.2 MG 71
PHENOBARBITAL TABS 30 MG 71
PHENOBARBITAL TABS 32.4 MG 71
PHENOBARBITAL TABS 60 MG 71
PHENOBARBITAL TABS 64.8 MG 71
PHENOBARBITAL TABS 97.2 MG 71
phenoxybenzamine hcl caps 10 mg 47
PHENYLEPHRINE HCL SOLN 10 % 89
phenylephrine hcl soln 2.5 % 89
phenytek caps 200 mg 66
phenytek caps 300 mg 66
phenytoin chew 50 mg 66
phenytoin sodium extended caps 100 mg 66
phenytoin sodium extended caps 200 mg 66
phenytoin sodium extended caps 300 mg 66
phenytoin sodium soln 50 mg/ml 66
phenytoin susp 125 mg/5ml 66
PHESGO SOLN 60-60-2000 MG-MG-U/ML 41
PHESGO SOLN 80-40-2000 MG-MG-U/ML 41
PHOSPHOLINE IODIDE SOLR 0.125 % 88
PIFELTRO TABS 100 MG 30
pilocarpine hcl soln 1 % 88
pilocarpine hcl soln 2 % 88
pilocarpine hcl soln 4 % 88
pilocarpine hcl tabs 5 mg 46
PIMECROLIMUS CREA 1 % 115
pimozide tabs 1 mg 79
pimozide tabs 2 mg 79
pioglitazone hcl tabs 15 mg 96
pioglitazone hcl tabs 30 mg 96
pioglitazone hcl tabs 45 mg 96
piperacillin sod-tazobactam so solr 2.25 (2-0.25) gm 25
piperacillin sod-tazobactam so solr 3.375 (3-0.375) gm 25
piperacillin sod-tazobactam so solr 4.5 (4-0.5) gm 25
piperacillin sod-tazobactam so solr 40.5 (36-4.5) gm 25
PIQRAY (200 MG DAILY DOSE) TBPK 200 MG 41
PIQRAY (250 MG DAILY DOSE) TBPK 200 & 50 MG 41
PIQRAY (300 MG DAILY DOSE) TBPK 2 x 150 MG 41
pirfenidone tabs 267 mg 107
PIRFENIDONE TABS 534 MG 107
pirfenidone tabs 801 mg 107
piroxicam caps 10 mg 61
piroxicam caps 20 mg 61
plenamine soln 15 % 83
PLERIXAFOR SOLN 24 MG/1.2ML 50
PODOFILOX SOLN 0.5 % 115
POLOCAINE-MPF SOLN 1 % 104
POLOCAINE-MPF SOLN 2 % 104

polymyxin b-trimethoprim soln 10000-0.1 unit/ml-% 87
pomalidomide caps 1 mg 41
pomalidomide caps 2 mg 41
pomalidomide caps 3 mg 41
pomalidomide caps 4 mg 41
POMALYST CAPS 1 MG 41
POMALYST CAPS 2 MG 41
POMALYST CAPS 3 MG 41
POMALYST CAPS 4 MG 41
portia-28 tabs 0.15-30 mg-mcg 94
posaconazole susp 40 mg/ml 27
posaconazole tbec 100 mg 27
POTASSIUM ACETATE SOLN 2 MEQ/ML 85
potassium chloride crys er tbcr 10 meq 85
potassium chloride crys er tbcr 20 meq 85
potassium chloride er cpcr 10 meq 85
potassium chloride er cpcr 8 meq 85
potassium chloride er tbcr 10 meq 85
potassium chloride er tbcr 20 meq 85
potassium chloride er tbcr 8 meq 85
potassium chloride in nacl soln 20-0.9 meq/l-% 85
potassium chloride in nacl soln 40-0.9 meq/l-% 85
potassium chloride pack 20 meq 85
POTASSIUM CHLORIDE SOLN 10 MEQ/100ML 85
potassium chloride soln 2 meq/ml 85
POTASSIUM CHLORIDE SOLN 20 MEQ/100ML 85
potassium chloride soln 20 meq/15ml (10%) 85
potassium chloride soln 40 meq/15ml (20%) 85
potassium citrate er tbcr 10 meq (1080 mg) 82
potassium citrate er tbcr 15 meq (1620 mg) 82
potassium citrate er tbcr 5 meq (540 mg) 82
potassium cl in dextrose 5% soln 20 meq/l 85
potassium phosphates(66 meq k) soln 45 mmole/15ml 85
pramipexole dihydrochloride tabs 0.125 mg 69
pramipexole dihydrochloride tabs 0.25 mg 69
pramipexole dihydrochloride tabs 0.5 mg 69
pramipexole dihydrochloride tabs 0.75 mg 69
pramipexole dihydrochloride tabs 1 mg 69
pramipexole dihydrochloride tabs 1.5 mg 69
prasugrel hcl tabs 10 mg 49
prasugrel hcl tabs 5 mg 49
pravastatin sodium tabs 10 mg 51
pravastatin sodium tabs 20 mg 51
pravastatin sodium tabs 40 mg 51
pravastatin sodium tabs 80 mg 52
praziquantel tabs 600 mg 21
prazosin hcl caps 1 mg 51
prazosin hcl caps 2 mg 51
prazosin hcl caps 5 mg 51
PRED MILD SUSP 0.12 % 88
prednisolone acetate susp 1 % 88
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE SOLN 1 % 88
prednisolone sodium phosphate soln 15 mg/5ml 93
prednisolone sodium phosphate soln 5 mg/5ml 93
prednisolone soln 15 mg/5ml 93
prednisolone tabs 5 mg 93
PREDNISONE INTENSOL CONC 5 MG/ML 93
PREDNISONE SOLN 5 MG/5ML 93
prednisone tabs 1 mg 93
prednisone tabs 10 mg 93
prednisone tabs 2.5 mg 93
prednisone tabs 20 mg 93
prednisone tabs 5 mg 93
prednisone tabs 50 mg 93
prednisone tbpk 10 mg (21) 93

prednisone tbpk 10 mg (48) 93
prednisone tbpk 5 mg (21) 93
prednisone tbpk 5 mg (48) 93
pregabalin caps 100 mg 66
pregabalin caps 150 mg 66
pregabalin caps 200 mg 66
pregabalin caps 225 mg 66
pregabalin caps 25 mg 66
pregabalin caps 300 mg 66
pregabalin caps 50 mg 66
pregabalin caps 75 mg 66
pregabalin soln 20 mg/ml 66
PREMARIN SOLR 25 MG 97
PREMASOL SOLN 10 % 83
PRENATAL TABS 27-1 MG 116
PRETOMANID TABS 200 MG 27
prevalite pack 4 gm 52
prevalite powd 4 gm/dose 52
PREVYMIS PACK 120 MG 30
PREVYMIS SOLN 240 MG/12ML 30
PREVYMIS SOLN 480 MG/24ML 30
PREVYMIS TABS 240 MG 30
PREVYMIS TABS 480 MG 30
PREZCOBIX TABS 675-150 MG 30
PREZCOBIX TABS 800-150 MG 30
PREZISTA SUSP 100 MG/ML 30
PREZISTA TABS 150 MG 30
PREZISTA TABS 75 MG 30
PRIFTIN TABS 150 MG 27
PRIMAQUINE PHOSPHATE TABS 26.3 (15 Base) MG 28
PRIMIDONE TABS 125 MG 66
primidone tabs 250 mg 66
primidone tabs 50 mg 66
PRIORIX SUSR 110
probenecid tabs 500 mg 86
procainamide hcl soln 100 mg/ml 55
procainamide hcl soln 500 mg/ml 55
prochlorperazine edisylate soln 10 mg/2ml 79
prochlorperazine maleate tabs 10 mg 80
prochlorperazine maleate tabs 5 mg 80
prochlorperazine supp 25 mg 80
PROCRIT SOLN 10000 UNIT/ML 50
PROCRIT SOLN 2000 UNIT/ML 50
PROCRIT SOLN 20000 UNIT/ML 50
PROCRIT SOLN 3000 UNIT/ML 50
PROCRIT SOLN 4000 UNIT/ML 50
PROCRIT SOLN 40000 UNIT/ML 50
PROCTOFOAM HC FOAM 1-1 % 114
proctozone-hc crea 2.5 % 113
progesterone caps 100 mg 98
progesterone caps 200 mg 98
PROGESTERONE INST 100 MG 98
progesterone oil 50 mg/ml 98
PROGRAF PACK 0.2 MG 102
PROGRAF PACK 1 MG 102
PROGRAF SOLN 5 MG/ML 102
promethazine hcl soln 6.25 mg/5ml 32
promethazine hcl tabs 12.5 mg 32
promethazine hcl tabs 25 mg 32
promethazine hcl tabs 50 mg 32
promethegan supp 12.5 mg 32
promethegan supp 25 mg 32
propafenone hcl tabs 150 mg 55
propafenone hcl tabs 225 mg 55
propafenone hcl tabs 300 mg 55
proparacaine hcl soln 0.5 % 89
propranolol hcl er cp24 120 mg 53
propranolol hcl er cp24 160 mg 53
propranolol hcl er cp24 60 mg 53
propranolol hcl er cp24 80 mg 53
propranolol hcl soln 1 mg/ml 53
propranolol hcl soln 20 mg/5ml 53
PROPRANOLOL HCL SOLN 40 MG/5ML 53
propranolol hcl tabs 10 mg 53
propranolol hcl tabs 20 mg 53
propranolol hcl tabs 40 mg 53
propranolol hcl tabs 60 mg 53
propranolol hcl tabs 80 mg 53
propylthiouracil tabs 50 mg 100
PROQUAD SUSR 110

protriptyline hcl tabs 10 mg.....80
protriptyline hcl tabs 5 mg.....80
prucalopride succinate tabs 1 mg.....91
prucalopride succinate tabs 2 mg.....91
PULMICORT FLEXHALER AEPB 180 MCG/ACT.....107
PULMOZYME SOLN 2.5 MG/2.5ML.....86
pyrazinamide tabs 500 mg.....27
pyridostigmine bromide er tbcr 180 mg.....46
pyridostigmine bromide soln 60 mg/5ml.....46
pyridostigmine bromide tabs 60 mg.....46
pyrimethamine tabs 25 mg.....28
PYRUKYND TABS 20 MG.....104
PYRUKYND TABS 5 MG.....104
PYRUKYND TABS 50 MG.....104
PYRUKYND TAPER PACK TBPK 5 MG 104
PYRUKYND TAPER PACK TBPK 7 x 20 MG & 7 X 5 MG.....104
PYRUKYND TAPER PACK TBPK 7 x 50 MG & 7 X 20 MG.....104

Q

QALSODY SOLN 100 MG/15ML.....72
QINLOCK TABS 50 MG 41
QUADRACEL SUSP.....109
QUADRACEL SUSY 0.5 ML.....109
quetiapine fumarate er tb24 150 mg.....80
quetiapine fumarate er tb24 200 mg.....80
quetiapine fumarate er tb24 300 mg.....80
quetiapine fumarate er tb24 400 mg.....80
quetiapine fumarate er tb24 50 mg.....80
quetiapine fumarate tabs 100 mg 80
QUETIAPINE FUMARATE TABS 150 MG80
quetiapine fumarate tabs 200 mg 80
quetiapine fumarate tabs 25 mg 80
quetiapine fumarate tabs 300 mg 80
quetiapine fumarate tabs 400 mg 80
quetiapine fumarate tabs 50 mg 80
quinidine gluconate er tbcr 324 mg.....55
QUINIDINE SULFATE TABS 200 MG 55
QUINIDINE SULFATE TABS 300 MG.....56
quinine sulfate caps 324 mg.....28
QULIPTA TABS 10 MG.....67
QULIPTA TABS 30 MG.....67
QULIPTA TABS 60 MG.....67

R

RABAVERT SUSR 110
RADIAURA CREA 3-0.5 %.....113
RADICAVA ORS STARTER KIT SUSP 105 MG/5ML 72
RADICAVA ORS SUSP 105 MG/5ML 72
RALDESY SOLN 10 MG/ML 80
raloxifene hcl tabs 60 mg.....97
ramipril caps 1.25 mg 57
ramipril caps 10 mg 57
ramipril caps 2.5 mg 57
ramipril caps 5 mg 57
ranolazine er tb12 1000 mg.....56
ranolazine er tb12 500 mg.....56
rasagiline mesylate tabs 0.5 mg 69
rasagiline mesylate tabs 1 mg 69
RASONQUE TABS 100 MG.....41
RASONQUE TABS 150 MG.....41
RASUVO SOAJ 10 MG/0.2ML 101
RASUVO SOAJ 12.5 MG/0.25ML 101
RASUVO SOAJ 15 MG/0.3ML 101
RASUVO SOAJ 17.5 MG/0.35ML 101
RASUVO SOAJ 20 MG/0.4ML 101
RASUVO SOAJ 22.5 MG/0.45ML 101
RASUVO SOAJ 25 MG/0.5ML 101
RASUVO SOAJ 30 MG/0.6ML 101
RASUVO SOAJ 7.5 MG/0.15ML 101
RAYALDEE CPCR 30 MCG.....116
REBIF REBIDOSE SOAJ 22 MCG/0.5ML 72
REBIF REBIDOSE SOAJ 44 MCG/0.5ML 72
REBIF REBIDOSE TITRATION PACK SOAJ 6X8.8 & 6X22 MCG 72
REBIF TITRATION PACK SOSY 6X8.8 & 6X22 MCG 72

reclipsen tabs 0.15-30 mg-mcg 94
RECOMBIVAX HB SUSP 10 MCG/ML ... 110
RECOMBIVAX HB SUSP 40 MCG/ML ... 110
RECOMBIVAX HB SUSP 5 MCG/0.5ML 110
RECOMBIVAX HB SUSY 10 MCG/ML ... 110
RECOMBIVAX HB SUSY 5 MCG/0.5ML 110
REGONOL SOLN 10 MG/2ML 46
RELENZA DISKHALER AEPB 5 MG/ACT 31
RELISTOR SOLN 12 MG/0.6ML 91
RELISTOR SOSY 12 MG/0.6ML 91
repaglinide tabs 0.5 mg 96
repaglinide tabs 1 mg 96
repaglinide tabs 2 mg 96
REPATHA SURECLICK SOAJ 140 MG/ML 52
RETACRIT SOLN 20000 UNIT/ML 50
RETEVMO TABS 120 MG 41
RETEVMO TABS 160 MG 41
RETEVMO TABS 40 MG 41
RETEVMO TABS 80 MG 41
RETIN-A CREA 0.025 % 114
RETIN-A CREA 0.05 % 114
RETIN-A CREA 0.1 % 114
RETIN-A GEL 0.01 % 114
RETIN-A GEL 0.025 % 114
RETISERT IMPL 0.59 MG 88
RETROVIR SOLN 10 MG/ML 31
REVCOVI SOLN 2.4 MG/1.5ML 86
REVUFORJ TABS 110 MG 41
REVUFORJ TABS 160 MG 41
REVUFORJ TABS 25 MG 41
REXULTI TABS 0.25 MG 80
REXULTI TABS 0.5 MG 80
REXULTI TABS 1 MG 80
REXULTI TABS 2 MG 80
REXULTI TABS 3 MG 80
REXULTI TABS 4 MG 80
REYATAZ PACK 50 MG 31
REZDIFFRA TABS 100 MG 91
REZDIFFRA TABS 60 MG 91
REZDIFFRA TABS 80 MG 91
REZLIDHIA CAPS 150 MG 41
REZUROCK TABS 200 MG 104
RIABNI SOLN 100 MG/10ML 41
RIABNI SOLN 500 MG/50ML 41
RIBAVIRIN CAPS 200 MG 31
RIBAVIRIN SOLR 6 GM 31
RIBAVIRIN TABS 200 MG 31
RIDAURA CAPS 3 MG 104
rifabutin caps 150 mg 27
rifampin caps 150 mg 27
rifampin caps 300 mg 27
rifampin solr 600 mg 27
rilpivirine hcl tabs 25 mg 31
riluzole tabs 50 mg 72
RIMANTADINE HCL TABS 100 MG 31
RIMSO-50 SOLN 50 % 104
RINGERS SOLN 84, 85, 103
RINVOQ LQ SOLN 1 MG/ML 101
RINVOQ TB24 15 MG 101
RINVOQ TB24 30 MG 101
RINVOQ TB24 45 MG 101
risedronate sodium tabs 35 mg 100
RISPERDAL CONSTA SRER 12.5 MG ... 80
RISPERDAL CONSTA SRER 25 MG 80
RISPERDAL CONSTA SRER 37.5 MG ... 80
RISPERDAL CONSTA SRER 50 MG 80
risperidone microspheres er srer 12.5 mg 80
risperidone microspheres er srer 25 mg ... 80
risperidone microspheres er srer 37.5 mg 80
risperidone microspheres er srer 50 mg ... 80
risperidone soln 1 mg/ml 80
risperidone tabs 0.25 mg 80
risperidone tabs 0.5 mg 80
risperidone tabs 1 mg 80
risperidone tabs 2 mg 80
risperidone tabs 3 mg 80
risperidone tabs 4 mg 80
RISPERIDONE TBDP 0.25 MG 80
risperidone tbdp 0.5 mg 80
risperidone tbdp 1 mg 80
risperidone tbdp 2 mg 80

risperidone tbdp 3 mg 80
risperidone tbdp 4 mg 80
ritonavir tabs 100 mg 31
RITUXAN HYCELA SOLN 1400-23400 MG -UT/11.7ML 41
RITUXAN HYCELA SOLN 1600-26800 MG -UT/13.4ML 41
RITUXAN SOLN 100 MG/10ML 41
RITUXAN SOLN 500 MG/50ML 41
rivaroxaban susr 1 mg/ml 49
rivaroxaban tabs 2.5 mg 49
rivastigmine tartrate caps 1.5 mg 46
rivastigmine tartrate caps 3 mg 46
rivastigmine tartrate caps 4.5 mg 46
rivastigmine tartrate caps 6 mg 46
rizatriptan benzoate tabs 10 mg 67
rizatriptan benzoate tabs 5 mg 67
rizatriptan benzoate tbdp 10 mg 67
rizatriptan benzoate tbdp 5 mg 67
roflumilast tabs 250 mcg 107
roflumilast tabs 500 mcg 107
ROMVIMZA CAPS 14 MG 41
ROMVIMZA CAPS 20 MG 41
ROMVIMZA CAPS 30 MG 41
ropinirole hcl er tb24 12 mg 69
ropinirole hcl er tb24 2 mg 69
ropinirole hcl er tb24 4 mg 69
ropinirole hcl er tb24 6 mg 69
ropinirole hcl er tb24 8 mg 69
ropinirole hcl tabs 0.25 mg 69
ropinirole hcl tabs 0.5 mg 69
ropinirole hcl tabs 1 mg 69
ropinirole hcl tabs 2 mg 69
ropinirole hcl tabs 3 mg 69
ropinirole hcl tabs 4 mg 69
ropinirole hcl tabs 5 mg 69
rosuvastatin calcium tabs 10 mg 52
rosuvastatin calcium tabs 20 mg 52
rosuvastatin calcium tabs 40 mg 52
rosuvastatin calcium tabs 5 mg 52
ROTARIX SUSP 110
ROTATEQ SOLN 110
roweepra tabs 500 mg 66
ROZLYTREK CAPS 100 MG 41
ROZLYTREK CAPS 200 MG 41
ROZLYTREK PACK 50 MG 42
RUBRACA TABS 200 MG 42
RUBRACA TABS 250 MG 42
RUBRACA TABS 300 MG 42
rufinamide susp 40 mg/ml 66
rufinamide tabs 200 mg 66
rufinamide tabs 400 mg 66
RUKOBIA TB12 600 MG 31
RYBELSUS TABS 14 MG 96
RYBELSUS TABS 3 MG 96
RYBELSUS TABS 7 MG 96
RYBREVANT FASPRO SOLN 1600-20000 MG-UT/10ML 42
RYBREVANT FASPRO SOLN 2240-28000 MG-UT/14ML 42
RYBREVANT FASPRO SOLN 2400-30000 MG-UT/15ML 42
RYBREVANT FASPRO SOLN 3520-44000 MG-UT/22ML 42
RYDAPT CAPS 25 MG 42
RYKINDO SRER 25 MG 81
RYKINDO SRER 37.5 MG 81
RYKINDO SRER 50 MG 81
RYLAZE SOLN 10 MG/0.5ML 42
RYZNEUTA SOSY 20 MG/ML 50

S

sacubitril-valsartan tabs 24-26 mg 57
sacubitril-valsartan tabs 49-51 mg 57
sacubitril-valsartan tabs 97-103 mg 57
sajazir sosy 30 mg/3ml 104
SALICYLIC ACID SHAM 6 % 115
SALSALATE TABS 500 MG 61
SALSALATE TABS 750 MG 61
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT 10 MG. 99
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT 20 MG. 99

SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT 30 MG 99
SANTYL OINT 250 UNIT/GM 115
sapropterin dihydrochloride pack 100 mg 104
sapropterin dihydrochloride pack 500 mg 105
sapropterin dihydrochloride tabs 100 mg 105
SARCLISA ESCENA SOLN 1400 MG/10ML 42
SARCLISA SOLN 100 MG/5ML 42
SARCLISA SOLN 500 MG/25ML 42
SCEMBLIX TABS 100 MG 42
SCEMBLIX TABS 20 MG 42
SCEMBLIX TABS 40 MG 42
scopolamine pt72 1 mg/3days 90
SECUADO PT24 3.8 MG/24HR 81
SECUADO PT24 5.7 MG/24HR 81
SECUADO PT24 7.6 MG/24HR 81
selegiline hcl caps 5 mg 69
selegiline hcl tabs 5 mg 69
SELENIUM SULFIDE LOTN 2.5 % 111
SELZENTRY SOLN 20 MG/ML 31
SENSORCAINE SOLN 0.5 % 105
sensorcaine/epinephrine soln 0.25% -1 200000 105
sensorcaine/epinephrine soln 0.5% -1 200000 105
sensorcaine-mpf soln 0.25 % 105
sensorcaine-mpf soln 0.5 % 105
sensorcaine-mpf soln 0.75 % 105
sensorcaine-mpf/epinephrine soln 0.25% -1 200000 105
SENSORCAINE-MPF/EPINEPHRINE SOLN 0.5% -1 200000 105
SEPHIENCE PACK 1000 MG 105
SEPHIENCE PACK 250 MG 105
SEREVENT DISKUS AEPB 50 MCG/ACT 48
sertraline hcl caps 150 mg 81
sertraline hcl caps 200 mg 81
sertraline hcl conc 20 mg/ml 81
sertraline hcl tabs 100 mg 81
sertraline hcl tabs 25 mg 81
sertraline hcl tabs 50 mg 81
sevelamer carbonate pack 0.8 gm 84
sevelamer carbonate pack 2.4 gm 84
sevelamer carbonate tabs 800 mg 84
SEYSARA TABS 100 MG 26
SHINGRIX SUSR 50 MCG/0.5ML 110
SHINGRIX SUSY 50 MCG/0.5ML 110
SIGNIFOR LAR SRER 10 MG 99
SIGNIFOR LAR SRER 20 MG 99
SIGNIFOR LAR SRER 30 MG 99
SIGNIFOR LAR SRER 40 MG 99
SIGNIFOR LAR SRER 60 MG 99
SIGNIFOR SOLN 0.3 MG/ML 99
SIGNIFOR SOLN 0.6 MG/ML 99
SIGNIFOR SOLN 0.9 MG/ML 99
SIKLOS TABS 1000 MG 42
sildenafil citrate susr 10 mg/ml 58
sildenafil citrate tabs 20 mg 58
SILIQ SOSY 210 MG/1.5ML 115
silodosin caps 4 mg 47
silodosin caps 8 mg 47
SILVER SULFADIAZINE CREA 1 % 111
simvastatin tabs 10 mg 52
simvastatin tabs 20 mg 52
simvastatin tabs 40 mg 52
simvastatin tabs 5 mg 52
simvastatin tabs 80 mg 52
sirolimus soln 1 mg/ml 102
sirolimus tabs 0.5 mg 102
sirolimus tabs 1 mg 102
sirolimus tabs 2 mg 102
SIRTURO TABS 100 MG 27
SIRTURO TABS 20 MG 27
SITAGLIPTIN TABS 100 MG 96
SITAGLIPTIN TABS 25 MG 96
SITAGLIPTIN TABS 50 MG 96
SIVEXTRO SOLR 200 MG 26
SIVEXTRO TABS 200 MG 26
SKYCLARYS CAPS 50 MG 105
SKYRIZI PEN SOAJ 150 MG/ML 115
SKYRIZI SOCT 180 MG/1.2ML 91

SKYRIZI SOCT 360 MG/2.4ML 91
SKYRIZI SOSY 150 MG/ML 115
SKYRIZI SOSY 55 MG/0.37ML 115
sodium bicarbonate soln 4.2 % 82
sodium bicarbonate soln 8.4 % 82
SODIUM CHLORIDE (PF) SOLN 0.9 % ... 85
sodium chloride intravenous soln 0.9 % 85
sodium chloride irrigation soln 0.9 % 105
SODIUM CHLORIDE SOLN 0.45 % 85
SODIUM CHLORIDE SOLN 3 % 85
SODIUM CHLORIDE SOLN 4 MEQ/ML ... 85
SODIUM CHLORIDE SOLN 5 % 86
SODIUM FLUORIDE CHEW 0.55 (0.25 F) MG 105
SODIUM FLUORIDE CHEW 1.1 (0.5 F) MG 105
SODIUM FLUORIDE CHEW 2.2 (1 F) MG 105
SODIUM FLUORIDE SOLN 1.1 (0.5 F) MG/ML 105
sodium oxybate soln 500 mg/ml 72
sodium phenylbutyrate powd 3 gm/tsp 83
sodium phenylbutyrate tabs 500 mg 83
sodium phosphates soln 45 mmole/15ml .. 86
sodium polystyrene sulfonate powd 84
SOFOSBUVIR-VELPATASVIR TABS 400-100 MG 31
solifenacin succinate tabs 10 mg 116
solifenacin succinate tabs 5 mg 116
SOLTAMOX SOLN 10 MG/5ML 42
SOLU-CORTEF SOLR 100 MG..... 93
SOLU-CORTEF SOLR 1000 MG..... 93
SOLU-CORTEF SOLR 250 MG..... 93
SOLU-CORTEF SOLR 500 MG..... 93
SOMAVERT SOLR 10 MG 99
SOMAVERT SOLR 15 MG 99
SOMAVERT SOLR 20 MG 99
SOMAVERT SOLR 25 MG 99
SOMAVERT SOLR 30 MG 99
sorafenib tosylate tabs 200 mg 42
sotalol hcl (af) tabs 120 mg 53
sotalol hcl (af) tabs 160 mg 53
sotalol hcl (af) tabs 80 mg 53
sotalol hcl tabs 120 mg 53
sotalol hcl tabs 160 mg 53
sotalol hcl tabs 240 mg 53
sotalol hcl tabs 80 mg 53
SOVALDI PACK 150 MG 31
SOVALDI PACK 200 MG 31
SOVALDI TABS 200 MG 31
SOVALDI TABS 400 MG 31
SPIRIVA RESPIMAT AERS 1.25 MCG/ACT 45
SPIRIVA RESPIMAT AERS 2.5 MCG/ACT 45
spironolactone tabs 100 mg 57
spironolactone tabs 25 mg 57
spironolactone tabs 50 mg 57
spironolactone-hctz tabs 25-25 mg 57
sprintec 28 tabs 0.25-35 mg-mcg 94
SSD CREA 1 % 111
STERILE WATER FOR IRRIGATION SOLN 105
STIOLTO RESPIMAT AERS 2.5-2.5 MCG/ACT 45
STIVARGA TABS 40 MG 42
STRENSIQ SOLN 18 MG/0.45ML 86
STRENSIQ SOLN 28 MG/0.7ML 86
STRENSIQ SOLN 40 MG/ML 86
STRENSIQ SOLN 80 MG/0.8ML 86
STREPTOMYCIN SULFATE SOLR 1 GM 26
STRIBILD TABS 150-150-200-300 MG 31
STRIVERDI RESPIMAT AERS 2.5 MCG/ACT 48
subvenite starter kit-blue kit 35 x 25 mg ... 66
subvenite starter kit-green kit 84 x 25 mg & 14x100 mg 66
subvenite starter kit-orange kit 42 x 25 mg & 7 x 100 mg 66
SUBVENITE SUSP 10 MG/ML 66
subvenite tabs 100 mg 66
subvenite tabs 150 mg 66

subvenite tabs 200 mg.....66
subvenite tabs 25 mg.....66
succinylcholine chloride soln 20 mg/ml.....47
sucralfate susp 1 gm/10ml.....90
sucralfate tabs 1 gm.....90
sulfacetamide sodium (acne) lotn 10 %..111
SULFACETAMIDE SODIUM SOLN 10 %.87
SULFACETAMIDE-PREDNISOLONE SOLN 10-0.23 %.....88
sulfadiazine tabs 500 mg.....26
sulfamethoxazole-trimethoprim soln 400-80 mg/5ml.....26
sulfamethoxazole-trimethoprim susp 200-40 mg/5ml.....26
sulfamethoxazole-trimethoprim tabs 400-80 mg.....26
sulfamethoxazole-trimethoprim tabs 800-160 mg.....26
SULFAMYLON CREA 85 MG/GM.....111
sulfasalazine tabs 500 mg.....26
SULFASALAZINE TBEC 500 MG.....26
sulindac tabs 150 mg.....61
sulindac tabs 200 mg.....61
sumatriptan soln 20 mg/act.....67
sumatriptan soln 5 mg/act.....68
sumatriptan succinate soaj 6 mg/0.5ml.....68
sumatriptan succinate soln 6 mg/0.5ml.....68
sumatriptan succinate tabs 100 mg.....68
sumatriptan succinate tabs 25 mg.....68
sumatriptan succinate tabs 50 mg.....68
sunitinib malate caps 12.5 mg.....42
sunitinib malate caps 25 mg.....42
sunitinib malate caps 37.5 mg.....42
sunitinib malate caps 50 mg.....42
SUNLENCA TABS 300 MG.....31
SUNLENCA TBPK 4 x 300 MG.....31
SUNLENCA TBPK 5 x 300 MG.....31
SUNOSI TABS 150 MG.....63
SUNOSI TABS 75 MG.....63
SYLVANT SOLR 100 MG.....42
SYLVANT SOLR 400 MG.....42
SYMDEKO TBPK 100-150 & 150 MG....106
SYMDEKO TBPK 50-75 & 75 MG.....106
SYMFI TABS 600-300-300 MG.....31
SYMPAZAN FILM 10 MG.....66
SYMPAZAN FILM 20 MG.....66
SYMPAZAN FILM 5 MG.....66
SYMTUZA TABS 800-150-200-10 MG.....31
SYNAREL SOLN 2 MG/ML.....98

T

TABLOID TABS 40 MG.....42
TABRECTA TABS 150 MG.....42
TABRECTA TABS 200 MG.....42
tacrolimus caps 0.5 mg.....102
tacrolimus caps 1 mg.....102
tacrolimus caps 5 mg.....102
tacrolimus oint 0.03 %.....115
tacrolimus oint 0.1 %.....115
tadalafil (pah) tabs 20 mg.....58
tadalafil tabs 2.5 mg.....58
tadalafil tabs 5 mg.....58
TAFINLAR CAPS 50 MG.....42
TAFINLAR CAPS 75 MG.....42
TAFINLAR TBSO 10 MG.....42
TAGRISSO TABS 40 MG.....42
TAGRISSO TABS 80 MG.....42
TAKHZYRO SOLN 300 MG/2ML.....105
TAKHZYRO SOSY 150 MG/ML.....105
TAKHZYRO SOSY 300 MG/2ML.....105
TALICIA CPDR 250-12.5-10 MG.....90
TALTZ SOAJ 80 MG/ML.....115
TALTZ SOSY 20 MG/0.25ML.....115
TALTZ SOSY 40 MG/0.5ML.....115
TALTZ SOSY 80 MG/ML.....115
TALVEY SOLN 3 MG/1.5ML.....42
TALVEY SOLN 40 MG/ML.....42
TALZENNA CAPS 0.1 MG.....42
TALZENNA CAPS 0.25 MG.....42
TALZENNA CAPS 0.35 MG.....42
TALZENNA CAPS 0.5 MG.....42

TALZENNA CAPS 0.75 MG....43
TALZENNA CAPS 1 MG....43
tamoxifen citrate tabs 10 mg....43
tamoxifen citrate tabs 20 mg....43
tamsulosin hcl caps 0.4 mg....47
TARPEYO CPDR 4 MG....93
tasimelteon caps 20 mg....71
TAVALISSE TABS 100 MG....50
TAVALISSE TABS 150 MG....51
TAVNEOS CAPS 10 MG....105
tazarotene crea 0.05 %....115
tazarotene crea 0.1 %....115
tazarotene gel 0.05 %....115
tazarotene gel 0.1 %....115
tazicef solr 1 gm....26
tazicef solr 2 gm....26
TAZICEF SOLR 6 GM....26
TECENTRIQ HYBREZA SOLN 1875-30000 MG-UT/15ML....43
TECENTRIQ SOLN 1200 MG/20ML....43
TECVAYLI SOLN 153 MG/1.7ML....43
TECVAYLI SOLN 30 MG/3ML....43
TEFLARO SOLR 600 MG....26
temazepam caps 15 mg....71
temazepam caps 30 mg....71
temazepam caps 7.5 mg....71
temsirolimus soln 25 mg/ml....43
TENIVAC SUSP 5-2 LF/0.5ML....109
tenofovir disoproxil fumarate tabs 300 mg 31
TEPMETKO TABS 225 MG....43
terazosin hcl caps 1 mg....51
terazosin hcl caps 10 mg....51
terazosin hcl caps 2 mg....51
terazosin hcl caps 5 mg....51
terbinafine hcl tabs 250 mg....27
terbutaline sulfate soln 1 mg/ml....48
terbutaline sulfate tabs 2.5 mg....48
terbutaline sulfate tabs 5 mg....48
terconazole crea 0.4 %....111
terconazole supp 80 mg....111
teriflunomide tabs 14 mg....72
teriflunomide tabs 7 mg....73
teriparatide sopn 560 mcg/2.24ml....97
testosterone cypionate soln 100 mg/ml....93
testosterone cypionate soln 200 mg/ml....93
TESTOSTERONE ENANTHATE SOLN 200 MG/ML....93
testosterone gel 12.5 mg/act (1%)....93
testosterone gel 20.25 mg/act (1.62%)....93
testosterone gel 25 mg/2.5gm (1%)....93
testosterone gel 50 mg/5gm (1%)....93
tetrabenazine tabs 12.5 mg....72
tetrabenazine tabs 25 mg....72
TETRACAINE HCL SOLN 0.5 %....89
tetracycline hcl caps 250 mg....26
tetracycline hcl caps 500 mg....26
TEZSPIRE SOAJ 210 MG/1.91ML....107
TEZSPIRE SOSY 210 MG/1.91ML....107
THALOMID CAPS 100 MG....43
THALOMID CAPS 50 MG....43
THEO-24 CP24 300 MG....116
theophylline elix 80 mg/15ml....116
THEOPHYLLINE ER TB12 100 MG....116
THEOPHYLLINE ER TB12 200 MG....116
theophylline er tb12 300 mg....116
theophylline er tb12 450 mg....116
theophylline er tb24 400 mg....116
theophylline er tb24 600 mg....116
theophylline soln 80 mg/15ml....116
THIOLA TABS 100 MG....105
thioridazine hcl tabs 10 mg....81
thioridazine hcl tabs 100 mg....81
thioridazine hcl tabs 25 mg....81
thioridazine hcl tabs 50 mg....81
thiotepa solr 15 mg....43
thiothixene caps 1 mg....81
thiothixene caps 10 mg....81
thiothixene caps 2 mg....81
thiothixene caps 5 mg....81
THYROGEN SOLR 0.9 MG....105
TIAGABINE HCL TABS 12 MG....66
TIAGABINE HCL TABS 16 MG....66

tiagabine hcl tabs 2 mg 66
tiagabine hcl tabs 4 mg 66
TIBSOVO TABS 250 MG 43
ticagrelor tabs 60 mg 49
ticagrelor tabs 90 mg 49
TICOVAC SUSY 1.2 MCG/0.25ML 110
TICOVAC SUSY 2.4 MCG/0.5ML 110
tigecycline solr 50 mg 26
timolol maleate soln 0.25 % 88
timolol maleate soln 0.5 % 88
timolol maleate tabs 10 mg 53
tinidazole tabs 250 mg 28
tiopronin tabs 100 mg 105
tiopronin tbec 100 mg 105
tiopronin tbec 300 mg 105
TIVICAY PD TBSO 5 MG 31
TIVICAY TABS 50 MG 31
tizanidine hcl tabs 2 mg 47
tizanidine hcl tabs 4 mg 47
TOBI PODHALER CAPS 28 MG 106
TOBRADEX OINT 0.3-0.1 % 88
tobramycin nebu 300 mg/5ml 106
tobramycin soln 0.3 % 87
TOBRAMYCIN SULFATE SOLN 10 MG/ML 26
tobramycin sulfate soln 80 mg/2ml 26
tobramycin-dexamethasone susp 0.3-0.1 % 88
TOBREX OINT 0.3 % 87
tofacitinib citrate er tb24 11 mg 101
tofacitinib citrate er tb24 22 mg 101
tofacitinib citrate soln 1 mg/ml 101
tofacitinib citrate tabs 10 mg 101
tofacitinib citrate tabs 5 mg 101
TOLCAPONE TABS 100 MG 69
tolterodine tartrate tabs 1 mg 116
tolterodine tartrate tabs 2 mg 116
tolvaptan (hyponatremia) tabs 15 mg 84
tolvaptan (hyponatremia) tabs 30 mg 84
tolvaptan tabs 15 mg 84
tolvaptan tabs 30 mg 84
topiramate cpsp 15 mg 66
topiramate cpsp 25 mg 66
topiramate soln 25 mg/ml 66
topiramate tabs 100 mg 66
topiramate tabs 200 mg 66
topiramate tabs 25 mg 66
topiramate tabs 50 mg 66
topotecan hcl solr 4 mg 43
toremifene citrate tabs 60 mg 43
torpenz tabs 10 mg 43
torpenz tabs 2.5 mg 43
torpenz tabs 5 mg 43
torpenz tabs 7.5 mg 43
torsemide tabs 10 mg 84
torsemide tabs 100 mg 84
torsemide tabs 20 mg 84
torsemide tabs 5 mg 84
TRADJENTA TABS 5 MG 96
TRAMADOL HCL SOLN 5 MG/ML 61
tramadol hcl tabs 50 mg 61
tramadol-acetaminophen tabs 37.5-325 mg 61
tranexamic acid soln 1000 mg/10ml 49
tranexamic acid tabs 650 mg 49
tranylcypromine sulfate tabs 10 mg 81
TRAVASOL SOLN 10 % 83
travoprost (bak free) soln 0.004 % 88
trazodone hcl tabs 100 mg 81
trazodone hcl tabs 150 mg 81
trazodone hcl tabs 300 mg 81
trazodone hcl tabs 50 mg 81
TRELEGY ELLIPTA AEPB 100-62.5-25 MCG/ACT 107
TRELEGY ELLIPTA AEPB 200-62.5-25 MCG/ACT 108
TREMFYA ONE-PRESS SOPN 100 MG/ML 115
TREMFYA PEN SOAJ 200 MG/2ML 115
TREMFYA SOLN 200 MG/20ML 115
TREMFYA SOSY 100 MG/ML 115
TREMFYA SOSY 200 MG/2ML 115

TREMFYA-CD/UC INDUCTION SOAJ 200 MG/2ML 115
treprostinil soln 100 mg/20ml 108
treprostinil soln 20 mg/20ml 108
treprostinil soln 50 mg/20ml 108
tretinoin caps 10 mg 43
tretinoin crea 0.025 % 114
tretinoin crea 0.05 % 114
tretinoin crea 0.1 % 114
tretinoin gel 0.01 % 114
tretinoin gel 0.025 % 114
TREXALL TABS 10 MG 43
TREXALL TABS 15 MG 43
TREXALL TABS 5 MG 43
TREXALL TABS 7.5 MG 43
TRIAMCINOLONE ACETONIDE AERS 0.147 MG/GM 113
triamcinolone acetonide crea 0.025 % 113
triamcinolone acetonide crea 0.1 % 113
triamcinolone acetonide crea 0.5 % 113
TRIAMCINOLONE ACETONIDE LOTN 0.025 % 113
triamcinolone acetonide lotn 0.1 % 114
triamcinolone acetonide oint 0.025 % 114
triamcinolone acetonide oint 0.1 % 114
triamcinolone acetonide oint 0.5 % 114
triamcinolone acetonide pste 0.1 % 114
triamcinolone acetonide susp 40 mg/ml 93
TRIAMTERENE CAPS 100 MG 84
TRIAMTERENE CAPS 50 MG 84
triamterene-hctz caps 37.5-25 mg 84
triamterene-hctz tabs 37.5-25 mg 84
triamterene-hctz tabs 75-50 mg 84
triazolam tabs 0.125 mg 71
triazolam tabs 0.25 mg 71
trientine hcl caps 250 mg 91
TRIENTINE HCL CAPS 500 MG 92
trifluoperazine hcl tabs 1 mg 81
trifluoperazine hcl tabs 10 mg 81
trifluoperazine hcl tabs 2 mg 81
trifluoperazine hcl tabs 5 mg 81
TRIFLURIDINE SOLN 1 % 87
trihexyphenidyl hcl soln 0.4 mg/ml 69
trihexyphenidyl hcl tabs 2 mg 69
trihexyphenidyl hcl tabs 5 mg 69
TRIKAFTA TBPK 100-50-75 & 150 MG 106
TRIKAFTA TBPK 50-25-37.5 & 75 MG 107
TRIKAFTA THPK 100-50-75 & 75 MG 107
TRIKAFTA THPK 80-40-60 & 59.5 MG 107
tri-lo-sprintec tabs 0.18/0.215/0.25 mg-25 mcg 94
trimethoprim tabs 100 mg 32
trimipramine maleate caps 100 mg 81
trimipramine maleate caps 25 mg 81
trimipramine maleate caps 50 mg 81
TRINTELLIX TABS 10 MG 81
TRINTELLIX TABS 20 MG 81
TRINTELLIX TABS 5 MG 81
tri-sprintec tabs 0.18/0.215/0.25 mg-35 mcg 94
TRIUMEQ PD TBSO 60-5-30 MG 31
TRIUMEQ TABS 600-50-300 MG 31
TROPHAMINE SOLN 10 % 83
trospium chloride tabs 20 mg 116
TRULANCE TABS 3 MG 91
TRUMENBA SUSY 0.5 ML 110
TRUQAP TABS 200 MG 43
TRUQAP TBPK 160 MG 43
TRUQAP TBPK 200 MG 43
TRYNGOLZA SOAJ 80 MG/0.8ML 52
TUKYSA TABS 150 MG 43
TUKYSA TABS 50 MG 43
TURALIO CAPS 125 MG 43
TWINRIX SUSY 720-20 ELU-MCG/ML 110
TYBOST TABS 150 MG 31
TYENNE SOAJ 162 MG/0.9ML 101
TYENNE SOSY 162 MG/0.9ML 101
TYPHIM VI SOSY 25 MCG/0.5ML 110
TYVASO DPI MAINTENANCE KIT POWD 16 MCG 108
TYVASO DPI MAINTENANCE KIT POWD 32 MCG 108

TYVASO DPI MAINTENANCE KIT POWD 48 MCG....108
TYVASO DPI MAINTENANCE KIT POWD 64 MCG....108
TYVASO DPI TITRATION KIT POWD 16 & 32 & 48 MCG....108
TYVASO REFILL KIT SOLN 0.6 MG/ML 108
TYVASO STARTER KIT SOLN 0.6 MG/ML 108

U

UBRELVY TABS 100 MG....68
UBRELVY TABS 50 MG....68
ULTOMIRIS SOLN 1100 MG/11ML....105
ULTOMIRIS SOLN 300 MG/3ML....105
UNITUXIN SOLN 17.5 MG/5ML 43
UPTRAVI TABS 1000 MCG....108
UPTRAVI TABS 1200 MCG....108
UPTRAVI TABS 1400 MCG....108
UPTRAVI TABS 1600 MCG....109
UPTRAVI TABS 200 MCG....109
UPTRAVI TABS 400 MCG....109
UPTRAVI TABS 600 MCG....109
UPTRAVI TABS 800 MCG....109
UPTRAVI TITRATION TBPK 200 & 800 MCG....109
ursodiol caps 300 mg....91
ursodiol tabs 250 mg 91
ursodiol tabs 500 mg 91
UZEDY SUSY 100 MG/0.28ML 81
UZEDY SUSY 125 MG/0.35ML 81
UZEDY SUSY 150 MG/0.42ML 81
UZEDY SUSY 200 MG/0.56ML 81
UZEDY SUSY 250 MG/0.7ML 81
UZEDY SUSY 50 MG/0.14ML 81
UZEDY SUSY 75 MG/0.21ML 81

V

VABRINTY KIT 22.5 MG 43
VABRINTY KIT 30 MG 43
VABRINTY KIT 45 MG 43
valacyclovir hcl tabs 1 gm....31
valacyclovir hcl tabs 500 mg....31
VALCHLOR GEL 0.016 %....115
valganciclovir hcl solr 50 mg/ml....31
valganciclovir hcl tabs 450 mg....31
valproate sodium soln 100 mg/ml....66
valproic acid caps 250 mg 66
valproic acid soln 250 mg/5ml 66
valsartan tabs 160 mg 57
valsartan tabs 320 mg 57
valsartan tabs 40 mg 57
valsartan tabs 80 mg 57
valsartan-hydrochlorothiazide tabs 160-12.5 mg....57
valsartan-hydrochlorothiazide tabs 160-25 mg....57
valsartan-hydrochlorothiazide tabs 320-12.5 mg....57
valsartan-hydrochlorothiazide tabs 320-25 mg....57
valsartan-hydrochlorothiazide tabs 80-12.5 mg....57
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD 10 MG/0.1ML 67
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 2 x 7.5 MG/0.1ML 67
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 2 x 10 MG/0.1ML 67
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD 5 MG/0.1ML 67
vancomycin hcl caps 125 mg....26
vancomycin hcl caps 250 mg....26
vancomycin hcl solr 1 gm 26
vancomycin hcl solr 10 gm 26
vancomycin hcl solr 250 mg/5ml....26
vancomycin hcl solr 5 gm 26
vancomycin hcl solr 500 mg 26
VANFLYTA TABS 17.7 MG....43
VANFLYTA TABS 26.5 MG....43
VAQTA SUSP 25 UNIT/0.5ML 110

VAQTA SUSP 50 UNIT/ML.....110
VAQTA SUSY 25 UNIT/0.5ML.....110
VAQTA SUSY 50 UNIT/ML.....110
varenicline tartrate (starter) tbpk 0.5 mg x 11 & 1 mg x 42.....46
varenicline tartrate tabs 0.5 mg.....46
varenicline tartrate tabs 1 mg.....46
varenicline tartrate(continue) tabs 1 mg....46
VARIVAX SUSR 1350 PFU/0.5ML 110
VAXCHORA SUSR.....110
VEKLURY SOLR 100 MG.....31
VELPHORO CHEW 500 MG 84
VELSIPITY TABS 2 MG 91
VEMLIDY TABS 25 MG.....31
VENCLEXTA STARTING PACK TBPK 10 & 50 & 100 MG.....43
VENCLEXTA TABS 10 MG 43
VENCLEXTA TABS 100 MG 43
VENCLEXTA TABS 50 MG 43
VENLAFAXINE BESYLATE ER TB24 112.5 MG 81
venlafaxine hcl er cp24 150 mg 82
venlafaxine hcl er cp24 37.5 mg 82
venlafaxine hcl er cp24 75 mg 82
venlafaxine hcl er tb24 150 mg.....82
venlafaxine hcl er tb24 225 mg.....82
venlafaxine hcl er tb24 37.5 mg.....82
venlafaxine hcl er tb24 75 mg.....82
venlafaxine hcl tabs 100 mg 82
venlafaxine hcl tabs 25 mg 82
venlafaxine hcl tabs 37.5 mg 82
venlafaxine hcl tabs 50 mg 82
venlafaxine hcl tabs 75 mg 82
venxxiva tbec 100 mg.....105
venxxiva tbec 300 mg.....105
VEPPANU TABS 100 MG.....43
VEPPANU TABS 200 MG.....43
verapamil hcl er tbcr 120 mg.....54
verapamil hcl er tbcr 180 mg.....54
verapamil hcl er tbcr 240 mg.....54
verapamil hcl soln 2.5 mg/ml 54
verapamil hcl tabs 120 mg.....54
verapamil hcl tabs 40 mg.....54
verapamil hcl tabs 80 mg.....54
VERKAZIA EMUL 0.1 %.....88
VERQUVO TABS 10 MG 58
VERSACLOZ SUSP 50 MG/ML 82
VERZENIO TABS 100 MG 43
VERZENIO TABS 150 MG 43
VERZENIO TABS 200 MG 44
VERZENIO TABS 50 MG 44
VIBERZI TABS 100 MG 91
VIBERZI TABS 75 MG 91
vigabatrin pack 500 mg 67
vigabatrin tabs 500 mg 67
vigadrone tabs 500 mg.....67
VIGAFYDE SOLN 100 MG/ML.....67
VIJOICE PACK 50 MG.....105
VIJOICE TBPK 125 MG 105
VIJOICE TBPK 50 MG 105
vilazodone hcl tabs 10 mg 82
vilazodone hcl tabs 20 mg 82
vilazodone hcl tabs 40 mg 82
VIMIZIM SOLN 5 MG/5ML.....86
VIMKUNYA SUSY 40 MCG/0.8ML.....110
VINBLASTINE SULFATE SOLN 1 MG/ML 44
VINCRISTINE SULFATE SOLN 1 MG/ML44
vinorelbine tartrate soln 10 mg/ml.....44
vinorelbine tartrate soln 50 mg/5ml.....44
VIRACEPT TABS 250 MG 31
VIRACEPT TABS 625 MG 31
VIREAD POWD 40 MG/GM.....31
VIREAD TABS 150 MG.....31
VIREAD TABS 200 MG.....31
VIREAD TABS 250 MG.....31
VITRAKVI CAPS 100 MG.....44
VITRAKVI CAPS 25 MG.....44
VITRAKVI SOLN 20 MG/ML.....44
VIVITROL SUSR 380 MG 73
VIVOTIF CPDR 110
VOCABRIA TABS 30 MG.....31

VONJO CAPS 100 MG....44
VORANIGO TABS 10 MG....44
VORANIGO TABS 40 MG....44
VORAXAZE SOLR 1000 UNIT....100
voriconazole solr 200 mg....27
voriconazole susr 40 mg/ml....27
voriconazole tabs 200 mg....27
voriconazole tabs 50 mg....27
VOSEVI TABS 400-100-100 MG....32
VOWST CAPS....105
VRAYLAR CAPS 0.5 MG....82
VRAYLAR CAPS 0.75 MG....82
VRAYLAR CAPS 1.5 MG....82
VRAYLAR CAPS 3 MG....82
VRAYLAR CAPS 4.5 MG....82
VRAYLAR CAPS 6 MG....82
VTAMA CREA 1 %....115
VUMERITY CPDR 231 MG....105
VYKAT XR TB24 150 MG....63
VYKAT XR TB24 25 MG....63
VYKAT XR TB24 75 MG....63
VYNDAMAX CAPS 61 MG....56
VYVGART HYTRULO SOLN 180-2000 MG-UNIT/ML....105
VYVGART HYTRULO SOSY 1000-10000 MG-UNT/5ML....105
VYVGART SOLN 400 MG/20ML....105
VYXEOS SUSR 44-100 MG....44

W

warfarin sodium tabs 1 mg....49
warfarin sodium tabs 10 mg....49
warfarin sodium tabs 2 mg....49
warfarin sodium tabs 2.5 mg....49
warfarin sodium tabs 3 mg....49
warfarin sodium tabs 4 mg....49
warfarin sodium tabs 5 mg....49
warfarin sodium tabs 6 mg....49
warfarin sodium tabs 7.5 mg....49
WATER FOR IRRIGATION, STERILE SOLN....106
WEGOVY SOAJ 0.25 MG/0.5ML....96
WEGOVY SOAJ 0.5 MG/0.5ML....96
WEGOVY SOAJ 1 MG/0.5ML....96
WEGOVY SOAJ 1.7 MG/0.75ML....96
WEGOVY SOAJ 2.4 MG/0.75ML....96
WEGOVY TABS 1.5 MG....96
WEGOVY TABS 25 MG....96
WEGOVY TABS 4 MG....96
WEGOVY TABS 9 MG....96
WELIREG TABS 40 MG....44
WINREVAIR KIT 2 x 45 MG....108
WINREVAIR KIT 2 x 60 MG....108
WINREVAIR KIT 45 MG....108
WINREVAIR KIT 60 MG....108
wixela inhub aepb 100-50 mcg/act....108
wixela inhub aepb 250-50 mcg/act....108
wixela inhub aepb 500-50 mcg/act....108
WYOST SOLN 120 MG/1.7ML....100

X

XALKORI CAPS 200 MG....44
XALKORI CAPS 250 MG....44
XALKORI CPSP 150 MG....44
XALKORI CPSP 20 MG....44
XALKORI CPSP 50 MG....44
XARELTO STARTER PACK TBPK 15 & 20 MG....50
XARELTO TABS 10 MG....50
XARELTO TABS 15 MG....50
XARELTO TABS 20 MG....50
XATMEP SOLN 2.5 MG/ML....44
XCOPRI (250 MG DAILY DOSE) TBPK 100 & 150 MG....67
XCOPRI (350 MG DAILY DOSE) TBPK 150 & 200 MG....67
XCOPRI TABS 100 MG....67
XCOPRI TABS 150 MG....67
XCOPRI TABS 200 MG....67

XCOPRI TABS 25 MG 67
XCOPRI TABS 50 MG 67
XCOPRI TBPK 14 x 12.5 MG & 14 X 25 MG 67
XCOPRI TBPK 14 x 150 MG & 14 X200 MG 67
XCOPRI TBPK 14 x 50 MG & 14 X100 MG 67
XDEMVY SOLN 0.25 % 87
XEOMIN SOLR 200 UNIT 106
XERMELO TABS 250 MG 89
XIFAXAN TABS 200 MG 26
XIFAXAN TABS 550 MG 26
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML 108
XOLAIR SOAJ 300 MG/2ML 108
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML 108
XOLAIR SOLR 150 MG 108
XOLAIR SOSY 150 MG/ML 108
XOLAIR SOSY 300 MG/2ML 108
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML 108
XOSPATA TABS 40 MG 44
XPHOZAH TABS 20 MG 84
XPHOZAH TABS 30 MG 84
XPOVIO (100 MG ONCE WEEKLY) TBPK 50 MG 44
XPOVIO (40 MG ONCE WEEKLY) TBPK 10 MG 44
XPOVIO (40 MG TWICE WEEKLY) TBPK 40 MG 44
XPOVIO (60 MG ONCE WEEKLY) TBPK 60 MG 44
XPOVIO (60 MG TWICE WEEKLY) TBPK 20 MG 44
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) TBPK 40 MG 44
XPOVIO (80 MG ONCE WEEKLY) TBPK 80 MG 44
XPOVIO (80 MG TWICE WEEKLY) TBPK 20 MG 44
XROMI SOLN 100 MG/ML 44
XTANDI CAPS 40 MG 44
XTANDI TABS 40 MG 44
XTANDI TABS 80 MG 44
xulane ptwk 150-35 mcg/24hr 94

Y

yargesa caps 100 mg 86
YERVOY SOLN 200 MG/40ML 44
YERVOY SOLN 50 MG/10ML 44
YESINTEK SOLN 130 MG/26ML 116
YESINTEK SOLN 45 MG/0.5ML 116
YESINTEK SOSY 45 MG/0.5ML 116
YESINTEK SOSY 90 MG/ML 116
YF-VAX SUSR 110
YONDELIS SOLR 1 MG 44
YONSA TABS 125 MG 44
YUPELRI NEBU 175 MCG/3ML 45
YUTREPIA CAPS 106 MCG 109
YUTREPIA CAPS 26.5 MCG 109
YUTREPIA CAPS 53 MCG 109
YUTREPIA CAPS 79.5 MCG 109
yuvafem tabs 10 mcg 97

Z

zaleplon caps 10 mg 71
zaleplon caps 5 mg 71
ZARXIO SOSY 300 MCG/0.5ML 51
ZARXIO SOSY 480 MCG/0.8ML 51
ZAVZPRET SOLN 10 MG/ACT 68
ZEJULA TABS 100 MG 44
ZEJULA TABS 200 MG 44
ZEJULA TABS 300 MG 45
ZELAPAR TBDP 1.25 MG 69
ZELBORAF TABS 240 MG 45
ZELSUVMI GEL 10.3 % 111
ZENBEXUS CAPS 0.75 MG 45
ZENBEXUS CAPS 1 MG 45
ZENPEP CPEP 10000-32000 UNIT 86
ZENPEP CPEP 15000-47000 UNIT 86
ZENPEP CPEP 20000-63000 UNIT 86
ZENPEP CPEP 25000-79000 UNIT 86

ZENPEP CPEP 3000-10000 UNIT 86
ZENPEP CPEP 40000-126000 UNIT 86
ZENPEP CPEP 5000-24000 UNIT 86
ZENPEP CPEP 60000-189600 UNIT 86
zidovudine caps 100 mg 32
zidovudine syrp 50 mg/5ml 32
zidovudine tabs 300 mg 32
zileuton er tb12 600 mg 106
ziprasidone hcl caps 20 mg 82
ziprasidone hcl caps 40 mg 82
ziprasidone hcl caps 60 mg 82
ziprasidone hcl caps 80 mg 82
ziprasidone mesylate solr 20 mg 82
zoledronic acid conc 4 mg/5ml 100
zoledronic acid soln 5 mg/100ml 100
ZOLINZA CAPS 100 MG 45
zolmitriptan tabs 2.5 mg 68
zolmitriptan tabs 5 mg 68
zolmitriptan tbdp 2.5 mg 68
zolmitriptan tbdp 5 mg 68
zolpidem tartrate tabs 10 mg 71
zolpidem tartrate tabs 5 mg 71
ZONISADE SUSP 100 MG/5ML 67
zonisamide caps 100 mg 67
zonisamide caps 25 mg 67
zonisamide caps 50 mg 67
ZTALMY SUSP 50 MG/ML 67
ZURZUVAE CAPS 20 MG 82
ZURZUVAE CAPS 25 MG 82
ZURZUVAE CAPS 30 MG 82
ZYDELIG TABS 100 MG 45
ZYDELIG TABS 150 MG 45
ZYKADIA TABS 150 MG 45
ZYMFENTRA (2 PEN) AJKT 120 MG/ML 101
ZYMFENTRA (2 SYRINGE) PSKT 120 MG/ML 102
ZYPREXA RELPREVV SUSR 210 MG 82

THÔNG BÁO VỀ VIỆC KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Kaiser Permanente tuân thủ luật dân quyền hiện hành của Liên Bang và không phân biệt đối xử, loại trừ hoặc đối xử khác biệt hay bất lợi với mọi người vì lý do:

- Chủng tộc
- Màu da
- Nguồn Gốc Quốc Gia (bao gồm cả khả năng sử dụng Tiếng Anh hạn chế và ngôn ngữ chính)
- Tuổi tác
- Tình trạng khuyết tật
- Giới tính

Kaiser Permanente cung cấp công cụ hỗ trợ và các dịch vụ miễn phí cho người khuyết tật để giao tiếp hiệu quả với chúng tôi, như:

- Thông dịch viên ngôn ngữ ký hiệu đủ trình độ
- Thông tin bằng văn bản ở các định dạng khác

  (bản in chữ lớn, âm thanh, chữ nổi Braille, định dạng điện tử có thể truy cập, các định dạng khác)

Kaiser Permanente cung cấp các dịch vụ ngôn ngữ miễn phí cho những người có ngôn ngữ chính không phải là tiếng Anh, như:

- Các thông dịch viên đủ trình độ chuyên môn
- Văn bản thông tin bằng các ngôn ngữ khác

Nếu quý vị cần những dịch vụ này, hãy liên hệ số **808-432-5330**, số điện thoại miễn cước **1-800-651-2237** hoặc gọi TTY **711**

Nếu quý vị tin rằng Kaiser Permanente đã không cung cấp các dịch vụ này hay đã phân biệt đối xử dưới hình thức khác, quý vị có thể đệ trình phàn nàn với: Kaiser Civil Rights Coordinator, 711 Kapiolani Blvd., Honolulu, HI 96813. Điện thoại: **808-432-5330** hoặc số điện thoại miễn cước **1-800-651-2237;** TTY: **711;** Fax: **808-432-5300;** Email: civil-rights-coordinator@kp.org.

Quý vị có thể đệ trình phàn nàn trực tiếp hoặc bằng cách gửi thư qua đường bưu điện hay gửi fax. Nếu quý vị cần giúp đệ trình phàn nàn, Điều Phối Viên Dân Quyền của Kaiser Permanente sẽ sẵn sàng giúp quý vị.

Thông báo này hiện có tại https://healthy.kaiserpermanente.org/hawaii/language-assistance/nondiscrimination-notice/medicaid.

Ngoài ra, quý vị cũng có thể đệ trình phàn nàn lên Văn Phòng Dân Quyền thuộc Bộ Y Tế và Dịch Vụ Nhân Sinh Hoa Kỳ theo phương thức điện tử qua Cổng Thông Tin Than Phiền của Văn Phòng Dân Quyền tại địa chỉ https://ocrportal.hhs.gov/ocr/portal/lobby.jsf hoặc gọi điện hay gửi thư đến địa chỉ:

U.S. Department of Health and Human Services, 200 Independence Avenue, SW Room 509F, HHH Building, Washington, D.C. 20201; **1-800-368-1019**, **1-800-537-7697** (TDD). Mẫu đơn than phiền hiện có tại https://www.hhs.gov/ocr/office/file/index.html.

HELP IN YOUR LANGUAGE

(English) Do you need help in another language? Language assistance services including appropriate auxiliary aids and services, free of charge, are available to you. Call **1-800-651-2237** to tell us which language you speak. (TTY: **711**).
(Cantonese) 您需要其他语言帮助吗？我们免费为您提供语言援助服务，包括适当的辅助工具和服务。请致电 **1-800-651-2237** 告知我们您说什么语言。 (TTY: **711**).
(Chuukese) En mi nit aninis non pwan och fosun fonu? Mi kawor aninisin fosun fonu me ekoch pisekin aninis, ese kamo, mi kawor ngonuk. Kekeri **1-800-651-2237** ka ereni kich meni fosun fonu ke kan fos non. (TTY: **711**).
(French) Avez-vous besoin d'aide dans une autre langue ? Des services d'assistance linguistique comprenant des aides et services auxiliaires appropriés, gratuits, sont à votre disposition. Appelez le **1-800-651-2237** pour nous dire quelle langue vous parlez. (TTY: **711**).
(German) Benötigen Sie Hilfe in einer anderen Sprache? Die Sprachassistenz mit entsprechenden Hilfsmitteln und Dienstleistungen steht Ihnen kostenfrei zur Verfügung. Rufen Sie **1-800-651-2237** an, um uns mitzuteilen, welche Sprache Sie sprechen. (TTY: **711**).
(Hawaiian) Loaʻa iā ʻoe nā lawelawe kōkua ʻōlelo me nā kōkua kōkua a me nā lawelawe me ka uku ʻole. Kāhea **1-800-651-2237** oe ia la kaua a e ha`ina `oe ia la maua mea `olelo o na `aina `e. (TTY: **711**).
(Ilocano) Kasapulam kadi ti tulong iti sabali a pagsasao? Dagiti serbisio a tulong iti pagsasao agraman dagiti maitutop a kanayonan a tulong ken serbisio, a libre, ket mabalin a mausar para kenka. Tawagan ti **1-800-651-2237** tapno maibagam kadakami no ania a pagsasao ti pagsasaom. (TTY: **711**).
(Japanese) 他の言語でのサポートが必要ですか？適切な補助機器やサービスを含む言語支援サービスが無料で提供されます。**1-800-651-2237** にお電話いただき、使用される言語をお知らせください。（TTY：**711**）。
(Korean) 다른 언어로 도움이 필요하신가요? 언어 지원 서비스는 필요에 따라 보조 기기 및 서비스를 포함하여 무료로 제공됩니다. 도움이 필요한 언어를 알려주시려면 **1-800-651-2237** 로 전화해 주세요. （TTY：**711**）.
(Mandarin) 您需要其他語言的幫助嗎？您可獲得免費語言協助服務，包括適當的輔助器材和服務。致電 **1-800-651-2237** 告訴我們您說哪種語言。(TTY:**711**).
(Marshallese) Kwōj ke aikuj jipañ ilo kajin ko jet? Ro rej ropajikin jipañ eok ikijjien kajin im jerbal ko jet repojakin jerbal ippaṃ ilo ejjeḷọk oṇaer. Kūr tok **1-800-651-2237** ñan kaaroñ tok kōm kōn kajin eo aṃ. (TTY: **711**).
(Samoan) O lo'o e mana'omia se fesoasoani i se isi gagana? O auaunaga fesoasoani i le gagana, e aofia ai meafaigaluega talafeagai ma auaunaga, e leai ni totogi, o lo'o avanoa mo oe. Fa'amalie atu i le **1-800-651-2237** ma ta'u mai i matou le gagana e te tautala ai. (TTY: **711**).
(Spanish) ¿Necesita ayuda en otro idioma? Tiene a su disposición servicios de asistencia lingüística que incluyen ayudas y servicios auxiliares adecuados y gratuitos. Llame al **1-800-651-2237** para que nos indique el idioma que habla. (TTY: **711**).
(Tagalog) Kailangan mo ba ng tulong sa ibang wika? Available sa iyo ang mga serbisyo ng tulong sa wika kabilang ang mga naaangkop na karagdagang tulong at serbisyo, nang walang bayad. Tumawag sa **1-800-651-2237** para sabihin sa amin kung aling wika ang sinasalita mo. (TTY: **711**).

(Tongan) ‘Oku ke toe fiema’u ha tokoni ‘i ha lea kehe? ‘Oku ‘i ai ha sevesi tokoni fakatonu lea pea mo ha naunau me’a fanongo, ‘oku ta’etotongi, mo faingamalie kiate koe. Taa **1-800-651-2237** pea talamai ‘a e lea ‘oku ke faka’aonga’i. (TTY:**711**).
(Vietnamese) Bạn có cần trợ giúp bằng ngôn ngữ khác không? Bạn có thể sử dụng các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ miễn phí, bao gồm các dịch vụ và phương tiện hỗ trợ phù hợp. Xin gọi **1-800-651-2237** để cho chúng tôi biết ngôn ngữ bạn nói. (TTY: **711**).
(Visayan) Nanginahanglan ka ba og tabang sa laing pinulongan? Ang mga serbisyo sa tabang sa pinulongan lakip ang angay nga mga auxiliary nga mga himan ug serbisyo, libre, anaa kanimo. Tawag sa **1-800-651-2237** aron isulti kanamo kung unsang pinulongan ang imong ginasulti. (TTY: **711**).

Chúng tôi đã cập nhật *Danh Sách Thuốc* này vào 10/01/2026